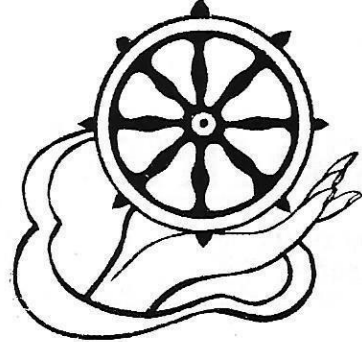


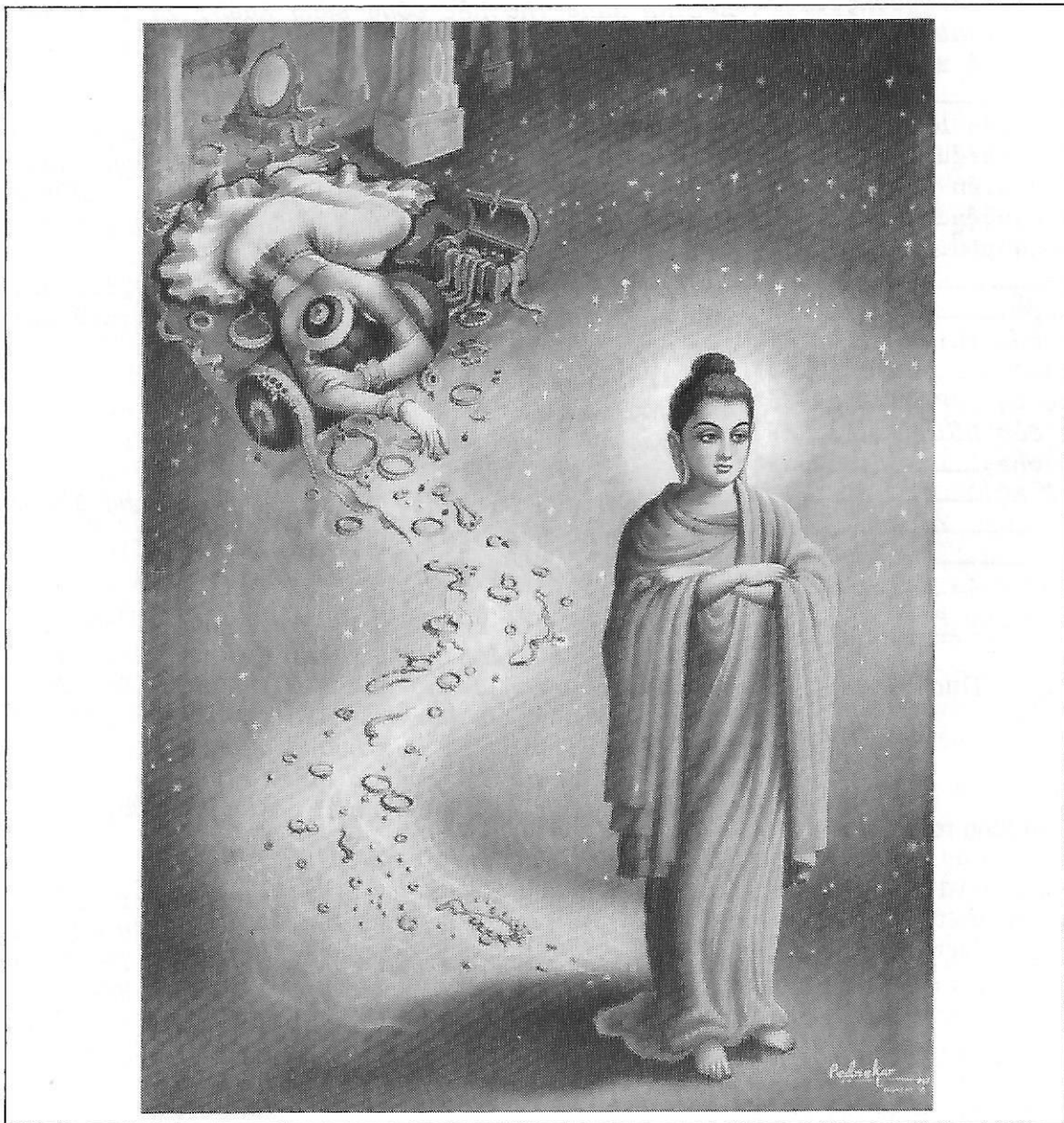
# VIÊN GIÁC



BỘ MỚI  
SỐ

**19** THÁNG HAI NĂM 1984  
FEBRUAR 1984

AUSGABE IN VIETNAMESEISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN  
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

## Trong số này

In dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang
Thư so sánh	01
Biển Chân tâm	04
Quan điểm	06
Lá thư Tịnh độ	08
Tuyển tập PG. với Văn Hóa	10
Việt Nam Phong Sự	13
Quốc Sư Tạp Lục	15
Truyện Hùng Đạo Vương	18
Triết Học Đông Phương	21
Thơ	23
Allgemeine Buddhlehre	25
Gefangener des Vietcong	27
Die ill. Geschichte Buddh.	31
Das Wunder, Wach zu sein	34
Thơ	37
Tính chất huyền bí	38
Nghiệp thức chiêu cảm	41
Đường không biên giới	44
Ni Cô Thị Nguyệt	47
Chuyện trong phủ	49
Tôi đã gặp	54
Ông già Lượm	57
Hạnh phúc của Thi	61
Vụ án Thị Lộ	64
Trang Giáo Lý GĐPT	66
Những lời Sám Hối	68
Gia chánh chay	72
Trợ cấp xã hội	73
Điểm sách	77
Tin Tức	80
Mục lục thư viện	84
Phường danh Quý Phật Tử	86

Chủ trương Thích Như Điển  
Herausgeber  
Kỹ thuật Thị Chơn  
Layout

Cùng sự cộng tác của  
Mitwirkung der  
Hội Sinh viên và Kiều bào  
Phật tử Việt nam  
tại Cộng hòa Liên bang Đức  
Vereinigung d. vietn. buddh.  
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC  
Redaktion  
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN.  
Vietnam. buddh. Kulturzentrum

Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81  
Tel. 0511. 864638



# Thư tòa soạn

Thời gian lặng lẽ trôi qua trong giòng đời biến chuyển - hết Hạ sang Thu, hết Đông sang Xuân; và loài người cũ ng từ đó có những đổi thay trong cuộc sống.

Mùa Xuân Di Lặc năm Giáp Tý sắp về với mọi người con dân của nước Việt - nơi quê hương yêu dấu, đang đọa lạc trầm luân, hay nơi hải ngoại lạnh lùng - lòng người ai cũng ngóng trông về cố quốc. Mùa Xuân đến tương trưng cho một cái gì thay đổi mới. Vì thế đối với chúng ta - nhất là những người Phật tử đang sống tại Hải Ngoại hãy hết lòng cầu nguyện cho quê hương sớm thanh bình trở lại, lòng ng. bớt nhiệm ô bởi đục vọng tham sân, không còn chém giết, báo thù nhau nữa. Nên lấy tình thương để rửa sạch hận thù và đừng bao giờ dùng thù oán để trả nợ oán thù cả. Vì lấy oán báo oán, oán oán chất chồng; lấy ân báo oán, oán liền tiêu diệt. Đó là lời Phật dạy và đó cũng là một chân lý nhiệm mầu của Đạo Phật đã xuất hiện trong đời và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Chúng ta hãy tự nguyện cầu cho chúng ta có đủ **BI, TRÍ, DŨNG** - có đủ tình thương, trí tuệ và nghị lực - dân thân hơn nữa vào con đường phát huy và bảo tồn văn hóa Phật Giáo cũng như văn hóa của dân tộc ở xứ người, để nếu một mai nầy khi trở lại quê hương - không còn chủ nghĩa Cộng Sản nữa - chúng ta còn có đủ môi trường có thể góp phần mình vào công cuộc cứu nước và dựng nước.

Trước thềm năm mới năm Giáp Tý - Xin Đại Diện cho chư Đại Đức Tăng Ni, Đồng Bào Phật Tử tại Tây Đức và chùa Viên Giác; Kính chúc chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni chúng sanh dị độ và tất cả đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử ở khắp nơi trên quả địa cầu - một mùa Xuân miên viễn trong tình thương của Chư Phật và Chư vị Bồ Tát.

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Tử Thị Di Lặc Tôn Phật.

VIÊN GIÁC

Hình bìa: Xả bỏ tất cả, để được tất cả

# Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

## THÍCH HẠNH TUẤN

(tiếp theo)

Không Cốc Long Thiền sư vào thế kỷ 15 cũng đã xem việc tu Thiền và niệm Phật không rời nhau được. Nếu chỉ tu Thiền mà không niệm Phật thì không phải là môn đệ chân chính của Thiền. Ngài nói: "Những người hành thiền nhất quyết đeo đuổi thiền, nghĩ rằng mình chăm chỉ như thế để đạt đến chỗ tịch mặc duy nhất mà thôi còn đối với việc tụng đọc danh hiệu Phật để cầu thạc sanh tịnh độ thờ cúng Phật và sớm chiều tụng kinh thì họ chẳng hành trì. Những tín giả như vậy đáng được gọi là những người cố thiền mà không niệm Phật. Nhưng thực tình đây không phải là môn đệ thiền chân chính, họ chỉ là những thặng mố của lối thực hành công án, giống hệt như một cây gậy hay gạch đá. Một khi họ bị thứ tâm bệnh này xâm phạm thì trong số 10 người chỉ có một là có thể cứu thoát". Trên đây tiêu biểu hai thiền sư tu công án nhưng không bỏ lối niệm Phật của Tịnh độ. Cho nên Thiền sư Không Cốc Long đã đề cao ý nghĩa tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ: "Một môn niệm Phật là lối tu hành thẳng tắt, niệm Phật như thế ngày kia xuất cảnh bỗng nhiên tịnh ngộ, lúc đó mới biết cõi tịch quang tịnh độ không rời nơi đây, mới biết đức Phật A Di Đà không ngoài tâm mình".

Thiền và tịnh đều cùng niệm Phật, danh hiệu Phật bây giờ trở thành một công án tự nhiên. Bạch Ẩn Huệ Hạc là tổ khai sáng Pháp Lâm Tế của Phật giáo Thiền Tông Nhật Bản cận đại sẽ cho chúng ta một điển hình rõ rệt về quá trình tâm lý được tạo ra bởi lối xưng tụng danh hiệu Phật.

Một trong số tục gia đệ tử của Bạch Ẩn rất phiền muộn về cha già keo lặn của mình, tâm ông chỉ chạy theo việc làm tiền, chẳng chút bận tâm tới đạo Phật. Y muốn Bạch Ẩn gợi cho mình một phương pháp nào để chuyển tư tưởng của cha y ra khỏi sự keo lặn Bạch Ẩn gợi lên đề nghị này: Bảo lão già keo lặn

cứ niệm Phật mỗi khi ông nhớ đến, và sẽ trả cho ông mỗi lần tụng niệm là một tiền nếu trong một ngày ông niệm Phật được một trăm lần, ông sẽ có được 100 tiền. Lão già nghĩ rằng đây là một cách bỏ tiền vào túi dễ nhất trong thế gian. Mỗi ngày ông đến Bạch Ẩn để được trả tiền do sự niệm Phật của mình. Vì ông rất siêng năng trong vụ này, và cứ tái diễn như vậy rất nhiều lần ông bị mê hoặc với những thủ đắc của mình. Nhưng chẳng bao lâu ông thôi không đến Bạch Ẩn để được trả tiền hằng ngày nữa. Bạch Ẩn sai người đi tìm hiểu xem người cha bận chuyện gì. Thì ra bây giờ ông bị sự niệm Phật lung lạc đến độ quên cả ghi nhớ. Đây là điều mà Bạch Ẩn lúc nào cũng chờ đợi nơi cha mình. Ngài dạy người con cứ để cho cha y ở một mình trong một thời gian thử xem chuyện gì sẽ đến với ông nữa. Lời khuyên này được tuân hành, và trong vòng một tuần lễ, người cha thân hành đến tìm Bạch Ẩn với cặp mắt ngời sáng bộc lộ kinh nghiệm tâm linh cực lạc mà ông đã trải qua.

Một lối niệm Phật mà thân sinh của Bạch Ẩn Huệ Hạc đã thực hiện, như thế chắc hẳn khác gì một thiền sư tu tập công án.

Tư việc tu tập niệm Phật có thiền sư đã dùng nó như một công án. Thật vậy, niệm Phật là nhớ tưởng đến một đức Phật. Kinh A Di Đà đề cập đến việc niệm Phật cho đến giai đoạn nhất tâm bất loạn thì mới được vãng sinh. Trong tâm người hành trì phép niệm Phật chỉ còn một hình ảnh Đức Phật hay danh hiệu đức Phật duy nhất. Trg kinh Thủ Lăng Nghiêm Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát trình bày phương pháp niệm Phật của mình để viên thông kiến đại như sau: "Con nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có đức Phật ra đời tên là Vô Lượng Quang, lúc ấy mười hai đức Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp, đức Phật sau hết hiệu là S iêu



Nhật Nguyệt Quang dạy cho con Phêp niệm Phật tam muội. Ví như có người một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên thì hai người ấy dầu có gặp mặt nhau cũng không phải là gặp, dầu thấy cũng là không thấy, nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu vào tâm niệm, thì đồng hình với bóng, cho đến tứ đời này sang đời khác không bao giờ cách nhau. Thập phương Như Lai thương tưởng chúng sanh, như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh, thì tuy nhớ nào có ích gì, nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, tưởng Phật thì hiện nay, về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, thì không cần phương tiện, tâm tự được khai ngộ như người ướp hương thì thân thể có mùi thơm ấy gọi là hương quàng trang nghiêm. Bản thân của tôi là dùng tâm niệm Phật mà vào pháp vô sinh nhẫn, nay ở của này tiếp dẫn những người niệm Phật về cõi tịnh độ... "

Niệm Phật (Buddhānusmṛti) nghĩa là nghĩ tưởng đến Phật, nhớ tưởng đến Phật và được kên như là một trong sáu đề tài trong Đại thừa chi quán (Mahāvītapatti) đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí xả và niệm Thiên. Và niệm Phật cũng là một phép trong 5 phép định chí vọng tâm của Thiên quán. Trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, nguyện thứ 16 Ngài có nguyện rằng: Sau khi tôi thành chánh giác, nếu có chúng sanh nào nghe đến danh hiệu của ngài nếu không được sanh về thế giới của ngài thì ngài thế không thành chánh giác". Như thế danh hiệu của ngài phải được vang dội khắp cõi cực lạc, khắp cả tam thiên đại thiên thế giới để hóa độ chúng sanh.

Như thế, Thiên và Tịnh Độ đã gặp nhau một cách rất tự nhiên trong việc tu tập công án và niệm Phật, cho nên nhiều Thiên sư đã chuyển hướng sang phương pháp tu niệm Phật thay vì tu công án.

Thiên sư Sở Sơn Thiếu Kỳ: "Người sơ cơ cần nhất là phải có một vật để nắm vào thiên, và vì thế họ được dạy cho Pháp môn niệm Phật Tâm và Phật tử đầu mà có? Có từ Tâm. Tâm ấy không phải là tâm, không phải Phật, không phải vật. Vậy là cái gì? - Muốn thấy ra hãy vứt bỏ đi tất cả những cái đã tích chứa do học tập, tri thức, kiến giải, hay chỉ hoàn toàn chuyên chú vào một câu

hỏi: "Ai đang niệm Phật?". Hay để cho nghi tình này đến cực độ, đừng suy nghĩ theo nghi tướng mê lầm, đừng để cho những ý tưởng phân biệt cùng khởi lên. Một khi công phu bền bỉ, liên tục không gián đoạn tất nhiên sẽ được thuận thực và nghi tình của các người nhất định bùng vỡ dữ dội. Rồi các người sẽ thấy Niết Bàn và Sanh tử cõi tịnh độ và cõi uế trước chỉ là hỉ luận và ngay từ đầu chẳng cần giải thích hay bình chú thêm nữa. Tâm không thuộc cảnh giới tâm ý thức do đó là bất khả đắc. Ngài còn viết cho một đồ đệ: "Cái ý của tụng niệm là để biết rằng Phật tức tâm, nhưng tâm này là gì? Hãy xét xem từ đâu có tư tưởng khiến các người đọc lên danh hiệu Phật, nó khởi lên ở chỗ nào? Nhưng các người còn phải tiến xa hơn nữa và hãy nghi AI là kẻ muốn xem xét, từ đâu có một nghi tướng. Nó là Tâm, là Phật, hay là Vật. Các vị tôn túc bảo KHÔNG, chẳng phải cái nào hết. Vậy nó là gì?... Thiên sư Thiên Như Duy Tắc sống vào khoảng đầu thế kỷ thứ XIV là một khuôn mặt lớn trong triều đại nhà Nguyên và chắc chắn phong trào niệm Phật tiến triển rất mạnh vào thời bấy giờ và đang đặt chân lên mảnh đất của Thiên tông. Thiên Như Duy Tắc không thể không biết đến điều đó mà còn muốn xác định rõ Thiên khác niệm Phật chỗ nào và cả hai tương thuận bao xa. Trong ngữ lục quyển 2 ngài viết: "Ngày nay có một số người Tăng cũng như tục mong chờ niệm Phật để được thác sanh cõi tịnh độ và tự hỏi niệm Phật có khác thiên chăng? Theo ý tôi, họ không thể nhận ra thiên và niệm Phật không phải đồng mà là đồng, vì đích của Thiên là thấu hiểu nghĩa lý của sự sống. Đích của niệm Phật nhằm đi đến cõi tịnh độ vốn dĩ không chi khác hơn chính là tự tâm và nhằm thấy rõ tự tánh vốn dĩ là Đức Phật A Di Đà (Amitābha). Nếu thế làm sao phân biệt niệm Phật và Thiên? Kinh nói như đi vào một thành lớn mà khắp bốn phía đều có cửa từ những nẻo khác nhau, người ta tìm thấy lối vào riêng biệt của mình vì cửa không chỉ có một, khi vào rồi thì họ cũng cùng ở trong một thành như nhau. Thiên và niệm Phật, mỗi bên có một căn khí riêng đó là TÀI CÁI.

Với quan niệm Phật tánh tại Tâm, ngoài tâm chẳng có Phật, không tìm cầu một Đức Phật nào ngoài tự tâm, Thiên chỉ cần trực chỉ nhân tâm để kiến tánh thành Phật. Thế những



có mấy ai đã đột nhập vào bản tâm như Thiên muôn. Chính vì còn vướng bận với khách trần phiến não, khi nội căn tiếp xúc với trần cảnh ngoại duyên đã khởi lên khổ biết bao nhiêu phiến não dục vọng nhiễm ô. Tất cả tội lỗi ấy đều mối của nó chính là tâm niệm chấp trước lấy bản thân giả ảo này cho là thực hữu. Tài, sắc, danh vọng ăn uống, ngủ nghỉ, năm môn dục này là chướng duyên to lớn trên con đường tập giải thoát của chúng ta. Do vì vô minh ngu si căn đê, ấy chúng ta đã không nhận chân được giá trị đích thực của sự vật, tất cả chỉ là giả danh không có một thực ngã nào riêng biệt, nó đã không tồn tại mà thường biến đổi từng sát na theo chu kỳ sanh, trụ, dị, diệt. Chính vì sự sanh diệt ấy đã đưa chúng ta đến cõi chết trong từng sát na mà chúng ta vẫn không hay biết. Bởi vậy, đê làm phước tiện cho người tu hành, Thiên còn dạy con người biết nhĩn thẳng vào sự vật đê không đả trước bằng những phép tu quán như Ngũ đĩnh Tâm quán chẳng hạn. Năm phép quán này chẳng những giúp cho hành giả lần lần đoạn trừ đê được ngã chấp tham dục thấp hèn mà còn a n nhiên tự tại trước những cảm đê của dục vọng.

(Còn tiếp)

## CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức - chùa Viên Giác và Niệm Phật Đường Khánh Hòa, nhân dịp đê Xuân Giáp Tý. Thành tâm kính chúc:

- Chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa
- Chư Đại Đức Tăng Ni
- Quý vị lãnh đạo tinh thần của các Tôn Giáo bạn
- cùng toàn thể đồng bào Phật Tử khắp nơi một năm Giáp Tý:

XUÂN ĐA KIẾT KHÁNH  
 HẠ BẢO BÌNH AN  
 THU MIỄN TÂM TAI  
 ĐỒNG NGHINH BẠCH PHƯỚC

Thành tâm kính chúc.



▲檳城極樂寺楊柳觀音

# Biển Chân Tâm Diệu Minh

## TẠI SAO KHỞI VỌNG ?

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

(tiếp theo)

2/- Hình ảnh thứ hai:

Kinh Lăng Nghiêm, trang 215, Phật có nhắc chúng ta rằng: "Nếu một người nhìn CHẠM CHỮ vào hư không, thì chừng giây lâu, con mắt bị MỐI MỆT, và người đó thấy những HOA ĐỒM xuất hiện nơi hư không..."

Một buổi sáng hay trưa, có ánh nắng, nhìn nơi đồng lúa, ta đưa mắt nhìn vào hư không. Lúc đầu, nếu ta nhìn một cách hồn nhiên, không CHẠM CHỮ, không DÙNG TÂM, không hứ u tâm, không mong cầu, không mong niệm gì hết thì ta thấy hư không trong sáng như bình thường, không bợn một mảy mún vật gì hết... Nhưng nếu ta cứ chăm chú giống mắt nhìn hư không trong một giây lâu, để cố tìm một bợn gì trong ấy, thì lần lần sẽ thấy có những con "loăng quăng ánh sáng" nhảy múa trong đó, rồi thấy nhiều thứ hoa đốm nhảy múa loạn xạ... Nhưng nếu ta dụi mắt, không nhìn nữa, hoặc không chăm chú nữa, thì hoa đốm lại hết.

Cho nên, Kinh dạy: sự chăm chú đó, việc dùng tâm mong niệm mong cầu đó chính là niệm mê mờ vô thủy, chính là Vô minh, chính là khởi vọng. Trong hư không ấy vốn không có gì, nhưng ta cứ giống mắt nhìn, giống mắt chiếu soi, để cố tìm một cái gì, thì con mắt bị mối mệt. Mối mệt này tức là Nghiệp, tức là sức Hành của Nghiệp, và nó làm LOE lên những ảnh tượng hoa đốm mà ta tưởng là vật thực có... Trong Ban giác Diệu tâm cũng vậy, tuyệt nhiên chẳng có một vật, chỉ có hồn nhiên trong sáng tròn đầy hào quang tốt bực thôi. Nhưng bỗng nhiên, do một niệm mê mờ, có một cái Xoáy quang minh (tourbillon de Radiations) lại mong niệm nhìn

rằng Minh là hiện hữu, rồi lại khởi dụng tâm muốn chăm chú Chiếu soi. Nhưng chiếu soi cái gì đây? Ngoài cái Biển Diệu tâm ra, thì tuyệt nhiên chẳng có gì khác cả... Nên cái Xoáy quang minh ấy đành phải QUAY TRỞ LẠI TỰ CHIẾU SOI vào Biển Diệu tâm. Do tác động mê mờ ấy, nên có LOE lên vô vàn những cảnh giới huyền diệu của vọng thức, mà chúng sanh tưởng là thực có... Uyên nguyên của pháp giới này là như vậy

Cần nói rõ hơn nữa về cái hư không và ngộ ngời nhìn chăm chú... Hư không là cái gì? Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: Hư không là do những vọng tướng mê muội vi tế của chúng sanh kết thành, còn những vọng tướng kiên cố thô kệch tích lũy từ vô thủy thì lóng lại kết thành những sắc tướng của vật... Vậy thì đối với kẻ ngộ nhìn chăm chú kia hư không chẳng phải là gì xa lạ cách biệt vì nó được dệt nên bởi chính những quang minh của Tầng thức kẻ ấy. Hư không ấy dùng thông với Tầng thức, và một phần nào chính là Tầng thức của kẻ ấy. Song những quang minh của Tầng thức đều rất vi tế, và chuyển động cực kỳ mau lẹ.

Nay kẻ đó vô tình lại ngộ chăm chú nhìn vào hư không. Tức là nhìn và cố chiếu soi vào cái hiện tượng của chính Tầng thức của mình. Cố chiếu soi tức là tác ý mạnh mẽ, và tác ý mạnh mẽ thì tạo nên một lớp Lưu ngại vô biểu sắc, một tấm lăng kính vô biểu sắc... Tác ý và dụng tâm là thuộc về thức thứ 6, tức ý thức và một phần thức thứ 7. Sự rung động mạnh mẽ của những làn sóng quang minh thuộc ý thức này, lần lần

tạo nên một số âm hưởng (résonances). Những âm hưởng này lọt được vào Tầng thức, và chiếu dụ được một số quang minh rất vi tế của Tầng thức. Vì chịu sức chiếu dụ, nên những quang minh này lần lần nặng nề hơn, chuyên động chậm lại, rồi xoay tròn. Và hiện tượng thành những hoa đốm nháy múa loạn xạ...

Nay nếu nói về THỜI GIẠN, thì cũng tương tự như vậy. Thời gian vốn là một vọng tưởng lớn của mỗi chúng sanh hay mỗi loài chúng sanh. Và đối với chúng sanh ấy, trong cái lúc ấy, thì thời gian xuất hiện ĐAI HẠ Y NGẠN là tùy thuộc vào thể tốc chuyên động (speed) của những quang minh tâm thức của chúng sanh ấy. Và thể tốc này thì lại tùy thuộc vào mức độ mong niệm và tình niệm trong lúc đó... Tỷ dụ như trong buổi sáng hôm đó, ta cứ hồn nhiên sinh hoạt theo nhịp điệu thường ngày, không mong niệm, không tác ý, không dụng tâm, không mong cầu, thì ta sẽ thấy buổi sáng trôi qua nhẹ nhàng. Trái lại, nếu ta tác ý mong cầu chờ đợi một chuyện gì, thì thấy buổi sáng kéo dài lê thê. Là vì khi ta mong cầu, thì tình niệm ưa ghét thường nổi lên trong tâm thức, tình niệm này thường làm nặng nề những quang minh do tâm thức phát ra, và khiến chúng chụm yên động chậm lại. Do đó, thời gian xuất hiện dài hơn... Lại tỷ dụ như một người vào định, vào định có nghĩa là rất ít mong niệm hoặc không mong niệm, các tình niệm gần như gột sạch, nên quang minh tâm thức trở thành rất nhẹ nhàng và chuyên động rất nhanh. Nên người đó có thể ngồi trong định vài ngày hoặc 1, 2 tháng, và khi xuất định, thấy thời gian trôi qua nhẹ như khói mỏng tay...

Cho nên, có thể nói rằng: mọi sự mong niệm dụng tâm, tác ý, khởi tình niệm... đều là Khởi vọng, chuyên CHÂN thành VỌNG. Chân cũng tương tự như hư không, như một màng lưới vô tướng mao, nhưng tuy vô tướng mao, vẫn là cái Trường lực uyên nguyên. Nhưng nếu ta khởi vọng, vút vào đó một ít tình niệm, thì những hạt tình niệm này sẽ tạo những điểm trùng (holes) ở nơi màng lưới đó... Theo trong kinh, thì Biển Chân Tâm thường được gọi là Bất động. Nhưng bất động ở đây, không có nghĩa là ù lỳ, mà là Cực động, thể tốc không thể lường tượng nổi, và vượt ra ngoài không thời gian... Còn Vọng thì cũng có nghĩa là Động, nhưng động trong cái Sai biệt, tức là Lay động tương đối và rớt vào

vòng kiếm tỏa của Không Thời gian...

### 3/- Lời dạy của Ngài Mã Minh:

Trong bộ Đại thừa Khởi tín, ngài dạy "Do KHÔNG THẬT BIẾT pháp Chân như, nên tâm Bất giác nổi lên, liền khởi vọng niệm. Song vọng niệm vì không có thật thể, nên chẳng rời Bản giác Chân như..."

Không thật biết pháp Chân như là thể nào? Nghĩa là: bỗng QUÊN, không biết rằng chính mình là cái Biển Chân như ấy, vốn là Trog sáng nhiệm màu tốt bậc, thường Diệu thướng Minh. Cũng tương tự như 1 lươn sống ở biển cá, bỗng quên, không biết rằng mình chính là Biển cá, chính là Biển hào quang lại khởi tâm muốn chiếu soi. Nhưng chiếu soi gì đây? Ngoài cái Biển hào quang ấy ra, tuyệt nhiên chẳng có gì khác! Nên chỉ có thể Quay đầu TRỞ LẠI TỰ CHIẾU SOI vào chính mình (retour reflexif de toute conscience). Do đó, làm LOE lên mọi cảnh giới hư vọng. Và cũng tương tự như con Rắn trng thân thoải, có cái thân dài lê thê, một lúc chợt quay đầu lại, thấy cái đuôi ngo ngoay bỗng quên rằng cái đuôi ấy chính là mình, nên cứ xoay tròn trong vô lượng kiếp để đuôi theo nắm bắt cái đuôi của chính mình. Và sự xoay tròn triền miên của con rắn có thể ví như sự bập bênh giao động triền miên của Vọng thức chúng sanh.

### 4/- Lời dạy của Kinh LĂNG NGHIÊM:

Trong kinh này, lời dạy của Phật cũng có thứ lớp:

- Lúc đầu, khi ngài Phú Lâu Na đứng lên thừa hỏi rằng trong cái Chân tâm bản nhiên thanh tịnh ấy, tại sao lại thấy phát hiện núi sông hà đại địa... thì Phật dạy cậu đầu tiên: "Tánh giác vốn diệu minh, Bản giác vốn minh diệu..."

Đây là Phật nói về cái Diệu tâm. Tánh giác tức là Giác thể, tức là Bản giác hay Diệu tâm. Ngài nhắc lại 2 lần, để nhấn mạnh rằng Tâm ấy vốn Diệu vốn Minh, và để trừ những kiến chấp lệch lạc của hàng Thanh văn về cái Tâm ấy.

Ý của Ngài là muốn dạy rằng: "Các ông là hàng Thanh văn, theo Ta đã lâu ngày, nhưng Ta cũng ít khi giảng nói rõ với các ông về Diệu tâm này. Các ông đã siêng năng trì giới, thiện quán, vào được 9 thứ định, đạt được thứ huệ Bát nhã của Thanh văn về ngã không, diệt được những phiền não mầm móng

*xem tiếp trang 7*



# Quan điểm của Phật Giáo

## PIYADASSI MAHÀ THERA



PHẠM KIM KHANH trích dịch từ quyển *The Buddha's Ancient Path*

(tiếp theo)

(Danh từ Arahāt, Sanskrit là arhat, có nghĩa là "bậc toàn thiện", bậc "Ứng Cúng", là danh hiệu chỉ dành riêng cho Đức Phật và các vị đệ tử của Ngài đã đạt đến mức toàn thiện. Trong Tam Tạng kinh điển chính Đức Phật là người đầu tiên áp dụng danh từ Arahāt, hay A La Hán, cho chính Ngài. Đó là lúc mà, sau khi Thành Đạo Ngài đi từ Gayā (Bồ Đề Đạo Tràng) đến Bārānasi (Vườn Lộc Già để Chuyên Pháp Luân, hay thuyết giảng Bài Pháp Đầu Tiên, cho năm đạo sĩ, nhóm Thập Nhị Kiều Trần Như. Trên đường đi, cách Gayā không xa, Đức Phật gặp một đạo sĩ tên Upaka. Đạo sĩ Upaka lấy làm cảm kích trước diện mạo phương phi và cốt cách tự tại của Đức Phật nên hỏi thăm Ngài: "Thầy của Ngài là ai? Ngài học giáo lý của vị đạo sư nào?" Đức Phật giải đáp bằng những vần thơ:

"Đúng thật Như Lai là A La Hán trên thế gian

Như Lai là bậc Tôn Sư vô Thượng..."

Lần thứ nhì Đức Phật dùng danh hiệu A La Hán để tự chỉ mình khi Ngài gặp năm vị đạo sĩ tại Bārānasi: "Như Lai là bậc A La Hán Đấng Như Lai, Đấng Toàn Giác..."

Danh từ A La Hán chỉ áp dụng cho những vị đã hoàn toàn tận diệt mọi hoặc lậu (tức các ô nhiễm ngũ ngầm trong tâm tư vô lượng kiếp). Trong ý nghĩa này Đức Phật là vị A La Hán đầu tiên trên thế gian, như chính Ngài đã nói với Upaka).

Khi truyền dạy Giáo Pháp (Dhamma) đến hàng đệ tử Đức Bốn Sĩ không bao giờ có sự phân biệt nào giữa vị này với vị khác; bởi vì Ngài không có một đệ tử thân tín đặc biệt được chọn sẵn. Trong hàng tín đồ của Ngài những vị đã thành đạt đạo quả A La Hán hoàn toàn chấm dứt mọi khát vọng và ph

tan mọi thặng thúc cột chặt chúng sinh vào những kiếp sống mới, đã tiến đạt đến mức trong sạch toàn hảo bằng nhau. Tuy có một vài vị trội hơn những vị khác về phước đức thực hành hoặc trí tuệ nào nhưng Đức Phật không bao giờ ban bố đặc ân cho bất cứ vị nào. Như Ngài Upāli chẳng hạn, xuất thân từ một gia đình thợ cạo, được Đức Bốn Sĩ giao phó nhiệm vụ Tăng Trưởng về vấn đề Giới Luật (Vinaya), thay vì Ngài chỉ định những vị A La Hán khác, sinh trưởng từ những gia đình quý tộc và chiến sĩ.

Cũng không có dấu hiệu nào cho thấy Đức Bốn Sĩ trao quyền chưởng quản Phật sự (sāsana) cho bất luận vị đệ tử nào, đầu là hai vị Đại Đệ Tử Sāriputta (Xá Lợi Phất) và Mahā Moggallāna (Mục Kiền Liên). Ngài không chỉ định vị nào để kế vị Ngài. Về điểm này ta có thể ghi nhận rằng Đức Phật đã rõ ràng minh xác với hàng môn đệ, trước giờ tận diệt, rằng không bao giờ Ngài nghĩ đến việc kiểm soát Giáo Hội Tăng Già. Ngài ngỡ lời với chư vị tỳ khưu quy tụ quanh Ngài như sau: "Giáo Pháp và Giới Luật (Dhamma-Vinaya) mà Như Lai đã ban hành, hãy lấy đó làm thấy sau khi Như Lai ra đi". (Dighā Nikāya Trưởng A Hàm, 16, Parinibbāna-sutta).

Đầu trong thời Đức Phật còn tại thế cũng vậy, chính Giáo Pháp và Giới Luật đã kiểm soát và hướng dẫn chư Tăng. Ngài không chuyên chế độc tài. Con đường Cũ Xưa của chư Phật, Bát Chánh Đạo, là một giáo lý cho người tự do.

Đức Phật xuất hiện trên thế gian vào thời kỳ mà dân tộc Ấn Độ hoàn toàn sống dưới chế độ độc tài. Những giáo lý mà Ngài truyền dạy phần nào là một đe dọa đối với quyền lực chuyên chế, mặc dầu Ngài không

thiếp vào chính trị và chính quyền trong xứ. Dầu sao Ngài vẫn bày tỏ những tư tưởng và quan điểm có tính cách dân chủ. Giáo lý của Đức Phật tích cực khuyến khích các ý kiến và các tổ chức dân chủ. Mặc dầu Đức Phật đã sáng suốt tránh không xen vào đời sống chính trị đương thời nhưng Giáo Hội Tăng Già (Sangha) là một tổ chức tuyệt đối dân chủ, như Hầu Tước Zetland, cựu Phó Vương xứ Ấn Độ, đã tuyên bố:

"Khuyến hướng nhằm tiến đến chế độ tự trị được những hình thức hoạt động tập thể khác nhau hiển nhiên chứng tỏ, đã nhận thêm một động cơ thúc đẩy mới do sự loại bỏ, trong Phật Giáo, uy quyền độc đoán của hàng tu sĩ và hơn nữa, do giáo lý bình đẳng của Đức Phật, chẳng hạn như khế chấp nhân sự phân chia giai cấp xã hội. Đủ chứng tỏ chúng ta phải quay về kinh sách Phật Giáo để tìm hiểu phương pháp điều hành công tác của những cơ cấu đại nghị tự trị gương mẫu thời xưa ấy. Và nhiều người có thể ngạc nhiên được biết rằng nếp sinh hoạt trong Quốc Hội của chúng ta (người Anh) ngày nay đã tìm chất liệu trong Giáo Hội các tu sĩ Phật Giáo tại Ấn hơn hai ngàn năm về trước. Phẩm giá của hội nghị được bảo tồn nhờ sự đề cử một chức vụ đặc biệt - thay bào dựa trên vị "Chủ Tịch" (Mr Speaker) trong Quốc Hội chúng ta. Một chức vụ kế đến được đề cử để trông xem hội nghị có đủ túc số hay không, nếu cần - đó là kiểu mẫu đầu tiên của viên chức "Parliamentary Chief Whip" trong hệ thống của chúng ta. Một dân biểu đề trình đề nghị của mình dưới hình thức một kiến nghị, và kiến nghị này được đem ra bàn thảo. Trong vài trường hợp kiến nghị có thể được thể qua liền trong đợt đầu, nhưng trong những trường hợp khác phải qua đến ba lần như vậy. Kiến nghị phải được đọc đi đọc lại và bàn thảo ba lần trước Quốc Hội trước khi được biểu quyết thành luật. Nếu cuộc bàn thảo trước Quốc Hội cho thấy có sự khác biệt quan điểm rõ rệt thì vấn đề phải được biểu quyết qua một cuộc đầu phiếu, thiếu số phục tùng đa số".

(Legacy of India, Ed. by G.T. Garratt, Oxford, 1937, pp. X, XI)

(Còn tiếp)

## tiếp theo trang 5

sanh tử, nên vượt được Phần đoạn sanh tử, có thể ra khỏi ba cõi. Các ông đã lột được vào Tầng thức tức Thức âm rồi, lại thấy Tầng thức được gột sạch mọi phiền não, thấy mình lằng lằng chẳng bận chút trăn ai, nên hay nghĩ là mình đã tới bến rồi, và đa số thường mắc bệnh "Triền không" và ngồi ý nơi đó. Không hiểu rằng những cái mà mình đã gột sạch được mới chỉ là Vô minh chi mật thô kệch, tức là sự chướng thối. Tiệm phục sâu hơn nữa, còn phần Vô minh căn bản cực kỳ vi tế. Và cần phải gột nốt và chuyên những phần Vô minh căn bản này, thì mới chuyên được thành Bạch tịnh thức và trôi vào Biên Diệu giác... Cũng vì giòng Vô minh này vẫn còn biến dịch lưu chuyển trong tâm thức, nên các ông vẫn còn phải chấp, vẫn chưa được Tự Tha vô ngại, vẫn chưa thể ôm trọn pháp giới vào thân tâm mình.

(Còn tiếp)



## BÊN KIA

Mười năm đó hai bàn chân còn đứng  
Trong ông xướng nghe mình nặng như chì  
Ngoảnh mặt lại để nhìn rõ những gì  
Đã tan nát cũng như vữa thành dựng

Trái Đất miên man cõi sâu miên viễn  
Cát bụi trần gian bay đó tu đây  
Bờ đất đứng đợi chờ giờ sẽ điếm  
Phía Bên Kia sương xuống với mù đây.

NGUYỄN CHÍ TRUNG  
(Bánh và Rượu 1976-1977)



# Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

## Thư gửi Đế Nhân Pháp Sư

Ấn Quang từ lúc mới xuất gia liền tin pháp môn Tịnh độ, nhưng vì nghiệp chướng che lấp, trong hai mươi năm nay, ngày luống qua ngày. Nghĩ những thẹn khi tự thấy miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiếp đạo! Gần đây, nhờ ơn pháp sư khuyên nhắc, xin thầy không dám để phụ tấm lòng chiếu cố, xót thương. Chỉ khổ nỗi hôn trầm, tẩu loạn thay nhau đánh đổ, đạo lực không thêm được chút nào, lối cũ vẫn còn nguyên dấu cũ. Cho nên mỗi ngày tôi xem hơn mười tờ tịnh điển, mong mừng theo ngôn hạnh sáng suốt của người xưa để phát lòng thẳng tắn.

Pháp môn Báo vương tùy tức, tôi thử dùng thì thấy vọng niệm không còn sôi nổi như lúc trước, tưởng rằng lâu ngày chắc cũng có lúc được nhìn cảnh mây tạnh trời trong. Tôi tra trong Lạc ban văn loại và Thánh hiền lục, đều thấy có chép đoạn này, bỗng chợt hiểu phép Thập niệm môn hơi nhiếp tâm của ngài Tứ Văn là căn cứ ở nơi đây. Và, trong bộ Liên tông báo giám cũng có nói đến nữa. Như thế dù thấy người xưa liệu biết cơ nghi đời mạt pháp, nếu phi phương pháp này chắc khó nối gia công, nên đã dự lập ra trước. Nhưng cố như tôi ai đem môn Báo vương tùy tức để giáo hóa, vì thườ trước căn tánh người còn sáng lẹ một khi phát lòng quả quyết, tự được như tâm. Đời nay, người chướng nặng căn độn như tôi, e đến chết cũng khó được cảnh giới không loạn. Vì thế, tôi không dám dấu sự dơ riêng của mình, mong thỉnh ích nơi bậc cao minh; vậy có nên thật hành cùng chăng xin nhớ chỉ rõ? Tôi lại nghĩ: phép nhiếp cả Ngũ đình tâm quán, nếu có thể theo hơi thở mà niệm, tức là gồm đủ 2 môn

Sở tức và niệm Phật. Nếu nhiếp tâm niệm Phật thì lòng tham nhiễm lần lần dứt tuyệt, sân hận không còn lấy lưng, khi hôn trầm tán loạn đã lui, trí huệ liền hiện mà phá luôn cả si mê nữa. Pháp môn Nhiếp sáu căn của đức Thế Chí, theo ngụ ý thì những người niệm Phật lơ là hiện thời, đương như chẳng nên dùng, vì nếu không lần chuỗi ghi số, họ sẽ trở thành biếng trễ. Khác hơn thế, những ai quyết tâm niệm Phật, nếu bỏ phép này, như định khó thành tam muội.

Pháp sư nương bản nguyện lợi sanh, tự mình tuy không dùng, nhưng cũng nên vì thí nghiệm để dạy kẻ hậu lai. Phép nhiếp sáu căn với bậc lợi cơ, trong một hai thất quyết sẽ được không loạn. Dù cho hạng ngu kém như tôi, nếu cố gia công hoặc tám năm hay mười năm, tưởng may ra có thể dưng như tâm.

## Thư đáp Một Cư sĩ ở Vĩnh Gia

Người niệm Phật chẳng phải không thể trì chú, nhưng cần nên phân chủ, trợ cho rõ ràng, tự nhiên trợ cũng về chủ. Nếu lơ là xem đồng như nhau thì chủ cũng khế thành chủ nữa! Chú Chuẩn Đề, Đại Bi đều có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp pháp đều linh, tâm không chí thành pháp pháp không linh. Một câu niệm Phật bao trùm đại tạng giáo dầy đủ tất cả, vẫn không thiếu sót pháp nào. Bậc thông tông thông giáo mới có thể



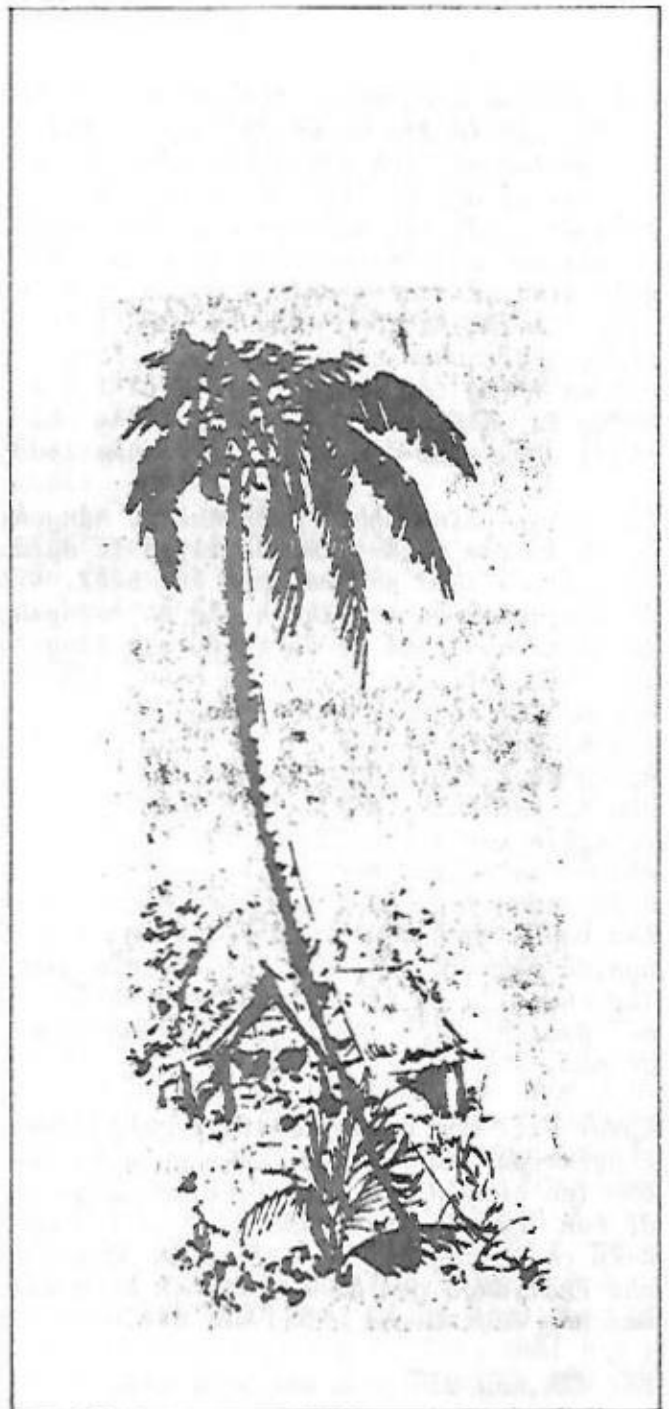
làm người chơn niệm Phật, và hạng ngu tối không hiểu chi, chỉ biết thành thật vâng lời, cũng có thể làm người chơn niệm Phật. Ngoài hai hạng này, chơn hay không đều do nơi mình gắng sức, tự xét có thật h à n h đúng giáo pháp cùng chăng? Đến như t u Tịnh Độ, đã có ý quyết định không n g h i, cần gì phải hỏi sự hiệu nghiệm của người khác? Dù cho cả thế gian đều không hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi ngờ vì lời thành thật của Phật, Tổ có thể d ù làm bằng cứ. Nếu cứ hỏi sự hiệu nghiệm của người khác, tức là tâm còn dự dự, chưa tin chắc lời của Phật, việc làm tất khó xong. Bậc anh liệt, quyết chẳng đến đổi bỏ lời Phật theo lời người. Những kẻ không c h ù trưởng, chỉ lấy sự hiệu nghiệm bên ngoài làm tiên đạo, thật là đáng thương xót!

"Tùy tự ý tam muội" là dương lối tuchúng tứ phạm đến thánh. Hàng sơ tâm Bồ Tát trg ấy nói, tuy gồm nhiếp tất cả phạm phưong thật ra là chỉ cho bậc sơ trụ Bồ Tát ở Viên giáo, đã phát ba tâm chúng ba d ù c. Bậc này do phát lý tâm của chánh n h ân, chúng đức pháp thân, phát huệ tâm của liễu nhân, chúng đức bác nhã, phát thiện tâm của duyên nhân chúng đức giải thoát, nên c ó thể hiện thân thập pháp giới ở trog mười phương quốc độ, khắp ứng các cơ mà l à m việc cầu Phật độ sanh. Thế nên "sơ t â m" không phải chỉ riêng cho hàng phạm p h u mới phát tâm tu hành. Cư sĩ thấy trong Kim Luân chú nói về việc ngộ pháp nhị không, chúng lý thật tướng, liền vui mừng k h áp khởi muốn đứng ra nhận lãnh, tôi e chokhệ khởi lạc vào lưới ma. Vậy xin chỉ rõ việc ấy ra đây, để cư sĩ hiểu biết, tránh sự sai lầm. "Ngộ pháp nhị không, chúng lý t hật tướng", chính là thân phận của hàng sơ tâm Bồ Tát đã nói trên. Pháp thức trong quyển ấy chỉ dạy, hạng phạm phu có thể y theo mà tu hành. Đến như về thân phận, dù cho bậc Thanh Văn đủ đại thân thông cũng khê dám dương nổi, huống là phạm phu? Lại, trong ấy mấy đoạn: không chỗ trụ sanh tâm, không trụ pháp bố thí, ba luận thể không, một đạo thanh tịnh, đều phát minh rất rõ. Tôi muốn đem những nghĩa này làm thành bài t ụ ng cho người đọc hiểu được cương yếu, nhưng vì bận nhiều việc không được rảnh, để hen lại năm sau. Đến như chỗ nói: "Quán t h ân tức không quán chi cá, chi' quán vô duyên" vô duyên chính là nghĩa "không, không c ó tánh chi" trong Tùy tự ý tam muội đã nói

Và, vì "không có chi" nên không duyên vào đâu được. Nếu chẳng do nơi cội gốc n à y chém một dao cho dứt đoạn, thì làm sao dứt được mối phan duyên?

Mấy lời trên đây tuy giản lược, s o ng ý nghĩa rất rộng sâu. Xin thuật lại cho T ử quân được rõ.

(Còn tiếp)



# THIỆN VỊ, ĐẠO VỊ, THI VỊ trong Văn chương Việt nam

## Đông Hồ

Thật khó mà định nghĩa thế nào là thiện vị, thế nào là đạo vị, và thế nào là thi vị. Vì làm sao mà định nghĩa cho rõ ràng được một cái gì như có hình có sắc, như nhìn thấy được, bắt lấy được, mà lại cũng như không có màu sắc phân minh, không có bóng hình nhất định, mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, mà lạ lùng thay, nó vẫn có đó, nó phảng phất quanh quẩn đâu đây, nó lang thang vẫn vơ trong tâm trí, như làn khói hương tử ngán xa bất ngát, như tiếng hồng chung vọng giữa đêm thanh tĩnh thẳm trước.

Làm sao mà định nghĩa được cho rõ ràng cái gì nó đã xâm chiếm tâm hồn ta, có lẽ đã lâu lắm rồi, từ thuở nào mà ta không biết. Nó đã tập nhiễm cho ta thành nếp tư tưởng suy tư mà ta không để. Nó đã khiến cho lòng ta yêu thích, một thứ yêu thích không đếm tuổi hãnh mà chỉ có chút say mê, không quyền luyện lăm mà sao không rời bỏ được. Mùi hương đó, tiếng hồng chung đó hình như nhắc cho ta nhớ nhưng một tiền kiếp chân thân từ nghìn xưa sâu thẳm. Nếu chúng ta là thi nhân - mà ai lại không thế trở thành thi nhân trong thời khắc huyền ảo thần tiên như vậy - tự nhiên ta sẽ cất tiếng ngân nga, để biểu lộ nỗi niềm cảm xúc. Bảy giờ, thơ chúng ta đã có trộn lẫn mùi thiện vị và mùi đạo vị nhiều trong đó mà chúng ta không để nữa.

Người Việt Nam chúng ta còn ai không thuộc chuyện Quan Âm Thị Kính, và chuyện Vu Lan Bồn tức chuyện Mục Kiền Liên. Hai áng văn đó bản thân đã thành hẳn là Phật giáo diễm ca, cốt chuyện hoàn toàn là sự tích nhà Phật, được coi đó là hai bản kinh rồi. Bài này lược đi mà không nói đến.

Bất đầu, hãy dẫn Cung oán ngâm khúc.

Một áng văn than vãn nỗi oán hơn của nữ cung nữ, đối với quân vương, có lẽ phải nói đối với chế độ thì đúng hơn, đương nhiên là phải tả những lạnh lẽo thế lương, nơi cung cấm, phải nói những tiêu điều vắng vẻ của lòng người, kể về bao đoạn khổ tận cùng thương của một đời thanh xuân mòn mỏi bị giam hãm, bị trói buộc một nơi, để làm thú vui chốc lát cho người đàn ông; có khi bị lãng quên suốt đời và suốt đời chờ đợi ước ao được có ngày giải thoát. Nội dung đó, nếu như ở ngoài bút của một thi sĩ, văn sĩ Tây phương thì họ đã khai thác đề tài trên địa hạt sinh lý, hoặc xét văn đề theo tâm lý học, phân tâm học, một khi tình dục bị dồn ép, bị thiếu thốn.

Ở đây, trái lại, tác giả Cung oán ngâm khúc của chúng ta, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều xây dựng ngâm khúc của mình bằng học thuyết, bằng tư tưởng nhà Phật. Những việc nhỏ nhất tâm thương, nhất âm, nhất sắc cũng đều do tiền định:

Ngâm nhân sự có chi ra thế  
Sợ xích thẳng chi để vướng chân  
Vắt tay nắm nghĩ cơ trần  
Nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên  
Kìa thế cực như in giấc mộng  
Mây huyền vi mơ đóng khôn lương  
Về chi ăn uống sự thương  
Cũng còn tiền định khá thương lo là

Nhân loại chúng sinh bắt đầu chào đời bằng tiếng khóc:

Đời những kẻ thiên ma bách chiết  
Hình thì còn bụng chết đời nau  
Thảo nào khi mới chôn nhau  
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra  
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế  
Ai bày trò bãi bể nương dâu  
Trắng răng đến thuở bạc đầu  
Tứ, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần

Rồi từ đó cứ phải chịu đựng biết bao đau  
đớn xót thương, chịu đựng cho cuộc sống đầy  
vô hành hạ kiếp phận bèo:

Cuộc thành bại hầu cần mái tóc  
Lớp cùng thông như giục buồn gan  
Bệnh trần đời đoạn tâm can  
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da  
Gót danh lợi bùn pha sắc xám  
Mặt phong trần nắng râm mùi dẫu  
Nghĩ thân phù thế mà đau  
Bọt trong bể khổ bèo dẫu bên mê  
Mùi tục lụy lười tê tân khổ  
Đường thế đồ gót rở kỹ khu  
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô  
Chiếc thuyền bào ánh lỗ xô mặt gành  
Trẻ tạo hóa dành hanh quá ngán  
Chết dưới người trên cạn mà chơi  
Lò củ nung nấu sự đời  
Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương...

Bao nhiêu sự nghiệp, bao nhiêu công trình,  
bao nhiêu phú quý đỉnh chung xây dựng trơ  
cối nhân sinh, chẳng qua là một cơn m ò ng  
áo:

Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc  
Thú ca lâu dế khóc canh dài  
Đất bằng bông rấp chông gai  
Ai đem nhân ảnh nhuộm mùi tà dương  
Mùi phú quý như làn xa mã  
Bã vinh hoa lửa gã công khanh  
Giấc nam khoa khéo bất bình  
Bụng con mắt dậy thấy mình tay không  
Sân dào lý mưa lòng man mác  
Nền đỉnh chung nguyệt gác mơ màng.

Công trình nhân tạo không giữ được vĩnh  
cửu trường tồn đã đành, cho đến cả m ò c  
thạch cầm ngư sơn khê lãng cô cũng biến  
thiên trong chớp mắt:

Cánh buồn bèo hoạn mệnh mang  
Cái phong ba khéo cột phước lợi danh  
Quyền họa phúc trời giành mất cả  
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai  
Cái quay búng sẵn trên trời  
Mơ mơ nhân ảnh như người đi đêm  
Hình mộc thạch vàng kim ở cổ  
Sắc cầm ngư ử vũ ê phong  
Tiêu điều nhân sự đã xong  
Sơn hà cũng huyền còn trùng cũng hư  
Câu thế thủy ngời trơ cổ độ  
Quán thu phong đứng rử tà huy  
Phong trần đến cả sơn khê  
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này  
Tuông ảo hóa đã bày ra đây  
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau

Trăm năm còn có gì dẫu  
Chẳng qua một năm cơ khêu xanh rì.

Đã biết như vậy rồi thì ai lại không muốn  
làm duyên với hoa đàm duốc tuệ, vút b ó  
tâm thân ngoại vật mà tiêu dao với g i ó  
mặt trăng thanh, gidi thoát ra ngoài vòng  
đào chú:

Mùi tục lụy đương kia cay đắng  
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên  
Cái gương nhân sự chiến chiến  
Liều thân nẩy với cơ thuyền phấp nao  
Thả mượn thú tiêu dao cửa Phật  
Mối thất tình quyết dứt cho xong  
Đa mang chi nữa dèo bông  
Vui vì thế sự mà mong nhân tình  
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa  
Mượn hoa đàm duốc tuệ làm duyên  
Thoát trần một gót thiên nhiên  
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời  
Ý cũng rấp ra ngoài đào chú  
Quyết lộn vòng phụ phụ cho cam.

Nhưng mà cay nghiệt vốn là Tạo Hóa, thiên  
ý đã an bài; tức trái tiên nhân chưa trả  
cho xong thì chúng sinh cũng hông thoát  
khỏi:

Ai ngờ trời chẳng cho làm  
Quyết đem giây thắm mà giam bông đào  
Hắn tức trái làm sao dây tá  
Hay tiên nhân hậu quả xưa kia  
Hay thiên cung có điều gì  
Xuống trần mà trả nợ di cho rồi.

Đoạn văn vừa dẫn mà tôi đã lược đi nhiều  
có phải như một đoạn văn thuyết pháp về  
sinh, lão, bệnh, tử, về căn quả nhân d u yên  
mà trong đó hàm chứa biết bao thi vị.  
Đến đây chúng ta thấy thêm, chẳng kể tác  
gia đã thi vị hóa Phật thuyết bằng v ã n  
chương mà còn thi vị hóa triết lý t ò n  
giáo bằng cả câu truyện cung oán.

Đọc xong, khúc Cung oán chúng ta h o ã t  
nhiên tỉnh ngộ mà nhận thấy rằng: Trong  
khoảng vũ trụ bao la, thời gian vô t ã n,  
không gian vô cùng này, nhân loạichúng  
sanh kéo dài cuộc sống vô thương, giamhãm  
kiếp người trong khuôn đạo chú, trog vòng  
chiết ma, lòng vẫn mong mỏi ước ao đ ù c  
có ngày giải thoát cho khỏi kiếp t r ã m  
luân, thì vòm trời đất bao la mệnh m ò ng  
này, đối với nhân loại chúng sinh, cũng có  
khác gì vòng cung cầm tù từng chặt h ệ p  
của bầy cung nữ phi tần. Chúng ta nếu đã



biết thương xót cho số kiếp đoạ đày, duyên phân lao đao của người cung nữ thì chúng ta lại càng phải biết tự thương xót cho duyên phận số kiếp của chúng sinh n h ã n loại, trong đó có chúng ta, lúc nhúc trong khoảng thiên địa gian lạnh lẽo thế lương miên miên vô tuyệt kỳ.

Vấn thuyết lý thường cúng gác khô khan, thì vấn Cung oán này đã khéo thi vị h ó a triết lý khiến cho đạo lý cũng uyển chuyển nhẹ nhàng linh động theo tiếng nói của vấn chương. Thông hiểu lãnh hội đạo lý khê cần phải dùng trí não suy tư mà tâm đắc bằng quá tim thông cảm.

Có một truyện diễn ca phổ biến trong dân gian là chuyện Bạch Viên Tôn Các.

Chuyện kỳ ngộ giữa một đôi kiếp tiên, nàng Bạch Viên và chàng Tôn Các, thác sanh xuống trần làm một thục nữ tu hành, và một n h o sinh khoáng đạt. Hai đấng gặp nhau ở chùa Phi Lai. Vì là duyên Phật kiếp tiên, chonên lúc nào cũng lưu luyện cảnh thiên môn a m tư. Đi đâu thì đi rồi lòng cũng cứ k h ã c khoáng như nhung cánh mây nhân gió tĩnh mà trở về.

Cũng một cốt chuyện Bạch Viên Tôn Các này hồi thời Lê Trịnh, đã có một tác gia, hiện còn khuyết danh, làm thành bản truyện Lâm Tuyền kỳ ngộ. Bản này không phải làm l ò i lục bát diễn ca, là lối văn thịnh hành về thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Lâm Tuyền kỳ ngộ sáng tác trước thời kỳ đồ làm lối thơ bát cú thất ngôn, như thơ thời Lê Hồng Đức, thơ thời Nguyễn Bình Khiêm. Cả bản truyện gồm có 140 bài bát cú. Văn chương nhẹ nhàng thanh thoát. Gần phân nửa số bài thơ dành để ca ngợi cảnh trí thanh bình u nhã của nhà chùa.

Nhờ lối trang nghiêm thanh nhã sẵn có của thơ Nôm Đường luật, nhờ chân thân t i ê n phong đạo cốt của tác giả, mà suốt tác phẩm Lâm Tuyền Kỳ Ngộ như băng bạc một khí v i, h u á u huyền, siêu phàm thoát tục. Bất cứ trích đọc một câu nào chúng ta cũng thấy lối thơ tư' thơ thanh thảng lảng lảng.

Trong bài thứ 3, có câu:

Gió trúc đưa hương dâng bệ Phật  
Cầm thông đọng kê nước am Tuyền  
Nước non quyên khách say mùi đạo  
Hoa cỏ đưa tăng tới cửa thiền

Trong bài thứ 5, có câu:

Khuya sớm lân la ngoài ngọn trúc  
Hôm mai gặp gỡ dưới am Tuyền  
Đêm thanh lắng kê nường xem nguyệt  
Ngày vắng nghe kinh nấu bóng hiên

Trong bài thứ 6, có câu:

Hương dâng ngày những vừng ô xê  
Kê tụng đêm thâu bóng, thờ tà  
Cửa độ ước ao công đức vẹn  
Thuyền tư mong mỗi tháng ngày qua

Trong bài 10, có câu:

Gió thu đèn nguyệt kia là bạn  
Cửa quế rừng xuân nguyệt ấy nhà  
Trái áng non xanh muôn dặm cách  
Trông chừng cây cỏ mấy ngàn xa

Bài thứ 131, có câu:

Tụng niệm nguồn cơn cạn bóng đầu  
Gót giày thoãn thoát tới thư lâu  
Tóc mây mượt mượt mây in tuyết  
Mây liễu cong cong nguyệt uốn câu

Trích dẫn lẻ tẻ như vậy, e có rời rạc, lắm chẳng, thôi thì dẫn nguyên một bài đư tiêu biểu cho toàn tập Lâm Tuyền Kỳ Ngộ, và cũng để' đọc giá thưởng thức cho trọn vẹn

Vắng vắng bên tai tiếng pháp chung  
Phi Lai trông đã cách bờ sông  
Gió sâu đời đoạn bay cơn trúc  
Mây thâm ghe phen gác bóng tùng  
Thương khách xa xôi nên lặn dạn  
Tương người ly biệt luống long đong  
Buồn chùng ai để' sầu riêng ấy  
Biết nổi này chẳng khách má hồng

Đã nói đến Lâm Tuyền Kỳ Ngộ thì phải nhắc đến một chuyện kỳ ngộ khác. Đó là chuyện Bích Câu Kỳ Ngộ. Câu chuyện hoàn toàn Việt Nam xảy ra ở trên đất nước Việt Nam. Đây là thiên diễn ca, một trong sáu t r u y ê n trích trong bộ Truyện Kỳ Man Lục. Bích Câu là tên một phường của 36 phường t r o n g thành Thăng Long xưa, thuộc về làng Y ê n Trạch huyện Thọ Xương, vùng Văn Miếu Hà Nội. Cũng như Lâm Tuyền Kỳ Ngộ là d u y ê n gặp gỡ la lung, giữa một tiên nữ đa tình và một thục sinh lãng mạn. Gặp nhau ở' hội chùa Ngọc Hồ. Chính bản thân câu chuyện đã cũng nên thơ rồi. Chuyện là chuyện t i ê n thì thơ tự nhiên cũng là thơ tiên.

(Còn tiếp)



# Việt Nam phong sử

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mặc Khách sưu lục

(kỳ 18)  
CHƯƠNG 61

Đời vua Thái Tổ Thái Tông,  
Con dặt con bế con bông con mang.  
Bò đen húc lẩn bò vàng,  
Hai con húc chặc (1) dâm quàng xuống sông.  
Thằng bé chạy về bẩm ông,  
Bò đen nó đã xuống sông mất rồi.

Thơ phong sử này thuộc phú.  
Ý nghĩa thơ này chưa rõ.  
Sách Quang phong tập của Vương Vọng Châu chép: Thơ này nói về việc thời sự đời Vua Lê Chúa Trịnh. Nhưng bò vàng bò đen không thấy chép trong sử sách. (Bò vàng bò đen xuất xứ ở Ngụy thứ do Tào Thực làm ra trng Bắc sử).  
Lại tra cứu ở sách Nam phong tập của Trần Liễu Am thấy có câu:

Kỳ này lúa mọc đồng đồng,  
Đổ mưa Thái Tổ Thái Tông râm râm.

được giải thích là ngày kỳ giỗ cúng tế Vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông thì trời mưa. Theo phong tục ở Bắc kỳ mỗi khi đến ngày 21, 22 tháng chạp thì trời mưa nhiều. Nhân dân gọi đó là mưa Thái Tổ Thái Tông. Ngạn ngữ có câu:

Hai mươi một Lê Lai,  
Hai mươi hai Lê Lợi.

vì rằng đó là những ngày kỳ giỗ của Vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông. Thường, thường gặp trời mưa thì trâu nghé về trước, vì nó có tính sợ mưa, thì thơ phg

dao này giống như là lời hát của trẻ mục đồng, không còn nghi ngờ nữa. Hai chữ đời vua là đọc sai ra trời mưa.

CHƯƠNG 62

Ngọc đèn thấp thoáng ánh trắng,  
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này?

Thơ phong sử này thuộc phú.

CHƯƠNG 63

Thần thơ đứng gốc cây mai,  
Bóng mình lại ngỡ bóng ai mình lằm.

CHƯƠNG 64

Nhớ ai lơ lửng đầu cầu,  
Lược thưa biêng chải, gương Tàu biêng soi.

Thơ phong sử này thuộc phú.  
Ba chương này là lời hát của cung nữ trng Nhạc phủ ngày xưa.  
Xét vào thời nhà Lê tuyển chọn con gái của nhân dân vào cung để hầu hạ đồng đảo tính đến hàng trăm, có người suốt đời không được lên hầu hạ vua, cho nên lúc bấy giờ trong cung có loại thơ này, khúc hát gọi là Đại Thạch, tiếng nghe bi ai đầy hận oán. Sau khi nhà Lê mất, cung nữ tản mác trong thôn xóm. Nay hát cửa đình còn dùng bacâu

này.

### CHƯƠNG 65

Ngày đi trúc chứa mọc măng,  
 Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre.  
 Ngày đi lúa chưa chia về,  
 Ngày về lúa đã đổ hoe dầy đồng.  
 Ngày đi em chưa có chồng,  
 Ngày về em đã con bông con mang.

Thơ phong sử này thuộc phú.  
 Đây là lời của chính phủ đi đánh giặc.  
 Theo sách Giải trạo chú thích rằng: S a u  
 khi vua Lê Ý Tông nhường ngôi cho con là  
 vua Thuận Tông, vùng tây bắc có giặc Nguyễn  
 Danh Phương, giặc Nguyễn Hữu Cầu, vùng Thanh  
 Châu Trấn Ninh có giặc Hoàng Công C h ất,  
 giặc Lê Duy Mật. Quân lính đi dẹp giặc đã  
 lao khổ' lại lâu ngày tháng, cho nên mới đặt  
 ra thơ phong dao này. Chưa biết đúng h a y  
 không.

### CHƯƠNG 66

Ai ôi giữ chí cho bền,  
 Dầu ai xoay hướng đổi nên mặc ai!

Thơ phong sử này thuộc phú.  
 Mạc Đăng Dung, người làng Cổ Trai, h u y ện  
 Nghi Dương, xuất thân ở chức đồ lục sĩ ,  
 được vua Lê Uy Mục trao chức Đô chỉ' huy  
 sứ, làm quan đến triều vua Tương Dực được  
 ban tước Vũ xuyên hầu, đầu niên hiệu Quang  
 Thiệu (1516-1526) dẹp yên giặc Lê Do, n ă m  
 bình yên, được tấn phong là Thái phó Nhân  
 quốc công, giết vua Lê Chiêu Tông, phế' vua  
 Lê Cung Tông, trong niên hiệu Thông Nguyên  
 thứ 6 (1527) soạn ngôi nhà Lê mà được thiên  
 hạ, lấy kỷ nguyên là Minh Đức, ở' tại thành  
 Thăng Long, lập làng Cổ Trai làm Dương Kinh  
 dựng bệ cửa nhà Lê chuyển thành dựng bệ  
 cửa nhà Mạc.

Trong thời gian ấy những bề tôi tiết nghĩa  
 nhớ công đức của vua Lê Thái Tổ' dẹp t r ừ  
 quân Minh, không chịu theo nhà Mạc như Đàm  
 Thận Huy, Nguyễn Tự Cường đánh nhau với Mạc  
 Đăng Dung mà chết, Nguyễn Thái Bạt đến gần  
 tới trước phun nước bọt vào mặt Mạc Đăng  
 Dung, Lê Tuấn Mậu giấu đá trong ống tay áo  
 ném Mạc Đăng Dung, đều được chép rõ ở' sách  
 Trung hưng tiết nghĩa lục.  
 Họ đồng một tư tưởng với áo mào triều phục

lạy về đất Lam Sơn, họ đồng một cơ sở đặt  
 đỉnh tinh thần nước Việt.  
 Đây, đến đời đều có chữ mới, áo mào k h ắc  
 thước xưa, mà lòng người còn nhớ nhà Lê ,  
 cảm ân báo đức, há lại vui thích theo việc  
 Mạc Đăng Dung xoay phương đối hướng lập  
 riêng một triều đình hay sao?  
 Câu phong dao này nói hạng làm tội phải  
 giữ tiết tháo cho vững bền và ngấm ngấm  
 ngụ ý khuyên chớ nên làm quan cho nhà Mạc.

Này, nhà Lê lập quốc với ân dày nhân hậu  
 còn ghi ở bia đá nơi Hồng Lĩnh Lam Giang  
 truyền được 111 năm thì Nguyễn Mạc c ứ ở p  
 ngôi, tuy trong một lúc cô kể đã theo nhà  
 Mạc, nhưng tâm tình người luyện nhớ nhà Lê  
 còn gieo rắc trong lời ca vịnh như thế',  
 cho nên Lê Trang Tông được lập làm v u a  
 và truyền nối lâu dài đến 257 năm n ứ a,  
 thì công đức của 8 vị vua Lê (Thái Tổ, Thái  
 Tông, Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, Túc  
 Tông, Tương Dực và Chiêu Tông) có thể biết  
 được.

Đọc câu phong sử này như nghe được tiếng  
 vượt hủ ở núi Tam Giáp (2) vậy.

- (1) Chắc, lẫn nhau (tiếng quê miền Bắc) như  
 đánh chắc là đánh nhau.
- (2) Tam Giáp là 3 ngọn núi ở tỉnh Tứ Xuyên  
 mà cao nhất là ngọn Vu Giáp. Ngự phủ  
 ở đây có bài hát: *Ba đồng tam giáp Vu  
 Giáp trường, viên minh tam thanh lệ  
 triêm thường* = Trong ba ngọn núi ở Ba  
 đồng, ngọn Vu Giáp cao hơn hết, y ứ ợn  
 kêu ba tiếng thì mạnh quân thần đắm  
 nước mắt.

(Còn tiếp)







# QUỐC SỬ TẠP LỤC

## 3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

### Từ An Nam đến Đại Nam

#### Bừu Cầm

Học giả Mặc Khách sưu lục

#### TỰA

Vấn đề quốc hiệu nước ta đã được nhiều ng  
bàn tới.

Bởi vậy, đối với một vấn đề quen thuộc như  
thế, nếu không tìm được điều gì mới lạ thì  
không nên viết.

Chúng tôi soạn thiên khảo cứu này cũng chỉ  
nhằm mục đích kiểm điểm lại một vài niên  
đại và sự kiện lịch sử, còn ngờ tư khinước  
ta có danh xưng An Nam cho đến quốc hiệu  
Đại Nam.

Thật vậy, có nhiều sự kiện quan trọng xảy  
ra trong quá trình tiến hóa của dân tộc ta  
mà những bộ sử Việt Nam và Trung Quốc đã  
chép khác nhau.

Điều đó đã làm nhiều người thắc mắc.

Xin cứ ra vài thí dụ sau đây :

VỀ DANH XƯNG AN NAM. Nhà Đường lập ra An  
Nam đô hộ phủ nhưng hai chữ An Nam đã có  
từ đời Tam Quốc. Khâm Định Việt Sử T h ông  
Giám Cường Mục và Đại Việt Sử Ký Tiên Biên  
chép nhà Ngụy phong cho Lữ Hưng làm An Nam  
tướng quân vào năm 264. Cụ Nguyễn văn T ở  
cũng cho rằng danh xưng An Nam bắt đầu có  
từ năm đó. Nhưng phần Ngô Chí trong T a m  
Quốc Chí đã xác định nhà Ngô phong Lữ Đại  
làm An Nam tướng quân năm 220 và, đến năm  
248, Lục Duyệt cũng được phong chức ấy. Thế là  
hai chữ An Nam phải có từ năm 220.

VỀ THỂ THỨC CỦA TRIỀU ĐẠI NHÀ NGÔ NƯỚC TA.

Tân Ngũ Đại Sử chép Ngô Xương Tuấn là con  
của Ngô Quyền. An Nam Chí Lược và An N a m  
Chí Nguyên đều chép họ Ngô làm vua được  
bốn đời: Ngô Quyền, Ngô Xương Ngập, N g ô  
Xương Tuấn và Ngô Xương Văn. Nhưng Đại Việt  
Sử Ký Toàn Thư, Đại Việt Sử Ký Tiên Biên và  
Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cường Mục  
chép Ngô Xương Tuấn. Sử gia Nhật Bản Nao -  
jiro Sugimoto đã viết thiên khảo luận nhan

đề Quan ử Ngũ đại Tông sơ An Nam chí thổ  
hào Ngô thị đề khẳng định Ngô Xương Văn  
và Ngô Xương Tuấn là một người.

VỀ QUỐC HIỆU ĐẠI NAM. Giáo sư M. Durand và  
học giả Nguyễn văn Tố đều cho quốc hiệu  
Đại Nam bắt đầu có từ triều Minh M ệ n h  
(1820-1840) nhưng không biết rõ năm nào.  
Phan Thúc Trực, một sử gia đời Nguyễn, làm  
chức khố chủ Kinh diên triều Tự Đức  
và là tác giả sách Định Tập Quốc Sử, Di  
Biên, đã có đủ tài liệu chính xác để chứng  
minh rằng quốc hiệu Đại Nam được đặt ra  
vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Vẫn biết những điểm nêu trên chưa phải là  
những khám phá tân kỳ, nhưng đã được các  
sử gia Việt Nam và ngoại quốc chuyên khảo  
về lịch sử Đông Nam Á chú ý và đem ra  
thảo luận nhiều lần.

Ngoài ra, chúng tôi có đưa ra một số giả  
thuyết để giải thích các sự kiện chodược  
hợp lý. Chúng tôi cũng biết rằng những giả  
thuyết hôm nay, ngày mai sẽ bị lỗi thời.  
Đó là sự tiến bộ của khoa học. Mong rằng  
các sử gia sẽ khám phá được nhiều d i ều  
mới mẻ để giải quyết thỏa đáng những nghi  
vấn trong Việt Sử.

BỪU CẦM

#### 1. AN NAM VÀ TRẦN NAM

Tháng 8 năm kỷ mao (679) là năm thứ n h ất  
hiệu Điều Lộ 調露 đời Đường Cao Tông  
唐高宗, nhà Đường mới đặt An Nam

đô hộ phủ 交州都護府 (1), phủ trị ở  
 Giao Châu 交州, thông cả mười hai châu  
 là: Giao 交, Lục 陸, Phong 丰, Ai 愛,  
 Hoan 骠, Trường 長, Phúc Lộc 福祿,  
 Thang 湯, Chi 芝, Vũ Nga 武寧, Diên  
 演 và Vũ An 武安 (2).

Những hai chữ An Nam đã có từ đời Tam  
 Quốc.

Nguyễn Văn Tố có đề cập vấn đề này trong  
 tuần báo Thanh Nghị, số 68, ra ngày 3.6.44  
 Nguyễn tiên sinh đã căn cứ vào Khâm Định  
 Việt Sử thông giám cương mục và Đại Việt  
 Sử ký tiền biên (3) để quyết đoán rằng 2  
 chữ An Nam đã có từ năm 264, vì năm đó nhà  
 Ngụy cho Lý Hùng 李興 làm "An Nam tướng  
 quân, Giao Chỉ thái thú".

Nhưng theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì  
 Lý Đại 李代 (năm 220) và Lục Duyệt 陸  
 tức Lục Dân 陸胤 (năm 248) đã được phong  
 chức An Nam tướng quân rồi. Việc này sử  
 Trung Hoa chép rất rõ (4) nhưng sử takhir  
 chép đến (5). Sử ta chép Lý Hùng làm An Nam  
 tướng quân (6), nhưng sử Trung Hoa không  
 chép như vậy (7).

(1)

Khâm định Việt sử thông giám cương mục  
 欽定越史通鑑綱目 (tiền biên,  
 quyển 4, tờ 18a), Cựu Đường thư 舊唐書  
 (Địa lý chí 地理志, quyển 41, tờ 42a),  
 Tân Đường thư 新唐書 (Địa lý chí,  
 quyển 43 thượng, tờ 9b) và Thái bình hoàn  
 vũ ký 太平寰宇記 (quyển 170, tờ 3a  
 đều chép nhà Đường bắt đầu đặt An Nam đô  
 hộ phủ vào tháng 8 năm Diêu Lộ thứ nhất  
 (679). Cựu Đường thư và Thái bình hoàn vũ  
 ký còn cho ta biết thêm một chi tiết khá  
 quan trọng bởi câu này: "開元元年八月  
 改交州都督府為安南都護府 =

điều lộ nguyên niên bát nguyệt, cải Giao  
 Châu đô đốc phủ vì An Nam đô hộ phủ: Hiệu  
 Diêu Lộ năm thứ nhất, tháng tám, đổi Giao  
 Châu đô đốc phủ làm An Nam đô hộ phủ" Đại  
 Việt sử ký toàn thư 大越史記全書  
 (ngoại ký, quyển 5, tờ 3a) chép việc này vào  
 năm 622 (hiệu Vũ Đức 武德 năm thứ năm  
 đời Đường Cao Tổ 唐高祖); Đại Việt sử  
 ký tiền biên 大越史記前編 (ngoại ký,  
 quyển 6, tờ 4a) chép vào năm 650 (hiệu Vĩnh  
 Huy 永徽 năm thứ nhất đời Đường Cao  
 Tông); Hoàng Việt giáp tý niên biểu 皇越  
 甲子年表 (quyển thượng, tr. 260 và 270

chép vào cả hai năm 622 và 679; Đường hội  
 yếu 唐會要 (quyển 73, tờ 17a) cho việc  
 đặt An Nam đô hộ phủ do chiếu chỉ ngày  
 mùng 7 tháng 3 năm Diêu Lộ thứ nhất (679)  
 Hoàng giám lục 弘簡錄 (quyển 2, tờ  
 17b) ghi sự kiện này vào tháng 8 năm 681  
 (hiệu Khai Diêu 開元 năm thứ nhất đời  
 Đường Cao Tông); H. MASPERO, trong bài Le  
 Protectorat général d'Annam sous les Tang  
 (BEFEO, t.X 1910, p. 550), cho rằng An Nam đô  
 hộ phủ được đặt ra vào năm 679 hoặc 681.  
 Chúng tôi theo thuyết của Cựu Đường thư,  
 Tân Đường thư và Thái bình hoàn vũ ký;  
 chắc Khâm định Việt sử cũng chép theo các  
 sách ấy.

(2)

Khâm định Việt sử, tiền biên, quyển 4, tờ  
 18a-19a, có lời căn án dân Ngô Sĩ Sứ như  
 sau: "Nhà Đường đổi Giao Chỉ làm An Nam đô  
 hộ phủ; các châu Giao, Ai, Phúc Lộc, Hoan,  
 Phong, Lục, Diên và Trường, đều thuộc về  
 quốc giới nước ta; còn như các châu Thang  
 Chi, Vũ Nga và Vũ An, vị tất đều là đất An  
 Nam, song vì cương vực các châu ấy li  
 lạc với đất Nam giao, nên người ta cho  
 thuộc về An Nam đô hộ phủ. Nay khảo cứu  
 sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sứ đời  
 Tống, thì thấy Trường châu là đất Cửu Chân,  
 tức là Thanh Hóa bây giờ, nhưng chưa rõ  
 giới hạn của châu ấy. Theo Thanh nhất thống  
 chí, Khâm châu có 3 huyện là Ô Lôi, Hòa  
 Thanh và Ninh Hải, như vậy thì Lục châu  
 thuộc Khâm châu, bảo rằng Lục châu thuộc  
 địa giới nước ta e lắm. Thiên địa dư chí  
 trong bộ Lịch triều hiến chương loại chí  
 của Phan Huy Chú cho rằng Hưng Hóa là Chi  
 châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang châu  
 đời Đường, Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời  
 Đường, An Bang (tức Quảng Yên bây giờ) là Vũ  
 An châu đời Đường; chẳng biết thuyết đó  
 đã căn cứ vào đâu". Giao châu có 8 huyện:  
 Tống Bình 宋平, Nam Định 南定, Thái  
 Bình 太平, Giao Chỉ 交趾, Chu Diên  
 朱菟, Long Biên 龍編, Bình Đạo  
 平道 và Vũ Bình 武平; Lục châu  
 có 3 huyện: Ô Lôi 烏雷, Hoa Thanh 華  
 清 và Ninh Hải 寧海; Phong châu có  
 5 huyện: Gia Ninh 嘉寧, Thừa Hóa 承  
 化, Tân Xương 新昌, Cao Sơn 高  
 山 và Châu Lục 珠綠; Ai châu có 6 huyện:  
 Cửu Chân 九真, An Thuận 安順, Sùng  
 Bình 崇平, Quán Ninh 貫寧, Nhật Nam  
 日南 và Trường Lâm 長林; Hoan  
 châu có 4 huyện: Cửu Đức 九德, Phó

Dương 滂陽 (Đại Nam nhất thống chí, quyển 14, tờ 2b, chép là Bồ Dương 滂陽), Việt Thường 越裳 và Hoài Hoan 懷驩 (Đại Nam nhất thống chí, quyển 14, tờ 2b, chép là Hàm Hoan 咸驩); Trường châu có 4 huyện: Văn Dương 文陽, Đông Thái 銅蔡, Trường Sơn 長山 và Kỳ Thương 其棠; Phúc Lộc châu có 3 huyện: Nhu Viễn 柔遠, Đông Lâm 東林 và Phúc Lộc 福祿; Thang châu có 3 huyện: Thang Tuyên 湯泉 (Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 4, tờ 19b, chép là Dương Tuyên 陽宣), Lục Thủy 綠水 và La Thiệu 羅韶; Chi châu có 7 huyện: Hân Thành 忻城, Phú Xuyên 富川, Bình Tây 平西, Lạc Quang 樂光, Lạc Diễm 樂醜, Đa Văn 多望 và Tư Long 思龍 (Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 4, tờ 19b, chép là Ân Long 恩龍); Vũ Nga châu có 7 huyện: Vũ Nga 武峩, Như Mã 如馬, Vũ Nghĩa 武義, Vũ Di 武夷, Vũ Duyên 武緣, Vũ Lao 武勞 và Lương Sơn 梁山; Diêm châu có 7 huyện: Trung Nghĩa 忠義, Hoài Hoan 懷驩, Long Trì 龍池, Tư Nông 武郎, Vũ Dung 武容 và Vũ Kim 武金; Vũ An châu có 2 huyện: Vũ An 武安 và Lâm Giang 臨江 (Tân Đường thư, quyển 43 thượng, tờ 9b-11a. Đối chiếu với Cựu Đường thư, quyển 41, tờ 42a-46b). Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan châu, đã được đổi tên là Diêm châu vào năm Trinh Quán 貞觀 thứ nhất (627) đời Đường Thái Tông 唐太宗, sau đó lại bỏ đi, đến năm Quang Đức 廣德 thứ 2 (764) đời Đường Đại Tông 唐代宗, nhà Đường mới chia Hoan châu và đặt lại Diêm châu (Khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 4, tờ 20b; Đại Nam nhất thống chí, quyển 14, tờ 2ab). Giao châu, do nhà Hán đặt ra, nguyên gồm có 7 quận: Nam Hải 南海, Uất Lâm 鬱林, Thượng Ngô 蒼梧, Giao Chỉ 交趾, Hợp Phố 合浦, Cửu Chân 九真 và Nhật Nam 日南; Phong Châu, nay là địa hạt các phủ Vĩnh Tường và Lâm Thao tỉnh Sơn Tây, chú không phải chuyên chỉ 1 huyện Bạch Hạc như Đại Việt sử ký toàn thư, (ngoại ký, quyển 1, tờ 3a) đã chép; Ai châu nguyên là quận Cửu Chân, đến năm Phổ thông 普通 thứ 4 (523) đời Lương Vũ Đế 梁武帝 mới đặt làm châu Ai, nay là địa hạt tỉnh Thanh Hoá; Chi châu, xưa là bộ Tân Hưng, nay là tỉnh Hưng Hoá; Diêm châu, xưa là bộ Việt Thường, nay là phủ thuộc tỉnh Nghệ An; Phúc Lộc châu thuộc địa giới tỉnh

Thanh Hoá ngày nay, nhưng chưa biết đích xác chỗ nào; Trường châu và Thang châu xưa thuộc bộ Vũ Định, nay là tỉnh Tuyên Quang Vũ Nga châu, xưa thuộc Vũ Định, nay là tỉnh Thái Nguyên (khâm định Việt sử, tiên biên, quyển 1, tờ 1b-2a; quyển 3, tờ 33a; quyển 4, tờ 20ab). Đới Đường, Giao Châu gồm cả Hà Nội, Bắc Ninh và Nam Định ngày nay; Phong châu gồm đất 2 tỉnh Sơn Tây, Vĩnh Yên ngày nay; Trường châu là đất tỉnh Ninh Bình ngày nay; Ai châu là tỉnh Thanh Hoá bây giờ; Hoan châu là tỉnh Hà Tĩnh bây giờ; Diêm châu là đất Nghệ An bây giờ; Phúc Lộc châu là phần đất Đông Nam tỉnh Nghệ An cho đến địa giới tỉnh Hà Tĩnh ngày nay; Lục châu là phần đất từ tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Quảng Yên ngày nay; Thang châu nay là tỉnh Tuyên Quang; Chi châu nay là tỉnh Hưng Hoá; Vũ Nga châu nay là tỉnh Thái Nguyên; Vũ An châu thuộc tỉnh Quảng Yên ngày nay (LƯU SĨ BĂNG 呂士朋, Bắc thuộc thời kỳ dịch Việt Nam 北屬時期的越南, Hương Cảng, Trung văn đại học Tân An nghiên cứu sở, xuất bản, 1964, tr. 123-124).

(Còn tiếp)





# TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần đầu tiên tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học giả Mặc Khách sưu lục

## HỒI THỨ MƯỜI BẢY

Thái sư thượng phụ một sớm lên tiên,  
Trần triều đại vương nghìn thu hiển thánh

Vua có ý quyền, luyện Hùng Đạo vương thường  
thường sai người đến thăm nom, Hùng Đạo Vệ  
thỉnh thoảng cũng vào chầu vua.

Một bữa vào độ canh hai, đêm hôm ấy trên  
không quang đảng, sao sáng rực trời. Vua  
nhân lúc thanh nhàn, ra sân ngắm xem thiên  
văn. Sức thấy một ngôi tướng tinh cực to,  
từ đông bắc bay vụt sang tây nam, rồi sa  
xuống đất, ánh sáng lờ lờ ra 10 trượng. Vua  
thất kinh, không biết là điềm hay dữ là m  
sao.

Sáng hôm sau, vua ra ngự triều hỏi các quan  
rằng:

- Đêm hôm qua là 24 tháng sáu, có ngôi sao  
to sa xuống ở góc tây nam, các quan có ai  
biết là điềm gì chăng?

Phạm Ngô bước ra tâu rằng:

- Ngôi tướng tinh sa là điềm nhà nước mất  
một vị lương đồng. Đêm qua, chúng tôi cũng  
có trông thấy ngôi sao sa từ mé đông bắc,  
chắc là ứng vào Hùng Đạo đại vương, thiết  
tướng ngài cũng không thọ được bao lâu nữa.  
Vua thấy nói không vui lòng. Kịp sai quan  
đi thăm Hùng Đạo vương. Hôm sau sứ giả về  
báo rằng: Hùng Đạo vương phải bệnh từ đêm  
hôm ấy.

Vua thất kinh, lập tức ngự giá thân sang  
Vạn Kiếp thăm bệnh ngài.  
Khí ấy Hùng Đạo vương mệt nặng, các con và

các gia thân hầu hạ xung quanh, không dám  
dời ra lúc nào. Sức bảo có ngự giá đến.  
Bốn vị vương tử cùng ra nghinh tiếp. Hùng  
Đạo vương sai người đỡ mình dậy.

Vua vào nhà trong, thấy ngài mệt lắm, nói  
rằng:

- Trẫm ở trong cung, không ngờ thượng phụ  
quí thể lại bệnh trọng thế này.

Hùng Đạo vương tâu rằng:

- Lão thân năm nay đã ngoài 70 tuổi, thể  
lạ đã thọ, dù chết cũng không hối hận gì  
nữa.

- Thượng phụ là lương đồng nhà nước, mong  
sao hưởng thọ được lâu dài, cho trẫm trông  
cậy.

- Bệ hạ chớ lo, lão thân tuy không được ở  
lại báo đáp quốc ân, nhưng còn nhiều người  
hiện tài giúp được bệ hạ.

- Thượng phụ một mai khuất núi, phỏng có  
quân bắc lại đến xâm nhiễu, thì làm thế  
nào?

- Nước ta tự thuở xưa Triệu Võ vương dựng  
nước, Hán đế đem binh đến đánh. Võ vương sai  
dân đốt sạch đồng áng, không để d  
lương thảo cho giặc chiếm được; rồi đem  
đại quân sang châu Khâm, Liêm đánh qu  
Tràng Sa, dùng đoản binh mà đánh được, đó  
là một thời. Đến đời Đinh, Lê, nhiều người  
hiện lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam t  
đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng d  
phần trần; mà bên Tàu đang lúc suy nhược  
cho nên dẹp thành Bình Lô (thuộc T h  
Nguyên), mà phá được quân nhà Tống, đó  
là một thời. Đến đời nhà Lý, quân Tống  
sang xâm, Lý đế sai Lý Thường Kiệt đánh m  
Khâm, Liêm, đồn đến Mai Lĩnh, quân hùng  
dung, đó là có thể đánh được. Kế đến b  
triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc bốn  
mặt may được vua tôi cùng lòng, anh em  
cả nước đều sức lại mà đánh, mới bắt được

tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế. Đại đế: Kể kia cây cỏ tranh trận mà ta thì cây cỏ đoàn binh; lấy đoàn chống nhau với trảng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến âm âm, như gió như lửa, thế ấy lại là dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà, như tâm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, khi cần lấy mau việc, thế ấy mới là khó trị; thì ta nên ủy dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến ví như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, cốt dùng được binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì, khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là chức giữ nước hay hơn cả đây.

Vua chịu lời ấy là rất phải.

Hưng Đạo vương lại nói rằng:

- Lão thần cõi thọ đã hết, xin bề hạ nghị việc nhà nước làm trọng, lão thần tử đây không được châu bệ hạ nữa đâu.

Vua xót xa, từ giả ra về cung.

Các vương hầu và văn võ các quan, ai nấy cũng đến hỏi thăm. Hưng Đạo vương nhất nhất cảm tạ lòng các quan, và dặn lại rằng:

- Ta nay hết lộc, không được cùng với các quan lo việc nước nữa, các quan nên đồng lòng thờ vua giúp nước, phải giữ trung hiếu làm đầu mới được.

Các quan ai nấy vâng lời tử ra.

Hưng Đạo vương gọi con trưởng là Hưng Võ vương Nghiễn vào dặn rằng:

- Sau khi ta mất, không được cho Quốc Tử vào khâm liệm, đợi khi nào đầy áo quan rồi sẽ cho nó vào.

Vì từ khi xưa An Sinh vương có hiềm với Thái Tôn, cố dặn ngài tranh lấy thiên hạ. Đến lúc quân Nguyên vào cõi, quân quyền về cả tay ngài, ngài mới đem lời An Sinh vương báo với gia tướng là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người đáp rằng: "Làm như thế thì phú quý được một thời, nhưng để tiếng xấu nghìn năm. Nay đại vương cũng đã phú quý rồi, sao nỡ làm thế. Chúng tôi xin chết già làm đầy tớ đại vương, chớ không muốn mang tiếng bất trung, bất hiếu, mà cầu làm quan to". Ngài nghe nói xong, động lòng rơm nước mắt. Ngài lại hỏi Hưng Võ vương Quốc Nghiễn rằng: "Cổ nhân giàu có cả thiên hạ, để truyền cho con cháu, bụng con nghĩ thế nào?" Quốc Nghiễn thưa rằng: "Phận làm tôi không nên thoán nghịch, giá vua khác họ cũng còn khờ nên, hưởng chỉ là cùng một họ". Ngài lấy lời ấy làm phải. Lại hỏi đến con thứ là Hưng Đạo vương Quốc Tử. Quốc Tử thưa

rằng: "Ngày xưa vua Thái Tôn nhà Tống vốn là một ông lão làm ruộng, còn biết thời tranh cướp, để lấy thiên hạ, hưởng chi phụ thân bây giờ binh quyền ở cả tay việc gì mà chẳng lấy". Ngài nổi giận, rút ngay gươm ra kể tội Quốc Tử là bất trung bất hiếu, toan đem chém ngay. Quốc Tử khóc lóc chịu tội, các tướng can ngăn Ngài mới tha. Bởi thế ngài vẫn ghét, đến bây giờ dặn không cho vào khâm liệm.

Bệnh ngài dần dần mỗi ngày một nặng, qua sáng tháng sau ngài mất. Bấy giờ là ngày 20 tháng tám năm Canh Tý, niên hiệu Hưng Long thứ tám (niên hiệu Đại Đức thứ tư Vua Thành Tôn nhà Nguyên, lịch tây 1300), ngài thọ được 75 tuổi.

Có thơ tán rằng:

*Trung hiếu lòng son tự tính thành,  
Anh hùng ra sức chống giặc xanh.  
Gươm thân một lưỡi kinh hồn giặc,  
Ngựa đá nghìn thu vững cõi mình.  
Đền Kiếp bia cao truyền sự nghiệp,  
Sông Đãng sóng cuốn hiền uy danh.  
Giờ Nam hương tỏa còn ghi nhớ,  
Oanh liệt kia kia dấu hiền linh!*

Hưng Đạo vương mất rồi, các vương tử sai người về kinh đô báo phó. Vua bấy giờ đang ngự đến Tuyên Thất, nghe tin ngài mất than khóc nói rằng:

- Thượng phụ vì nhà nước mặc áo giáp cầm đồ binh, quét sạch bụi rợ Hồ, đem lại thân kinh, phủ yên trăm họ, nay bỏ trăm mã đi, trăm bao giờ lại được người yêu vua nước như là thượng phụ nữa?

Thượng hoàng và hoàng thái hậu cũng khóc, các quan ai nấy cảm thương, dân gian xa gần xụi xùi sầu thảm, tựa hồ như mất cha mẹ. Vua sai bãi châu 10 ngày, bắt văn võ trăm quan cùng phải để chõ. Vua lại ngự giá ngồi xe mộc, ngựa trắng, thân đến Vạn Kiếp coi việc trị tang. Sai các quan dùng hậu lễ rước ma táng ở trong vườn An Lạc. Vua về triều giáng chiếu truy phong ngài là: *Thái sư thượng phụ, Thượng quốc công, Bình Bắc đại nguyên súy, long công thịnh đức, vị liệt hồng huân, nhân võ, Hưng Đạo đại vương*. Sai thợ dùng gỗ bạch đàn, chừa tượng ngài, để thờ trong đền Vạn Kiếp. Lại sai lập miếu thờ ở quê ngài là làng Tức Mạc, phủ Thiên Trường, bốn mùa sai quan tế bái.

Ngài thực là một người hết lòng với vua

với nước, tuy rằng uy quyền lừng lẫy, mà vẫn giữ chức phận làm tôi, không dám điều gì kiêu ngạo. Đang khi quân Nguyên quấy nhiễu, ngài cầm binh quyền, Thành Tôn, Nhân Tôn cho ngài được chuyên quyền phong tước trừ ra chỉ tước hầu thì cho ngài phong trước rồi mới tâu sau. Thế mà ngài không dám tự tiện phong thưởng cho ai chút nào. Phạm các nhà giàu, ngài có quyền tiền gạo để cấp cho quân ăn, thì ngài chỉ phong cho làm Gia lang tướng mà thôi, đó là ngài giữ phận làm tôi cẩn thận như thế. Bởi thế ngài mất đi, tử vua quan cho chỉ bảchtính ai cũng thương tiếc.

Từ khi lập đền ở Vạn Kiếp, hai xã Vạn An, Dực Sơn ngày đêm đèn hương phụng sự. Ngài thường hiển linh trừ tà trị bệnh cứu độ nhân dân. Khi nào có giặc, triều đình sai quan đi đánh, thường đến cầu đảo, hề thấy thanh kiếm thờ trong đền tự nhiên rung động, thì khi ấy tất thắng trận. Nhân dân nhiều nơi lập đền thờ phụng, lịch triều có sắc phong ngài là Thượng đế ứng tối linh thần. Phụ thân ngài được truy phong làm Khâm minh Đại vương. Mẫu thân ngài truy phong làm Thiện đạo quốc mẫu. Phu nhân ngài, là Thiên thành thủy dương, ngọc nhất, trưởng công chúa cũng được truy tôn làm Nguyên tử quốc mẫu. Các con ngài là Hưng Võ vương Quốc Nghiễn, Hưng Hiến vương Quốc Ủy, Hưng Nhượng vương Quốc Tăng, về sau cũng được phong làm Đại vương. Con thứ tư là Hưng Trí vương Nghệ tử khi đánh Nguyên trở về đến làng Chung Mỹ huyện Thủy Dương tỉnh Hải Dương (Thủy Dương bây giờ thuộc tỉnh Kiến An), chiêu mộ lưu dân, cho tụ tập làm ăn. Về sau mất đi, dân ở đây lập miếu phụng tự, lịch đại có sắc phong làm phúc thần.

Các bộ tướng của ngài: Phạm Ngũ Lão về sau lại đánh Ai Lao, Chiêm Thành có công được phong làm Điện tiền thượng tể ở ng quân. Sau khi mất, làng Phù Ứng lập miếu thờ làm phúc thần. Yết Kiêu về sau cũng được phong tặng làm Tĩnh mục hiển minh chiêu ứng Đại vương, làm thành hoàng làng Hạ Bì (thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương). Nguyễn Chế Nghĩa về sau lấy con gái vua Anh Tôn là nàng Nguyệt Hoa công chúa, lúc mất được phong làm An nghĩa Đại vương.

Làng Kiêu Ky (thuộc Bắc Ninh) nhận t h ấ y linh Ứng, lập miếu thờ làm thành hoàng. Còn các tướng cũng được phong tặng, tông tự ở trong đền Vạn Kiếp.

Kể từ năm Đinh Ty Nguyên phong thứ b ấ y (1257) ngài mới bắt đầu phụng mệnh đánh giặc, đến năm nay là năm giáp dần (1914), trực tính được 657 năm, mà miếu mạo uy danh ngài lại nguy nga hơn trước. Ngài thực là một bậc đại anh hùng nước Nam. Đó là:

*Đông a vận mở giời sinh thánh,  
Nam hải danh thom sứ tạc bia.*

Hồi sau sẽ lục những bài văn tán.

(Còn nữa)





# Dịch lý

## Sào Nam Phan Bội Châu

NẠI SƠN sao lục

THUY PHONG TÍNH

TỰ QUÁI

KHỐN HỒ THƯỢNG GIẢ TẤT PHẢN HẠ CỐ THỤ CHI ĐĨ TÍNH

Sau que khôn tiếp lấy Tính là vì có sao? Khôn ở sau Thăng, Thăng lên cuối cùng tất nhiên Khôn, Khôn ở chót vọt cao, tất phải ngã mà sụp xuống dưới, vậy nên sau Khôn tiếp lấy Tính (Tính là giếng, giếng là chôn thấp hơn hết).

Theo như tượng que, Khâm là tượng nước, Tôn là tượng gỗ, và lại tôn có nghĩa là vào, đồ gỗ dùng vào dưới nước mà đưa lên, tượng là như mức nước dưới giếng. Lại theo như tượng sáu vạch, vạch số dưới hết dứt đôi, tượng như lỗ nước mạch chảy lên, chính giữa hai nét dương là nét liên, tượng là lòng giếng trữ nước, trung gian có một hào âm là cái lòng trống để lấy nước. Lại lên nữa là hào Ngũ cũng là nét dương, là tượng cái vật để đầy giếng, trên hết một nét dứt trống, là tượng cái miệng giếng, nên đặt tên que bằng Tính.

SOẠN TỬ

CÁI ÁP, BÁT CÁI TÍNH, VÔ TÁNG VÔ ĐẮC, VẮNG LAI TÍNH TÍNH, NGẠT CHI, DIỆC VI DUẬT TÍNH, LUY KỸ BÌNH, HÙNG.

Tuyên văn que này chỉ muốn bằng một sự vật mà thí dụ vào đạo lý, nên quai từ mỗi câu, thấy ngầm một ý nghĩa ngoài chữ. Đây chỉ theo giữa mặt chữ mà giải thích cho rõ nghĩa đen. Còn ý nghĩa với đạo lý, thời xin độc giả phải nhận xét kỹ để sẽ hiểu thêm.

Tính là giếng, hề có làng xóm nơi nào, tất chôn ấy có người ăn nước, có người ăn nước tất phải có giếng, nhưng làng xóm có khi thay đổi, mà giếng ở đâu thời thường ở đấy, chẳng bao giờ thay đổi. Giếng vì thường ở

nhất định như thế mà thường thường có nước mạch chảy ra hoài, nên nước đi mà khô thấy kiệt, chứa lại mà không thấy tràn, thiết là không mất cũng không được. (Vô táng vô đắc). Hai câu ấy là nói bản thể của giếng. Còn những công dụng của giếng, thời những kẻ qua người lại tất thay là thấy giếng mà nhận bằng giếng. Hễ muốn đục nước uống tất phải lại giếng ngay (vắng lại tính tính)

Táng, nghĩa là mất; đắc, nghĩa là được; vắng nghĩa là qua, là người mức được nước rồi mà đi; lại, nghĩa là lại, nghĩa là nghĩ toan mức nước mà tới; cái áp bất cái tính là chôn ở của giếng vẫn nhất định; Vô táng vô đắc, nghĩa là đức tính của giếng vẫn hữu hằng; vắng lại tính tính, là công dụng của giếng đầy khắp mà xuất vô tâm.

Người vắng chẳng bao giờ giếng có cư, vắng lại chẳng phải giếng có mọi, giếng chỉ lo làm hết công việc của giếng mà thôi, nên nói rằng: tính tính - (Tính kê Tính)

Đạo trời đất trong vũ trụ, mặc dầu có đổi dời thay thời đổi dời sôi lạnh, mà đạo trời đất vẫn cứ y nhiên. Thế là: Cái áp bất cái tính. Áp là nhân tạo, tính là thiên nhiên, biến đổi là nhân tạo, không biến đổi là thiên nhiên, đó là nguyên lý của đạo hóa. Nguyên lai, vẫn có sẵn là phân hữu tượng, nên không bao giờ mất, là Vô táng. Nguyên lai, chỉ hư không là phân vô hình, nên không bao giờ thấy được, là vô đắc. Nhưng mà đã vô táng, thời cần gì nói vô đắc, vì có táng mới nảy ra đắc, có đắc mới nảy ra táng, vô táng vô đắc, chính là đạo lý vạn vật nhiên, hữu thường. Tuy nhiên chân lý vẫn bất dịch vừa tự nhiên như thế, nhưng công dụng lại rộng lớn phi thường, đọc

từ xưa tới nay, ngang tứ đồng chí tây, chẳng một sự một vật gì mà chẳng sinh hoạt trong vòng chân lý, kết quả trời vẫn là trời, đất vẫn là đất; vạn vật đời đời che chở mà quên cả ơn trời đất, lại là công dụng, xuất từ vô tâm có khác gì vàng lai tinh tinh nữa đâu.

Nguyên lý trời phú đủ cho ta mà gọi bằng tinh, không bao giờ thay đổi, thế là bất cái tinh, chân tinh đó theo về Phật học, thời cũng gọi Phật tinh, bất sinh bất diệt, tức là vô tăng vô giảm, noi theo tinh ấy mà gọi bằng Đạo, kẻ đi vắng người phớt lờ, cũng chỉ đi vào đường ấy mà thôi là vắng la i tinh tinh.

NGẠT CHỈ DIỆC VỊ DUẬT TÍNH, LUY KỶ BÌNH, HUNG.

Trên ấy nói về thiên đạo là thuộc về phân lý tượng với tự nhiên, bây giờ nói về nhân sự là thuộc về phân thực tế và đương nhiên - cũng chỉ thu thì bằng người mức n ở ở c giếng.

Hề làm một việc gì, tất phải làm cho đến thành công, vô luận thời một chủ nghĩa gì hay mưu một sự nghiệp gì tất, phải làm cho tới nói, mới thấy được kết quả của việc ấy nêu giữa đường mà vụt quách hoặc gần tới nói mà nghỉ bỏ, thời tuy chưa thất bại mà cũng gọi là thất bại. Ty như: người đi múc nước giếng mà sập sửa tới nơi; nhưng chưa kịp giồng giầy gàu xuống giếng, mà hình lính vỡ nứt cái bình đựng, nước, té ra cộng đi tới giếng hoàn toàn hong ráo, chằng giếng công làm sao?

Chúng ta xem mấy câu thí dụ ấy, thời biết được chương trình làm việc có ba giai đoạn. Đoạn thứ nhất phải dò thăm cho ra giếng. Đoạn thứ hai, là phải cố công đi cho tới giếng và dụng công đóng dây xuống giếng, bao giờ mức nước mới tới. Đoạn thứ ba là trong thời gian ấy phải hết sức cẩn thận, giữ gìn khí cụ vật liệu mình làm, chớ để nửa đường đổ bể; nếu không luy kỷ bình thời chắc chắn nước về tới nhà, chằng phải là thành công hay sao?

Đau đớn thay! Nước chưa kịp mức xong mà bình đã vỡ đổ, công phu đi tới giếng hóa ra đổ trắng xe cát biển đông, vậy nên người đời tu chí lập thân ra làm việc thiên hạ, cần có tay đại đấm mà cũng cần phải có dụng tâm, đó là thâm ý của quái tử dạy cho chúng ta.

SOẠN TRUYỆN

TÔN HỒ THUY NHỊ THƯỜNG THUY, TÍNH; TÍNH DƯƠNG NHỊ BẤT CƯƠNG ĐÁ, CÁI ẤP BẤT CÁI TÍNH, NAI ĐI CƯỜNG TRUNG ĐÁ; NGẠT CHỈ DIỆC VỊ DUẬT TÍNH, VỊ HỮU CÔNG ĐÁ; LUY KỶ BÌNH THỊ ĐI HUNG ĐÁ.

Tôn, nghĩa là nhập; nhập là vào, đồ mộc đưa vào nước mà, đưa nước lên, là tên người quê tính, tính là giếng. Giếng nuôi người ta mãi mãi mà chằng bao giờ cùng.

Cái ập bất cái tính, là vì đức giếng hữu thường, nên công dụng được rộng lớn, ngộ mà có đức được như thế, tất hạng người có đức cương trung như hào Nhị và hào Ngũ đó vậy. Tuyên que dụ có hào Nhị và hào Ngũ đứng cương đặc trung. Bởi vì, có đức cương trung nên cũng hữu thường như đức giếng.

Tiết thứ hai, quái tử lại muốn việc người gánh nước mà thí dụ bằng nút thiết làm việc đời, hề việc làm chưa xong cũng như chưa làm, tuy có đến giếng mà chưa đóng dây gàu xuống giếng cũng như chưa có công dụng gì, mà vừa bị mất bình đựng nước, còn kể gì được công gánh nước nữa. Vì thế mà mắc lầy hung xâu đó vậy.

ĐẠI TƯỚNG TRUYỆN

MỘC THƯỜNG HỮU THUY, TÍNH, QUÂN TỬ, ĐI LẠO DÂN KHUYẾN TƯỚNG.

Đại tướng truyện ở đây, lại lấy một nghĩa đặc biệt, mà không lấy nghĩa bằng nước giếng. Vì xem ở thế que, Tôn là Mộc, khâm là thuy, thuy ở trên mộc; nghĩa là ở trên cây có nước, Cây là một, giống sinh vật, hấp thụ tất thấy khí ở dưới đất thành ra tân dịch, mà đưa lên trên ngọn cây, nên trên cây thường có giọt nước ở đâu giọt lá. Thế cũng như nước mạch ở trong giếng chảy ra; mới đặt tên bằng que tính.

Người quân tử xem tượng ấy mới biết rằng loài người sinh trưởng với nhau, cũng cần có nuôi nhau, làm người trên tất phải nuôi dân, nên thường phải an ủi phủ tuất dân luôn luôn. Chằng những nuôi dân mà thôi, mà lại cần phải khuyên dụ cho dân, bày vẽ cho bằng cách giúp đỡ lẫn nhau trong tình yêu thương hòa ái.

(Còn tiếp)

## Bức tâm thư

Đọc bức TÂM THƯ, nặng đậm nhiều  
Gửi hồn cô lẻ ánh cao siêu  
Thanh nhiên trong suốt màu Xuân thắm  
Hoa lá reo bay đáng mỹ miều

Đành lễ Người Thân kính vô ngần  
Gửi Trời Tinh Khiết của mùa XUÂN  
NGUYỄN... ĐI! ĐI mãi ĐƯỜNG với với...  
VIÊN MÀN hôm nao, ĐAI NGUYỄN thành

Đây, cả hồn ai gửi cho đời  
Xây trời hoan lạc khắp nơi nơi  
Từ Bi xoa dịu nguồn đau đớn  
Thế thái, nhân sanh TRÍ ANH NGÔI

DUYỆT THẬT, ơn sâu phủ ĐẠO Mâu  
Thiền môn nghiêm tịnh chốn thâm sâu  
THIỆNG LÂM an lặng, Nguồn từ ái  
Tuôn chảy cao sơn tiếng nguyên cầu...

Đọc bức Tâm Thư ước nguyện nhiều  
NGƯỜI ƠI... ,NGƯỜI THẬT Ánh Cao Siêu  
ĐI... ,ĐI... ;Đi mãi ĐƯỜNG với với...  
Soi chiếu nhân gian Ánh tuyệt với

Tôi với NGƯỜI THÂN vốn MỘT NGUỒN  
Bàn ĐƯỜNG Chân Lý chốn Thiền Môn  
Cách xa muôn dặm, kia! Sông núi  
Xa cách chi đâu hướng âm vốn...

CHÂN ANH đời tôi đây: CỐ NGƯỜI  
HÌNH HẢI BÁT Diệt khắp nơi nói...  
HỮU, - VÔ, THƯỜNG - CHUYÊN, nào ai BIẾT!  
Chỉ BIẾT Trăng thu ANH TUYỆT VỚI

.....

Tịch tịnh THUYỀN trôi ĐÀU BÊN NGÔI  
Như như, an lạc bóng hình "TÔI"  
Sáng, trong, làng VANG trời U - SÁNG!  
Nhịp, điệu an nhiên đến VẠN ĐỐI...

HUYỀN THẠCH SƠN (La Roche d'Or)  
Pháp quốc, một sáng mùa Xuân...

T.N. TRÍ TÁNH

## Khóc Bạn

Sư Cô Thích nữ Trí Tánh, đã ra đi. Đê laicho  
Đạo và Đời những hoa lá cỏ cây... nhễ trắng  
sao gió núi... những hạc nội mây ngàn của  
cõi Diêm phù. Cho nắng sớm mưa chiều dẫy nổi  
cỏ dớn và sâu thẳm. Trong đó, hồn thơ d a ng  
nức nở nghẹn ngào. Hai năm về trước, tôi được  
diễn kiến cùng người vào mùa Phật Đản tại  
Chùa Khánh Anh. Sư cô có bảo với tôi rằng :  
- Đời mình, không bao giờ oán hận thế gian  
nhưng...

Có những niềm đau khá đậm đà  
Trần ai năm tháng, có phôi pha  
Mang chỉ thân liễu ngàn sâu thẳm  
Nghiep nợ nhân sinh tự hải hà  
Trong tình đạo bạn. Hay tin quá muộn màng.  
Không nói được gì trước giây phút chia ly.  
Và bây giờ...

Người đã xa rồi tôi ở đây  
Đêm đêm thao thức suốt canh chầy  
Ơn lại xa xưa buồn kỷ niệm  
Thương về góc biển nhỏ ven mây...

Để có một chút gì gọi là dựa tiên Giác linh  
người quá cố về nơi Lạc canh.

Nghìn thu một giấc im lìm  
Con dò vịnh biệt đã tìm sang sông  
Xa xưa má thắm môi hồng  
Xuân xanh héo hắt liễu lông trắng khuya  
Bụi trần ai nở sột chia  
Cho người đường thế. Sâu bìa miệng đời  
Phổ phưởng, giờ đã quên hồi  
Trời Âu phủ kín ngàn lời Thi nhân  
Giác linh xin nhận chút phần  
Hường lòng khấn nguyện một lần riêng tôi  
Chân như nay đã gần rồi  
Vô thường còn đó xa xôi ngút ngàn  
Nhiều đêm đối bóng trăng vàng  
Nhật nhòa sương lệ dãi hàng rúng rưng  
Sanh già bệnh chết không ngừng  
Trần ai sạch nghiệp gượng mừng thế thôi

THÍCH NỮ ĐIỀU AN  
Mùa Đông Quý Hợi 83



## TIẾNG GỌI MÙA THU

Mùa Thu đến sáng ngời tình cây cỏ  
Van màu xanh chuyển đỏ một niềm Tin  
Rằng: mai đây khi ánh hồng rạng tỏ  
Chiều ngập hồn ai đó áng Thanh Bình!...

Mùa Thu đến chuyển mình trên "hoang đảo"  
Chuyển thời gian, đổi áo, lá vàng rơi...  
Lá bay đi cho lòng thầy tới bởi  
Trời chảy mãi... giòng đời... ôi! hư ảo!!

Mặt, thể gian thầy mùa Thu đang chết  
Thơ than rằng Thu đến dễ mà đi...  
Ai, hỏi người hiểu lý Đạo Huyền-vi!  
Cô chỉ đời hay bất di bất dịch?

Mùa Thu đến tiếng cười vang cây lá  
Sao hồn ta tỏ rạng ánh bình minh  
Tiếng thời gian còn đây! Tiếng vô hình,  
Lặng đọng lại trong phút giây bất diệt!

Mùa Thu đến tiếng chim vang diễm tuyệt  
Hát ca lời giải thoát đến cùng ai  
Hãy lặng nghe trong bất động ban mai  
Ôi, Ban-Thê hiện bày trong giây lát

Kìa! Ban-Thê và tôi đâu có khác!  
Chung quy về trong một... lại là hai!  
Mà hình như "Người" xuất tự đêm dài...  
Hay đã đến một mai hồng nắng sớm?

Tôi không biết đường đi và nẻo đến  
Đã đưa "Người" hiện hữu tại trong tôi  
Tôi lặng Nghe và chỉ biết thế thôi  
Mà tìm hiểu làm sao ai hiểu được?

Mùa Thu đến trên trường đời 0 trước  
Tiếng "Người" vang vang mãi tận chân trời  
Tôi "nghe" hoài tiếng ấy hỏi người ơi  
Niềm an ủi, ôi... lòng thương nhân loại!

Mùa Thu đến một mùa Thu bất hoại  
Đã có "Người" hiện hữu tại trần gian  
Tôi "Thầy" rồi, nhưng bao kẻ mơ màng  
Tìm Chân Lý trong bao tàn tâm thức,

Trong tham lam, sân hận với si mê,  
Trong âm u không biết nẻo đường "vẽ"  
Trong lối, danh, sắc, tướng quá dễ mê  
Sao biết được cô "Người" đang đứng đợi!

Mùa Thu đến với tiếng cười Trĩ Tuê  
Đầy! Bài ca Ban-Thê rộn hồn ai  
Tĩnh thức rồi! một buổi sớm ban mai  
Sung sướng quá, ta Ca bài Bất Diệt...

Mùa Thu đến áo ai đã thay mới  
Tư dầy, lòng không đổi đổi tác gang  
Chỉ bỏ đi những phiền phức bên đàng  
Trút gánh nặng luôn mang từ muôn kiếp!

Mùa Thu đến, một mùa Thu diễm tuyệt  
Thầy kiếp người thương quá như lòng ai  
Lấy từ bi hóa độ khổ muộn loài  
Ai cần đến, ta Ca Bài Giải Thoát!

Mùa Thu đến sáng ngời Tình Nhân Loại  
Van sâu đau chuyển lại một niềm Tin  
Rằng: Tìm đâu xa lạ Ang Thanh Bình  
Trong mọi vật Thiên Thu đã hiện hữu!!!

16-6-1981 - Rằm tháng Năm  
TAN DẦU  
THÍCH NỮ TRÍ TÁNH

## XUÂN NAY

Xuân đến, lòng ta hãy ngẩn ngơ  
Ngày tháng qua mau chẳng đợi chờ!  
Biết chúc gì đây cho bà tánh?  
Ngại ngừng giây mực, ngại lời thơ!

Thê Sư đa đoan đây khổ hải  
Lòng ta thao thức đến bao giờ.  
Tĩnh giặc Nam Kha, vì ác mộng  
Thương đời Tang Hải vẫn làm mơ...

Muôn theo Ngài Tào lên Thượng giới  
Nhìn xuống dương gian một cuộc cờ:  
Mà xem vương bá đi đâu vắng  
Sĩ tốt lao nhao chạt cõi bờ!  
Xâu xé giết danh, danh với lợi  
Ngâm máu phun nhau, tước với quyền.  
Thầy Thánh ngắm người đành ân dật  
Quy ma thôi mặc sức nghênh ngang.

Long Hoa hội ấy còn xa lắm  
Thiền địa hôn mê buổi mặc kỳ.  
Có kẻ âm thâm rơi nước mắt  
Thương đời không một chút nào khuây!

THI NGUYỄN

Đài Bắc đầu năm 84

# Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa  
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

## KAPITEL IV

### Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode oder die Dreifache Zuflucht (ti-sarana)

#### A. Zur Einführung

#### B. Themen:

##### I. Begriffe und deren Bedeutungen.

Was versteht man unter:

- 1) die Zufluchtnahme(sarana)
- 2) die Drei-Kleinode(ti-ratana)
- 3) die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode(ti-sarana)  
oder die Dreifache Zuflucht.

##### II. Drei Stände von Drei-Kleinode

- 1) Gleicheingenschaftliche Drei-Kleinode
- 2) Die Welt verlassende Drei-Kleinode
- 3) Weltlich verweilende Drei-Kleinode

##### III. Der äußere Sinn der Dreifachen Zuflucht

- 1) Zuflucht zum Buddha(der Erleuchtete)
- 2) Zuflucht zum Dharma(Lehre)
- 3) Zuflucht zum Sangha(Mönchsorden)

##### IV. Der innere Sinn der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Zufluchtnahme zum Buddha
- 2) Zufluchtnahme zum Dharma
- 3) Zufluchtnahme zum Sangha

##### V. Die Feierlichkeit der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist säubern und besänftigen.
- 2) Seine Willen zur Dreifachen Zuflucht vor Drei-Kleinode klar und deutlich sprechen.

##### VI. Die Wohltaten der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode.

- 1) In Unwissenheit des weltlichen Weges nicht verfehlen, in das Meer des Leidens nicht untergehen.
- 2) Die Willen zur Dreifachen Zuflucht dienen zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zufluchtnehmers, da Buddha und Mönchsorden diese bezeugen.

#### C. Schlußfolgerung.

Buddhistische Anhänger sollen den zweifachen Sinn der Dreifachen Zuflucht ins Herz nehmen, und sie klardenkend fortschreiten.

(Fortsetzung)

## V. DIE FEIERLICHKEIT DER DREIFACHEN ZUFLUCHT

Nach Kenntnismahme über die äußeren, und inneren Sinne der Dreifachen Zuflucht sollen wir von der feierlichen Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht Ritten erfahren.

1. Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist Säubern und besänftigen.  
Der Zufluchtnahme - Ritus ist die bedeutendste Zeremonie eines zum Buddha-Weg Bekenner. Sie bezeichnet den Ausbruch des Befreiungsweges aus dem Kreislauf von Geburt und Tod, welcher das heilige Endziel der Buddhalehre ist. Deshalb dürfen wir diese Zeremonie nicht mißachten und sie keineswegs vernachlässigt abhalten.  
Ein Tag vor dem Zufluchtnahme - Ritus soll der Bekenner seinen Leib und Geist Säubern und besänftigen. Die Bekleidung soll sauber und ordentlich sein. Den Geist besänftigen der Zufluchtnehmer durch 3 mal Sündenbekenntnis, damit seine 3 Karmen (Leibes-, Mundes-, und geistes-Karma) rein werden!  
Durch diese äußere und innere Reinheit kann der eigenwillige Zufluchtnehmer die höchst reine Dharma der Dreifachen Zuflucht würdig entgegennehmen.

### 2. Gelübde ablegen.

Aufrecht niederknien, unter der Leitung vom Sangha, legt der Bekenner folgende Gelübde ab.

Ich nehme meine Zuflucht zum Buddha  
Ich nehme meine Zuflucht zum Dharma  
Ich nehme meine Zuflucht zum Sangha.

In Pali-Sprache wird es so ausgesprochen :

Buddham saranam gacchāmi  
Dhammam saranam gacchāmi  
Sangham saranam gacchāmi.

In dieser feierlichen Weise des dreimaligen Aussprechens dieser Formel bekennt man sich als Anhänger der Buddha-Lehre. Fortan wird er ein Buddhist, und durch aus festüberzeugt, daß er die Samen der Erlöschung von karmischen Wirken in sich gesät hat, die gewiß fruchtbare Ernte einbringt, d.h. er befreit sich von drei karmisch unheilsamen Wegen, nämlich Höllen-Wesen (naraka-Sattva), hungriger Geister (preta), Tiere (tiriyagyon). Deshalb spricht der Zufluchtnehmer weiter folgende Formeln aus :

Ich have meine Zuflucht zum Buddha genommen, und wird nicht den Höllen-Wesen unterworfen.

Ich have meine Zuflucht zum Dharma genommen, und wird nicht den hungrigen Geistern unterworfen.

Ich have meine Zuflucht zum Sangha genommen, und wird nicht den Tieren unterworfen.

Zur Bewahrung seiner heiligsten Einstellung und zur Aufrechterhaltung seines Anvertrauens an die Buddha-Lehre spricht der Zufluchtnehmer folgende Gelübde entschlossen aus :

Als Zufluchtnehmer an Buddha gelobe ich mich lebenslang nicht an heiligen Wesen, Geistern und Dinge anzugehören.

Als Zufluchtnehmer an Dharma gelobe ich mich lebenslang nicht an Furtler (Tirthika), Ketzerei, Irrelehre anzuschliessen.

Als Zufluchtnehmer an Sangha gelobe ich mich lebenslang keine Freundschaft mit Bösewichtern, und schlechten Freunden zu schliessen.

Somit endet die Dreifache Zuflucht-Zeremonie. Der Buddhist verfolgt und praktiziert, was er vor der Drei-Kleinode (Ti-ratana) gelübde abgelegt und sich gelobt hat.



## VI. WOHLTATEN DER ZUFLUCHTNAHME ZUR DREI-KLEINODE

### 1. In Unwissenheit des weltlichen Weg nicht verfehlen.

Wie wir alle wohl erfahren, befinden sich alle Wesen im Meer des Leidens, hilflos und vereinsamt in der ausgedehnten Dunkelheit diesen trübsamen Umständen, ohne klares Ziel zur Orientierung, ohne Mittel dahinzukommen, ohne Leitung von Mönche, werden wir ständig im Meer des Geburt-und-Tod Kreislaufs wirbeln.

Das klare Ziel sei Buddha, solche Mittel sei Dharma und Mönche sei Sangha.

Die Zufluchtnahme sei Holzfloß der Drei-Kleinode für alle Ertrunkener im Meer des Leidens, um sie daraus zu retten.

### 2. Der Willen zur Dreifachen Zuflucht dient zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zuflucht-Nehmers, da Buddha und Sangha diese bezeugen.

Es würde jemand bestimmt sagen, daß "Ich verehere Buddha, weil er ein vollkommener Erhabener ist; ich verehere Dharma, weil Dharma die Fähigkeit hat, welche alle Wesen zur Befreiung aus dem Kreislauf von Geburt und Tod verhilft; ich verehere Sangha, weil sie Schüler bzw. Vertreter des Buddha sind.

Wenn ich dieses wußte, ist es doch schon genug, weshalb brauche ich noch die Zuflucht-nahme-Zeremonie zu verrichten?"

So zu sagen, versteht man doch noch nicht die psychologische Seite des Gelübdes, das Versprechen. Wenn wir jemandem etwas versprochen haben, aber das Versprechen nicht einhalten, würden wir das bereuen und unsere Seele unberuhigen zur Dreifachen Zuflucht haben wir Gelübde ernsthaft vor Drei-Kleinode abgelegt; sie werden von Buddha Sangha und unseren Angehörigen, sowie Freunden bestätigt. Deshalb können wir nicht verwirklichen, was wir versprochen haben.

Wir wissen, daß Drei-Kleinode heilig ist; so werden wir bestimmt Zuflucht zur Drei-Kleinode nehmen müssen, und die Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht ernsthaft und feierlich verrichten.

## C.- SCHLUSSFOLGERUNG

Wir wissen, daß ein Buddhist die Zuflucht zur Drei-Kleinode nehmen muß. Die Zuflucht-nahme bezeichnet den Ausbruch aus dem Kreislauf von Geburt und Tod den Befreiungsweg. Die Zeremonie der Dreifachen-Zuflucht sei ein Abschied für jemanden, welcher neue Verantwortung, Verpflichtung annimmt.

Wir haben Zuflucht zur Drei-Kleinode genommen, und praktizieren wie wir Gelübde abgelegt, somit wird das Ende des Erlöschungsweges dicht an uns sein

Vergesse nicht die letzten Worte des Sakya-Muni Buddha :

"Bemüht Euch, um befreit zu werden".

(Fortsetzung folgt)

# GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN  
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON  
RUDOLF PETRI

## INHALT

Erster Teil  
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil  
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil  
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977  
Dr. R. Petri  
Reinbekerweg 50  
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Der Wildbestand Südvietnams wurde durch die Amerikaner, aber auch durch südvietnamesisches Militär, fast ausgerottet. Obwohl man hunderttausende Riesenschlangen tötete, wurden sie nie alle, denn diese Reptile verstanden es besser, sich zu verstecken, als die Raubkatzen. Es war noch nicht lange nach dieser Tigerepisode, als ich eines Morgens zum Tisch im Empfangsraum ging, um eine Tasse Tee zu trinken. Gerade wollte ich den Deckel der Teekanne heben, welche in einem Bastkorb stand, im gleichen Augenblick sah ich etwas Dunkles, welches sich um den Teekorb schlängelte - eine Kobra! Das Reptil war sehr wahrscheinlich mehr über mein Erscheinen betroffen als ich über die Schlange. Gemächlich schlich sie sich vom Tisch und kroch über den Stuhl und von dort hinaus ins Freie. Na, das war auch wieder einmal gut gegangen! Ich wohnte ohne Zweifel in einer lebensgefährlichen Umgebung, dennoch hegte ich nicht den Gedanken, von hier wegzugehen. Nur die Amerikaner machten mir das Leben schwer, denn eines Tages sah ich eine ganze Kolonne mit Sand beladenen IKW's aus Richtung Meeresdünen hervorfahren und unterhalb meines Berges auf der anderen Seite der Phan Chau Trinh Strasse die Kraftwagen entleeren; sie schüttelten Sand in das Süsswasser, um Land zu gewinnen. Zu welchem Zweck blieb für einige Zeit unklar, doch nach einem Monat, Tag- und Nachtarbeit, mit viel Motorengeräusch, wusste ich was beabsichtigt wurde, nämlich, man wollte hier, genau mir gegenüber, eine Steinbrecherstation aufbauen, um diese Steine in Makadam zu verwandeln, die Arbeit sollte ein bis zwei Jahre in Anspruch nehmen. Ich dachte nur: "alles für die Katz denn ihr werdet diesen Krieg nie gewinnen!" Als die neue Insel fertig war, belegte man sie mit Makadam und bohrte danach lange Eisenpfähle in den Sand und stellte Wellblecherne Schuppen auf, zuletzt kam die grosse Steinbrechermaschine, ein Ungeheuer aus Stahl. Tag und Nacht wurde gebrochen und der Staub wurde oft vom Wind gegen die Berge und in die Wohnviertel der Phan Chau Trinh Strasse getrieben. Alles wurde verstaubt, Häuser innen und aussen, Palmen, Blumen und Bananenstau-

den, und man frass buchstäblich Staub. Nachts konnte ich vor Staub kaum schlafen und am Tage war dies wegen der grossen Hitze noch weit schlimmer. Ich sah in meinem Fernrohr, wie amerikanische Soldaten mit entblösten Oberkörpern in Hitze und Staub schufteten; ich glaubte, es seien Soldaten der Strafkompagnie, denn ein normaler Soldat konnte wohl nicht zu solch einer Sklavenarbeit herangezogen werden. Es arbeiteten auch einige Vietnamesen mit ihnen, doch niemand legte Hemd oder Hut ab. Helikopter landeten ebenfalls auf dieser Steinbrecherinsel oder besser gesagt Halbinsel, denn links und rechts gab es immer noch genügend Süsswasser, in dem rote Lotusblumen blühten, jetzt aber dahinstarben. Einmal sah ich ganz deutlich durch Fernrohr wie ein amerikanischer Soldat einem Helikopter gelandeten Offizier mit einer Handbewegung mein Vihàra zeigte der Offizier lachte hämisch, er freute sich wohl, mir Unbehagen zu bereiten, denn für fast alle Amerikaner waren buddhistische Mönche Kommunisten oder wenigstens Vietcong-Sympathisanten, was natürlich eine grosse Verleumdung ist.

## 14. ZWEI AMERIKANER WURDEN BUDDHISTEN

Im Januar 1972 fuhr die oben erwähnte religiöse Dame, meine Nachbarin, nach Saigon, um bei ihrer dort wohnenden Tochter ihre Erkältung, welche sie sich im kalten Winterwind zugezogen hatte, zu pflegen. Eine Woche später erfuhr ich, dass sie gestorben war und eine buddhistische Feuerbestattung erhalten hatte. In Vietnam werden nur buddhistische Mönche, Nonnen und Religiöse verbrannt, alle Laien dagegen beerdigt. Der letzte Diktator Südvietnams, Thieu, verordnete, dass alle Tote vom Tage des Erlasses an beerdigt werden sollten; sehr wahrscheinlich wollte er damit die Buddhisten beleidigen. Er selbst war ein Buddhist gewesen, solch einer, welcher nichts vom Buddhismus wusste. Die Frau des Marionettendiktators war Katholikin, und es gelang ihr, ihren Mann zu ihrem Glauben zu bekehren, wahrscheinlich noch vor der Hochzeit und als Bedingung dafür. Thieu schien mir schon immer als eine Art HampeImann in Händen seiner Frau, genau so wie der frühere Diktator Ngo Dinh Diem



ein Hampelmann seiner mannhaften Schwägerin Madame Nhu gewesen war.

Das Häuschen, welches die Religiöse fast zwei Jahre lang bewohnt hatte, stand nun verwaist. Einige Tage vor meiner Verhaftung im August 1975 schenkte mir der Eigentümer das Häuschen. Es war meine Absicht, es als Institut einzurichten, aber ich kam nicht mehr dazu, wie der Leser bald erfahren wird.

Ein eifriger Laienbuddhist von Mytho besuchte mich häufig in seinem Jeep, er fürchtete sich nicht, weder vor Vietcong, noch vor Amerikanern; jeden Sonntag Morgen gab ich ihm und anderen Buddhisten von Saigon und Vung Tau Lehrunterricht, teilweise in Französisch und Englisch. An einem Sonntag kam der Laienanhänger mit dreien seiner Freunde. Mit sich hatten sie einen Ableger des Bodhibaumes (Ficus religiosa) das ist der Baum der Erleuchtung. Jeder buddhistische Tempel in Südostasien hat zumindest einen solchen Baum in seinem Garten zur Erinnerung an den Baum in Bodhgaya, unter dem der Buddha seine Erleuchtung erlangte. Der Ableger wurde seitlich des Vihāras gepflanzt

Etwas später erhielt ich den unerwarteten Besuch eines amerikanischen Sergeanten in seiner Felduniform. In seiner Begleitung war seine recht hübsche vietnamesische Frau und einige andere Damen. Die Damen verbeugten sich drei Mal auf orientalische Weise vor der lebensgroßen Buddhastatue in meinem Tempelraum. Ich stand im gelben Gewand rechts vom Altar und schlug den bronze Gong bei jeder Verbeugung mit gefalteten Händen und Kopf auf die Matte.

Nachher lud ich die Besucher in den Empfangsraum zu einer Tasse Tee (ohne Zucker und Milch!) ein und ich erfuhr, dass der Sergeant schon seit einiger Zeit am Buddhismus interessiert war und gerne offiziell Buddhist werden wollte - nach seiner baldigen Entlassung aus dem Militärdienst. Herr R.C.A., der Sergeant, hatte fast 20 Jahre Dienst in der amerikanischen Armee absolviert und hatte jetzt mehr als genug. Zuvor hatte er am Koreafeldzug teilgenommen und noch früher war

er in Bayern stationiert gewesen. Der Sergeant sprach fließend Deutsch und wir unterhielten uns abwechselnd in seiner und meiner Muttersprache. Seine Frau sprach gutes Englisch, seiner Zeit hatte sie für die Amerikaner gearbeitet, aber den Dienst nach oder vor der Heirat quittiert.

Durch den Sergeanten wurden weitere Amerikaner auf mich aufmerksam gemacht, darunter auch ein Neger, welcher bereits zum zivilen Leben zurückgekehrt war und mit einer Vietnamesin, ob Frau oder nur quasi Frau, verheiratet war, erinnere ich mich nicht. Viele Amerikaner lebten nur mit ihren Geliebten zusammen, in Englisch common wife, und von den Vietnamesen "kleine Frau" genannt, letzterer Ausdruck konnte aber auch auf die zweite Frau eines Vietnamesen bezogen werden. In Vietnam war es seit Alters her gestattet, zwei oder mehrere Frauen zu heiraten, oder Frauen als Nebenweiber ins Haus zu nehmen. Obwohl Gautama Buddha den Laienanhängern empfahl, sich nur eine Ehefrau zu nehmen, setzte sich dieser Vorschlag unter den Völkern Asiens nicht durch. Von buddhistischer Seite wurde nie direkt gegen Polygamie agitiert, sondern ein Mantel "edlen Schweigens" darüber gedeckt. Unter dem neuen radikalen Regime Vietnams ist nun Vielweiberei streng verboten, ebenso auch die bis vor dem Zusammenbruch landesübliche Prostitution, und wie ich kürzlich gehört habe, sollen Übertretungen mit Gefängnis und sogar Todesstrafe belegt worden sein. Trotz aller Grausamkeiten der Viet Cong während des langen Krieges, muss dennoch zugegeben werden, dass ihre Moral im allgemeinen höher war, als die der Amerikaner. Vietcongs steckten z.B. keine Dörfer in Brand, - mit Ausnahme regierungseigener Hamlete (Wehrdörfer) - ermordeten keine Greise oder kleine Kinder, vergewaltigten keine Frauen, töteten aber häufig Dorfälteste und Wehrdorfvorsteher, weil diese mit den Amerikanern bzw. mit der südvietnamesischen Marionettenregierung in Saigon zusammenarbeiteten. Es geschahen Vietcong Terrorakte ob es sich bei solchen Terrorakten tatsächlich immer um solche der Vietcongs handelte, war oft zweifelhaft und manch einer beschuldigte die südvietnamesischen Autoritäten, solche Terrorakte zu inszenieren, um die Bevölkerung mit Hass gegen die

Lesen Sie bitte auf Seite 33

# Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Túân

(Fortsetzung)



Als Buddha den Palast betrat, strahlten alle Gesichter vor Freude. Überglücklich nahm Rahula, der Sohn des Siddhartas Gotama, die Hand seiner Mutter Yashodhara, zog sie vor dem Buddha und die beiden knieten vor dem Erhabenen. Darauf sagte dieser: "Wie die Zeit vergeht! Daß du jetzt erwachsen bist, verdankst du der Pflege deiner Mutter. Ich bin gekommen, um der königlichen Familie, deiner Mutter und dir die Lehre des Heilserkenntnis beizubringen".



Auf Wunsch des Königs setzte sich Buddha ganz gerade und hielt eine Predigt über die Vergänglichkeit der Dinge, das Leiden, die Leerenatur und über die Nicht-Existenz des Ich's. Er sagte:

"Mein Wunsch war aus diesem ewigen Kreislauf der Wiedergeburten heraus zu kommen. Deshalb bin ich in die Hauslosigkeit gegangen. Die Heilslehre, die ich gefunden habe, möchte ich euch übertragen. Folgt diesem achtfachen Pfade und nimm das reine Leben an...".



Nach langer Erklärung des Erhabenen nahmen alle hocheifrig das Dharma in Empfang. Dann baten viele Prinzen und Hofbeamten den Meister um die Bekehrung. Sie entschlossen sich, das weltliche Leben zu entsagen und versprachen sich, von nun an sich zu vervollkommen. Unter den neuen Mönchen waren auch Anurudha und Rahula.

Auf Grund seines grünen Alters erfand der Erhabene die 10 Sramanera-Gebote für den jungen Novizen Rahula.



Buddha achtete ganz besonders auf den Prinzen Nanda, Sohn von Suddhodana und Pajapati Gotami. Nanda war mit Janopada Kalyani frisch verheiratet.

Eines Tages kam Nanda zur Versammlungsort des Buddha um ihm Almose zu legen. Dann folgte er ihm ohne es zu wissen bis zur Tür der Schlafstätte des Mönches.

Plötzlich fragte Buddha:

"Oh Nanda, ich gebe dir die einzige Gelegenheit, das ewige Glück zu erwerben. Bist du, Nanda, bereit für immer mit mir zu kommen, um Mönch zu werden?"

"Ja, Oh Herr, ja", antwortete Nanda. Sariputra folgte dem Befehl des Erhabenen und rasierte den Kopf des Prinzen glatt. Es geschah so schnell, daß Nanda nicht mehr zurück konnte, als er es merkte. Außerdem blieb er stillschweigend vor dem Ausstrahlen des Erleuchteten. Er hatte ihm fest versprochen und mußte dabei bleiben.



Der Asket Nanda sehnte sich immer noch nach seiner Frau. Bei einer Wanderung fragte ihn der Buddha: "Siehst du, Nanda, den Affen auf dem Baum?; sag mir, Nanda, dieser Affe und deine Gemahlin, wer ist schöner?". Darauf antwortete er: "Meine Frau, oh Herr, meine Frau ist die schönste, die ich je gesehen habe".



Im Grunde traunte Nanda nur vom ewigen Glück. Einmal begleitete er den Meister zum Reich der Götter. Dort begegnete er nur Göttinnen mit Himmlicher Schönheit. Als Buddha die Frage stellte: "Siehst du, Nanda, diese Göttinnen? Kannst du sie mit deiner Gemahlin vergleichen?", antwortete er:



"Diese Göttinnen , oh Herr, mit ihrer einmaligen Schönheit ist meine Frau auf der Erde wie der alte Affe auf dem Baum".

Dann fragte Nanda eine Göttin:

"Es kommt mir seltsam vor, daß es hier keinen Mann zu sehen gibt!".

"Doch sagte die Göttin, Es wird bald einen Mann geben. Sein Name ist Nanda. Aber zuerst muß er sich viele Mühe geben, um die Vollkommenheit zu erlangen. Dann kann er bei der nächsten Wiedergeburt hier sein. Sein Platz ist genau die Stelle, wo Sie jetzt stehen".

Nach dem Rückkehr träumte Nanda nicht mehr von seiner Frau.



Seitdem Nanda vom Reich der Götter zurückkam strengte er sich an, das tugendhafte Lebenswandel zu führen. Dabei mokierten sich die anderen über seinen Traum nach dem Glück in himmlischer Welt. Ein anderes Mal nahm Buddha ihn mit in die höllischer Welt. Dort sah Nanda wie die Dämonen in riesigen Pfannen das Öl zum Sieden brachten. Nur in einem der Kochgefäße blieb das flüssige

Fett nur lau-warm. Auf seine Frage, warum es so war, wurde ihm geantwortet: "Diese Pfanne ist für einen der Schüler des Buddha freigehalten. Sein Name ist Nanda. So bald seine glückliche Zeit vorbei ist, wird er hierdrin gekocht". Diese Worte erschreckten Nanda bis in den Knochen. Seitdem strebte er nur nach Nirvana und nicht mehr nach dem Glück in himmlischer Welt.

(Fortsetzung folgt)



(Fortsetzung von Seite 30)

Kommunisten zu laden - was aber nicht ganz gelang, obwohl als Ganzheit gesehen, das südvietnamesische Volk bestimmt keinen Kommunismus wünschte, und schon gar nicht nordvietnamesische Bevormundung, und eine von Hanoi gesteuerte Regierung. Oft warf ein Terrorist eine oder mehrere Handgranaten in einen Knäuel Frauen und Kinder, gerade als diese auf dem Fisch- und Gemüsemarkt handelten. Die blutigen und zerfetzten Leiber, Tote und Schwerverletzte, bleiben ziemlich lange auf der Stätte des Grauens liegen, wohl um den Vorbeigehenden einen klaren Beweis roter Brutalität zu geben.

An solchen Tattaten nahmen auch rabiate Frauen und Mädchen teil, und manch ein Amerikaner oder Vietnameser von der anderen Seite verlor sein Leben durch eine Kugel dieser gefährlichen Amazonen. Es kam auch vor, dass diese oft unschuldig aussehenden Vietcongagentinnen amerikanische und andere Soldaten in ihr Versteck lockten, wo sie dann von schon wartenden Vietcongs ermordet wurden oder aber auch während dem "Liebesspiel" meuchlings von der Agentin durch Dolchstich getötet wurden.

(Fortsetzung folgt)

# DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH  
VON

VEN. THICH NHAT HANH



aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt  
von Moli Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-  
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -  
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-  
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri  
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

---

## ERKENNEN

---

Jemand könnte fragen: Ist Entspannung das einzige Ziel der Meditation? Tatsächlich weist das Ziel der Meditation weit darüber hinaus. Während die Entspannung der notwendige Ausgangspunkt für den Aufbruch ist, ist es möglich, wenn man diese einmal verwirklicht hat, ein beruhigtes Herz und einen klaren Geist zu schaffen. Ein beruhigtes Herz und einen klaren Geist geschaffen zu haben, bedeutet, daß man weit auf dem Pfad der Meditation vorangekommen ist.

Wir sollten uns daran erinnern, daß die auf seinen Atem gerichtete Achtsamkeit zu jeder Zeit ein wundervolles Mittel ist. Es ist nicht nur eine Methode für Anfänger. Im dritten Jahrhundert schrieb der Zenmeister Tang Hōi in seinem Kommentar zum Ānāpānasati-Sutta: *"Die auf den eigenen Atem gerichtete Achtsamkeit ist Buddhas großes Fahrzeug, um alle Wesen zu retten, die im Kreislauf von Geburt und Tod gefangen sind."* Messen, Folgen und den Atem unter Kontrolle zu bekommen sind die wunderbaren Methoden, um Dich Deines Geistes zu bemächtigen.

Natürlich müssen wir auch, um unseren Geist unter Kontrolle zu bekommen und um unser Denken zu beruhigen, die Achtsamkeit auf unsere Gefühle und unsere Wahrnehmungen richten. Um Deinen Geist unter Kontrolle zu bekommen, mußt Du die Achtsamkeit des Geistes üben. Du mußt wissen, wie man das Vorhandensein jedes Gefühls und jedes Gedankens, die in Dir aufsteigen, beobachten und erkennen kann. Der Zenmeister Thuong Chiêu schrieb gegen Ende der Ly-Dynastie: "Wenn der Praktiker seinen eigenen Geist klar erkennt, wird er mit geringer Anstrengung Ergebnisse erzielen. Aber wenn er überhaupt nichts über seinen eigenen Geist weiß, ist die ganze Anstrengung vergebens." Wenn Du Deinen Geist erkennen willst, gibt es nur einen Weg: alles von ihm beobachten und wahrnehmen. Dies muß jederzeit geschehen, während Deines alltäglichen Lebens genauso wie während der Meditationsstunde.

Während der Meditation können verschiedene Gefühle und Gedanken entstehen. Wenn wir nicht die auf den Atem gerichtete Achtsamkeit üben, werden uns diese Gedanken bald von der Achtsamkeit fortziehen. Aber der Atem ist nicht bloß ein Mittel, um solche Gedanken und Gefühle zu vertreiben. Der Atem bleibt auch das Medium, mittels dessen Körper und Geist vereinigt und das Tor zur Weisheit geöffnet werden. Wenn ein Gefühl oder ein Gedanke in Erscheinung tritt, sollte unsere Absicht nicht sein, sie zu vertreiben, wenn auch durch die Fortsetzung der Konzentration auf den Atem das Gefühl oder der Gedanke auf natürliche Weise aus dem Geist verschwinden. Die Absicht ist nicht, sie zu vertreiben, sie zu hassen, sich darum Sorgen zu machen oder sich vor ihnen zu fürchten. Was sollte man also im Hinblick auf solche Gedanken und Gefühle genau tun? Einfach ihre Anwesenheit zur Kenntnis nehmen. Wenn zum Beispiel ein Gefühl der Traurigkeit entsteht, erkenne dies sofort: "Ein Gefühl der Traurigkeit ist gerade in mir entstanden." Wenn das Gefühl der Traurigkeit andauert, erkenne weiterhin: "Ein Gefühl der Traurigkeit ist



noch in mir." Wenn zum Beispiel ein Gedanke entsteht, wie: "Es ist spät, aber die Nachbarn machen natürlich eine Menge Lärm", dann erkenne, der Gedanke: "Es ist spät, aber die Nachbarn machen natürlich eine Menge Lärm" ist entstanden. Wenn dieser Gedanke anhält, fahre fort, dies zu erkennen. Wenn ein anderes Gefühl oder ein anderer Gedanke entsteht, erkenne dies in der gleichen Weise. Die entscheidende Sache ist die, kein Gefühl oder keinen Gedanken entstehen zu lassen, ohne sie in voller Achtsamkeit zu erkennen, genauso wie eine Palastwache jedes Gesichts gewahr wird, das den Hauptgang passiert.

Wenn keine Gefühle oder Gedanken gegenwärtig sind, dann erkenne, daß keine Gefühle und Gedanken gegenwärtig sind. So zu üben bedeutet, achtsam auf seine Gefühle und Gedanken zu sein. Indem Du so übst, wirst Du bald den Punkt erreichen, an dem Du Deinen Geist unter Kontrolle bekommst. Man kann die Methode der Achtsamkeit auf den Atem mit der Achtsamkeit auf Gefühle und Gedanken verbinden.

---

#### IRREGEFÜHRTER GEIST WIRD WAHRER GEIST

---

Ich möchte betonen, Quang, daß man, während man die Achtsamkeit übt, nicht von der Unterscheidung zwischen Gut und Böse beherrscht sein sollte, wodurch ein Kampf in einem selbst hervorgerufen würde.

Immer wenn ein heilsamer Gedanke auftritt, bestätige das: "Ein heilsamer Gedanke ist gerade entstanden." Und wenn ein unheilbarer Gedanke auftritt, bestätige das ebenfalls: "Ein unheilbarer Gedanke ist gerade entstanden." Verweile nicht bei ihm oder versuche nicht, ihn loszuwerden, selbst wenn er Dir nicht gefällt. Ihn zu bestätigen, ist genug. Wenn Du abgeschweift bist, dann mußt Du wissen, daß Du abgeschweift bist, und wenn Du dabeigeblichen bist, mußt Du wissen, daß Du dabeigeblichen bist. Wenn Du einmal eine solche Klarbewußtheit erreicht hast, dann wird es nichts mehr geben, was Du noch fürchten müßtest.

Als ich den Wächter am Tor des Herrschers erwähnte, Quang, könntest Du Dir vielleicht einen Hauptgang mit zwei Türen vorgestellt haben, mit einem Eingang und einem Ausgang, wobei Dein Geist der Wächter ist. Welches Gefühl oder welcher Gedanke auch eintritt, Du bist Dir seines Eintritts bewußt, und wenn sie fortgehen, bist Du Dir ihres Austritts bewußt. Aber die Vorstellung hat einen Mangel, die Annahme nämlich, daß jene, die in den Gang eintreten und ihn wieder verlassen, vom Wächter verschieden sind, wohingegen unsere Gedanken und Gefühle wir sind, ein Teil von uns sind. Es gibt die Versuchung, sie oder zumindest einige von ihnen so zu betrachten, als seien sie eine feindliche Macht, die versucht, die Konzentration und das Verstehen unseres Geistes zu stören und ihn zu belagern. Aber tatsächlich sind wir, wenn wir ärgerlich sind, selber Ärger. Wenn wir glücklich sind, sind wir selber Glück. Wenn wir bestimmte Gedanken haben, sind wir diese Gedanken. Wir sind gleichzeitig sowohl der Wächter als der Besucher. Wir sind sowohl der Geist als der Betrachter des Geistes.

(Fortsetzung folgt)

## Về Mulhouse đọc Kinh VIÊN GIÁC

Kỷ niệm lần viếng vùng quê Troyes

Đưa tiễn người về một giỏ rau  
Đã ba cuốn sách bìa tươi màu  
Xấp tranh mộc bản thơm mùi mực  
Và chút niềm vui suốt chuyến tàu

Ơi Troyes sao hiềm ngày hanh nắng ?  
Áo trắng phơi sào trong gió trưa  
Mưa thấm rây xanh, hè đến muộn  
Èm đêm như mộng thuở xa xưa

Rau cải bén dần mùi đất xối  
Bao người đến trại, nhớ quê hương  
Mượn hình mượn bóng nơi xa lạ  
Thấp lại niềm tin sắp lụn dần

Tách trà ở đó thơm Thiên vị  
Cho kẻ miệt mài ngồi tả Kinh  
Cho kẻ cần cù in sách báo  
Không cho người lạc bước đường trình

Đến tỉnh Chaumont, còn ngoảnh lại  
Mơ về dãi rợp cỏ tươi non  
Belfort chiều muộn, buồn gạ vắng  
Gió lạnh len qua ngưỡng cửa hôn

Bởi đó, người về lòng chết lặng  
Giữa vùng phố thị, máy inh tai  
Chập chùng ám ảnh bao đêm trắng  
Hút bóng mùa xuân năm tháng dài

Đêm nay, ngồi đọc Kinh Viên Giác  
Èm ái phai dần những vết thương  
Tôi sẽ vươn vai, tôi đứng dậy  
Thôi nhìn ái ngại quầng đau thương

Đối diện bao năm với cuộc đời  
Mà tôi phó mặc sóng mây trôi  
Thấp lên hiện hữu tôi quay lại  
Giữa cõi tồn sinh, ngát nụ cười

HỒ TRƯỜNG AN  
Hè 77

## Mùa Xuân Di Lặc

Nam Mô Đức Phật Đường Lai !  
Hôm nay ngày đầu Năm Mới,  
Chúng con gùi hương về Ngài,  
Xin cho chúng con vững niềm tin  
Trên đường về giải phóng quê hương.  
Kính lạy Ngài !  
Mùa Xuân nước con đã tắt,  
Tám năm rồi mai úa đào phai.  
Ca' mùa hạ, mùa thu, mùa đông  
Đều tràn đầy suối lệ,  
Mắt non sông ứa chảy giòng giòng.  
Nước độc lập sông như nô lệ,  
Đời tự do vương vãi cùm gông.  
Chúng con một đa tín thành,  
Ngước mắt trông lên từng đầu Xuất,  
Mong Ngài hạ sinh,  
Cứu đồng bào con thoát vòng hỏa ngục,  
Mang cho thế giới thanh bình,  
Ban cho nhân loại từ bi, hỷ xả,  
Để thoát vòng hắc ám vô minh.  
Kính lạy đức Từ Phụ,  
Đại hùng, đại lực, đại từ bi !  
Xin Ngài dẫn dắt những bước đi  
Của quê hương Việt Nam đau khổ  
Đường tìm về một tương lai  
Hiền hòa, yêu thương và an lạc  
Đúng như lòng lân mẫn của Ngài.  
Nhân loại ngày nay dương quan quai  
Trong cảnh đen tối lắm than.  
Khắp đồng tây đều khung khoảng bất an  
Do những khát vọng tham tàn,  
Nhưng hận thù ngút cháy  
Trong những nơi không có tình người.  
Kính lạy Đức Chí Tôn !  
Đồng bào chúng con  
Đã trải chín năm đau khổ  
Trong gông cùm, trên lửa đỏ,  
Hoặc sống lang thang trên khắp nẻo đường.  
Nỗi tủi cực, cảnh chia lìa  
Đã làm cho chúng con khô héo.  
Xin Ngài từ bi gia hộ  
Cho chúng con thấy lại gia đình,  
Xây dựng lại quê hương tan nát  
Thành một nơi tổ ấm thanh bình

HÀ NGỌC DƯ

# TÍNH CHẤT

## HUYỀN BÍ TRONG ĐẠO PHẬT

### tâm trí

Một hôm, sau khóa lễ buổi tối, tôi quỳ xuống trước bàn thờ Phật, cung kính đánh lễ. Tự nhiên, tôi bỗng nhớ đến câu nói của vua Trần Thái Tông, trong bài "Bình đẳng sám hối văn" "Sám hối đây là sám hối với ai? Lễ lạy đây là lễ lạy ai khi mà trên mặt thực thể của ta với Phật hoàn toàn bình đẳng?... Lạy lạy cái thể vô tướng của pháp thân. Lạy được như thể thì cái thể tự thọ dụng và tha thọ dụng giao tham, đến được bờ bên kia thì mặt mũi xưa nay tự nhiên hiển lộ".

Ta hãy lấy câu này làm đề tài suy tư hôm nay.

Phần đông chúng ta mỗi khi gặp một sự nguy biến nào xảy ra cho bản thân hay trong gia đình, chúng ta thường quỳ lạy trước bàn thờ Phật, và cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, v.v...

Có phải chăng như thế là ta đã nghĩ rằng Đức Phật là đáng Vạn Năng, chứ vị Bồ Tát và Hộ Pháp, có đủ tài năng phổ nguyện cứu khổ? Chỉ cần niệm lên danh hiệu quý Ngài, là tự nhiên mọi sự nguy biến đều được giải tỏa.

Phật hiệu nhất thanh tiêu vạn chướng  
Tử bi nhị tự diệt thiên khiên

Với tâm trạng ấy, ta nhìn lên tượng Phật, với đầy vẻ huyền bí thiêng liêng.  
Đặc tính của Đạo Phật có phải là tính cách huyền bí thiêng liêng ấy không?

Trước hết, Đạo Phật không phải là một Thần Giáo, trái lại còn chủ trương bài trừ triết đề những mê tín dị đoan. Hi hục lạy tạ ước Thần Cây Đa, ông bình với cũ, làm rằm khấn vái, để cầu phúc tiêu họa, đó là mê tín dị đoan. Nếu ta lạy Phật với tâm niệm ấy, thì hình vô hình trung ta đã xem Phật như một ông Thần Cây Đa, tội ấy ai mà gánh vác cho ta? Đạo Phật ra đời, đầu tiên là để chấm dứt thời đại đa thần ngữ trí, trong xã hội Ấn Độ ngày xưa.

Suốt đời Đức Thích Ca, Ngài rất ít thi hành

những phép lạ (miracle), như làm cho người mù sáng mắt ra, người què trở nên lành lặn, hay là cái từ hồi sinh. Cách cứu độ chính của Ngài, là sự cảm hóa, làm cho con người tỉnh ngộ, từ bỏ đường ác để bước lên đường thiện.

Có lúc, bất đắc dĩ lắm, Ngài mới dùng thần thông lực để đạt đến mục đích ấy. Hàng voi phục hổ, đánh bại Ma Vương, cô nghĩa lầy sức mạnh tinh thần cả thắng tà lực, là ý cái định mà chống lại cái vọng, cái động. Không phải là Ngài không đủ thần thông biến hóa, nhưng lãnh vực ấy không phải là lãnh vực chính trong sự giáo hóa và thị hiện của Ngài. Ngài đã từng ngăn cấm Ngài Mục Kiền Liên, vì đệ nhất thần thông trong hàng đại đệ tử của Ngài, về việc thi hành thần thông pháp. Đạt đến thần thông, hễ phong hoàn vũ, không phải là cứu cánh của Đạo Phật. Đi vào con đường ấy là càng đi xa Đạo, dần dần đi vào tà đạo. Nhìn vào Đạo Phật dưới khía cạnh ấy, là một sự lầm lẫn to lớn, nguy hại khôn lường. Trong toàn bộ giáo huấn của Ngài, Ngài luôn luôn nhấn mạnh đến sự "Tự cứu". "Hãy dứt được luân đà". Ngài mở ra trước mắt kẻ tu hành một viễn ảnh huy hoàng, tự mình đạt đến: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Mọi sinh linh đều có Phật tánh, chỉ cần làm sao cho hiển lộ Phật tánh ấy ra, gột sạch màn vô minh che lấp, thì mặt trời Chân Như soi rọi. Ta đã thành Phật!

Tứ ngữ "Bình đẳng" thường nói đến trong văn học Phật giáo, cốt yếu là nói đến sự bình đẳng trong tự tánh, chứ làm sao người đang học A, B, C dám nói rằng mình đã bình đẳng với bậc thạc sĩ!

Vậy ý nghĩa đầu tiên của sự lễ lạy Phật, là đem cái Chula Thành đánh lễ cái đã thành. Là một sự xác quyết hằng ngày, để trên con đường Phật đã vạch ra, không phút giây phóng dật, dãi dãi. Một cái lạy là một lần tự xác nhận lại lòng tin vững chắc vào



Phật pháp (chánh tín), kèm theo lời t ư  
nguyện hành trì đạo pháp một cách c h ở n  
thành kiên cố.

Suốt 49 năm hoàng pháp, Đức Phật luôn luôn  
răn bảo các đệ tử không nên đi vào những  
huyền đàm triết lý, bàn luận về các vấn đề  
siêu hình. Mỗi lần, có ai đề cập đến các vấn  
đề ấy, Ngài liền bảo: "Dù thế giới là hữu  
hạn hay vô hạn, thời gian có cùng hay vô  
cùng, thì vấn đề của các người vẫn còn đó:  
làm sao giải thoát khỏi sự sinh tử l u ần  
hồi". Cũng như một người bị tên độc b ấ n,  
hãy lo chữa trị vết thương, chứ đừng m ấ t  
thời giờ hỏi xem người bắn là ai, kẻ c h ấ  
trị xuất xứ từ đâu, v.v... bài học lớn trg  
Đạo Phật là luôn luôn nhìn vào thực tại,  
sống trong thực tại hiện hữu. Đối trước các  
câu hỏi cổ kính cách siêu hình (metaphysi-  
que) hay huyền bí (mystique), Đức Phật thường  
trả lời: "Avyakzta", (có nghĩa là: hỏi, đáp  
về những chuyện ấy là vô ích). Lắm lúc Ngài  
còn cho là hai. Vì vậy, một nhà học giả Anh  
chuyên nghiên cứu về Phật học, đã gọi Đạo  
Phật là một thứ triết lý "bất khả tri luận  
(agnostiusme), và cho rằng Đức Phật không  
muốn động đến các vấn đề siêu hình v ấ  
huyền bí, vì lẽ trí tuệ con người không thể  
hiểu được và giải đáp được. Thật ra, Đ ứ c  
Phật không muốn cho người tu hành p h iêu  
lưu vào các vấn đề ấy, để lãng quên đ i ều  
cần yếu nhất, là sự tu cứu. Theo Ngài, triết  
lý không phải là một khoa học về trí thức  
mà có nghĩa là một sự hiểu biết toàn diện  
về lý nghĩa thật sự của sự sống. Không phải  
chỉ trí óc làm việc, như đối với các n h ấ  
triết học Tây phương, mà cả thân thể c o n  
người phải luôn luôn thức tỉnh. "Phút này  
và ở đây" (Now and Here), mới là điều quan  
trọng nhất đối với kẻ tu hành.

Tư tưởng này được nhấn mạnh trong T h iên  
học. Các vị thiên sư thường đáp lại những  
câu hỏi cổ kính cách huyền bí hay s i ề u  
hình, bằng những câu trả lời rất kỳ lạ: "Đã  
ăn cháo sáng chưa?" "Đi rửa bát đi!" "Có  
thấy cây tùng ngoài sân kia không? (Triệu  
Châu)", v.v... Các Ngài với câu trả lời ấy  
ôm người đệ tử phiêu lưu vút trả về đ ở i  
sống hiện hữu, thực tại. Câu chuyện Phá Táo  
đạo trong Kinh Pháp Bảo Đàn nói rõ về s ứ  
thiêng liêng theo quan niệm của Thiên học  
"Ở một nơi nào đó, dân làng có thờ một cái  
lò rất linh thiêng. Hàng năm, dân làng th ờ  
đem sinh vật (trâu, dê, bò...) đặt lên l ồ

nung, để cầu phúc, cầu mưa trong mùa nắng  
hạn. Một hôm, một nhà sư áo vải đi ngang  
qua, thấy thế, liền đi vào đền thờ ông Thần  
Lò. Vị sư lấy cây gậy gõ nhẹ vào lò 3 cái  
miệng nói: "Chỉ là đất sét với nước h ở p  
lại, chứ linh cái gì, thiêng cái gì?". Bỗng  
cái lò nghiêng xuống, vỡ tan ra. Đền đêm,  
một người mũ cao áo rộng đến đánh lễ nhà  
sư, thưa: "Mấy lời vàng ngọc của Ngài đã  
giúp cho tôi giác ngộ. Xin cảm ơn Ngài".  
Nói xong liền biến đi, và từ đó ngôi đền  
hết linh thiêng. Tục lệ sinh tế được bãi  
bỏ".

Theo vậy, thì trong Đạo Phật không có phần  
huyền bí, siêu hình hay sao? Đức Phật không  
"linh thiêng" hay sao?

Trong hầu hết các kinh ta thấy đầy r ấ y  
những sự kiện huyền bí, linh thiêng. H ấ y  
đưa ra vài thí dụ: Đức Phật Đản Sinh, sơn  
hà đại địa rung động, hoa Trời rải xuống,  
chim Trời cất tiếng ca vui. Ngày N g ầ i  
Thành đạo cũng vậy. Trong các buổi P h ập  
hội, Đức Phật chỉ khảy móng tay một tiếng  
dậm chân một cái, là tức thời cõi đất đầy  
gò đồng, như nhóp, biến thành một cõi nước  
bằng phẳng, cây cối bằng chất lưu ly, xacủ  
mọi vật đều trang nghiêm sáng láng...  
Tung kinh Pháp Hoa, riêng phẩm Phổ Môn, ta  
đã thấy nhiều "phép lạ", bất cứ gặp t a i  
nạn nào, lửa cháy, thuyền chìm, bị tù ngục,  
gặp thú dữ, v.v... Chỉ niệm danh hiệu Đức  
Quán Thế Âm Bồ Tát, thì mọi tai nạn đ ể u  
được giải thoát ngay. Tính chất huyền bí  
thiêng liêng chứa đầy trong các kinh.  
Người mới tập tễnh bước vào con đường Phật  
học, như tôi chẳng hạn, thường bị b ớ n g ở  
trước hai sự kiện gần như mâu thuẫn ấy:  
một đằng là giáo lý của Đức Phật dạy rằng  
chỉ có mình mới tự cứu được mình, chứ kh ờ  
nên mong cầu vào ai; đằng khác, là sự cứu  
kh ờ nạn của chư Phật Bồ Tát.

Suy nghĩ kỹ, dưới ánh sáng của Phật pháp,  
ta sẽ thấy rằng hai sự kiện nói trên kh ờ  
có gì là mâu thuẫn với nhau; nếu có, thì  
chỉ là về bên ngoài, với cái nhìn p h iên  
diện thôi.

Một hôm, ngồi xem Tí vi, tôi thấy c ấ n h  
chiều chập một bông hoa đang nở. Tứ cảnh  
cây đâm ra một cái nụ, nụ ấy lớn dần thành  
hình một búp hoa, búp hoa xanh lơ dần lên,  
một cánh hoa xòe ra, rồi cánh khác, đ ể n  
lúc tất cả các cánh hoa đều nở ra, ph ờ bày

màu sắc rực rỡ. Với nhụy hoa vàng chói ở giữa lòng hoa. Tiến trình từ nụ hoa biến ra thành đóa hoa mãn khai, ở bên ngoài đã phải trải qua hàng tuần, có khi hàng tháng. Ta không để ý đến, không theo dõi tiến trình ấy trong từng giây phút, cho đến một sáng, ta "bỗng" thấy đóa hoa đang khoe màu sắc và tỏa hương thơm dưới ánh nắng mặt trời! Ta la lên (dù là la thầm): "Ồ! đóa hoa đẹp quá! Thơm quá!". Rồi, dù muốn dù không, ta nghĩ đến sự mâu nhiệm thiên nhiên của tạo hóa.

Thật ra, thì không phải Chúa hay ông Trời tạo ra đóa hoa ấy, với màu sắc và hình dáng thơm của nó. Nó đã tự tạo ra nó. Sự mâu nhiệm làm xúc động cảm quan ta, là tự trở nó mà ra. Nếu nửa chừng, nụ hoa bị sâu đục khoét hay là gặp thời tiết bất thuận, thì đâu có được sự mãn khai kia, đâu có cái vẻ đẹp hương thơm ấy?

"Thỉnh tuân kỳ bôn", nói như ông Trang Tử thì đóa hoa mãn khai ấy là do hạt giống, thân cây, cái nu... với những trợ duyên tốt đẹp, như thời tiết mùa thuận gió hòa, sự chăm nom săn sóc của người làm vườn.

Cái lý: "Cái này có, thì cái kia có. Cái này không thì cái kia không" (Kinh A Hàm cái lý nhân quả của nhà Phật, đã nói liên tục, hay xa hơn nữa, hạt giống, với đóa hoa rực rỡ kia. Hạt giống trông rất tầm thường, đóa hoa trông rất xinh tươi; ta xem thường hạt giống, nhưng ta trân phục đóa hoa, vì cái phân biệt trí của ta đã cắt xén sự vật ra thành từng phần riêng rẽ. Vẻ đẹp của hoa nằm trong hạt giống tầm thường kia, nào ở đâu xa?

Nhìn cảnh chiếu chậm tiến trình hoa nở ở trên Tí vi, tôi hiểu được cái nhìn của các vị thiên sư; chỉ vì thấy rõ sự mâu nhiệm của vạn vật, của thực tại, ngay trong một công cụ, "bướm bay vườn cải hoa vãn" (Thơ Nhật Hạnh).

Thực tại là thiêng liêng, "phép lạ là đi trên mặt đất" (Lại Nhật Hạnh).

Một bài học lớn trong giáo trình Đức Phật và ngay trong cuộc đời nhân thế của Ngài là:

Con người đã chứa sẵn mầm mống của sự linh thiêng ngay trong bản thân mình, như viên ngọc của tên cùng tử. Làm cho mầm mống ấy bị tiêu diệt, hay làm cho nó trở thành đóa hoa sen trong ao thất bảo, đều do tự nơi mình. Kiên nhẫn tu trì, mình tâm kiên tánh thì đóa hoa lòng nở rộ, con người

mất đi phần ô trọc, đạt đến giác ngộ. Dãi dãi phong dật, buông lung lục tĩnh, thì đầy đọa trong bể sinh tử luân hồi, chịu bao làn nghiệt chướng!

Đức Phật là gì? Ba mươi hai tướng tốt của Đức Phật là gì?

Ngài là một con người, như anh và tôi, như con người ấy đã làm cho nhân cách mình này nở toàn diện, như đóa hoa mãn khai.

Hương sắc của hoa, là 32 tướng tốt của người của Ngài.

Đó là bài học lớn của sự thị hiện làm người của Đức Như Lai.

Trong lúc ta đang nỗ lực tu hành, tâm chưa minh, tánh chưa kiên, ta đừng nên mơ tưởng đến sự đạt được thân thông, lấy đó làm cứu cánh cho sự tu trì. Như vậy, sẽ dễ đi vào tà đạo. Hiệu dụng của người tu Thiên Tông là nhận ra tánh giác của chính mình, bất sanh bất diệt, không tướng không mạo mà hằng giác. Thiên sư Bằng Long Uẩn nói:

Thân thông tinh diệu dụng  
Vận thủy cập ban sai

dịch:

Thân thông cùng diệu dụng  
Gánh nước và bữa cử

Thân thông ở đây là gánh nước, bữa cử với sự thức tỉnh trong thế giác. Tánh giác này Đức Phật đã thể hiện sự hoàn hảo, ngay trong bản thân của Ngài. Đó mới thật là cảnh ở Ngã, chơn Thường, chơn Lạc, chơn Tịnh, cảnh của Phật học. Đó mới chính là sự thiêng liêng. Khi ta cúi đầu đánh lễ Đức Phật, là ta đánh lễ tánh hằng giác ấy ở Ngài, và ở cả trong ta, với lòng quyết tâm làm cho tánh giác tiềm ẩn ấy được hiển nơi ta. Thờ Phật với quan niệm biểu trưng, để tự nhắc nhở mình và mọi người nhớ lại tánh giác của mình. Chứ cái tượng gỗ kia chỉ là chất gỗ, là tượng duyên hợp mà thôi. Nhưng qua cái tượng gỗ ấy, ta phải nhìn đến, tưởng đến cái "thể vô tướng của pháp thân" Đức Phật, nôm na vẫn là cảnh giác tánh thường còn. Nhắc lại lời nói của vua Trần Thái Tông, nêu ở đầu bài: "Lạy được như thế thì cái thể tự thọ dụng và tha thọ dụng giao tham, đến được bờ bến kia thì mặt mũi xưa nay tự nhiên hiển lộ. Tự thọ dụng thân là thân của Phật xử dụng cho chính mình; tha thọ dụng thân là thân của Phật xử dụng vào sự lợi ích



# Nghiệp thức chiêu cảm

NGUYỄN VIỆT QUANG

Bạn mến, bạn đã đọc các kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Kim Cương, Viên Giác, Pháp Hoa, Đại Bát, Lăng Già v.v... Trong các kinh ấy, nhất là kinh Lăng Nghiêm và kinh Lăng Già, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta nói về cái Tâm nhiều nhất. Nhưng bạn a, kinh nào mà chẳng nói tới Tâm, dù nói đến một vấn đề tâm thường đi nữa, nhưng vấn đề ấy có rời khỏi cái Tâm đâu. Vì sao? Cuộc đời của mọi chúng sinh hay sự giải thoát rốt ráo của chư Phật mười phương vẫn nằm trong cái Tâm. Tâm giác ngộ là Phật. Tâm điên đảo là chúng sinh. Hai Tâm cùng một bản thể, một tự tánh. Chỉ vì u minh vọng động nên chúng ta phân biệt thành Hai. Khi đã giác ngộ tuyệt đối rồi thì Tâm Phật và Tâm chúng sinh, ta chỉ thấy có Một. Nói thì giản dị, nhưng sự chứng ngộ là cả một vấn đề khó khăn, bao nhiêu ngôn từ cũng không tài nào diễn tả nổi.

Như bạn và tôi dẫy vào, thươ' trước kia, mỗi khi gặp nhau thường nói đến chuyện tội phúc thường xem như Phật nắm quyền sinh sát thường phạt trong tay, và thường xem như Phật luôn luôn ghé mắt xét dò hành động chúng ta để trừng trị hoặc ban ơn phúc cho chúng ta. Thươ' đó, chúng ta không ngờ rằng chính ta thường hoặc phạt chúng ta. Không ai có thể thường phạt chúng ta cả. Có lần bạn đọc hai câu thơ của nữ sĩ Trần thị Huệ Mai trự tập thơ "Không bỏ bên" cho tôi nghe:

*Người vừa khóc, vừa cười, vừa xây ngục thất  
Chính là người, vắng, chính tự người thôi.*

Vắng, bạn a, chính do Tâm ta tạo cho ta cảnh thiên đường, hay Cực Lạc, hoặc địa ngục hoặc bất khả thuyết, bất tư nghĩ cảnh giới khác. Đó là tôi muốn nói những cái Tâm còn ô nhiễm chưa đạt đến cái thanh tịnh rốt ráo của cái Chân Tâm. Và bạn hẳn biết, cái chân Tâm còn có nhiều cái tên khác nào là Giác, nào là Ban lai diện mục, nào là Trí Kiến Phật, nào là Niết Bàn, nào là Bồ Đề. Riêng cái Tâm Thánh, hay cái Tâm Bồ Tát vẫn chưa đạt đến mục rốt ráo tịch diệt, vẫn còn có những ô nhiễm vi tế vướng mắc.

Từ vô thì đến nay, cái tâm ô nhiễm của chúng sinh nói chung, của chúng ta nói riêng đã chất chứa bất tư nghĩ chủng tử' lành cũng như chủng tử' ác, chủng tử' phiền não, vọng động cũng như chủng tử' thanh tịnh. Mỗi hành động, mỗi ý niệm, vọng niệm của chúng ta đều tạo một chủng tử' tàng trữ trong thức thứ 8 (tức là A lợi gia thức) của chúng ta, tạo thành 1 cái nghiệp. Nếu là nghiệp lành ta được sống, được thấy một cảnh giới lành với những biên cố' sung sướng ở hiện kiếp và ở những kiếp sau. Cũng thế, nếu ta tạo nghiệp ác, ta sẽ sống trong cảnh giới ác, với những biên động dẫy dọ gian nan ở hiện kiếp hoặc ở kiếp sau. Cảnh giới mà ta sống, loại chúng sinh mà ta tùy thuộc để sống trong cảnh giới tương ứng đều là không phải chân, mà cũng không phải giả, đều là như huyền, và nói theo ngài Thích Quang Phú (giáo sư trưởng Phật Học Báo Quốc Huế) trong bài giới thiệu cuốn "Liêu Sĩ nh Thoát Tử" của cư sĩ Liêu Địch Nguyên: đó chỉ là những ảo ảnh của tâm thức đã bị ô nhiễm, và do năng lực của nghiệp duyên mà cảm thấy đó thôi.

Phật là đấng giác ngộ tịch diệt, không hơn hơn khi nghe ai tán dương Ngài và cũng không thủ hiềm khi ai khinh chê Ngài. Người chưa hiểu đạo Phật phỉ báng Phật cũng phỉ báng Phật và kinh Đại Thừa vẫn là có tội nhẹ, nhưng người đã hiểu Phật pháp, không cần phỉ báng Phật và kinh Đại Thừa, chỉ phá sự hòa hợp chủ tăng cũng sẽ phạm tội ngũ nghịch, rất xuống địa ngục A Tỳ. Vì sao? Vì Phật tượng trưng cho sự giác ngộ, sự giải thoát. Đã hiểu Phật pháp



mà cố kè còn phí báng Phật và kinh kệ cùng phá vỡ sự hòa hợp chư Tăng trong ngôi Tam Bảo tức là dứt khoát khước từ sự giải thoát, sự tịch diệt để chọn con đường phiến não con đường khôn khéo làm than. Bởi đó, sau khi thác đi, người đó sẽ đi vào cảnh giới đầy đau, làm than, một cảnh giới mà chính kẻ đó đã dựng nên, đã chọn lựa. Phật vẫn là Phật, vẫn tịch diệt như như, với tâm lòng từ bi vô hạn lượng, cứu độ chúng sinh không hết, có đâu sanh tâm báo thù vì một lời phí báng của kẻ mê vọng?

Bạn đã xem kinh Địa Tạng, Lương Hoàng Sám rồi chứ? Và bạn cũng đã xem qua những cuốn sách mỏng như "Thoát vòng sống chết" (Liễu Sinh Thoát Tử) của cư sĩ Liễu Dịch Nguyên, cuốn "Kinh Tội Phúc Báo Ứng" do Thượng Tọa Thích Tâm Châu dịch, bạn sẽ rõ những quả báo của nhân loại sau khi con người chết đi, và bạn cũng sẽ rõ luôn cảnh giới nào mà họ đầu thai sống hay chết đối với người đã giác ngộ rồi vẫn là chuyện không thật kỳ huyền (như huyền mà thôi). Sống đã như cơn say, chết như cơn mộng, mà một nhà hiền triết nào đó ở Trung Hoa đã báo: Tụy sinh tụy mộng. Người đã hoàn toàn giác ngộ đã vượt khỏi vòng sống chết rồi thì khi ngoạn lại dòng cuồn lưu sinh tử đã qua, mới cảm thấy mình đã ra khỏi cơn say, cơn mộng kia.

Khi ta chết đi, thân thể đã mất hết tri giác, cảm giác. Đó là giai đoạn tư âm (hay tỵ hữu cùng thể). Đến khi tái sinh thân sau, thì gọi là sinh âm hay sinh hữu. Giữa khoảng đã chết và chưa tái sinh, trải qua 49 ngày đêm đó gọi là trung âm thân. Tuy gọi là thân nhưng thật ra nó chỉ có thân thức mà thôi, sơ dĩ gọi là "thân" vì nó cũng nghe, thấy, hay biết, qua, lại... nhưng đó chỉ là cái ảo ảnh do thân thức biến hiện, mà kinh Phật gọi là sắc công năng. Thân trung âm là cái "xác thân" do nơi chủng tử của thân thức mà hiện thành. Nó tinh tế hơn thân xác thật bằng xương thịt của chúng ta, có thể xuyên qua mọi chướng ngại vật, mắt phàm không thể thấy, trừ những người có thiên nhãn.

Khi vừa mới chết, tư đại đều phân ly, các giác quan của thân xác đều bại hoại. Hơn lúc nào hết các chủng tử trong thức thứ 8 A lại gia đều hiện lên. Nghiệp thức chiêu cảm bắt đầu hiện hành. Có người đã thấy được cảnh giới của mình ngay phút lâm chung, chẳng cần đợi đến 49 ngày. Đạo Phật là đạo ngoài nên tang cái Tâm, còn đặt trên nên tang nhân quả tương ứng - nhân nào quả nấy. Những người tu thập thiện ngay phút lâm chung đã thấy có chư thiên đến đón rước, được đắm hồn vào thiên nhạc, thiên hương và thiên hoa. Bởi đó trong phút lâm chung, sắc diện người đó tươi đẹp bội phần, môi nở một nụ cười mãn nguyện. Còn những người tu thuần thực theo pháp môn Tịnh Độ sẽ thấy Phật A Di Đà cùng các vị Bồ Tát đến đón rước. Thường thì những kẻ tu Tịnh Độ đắc được quả Thánh đều biết trước ngày giờ lâm chung. Họ tắm rửa sạch sẽ, niệm Phật và thị tịch một cách êm ái đung quang rạng rỡ. Có nhiều trường hợp, lúc họ lâm chung, thân nhân có thể cảm nhận mùi hương lạ ở căn phòng họ, hoặc nghe thiên nhạc trời trên không trung.

Còn có những người chết trong lúc lâm chung bỗng dưng sợ hãi, hốt hoảng, đung nhanh một nhát, xấu xí. Đó là lúc thân thức họ đã bắt đầu thấy một cảnh giới nào đó ở ác đạo, dù thân thức đó chưa lìa khỏi thân xác. Bởi đó họ hoang mang, đau khổ. Cái chết đâu phải là chấm dứt một cuộc sống, mà là giai đoạn chuyển tiếp vào cuộc sống mới. Cái nghiệp cũ ở đó đuổi chúng sinh như hình bóng của chính mình trên tấm gương vi đại của dòng sinh diệt.

Những dù khi chết, hay lúc tái sinh, bất cứ gặp một cảnh giới nào ta cũng nên tâm niệm rằng đó vẫn là cảnh giới không chân, không giả, như huyền mộng, như ảo ảnh. Phật đã thị vi hóa bằng những hình ảnh thế thâm xót xa: như trang đầy nước, như hoa trong gương. Và đó chỉ là phản ảnh của nghiệp thức chúng sinh. Ta đã tạo những nghiệp do sân hận, oán thù, hôn ghen ư? Vậy cảnh giới tương ứng lúc ta chết là cảnh giới A tu la, l o a i chúng sinh sân hận, thích cạnh tranh, chiến đấu. Ta bon xen, lừa lọc, cướp miếng cơm và sự sống của tha nhân ư? Cảnh giới chờ đón lúc ta chết là cảnh giới ngựa quý. Sau đó cuộc đầu thai của chúng ta ở trường hợp đầu là đi vào cảnh giới A tu la, ở trường hợp thứ 2 là đi vào cảnh giới ngựa quý. Nhưng dù có đầu thai ở cảnh giới nào, tùy thuộc vào loại

chúng sinh nào, nếu ta sớm giác ngộ nghĩ rằng: cảnh giới như huyền, tâm thân giả h ở p thì ta không còn đau khổ nữa, và bắt đầu đi về con đường hành đạo. Bạn thấy tôi với đầu mắt, thân thể và tay chân như bạn. Tôi thấy bạn là con người như tôi. Đó là chúng ta vì đồng nghiệp thức chiêu cảm nên mới thấy nhau và người này thấy người kia tưởng tựa như mình. Nhưng các chúng sinh trong thiên long bát bộ như trời rồng, càn thất bà, a tu la, khẩn na la và ma hầu la già, cùng phi nhân, vì nghiệp thức chiêu cảm khác với chúng ta nên không thấy ta. Và khi chư thiên ở các tầng trời thấy ta thì cái hình bóng ta lọt vào nhãn quan các ngài khác hẳn cái hình bóng ta lọt vào nhãn quan của người đồng loại chúng ta. Hơn nữa, tôi và bạn cùng sống trên quả đất này, chúng ta thấy nơi thì đờ băng, nơi thì đồi núi, biển cả, toàn cầu tạo bằng đất đá, đầy đầy cỏ hoang, gai góc, sỏi sạn. Đó là vì nghiệp thức chiêu cảm của chúng ta nặng nề, nên chúng ta mới thấy thế. Nhưng với một bậc có trình độ giác ngộ khá cao thì lại thấy trái đất chắc hẳn là khác hơn chúng ta rồi. Chắc bạn còn nhớ lúc đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh trợ Pháp Hội Duy Ma Cật chỗ. Trong lúc ngài Xá Lợi Phất nghĩ rằng đức Thế Tôn nhập thế phải ở trong một quốc độ thanh tịnh đầy kỳ trân di bảo, đáng này đức Thế Tôn Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni lại thị hiện dẫn sinh ở cõi Ta Bà là cõi uế trước đây, đồ bất tịnh, đầy bùn đất sỏi sạn, gai góc... Biết tâm niệm ấy ông Loa Kế Phạm Vương báo ngài Xá Lợi Phất c h ó nghĩ thế, vì cõi Ta Bà này không phải là quốc độ ô uế, tại nghiệp thức nên ông Xá Lợi Phất không thấy cõi này thanh tịnh đó thôi, tại tâm ông ấy có cao có thấp và khệ nường theo trí tuệ của Phật nên mới thấy ở đây đầy đầy những chông gai, ô uế. Lúc đó Phật lấy ngón chân bầm xuống đất, tức thì cõi Ta Bà bỗng biến thành cõi thanh tịnh trang nghiêm bằng thất bảo. Và Phật bảo rằng: Phật thị hiện ở cõi đây bất tịnh và ô trọc để dạy cho chúng sinh nhàm chán cõi này và hướng vào cõi Tịnh Độ.

Bạn ơi, thật ra cõi Nam Diêm Phù Đệ (hay cõi Nam Thiệm Bộ Châu) trong cõi Ta Bà mà ta ở tự tánh nó là Không, vì nghiệp thức chúng sinh mà nó Có. Cũng như bất khả tự nghĩ quốc độ khác, nó chỉ do tâm của chúng sinh biến hiện, đó là hình bóng cái tâm của cộng đồng chúng sinh - là duy tâm số hiện. Kế của Kinh Hoa Nghiêm đã nói :

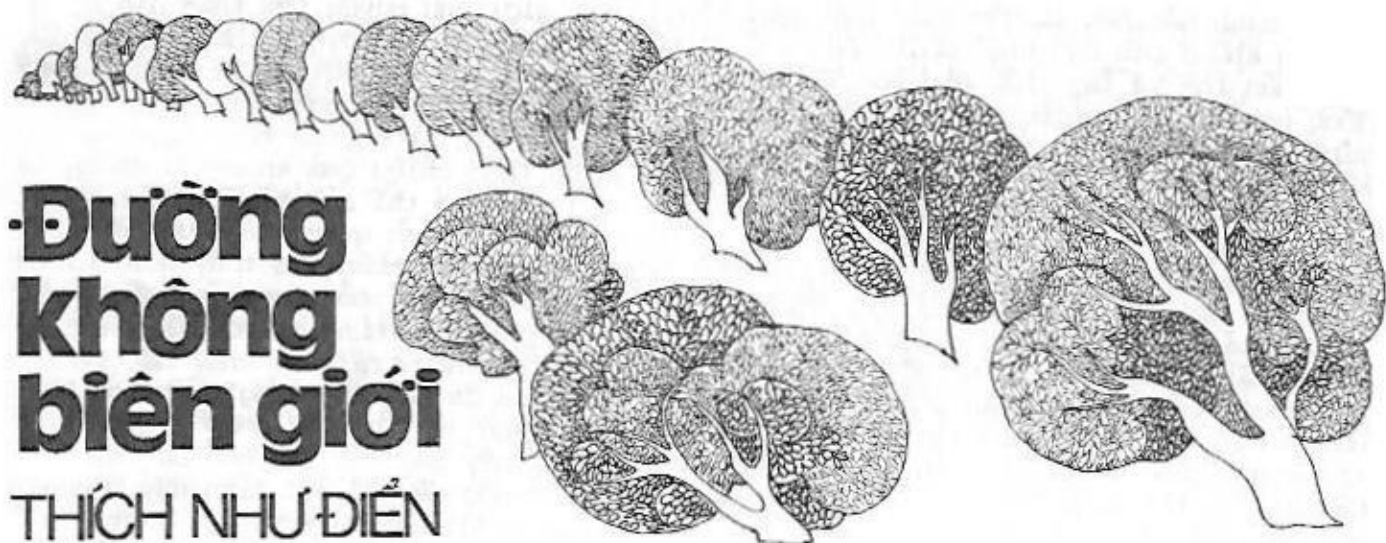
*Tâm như người họa khéo  
Vẽ với cảnh thế gian.*

Những chúng sinh nào đắc quả Tu Đà Hoàn vốn là một quả trong Tứ Thánh (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán), chẳng những họ thấy cả trái đất (Nam Diêm Phù Đệ) này, mà họ còn thấy cả một tiểu thế giới nữa tư cõi sơ thiên trở xuống. Mỗi tiểu thế giới, nằm trên nước rồi gió chông lên nước, gió nằm trên hư không. Nơi trung tâm tiểu thế giới là núi Tu Di (Tàu gọi là Diệu Cao) cao 84.000 do tuần, do bảy thứ báu như vàng, bạc, xa cừ, lulu ly, mã não, hổ phách, san hô hợp thành. Chung quanh núi Tu Di có 7 vòng biển cách, xa nhau bằng 7 vòng núi Thiết Vi.

Giữa vòng núi Thiết Vi trong cùng và núi Diệu Cao nổi lên bốn châu là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu và Nam Thiệm Bộ Châu. Nam Thiệm Bộ Châu là cõi trần thế của nhân loại chúng ta, người Tàu còn gọi là cõi Diêm Phù Đệ.

Dưới chân núi Tu Di là Vương Quốc A Tu La, các chúng sinh có phước như các vị trời nhưng không có đức sánh bằng các vị Trời vì đầy nóng nảy, thích việc tranh đấu, thường gây giặc với các chư Thiên cõi Dục giới. Lưng chúng triền núi Tu Di là cõi Trời Tứ Thiên Vương. Trên chót núi Tu Di là 33 nước Trời Đạo Lợi, do Thích Đệ Hoàn Nhân cai quản. Trên tầng trời Đạo Lợi, ở hư không là tầng trời Dạ Ma. Trên tầng trời Dạ Ma là tầng trời Đâu Suất. Rồi tới tầng trời Lạc Biên Thiên Hóa. Sau hết là tầng trời Tha Hóa Tự Tại. Đây là những tầng trời cõi Dục giới, có nam, có nữ và có thai sinh. Trên cõi Dục giới là 16 tầng trời sắc giới, và cứ bốn tầng trời đầu là cõi Sơ Thiên, bốn tầng trời kế hợp thành cõi Nhị Thiên, bốn tầng trời kế tiếp nữa hợp thành cõi Tam Thiên, và bốn tầng trời chót kết hợp thành cõi Tứ Thiên. Ở các tầng trời Sắc giới, các chúng sinh vẫn có hình thể, sắc vóc, nhưng dục vọng ở đây đã hết, các chúng sinh đều phi nam phi nữ, loại trung tính, không còn bị tình dục làm não loạn nữa. (Còn tiếp)





# Đường không biên giới

## THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ thứ 14)

Ta sinh ra đời từ chỗ không đến có - lớn lên - gây dựng sự nghiệp, góp mặt cho đời này - để có - rồi trở lại không - khi hai tay đã buông xuôi với thế sự thăng trầm - đâu là công hầu hay khanh tướng, cũng chỉ lưu danh nơi hậu thế một thời gian, rồi cũng theo định luật tuần hoàn của tạo hóa mà lãng xao vào trong dĩ vãng.

Thời gian có Xuân, Hạ, Thu, Đông - khi gian có Đông Tây Nam Bắc - loài người có lúc trẻ lúc già, lúc thương yêu, lúc ghét gông nhưng mấy ai lại ý thức được sự vô thường trong cõi tạm. Chúng ta thương yêu nó - để rồi nó quấy rầy tâm thức của ta; có lúc biết ghét nó; nhưng cũng có lúc lại thương - Quả thật cuộc đời là một cái gì trong vòng luân quán.

Chúng ta sinh ra, lớn lên từ nơi quê hương Việt Nam yêu dấu ấy; những tưởng rằng ta ở lại mãi với cỏ cây, sông núi và ruộng đồng. Ở lại với người xưa, bên những hình bóng cũ. Nào ngờ đâu sự thế đổi thay, giòng đời xuôi ngược; khiến bao vạn sinh linh phải trôi nổi ở nhiều quốc độ để tìm một niềm tin và một sự sống, phải chằng chịt thức chiêm cảm của chúng sinh trong cõi Ta Bà này vẫn còn quá nặng; nên dân tộc ta và chính chúng ta phải còn chịu nhiều khổ nạn như ngày nay?

Ra đi bỏ lại sau lưng mình biết bao nhiêu niềm vui lẫn nỗi buồn trong quá khứ; nhệ đành phải chấp nhận. Nếu ai đó hiểu được 2 chữ "vô thường" thì đỡ đi một phần khổ tâm nhọc trí, luyện tiệp cảnh cũ, người xưa

nhưng nếu chúng ta chưa thâm định được giá trị của cuộc đời theo nhân sinh quan của Phật Giáo thì ta vẫn còn khổ. Vì ta chưa tự làm chủ được ta, mà ta đã để cho ngoại cảnh làm chủ mình.

Lần này viết về Việt Nam để nhớ và nghĩ đến quê hương của chúng ta - nơi đó đã trường dưỡng biết bao nhiêu tinh hoa của dân tộc - từ Tôn giáo, văn hoá cho đến đời sống của những người đầu trần áo vải làm lụng quanh năm suốt tháng cho quê hương đất nước này.

Nhắc lại cảnh đẹp của quê hương hay những anh hùng liệt sĩ - đã có nhiều người làm. Hôm nay chúng tôi muốn đưa quý vị về quê hương của chúng ta - nơi miền xứ Quảng - đặc biệt là về Tôn Giáo. Đó là Phật Giáo. Một Tôn giáo đã bao đời góp mặt với núi sông, với quê hương và Đạo pháp, với tất cả người và dòng đời trôi chuyệ. Một quê hương nghèo đói nhất miền Trung của xứ Việt - nhưng tấm lòng của họ chẳng nghèo đói bao giờ. Lúc nào cũng muốn vươn lên với cuộc sống, đâu ở trong bất cứ một lãnh vực nào.

Đến Quảng Nam để xem phong cảnh chùa Non Nước đã có nhiều người đi - nhưng qua phố Hội và về chùa Chúc Thánh, Phước Lâm, Vạn Đức, Long Xuyên, Viên Giác thì hầu như ít có người tìm đến. Nếu ai đó có đọc về sử Phật Giáo thì biết rằng chùa Chúc Thánh là do Tổ Minh Hải người Phước Kiến qua Hội An - đã khai sơn và truyền đạo tại đây từ hồi thế kỷ thứ 17. Ngài là người bắt đầu cuộc giảng Thiển Lâm Tế khởi đi từ xứ Quảng.



Chùa Chúc Thánh nằm cách phía Tây Bắc Tỉnh lỵ Quảng Nam chừng 3 cây số. Khách thập phương sau khi đã trải qua một đoạn đường gồ ghề với cát và sỏi - sẽ thấy được những mái chùa cong, với rông bay phướn màu, vươn lên sau những tàng cây Thi lớn. Trước khi vào chùa, khách thập phương phải qua 1 cổng Tam Quan đã được dựng lên từ bao đời phủ kín bởi rêu phong cùng với thời gian năm tháng, tạo nên một nét thâm u huyền diệu tịch mịch của cảnh Thiên môn. Hai bên vườn cây kiểng đủ màu, đủ loại - là những ngôi bao tháp của các bậc chân Tăng hữu công, bao đời đã duy trì mỗi đạo, rạng danh 1 à Thích Tử của Như Lai. Tháp gồm nhiều tầng - trong đó có quang những pháp thân của các bậc tu hành đã quá vãng. Ngôi mộ tháp của Ngài Minh Hải vẫn còn đây, sừng sững v ớ i gió sương qua bao cuộc phế hưng của thời đại. Tiến sâu vào bên trong, khách thập ph ậ sẽ thấy một hồ bán nguyệt - trong đó ch ố i lên những ngó sen cùng hoa lá đủ màu. Sen là một hoa quân tử, gân bùn mà chẳng bị ứ n làm vẩn đục. Đạo Phật vẫn lấy hoa sen đ ể tượng trưng cho phần Phật tánh của chúng sanh - dấu sanh trong chốn trần ai khô luy nây; nhưng nếu biết trồng dưỡng th ầ n tâm và tu hành công đức, thì cũng sẽ giống như hoa sen thoát lên khỏi chốn bùn đ ơ vậy.

Sau tấm bình phong, bên hồ bán nguyệt 1 à những chậu cây kiểng, nào tùng nào bách nào hồng trang, thước được, đủ loại đủ màu, bày la liệt trong sân. Bên giữa là chánh điện - hai bên là Đông và Tây Đòng - Nơi mời gọi khách thập phương hãy lắng lòng trần, vào đây để cho tâm hồn được thanh thản.

Bên trong chánh điện được thờ các vị Phật chư vị Bồ Tát, chư vị A La Hán, các vị Hộ Pháp Long Thần, Thập Điện Minh Vương v ầ Điện Nhiên Vương Đại Sĩ. Hai bên tượng c ó vẽ những hình nơi cõi Cực Lạc của Đ ứ t Phật Di Đà, và những kh ớ lụy trần ai nơi âm cung biệt cảnh. Để so sánh với thế gian và xuất thế gian, để so sánh với tình thương và bao lực hay giữa thiện và ác - nhằm khuyến tấn chúng sanh trong sự tu hành giải thoát.

Tiến vào bên trong nữa khách thập phương sẽ thấy 2 dãy nhà Đ ồ ng và Tây, dành cho chư Tăng cư ngụ và học tập cũng như giảng dạy giáo lý cho hàng Phật tử tại gia cũng như xuất gia mỗi khi có trai đàn hay nhập hạ. Bên trong cùng - nơi thờ bài vị của các vị

Tổ Sư tiên bối và 2 bên là linh vị của chư hương linh quá vãng.

Chùa Chúc Thánh là một Tổ Đình lớn, và lâu đời nhất của Tỉnh Quảng Nam, nên mỗi năm, tất cả các bậc tôn túc Tăng già cũng như hàng Phật tử tại gia đều về đây để h ồ p mặt và dự lễ kỷ tổ. Nếu chúng tôi nhớ kh ế i lầm lễ kỷ tổ của Chùa Chúc Thánh được cử hành vào ngày mùng 8 tháng 12 mỗi năm - Ngày Đức Phật Thích Ca thành đạo - Ngôi Tổ Đình bỗng nhiên sống động bởi tiếng chào hỏi hay tiếng kinh cầu. Không y ế n lảnh như những tháng ngày chìm sâu trong sự định tĩnh của núi rừng xứ Quảng.

Chung quanh vườn chùa là những hàng cây ăn trái, nào ổi, nào mít, nào dứa và đ ợ c theo hàng rào của chùa có những ngôi mộ của các đàn gia và thí chủ cũng được chôn cất thành hàng nơi đó. Người Việt chúng ta vẫn có quan niệm rằng - sống cái nhà - già cái mộ - nên ngôi mộ nào cũng đ ượ c xây dựng rất công phu và trang nhã.

Đi xa hơn một chút nữa về hướng Tây Bắc - Đ ộ chừng 1 cây số - khách thập phương sẽ gặp một ngôi cổ tự cũng không kém Tổ Đình Chúc Thánh là bao so với thời gian n ă m tháng được tạo lập. Đó là Tổ Đình P h ướ c Lâm vậy.

Tổ Ân Triêm là tổ khai sơn chùa Phước Lâm - như Tổ Minh Hải là tổ khai sơn c h ử a Chúc Thánh; nhưng thời gian đâu còn quá thô sơ - sau đó Ngài Minh Giác Hòa Thượng mới tạo dựng Phước Lâm Tự to lớn rộng rãi hơn và ngôi chùa ấy vẫn còn duy trì đến ngày nay.

Cuộc đời của Hòa Thượng Minh Giác ít thấy sử liệu Phật Giáo nào ghi - nhưng t h eo Thượng Tọa Thích Như Huệ - giảng sư Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Nam - hiện trụ t r ị Pháp Hoa Tự tại miền Nam nước Úc - có cho hay rằng.

Hòa Thượng Minh Giác là bậc chân t ầ ng, đạo cao đức trọng, vừa là một nhân tài của quê hương xứ Quảng. Lúc thiếu thời, quyết chí xuất gia học đạo, lớn lên nhằm 1 ú c nước nhà ly loạn; Ngài không thể ng ồ i yên để nhìn cảnh non sông bị dày xéo, nên g ớ i áo nâu sông lại chốn thiên môn, để đi đánh giặc Chiêm Thành. Sau khi đánh giặc xong,

về để chuộc tội của chính mình, hay chuộc tội cho sơn hà, xả tắc Ngải nguyên q u ết chợ Hội An 20 năm để đền ơn Phật P h ếp. Sau đó Ngải trở lại cương vị của N g ười tu hành, tạo tượng đức chuông, nuôi Tăng, độ chúng. Đại Hồng Chung của chùa P h ếp Lâm và của chùa tại Cù Lao Chàm vẫn còn trong hiện tại là do Ngải Hòa Thượng Minh Giác để xứng và thực hiện. Về sau vua Tự Đức cảm niệm ân sâu của bậc Tu hành hữu công với Đồi và Đạo nên đã ban sắc t ứ Phước Lâm Tự và tặng cho Ngải Minh Giác Hòa Thượng 2 câu thơ - được chạm trổ sơn son thếp vàng - mãi cho đến ngày nay vẫn còn được treo tại chánh điện Tổ Đ ì n h Phước Lâm như sau:

- Bình mang, tảo thị lưỡng độ gian l a o, xuất gia kỳ, phát nguyện tu kỳ, bát v ậ t sanh thiên thành chánh quả.

- Tạo tượng chú chung nhị thung công đức cách cứu hạo, dành tân cổ hạo, thiên t h u giác thế, vĩnh truyền đăng.

Tam dịch

- Đánh Chiêm, quét chợ, 2 lần khó nhọc; lúc xuất gia, lúc phát nguyện tu hành - đường đi rộng mở, thành chánh quả.

- Tạo tượng, đức chuông, 2 lần công đức, sửa cái xưa, thay cái mới, ngàn năm đời biết, sáng luôn hoài.

Đọc 2 câu đối, lòng ai chẳng bồi hồi xúc động - Thật là một danh Tăng mà cũng là một danh tướng. Ngải đã có công với Đ ở i bao nhiêu, thì với Đạo cũng không kém - Vừa nhập thế, vừa xuất thế. Quả là một bậc chân Tăng có một không 2 trong lịch s ử Phật Giáo vào thế kỷ thứ 18 và 19 c ử a nước nhà. Từ đó ta có thể kết luận r ằng Ngải Minh Giác Hòa Thượng cũng không kém thua mấy những bậc chân Tăng trong c á c thế kỷ trước như Vạn Hạnh Thiên Sư Khuông Việt Thái Sư, Mãn Giác Thiên Sư v.v...

Ngoài ra cách kiến trúc ngôi Tổ Đ ì n h Phước Lâm cũng giống như Tổ Đ ì n h Chúc T h ánh; nhưng, bên phía những ngôi mộ tháp của các vị Tổ Sư và các vị Hòa Thượng, khách thập phương có thể thấy được mộ của Ngải Vinh Gia - là một danh Tăng của Phật Giáo nước nhà - Ngải Vinh Gia đã tận tâm t r u yên giới Tỳ Kheo và Bồ Tát giới tại Tổ Đ ì n h Phước Lâm này. Chính Hòa Thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết (Đệ Nhất) và Hòa T h ượng

Tăng Thống Thích Giác Nhiên (Đệ nhị Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt N a m Thống Nhất) là những bậc cao tăng đã thọ giới tại Tổ Đ ì n h Phước Lâm này với Ngải Vinh Gia Đại Lão Hòa Thượng.

Canh chùa quê hương còn nhiều nữa - H y vọng với những trang giấy nhỏ này, sẽ góp một chút phần nào trong việc giới thiệu những cái hay cái đẹp của quê hương m à lâu nay ít có người viết đến. Lần sau chớ tôi sẽ đưa quý vị đi thăm những Tổ Đ ì n h khác tại Quảng Nam và những danh l a m thắng cảnh khác nữa để quý vị có một cái nhìn dịch thực hơn về một quê hương - nơi đã dưỡng sinh nhiều tâm hồn thoát tục.

(Còn nữa)

tiếp theo trang 40

tu chứng của kẻ khác. Ta hãy nhìn phototượng trên bàn thờ, là cái tha thọ dụng thân của Đức Phật. Xuyên qua thân tượng ấy, với lòng chí thành kính lễ của ta, ta sẽ bắt gặp cái tử thọ dụng thân của Ngài. Bắt gặp đ ể đ ọc, thì trong tâm khảm của ta, hai thân ấy giao tham, thân này hoán tri (transpose) v à o thân kia. Lúc ấy Phật gỡ cũng là Phật thật vì Phật là vô tướng mà cũng là vạn tướng. Sự giao cảm giữa Phật và ta được thể hiện trong phút giây thiêng liêng ấy.

Năng lễ sở lễ tánh không tịch  
Cảm ứng đạo giao nan tư nghi.

Điều cần thiết, là phải chí thành, có c ả m mới có ứng.

Ta chưa đạt đến trình độ tu chứng của Ngài Đôn Hà Thiên Nhiên, để xem thường tượng gỗ đem đốt đi để sưởi ấm. Thiên sư đã làm hiển lộ ông Phật nơi mình, chứ ta thì còn x a lăm. Ta còn rất cần tượng Phật, và lễ Phật. Sự xem như mâu thuẫn giữa hai sự kiện nêu trên, ta phải giải quyết trong thực tế theo chiều hướng của lời dạy ngài Quy Sơn:

Thật tế lý địa bất thọ nhất trần  
Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp.

# Ni Cô Thị Nguyễn

Nam Mô Đại Hiệu MỤC KIỀN LIÊN  
Bồ Tát Ma Ha Tát

Nhân trong Viên Giác số 18, có bài viết từ A Châu gửi sang, của ni cô Thị Nguyễn. Với hạnh nguyện sứ giả Như Lai, phục vụ dân tộc Việt đang đi lên trên khắp nẻo đường thế giới của ni cô, làm tôi nhớ đến cũng ni cô Thị Nguyễn, ngày xưa bên nhà, tôi được duyên lành gặp gỡ...

Lúc đó tôi còn là một tăng sinh của Phật Học Viện Giác Sanh, vùng Cholesterol. Sau 3 tháng an cư kiết hạ, như các huynh đệ khác, tôi cũng được nửa tháng về thăm thầy tổ ở Đan Miên Tây hẻo lánh.

Buổi sáng hôm nọ, tôi đang giúp huynh đệ chăm sóc mấy luống hoa huệ bên cạnh công chùa, từ xa đi lại một thiếu nữ, dắt người đàn bà độ ngũ tuần, như chúng tôi đưa vào lễ Phật và xin gặp thầy trụ trì. Đây là ngôi chùa ở quê, nên không được rộng rãi và nhiều phương tiện cho lắm, hậu thổ của chùa cũng là nơi tiếp khách, sau khi hai người lễ Phật xong, được sư phụ tôi tiếp chuyện tại hậu thổ.

Với vẻ mặt dầu dàu, âm trầm, người đàn bà cho biết, trước đây 3 năm, đôi mắt của người tự nhiên xông xang, chảy nước mắt mãi, rồi từ từ mờ dần, đã chạy khắp thầy, chữa cù n g thuốc, bệnh vẫn không, thuyên giảm. Gần năm tháng nay, đôi mắt của người hoàn toàn mù hụp. Đoàn người đàn bà kết thúc câu chuyện của mình:

"Nhân vô tai họa, bất khởi từ tâm".  
Thật vậy, bạch thầy, nếu con không bệnh tật cô lẽ con còn mãi tranh đua giàu nghèo, có thì giờ đâu nghĩ tới Phật, pháp.

Bây giờ người thiếu nữ đứng lên chấp tay giọng đầy bi ai, khẩn thiết: "Bạch thầy, bốn phận làm con, con không biết làm sao cho trọn đạo trước bệnh tật của mẹ, con chỉ biết thành tâm khẩn nguyện cùng Mười

phương Chư Phật, trước Đức Như Lai, thế thế phát, trường chay, giữ giới, hồi hướng công đức này về cho mẹ con, để tội nghiệp của người dâng tiêu trừ. Xin thầy tư bi hộ an hộ thế phát cho con".

Trước hiệu hạnh hiem cô của thiếu nữ, lòng thành tín tưởng đến Phật pháp của người mẹ sư phụ tôi muốn bà hiệu thế nào là l u ân hồi, nhân quả, cũng không ngoài ý k h uyên giải, an ủi, để bà thêm nhiều nghị lực mà kham nhẫn, người ra hiệu dạy tôi chăm tra thêm cho khách, đoạn hướng về người đàn bà và hỏi:

- Nhi vị Phật tử có nghĩ rằng hôm nay mình gặt được gánh lúa đây, đó là do từ sâu thẳm trước ta đã ra công gieo, trồng, nhổ, cấy...? Ngày nay ta hái trái cam chua, do trước kia ta không biết chọn giống cam ngọt, phu vào đó, trong suốt thời gian sau này, ta không vun bón, chăm sóc đúng mực, cẩn thận...Kiếp hiện tiền ta phải chịu cảnh bệnh tật, bán hàn, biết đâu kiếp trước ta đã ăn ở bạc ác với mọi người, phạm phạm của cải, xưa Phật dạy:

"Đức tri tiên thế nhân, kim sanh thọ quả thị..."

Nhi vị cũng nên biết, Ta Bà là cõi tạm, nơi mà chúng ta đến để trả quả cho kiếp trước tạo nghiệp cho kiếp sau, để rồi đau đớn mà ra đi với hai bàn tay trắng, nhà cửa, ruộng vườn, con cái, chồng vợ, ... mặc dù những thứ đó ta ấp yêu, quý mến vô cùng, dù những thứ đó ta đã bỏ ra bằng cả cuộc đời, để t a o dùng, để tranh đoạt, bất kể thiện ác, t ội i phước... Nhưng nào mang theo được gì? Duy chỉ nghiệp lực là đeo đẳng theo ta mà thôi... Con người ta sanh ra, lớn lên, già, bệnh để rồi chết. Niềm vui trong cuộc đời g ò m lai cô bao nhiêu? Toàn là chuyện đau buồn và nước mắt. Phật dạy:

"Nếu dòng lương được nước mắt từ xưa tới nay của chúng sanh, sẽ nhiều hơn nước đại



dương". Thật vậy:

"Đời cô vui sao chẳng cuối khi ?

Mới sanh ra đã khóc choé !!"

Tôi đã khái niệm cho nhi vị thể nào là luân hồi, nhân quả, tứ đại giai không, sau đây tôi xin thuật lại câu chuyện về nhi vị s u y gam.

Chàng là một thiếu niên mãn tuệ và h i ếu học, chàng tỏ ra xuất sắc cả Tây học lẫn Hán học. Ngoài ra chàng còn biết tài b ả n tên và "dân nã", đang cỡi xe đạp, với chiếc nã, chàng có thể bắn rơi con sáo, hoặc con chim cu đầu trên cành cây cao năm, b ả y thước. Lời người thương nói:

"Cô tài mà cây chi tài...". Nhưng c h ỉnh cái biết xáo đổ, làm cho chàng ta thực ngộ được chân lý siêu việt...

Vào một buổi trưa hè, những cơn gió hiu hiu lùa nhẹ vào song cửa, đưa chàng ta đi lẩn vào giấc điệp trên bờ ván gỗ. Nhưng chàng chợt bừng tỉnh, sau hè, trên cây ngô đồng có thu cỏ tiếng chim kêu rất lạ tai, c h ả ng nghĩ, chắc hẳn là con chim to lắm đang đậu trên cây ngô đồng, vội văng cầm chiếc n ả chạy ra sau. Kia, không cao lắm, trên c ả nh ngô đồng, một con chim to lớn đi t h ượng, màu sắc sắc sỡ, tiếng kêu thật lạnh lốt... Ret, rồi phành phạch, phành phạch... Mũi tên bẻ nhỏ xé gió bay đi, tiếng kêu thông thiết và hốt hoảng của con chim từ trên cao rơi dần xuống, hai cánh đập loạn xạ, liên hồi. Cũng có thể cái đập cánh của con chim l ả cái giây giữa để chết, cũng có thể là sức cố gắng của sức tàn còn lại để chống với t ử thân, vì nó tự biết, nếu rơi xuống tại đây, dù không chết liền, cũng chết dần mòn. Đôi mắt chàng chòm chú vào con chim đang rơi, đôi chân dướn theo, đột nhiên chàng t h ất thanh la lên... Rồi thì phía trước, không xa lắm, con chim đang đi vào khoang, c u ối của cuộc đời nó, nơi này, đôi mắt của chàng bị nhánh "Chà tre" mọc thật sâu và n g ất lìm đi...

Sau nhiều tháng dài tịnh dưỡng, có hai s ự kiện trái ngược, xảy ra trong đời chàng.

Thứ nhất, đôi mắt chàng hoàn toàn mù hẳn, thứ hai, nhờ vào những tháng năm dài sống trong tâm cùng của đau đớn, khổ não, chàng nhớ lại con chim mà mình đã bắn, có c h ết hay không? Sự đau đớn của nó như thế nào, nếu nó chết, và nếu nó không chết... ? ...

Từ đó, chàng như bồng tỉnh trong cơn mơ, rõ ràng :

"Àc lai, ác báo". Nếu không tích t h ị ện, làm sao từng thiện?

Hơn sáu mươi năm qua rồi, chàng thanh niên đó đã tìm lại được ánh sáng, không p h ải ánh sáng soi rọi qua đôi mắt, mà là nguồn sáng chân lý, nguồn sáng từ bí của Đ ứ c Phật. Chàng thiếu niên hơn sáu mươi n ă m trước, chính là người mà ngày nay, đ a n g ngồi và hầu chuyện với nhi vị, V ị đ ỗ n g cạnh tượng lân, tối mù, nên hiểu được hoàn cảnh khôn khéo của nữ Phật tử.

Câu chuyện sự phụ tôi vừa kể xong, làm cho đôi mắt kéo mây mù trắng dã của người đàn bà, đôi ba phen đảo lộn. Thì ra, từ sớm đến giờ, bà vẫn tưởng sự phụ tôi có đôi m ắ t sáng...

Rồi thời gian qua mau, vũ trụ, vạn vật, khê ngưng biến diệt từng sát na, trí tưởng của tôi cũng vậy, quên dần theo năm tháng. Bây giờ tôi đã thực sự trở về chùa thầy tổ, để cùng với huynh đệ chung lo Phật sự.

Buổi trưa hôm nọ, tôi đang nằm trên chiếc võng bờ, nơi mà mấy năm sau này sự phụ tôi ít khi rời xa, xảy ra một ni c ô và người đàn bà, tóc đã điểm sương, đến xin h ả u chuyện sự phụ tôi. Chợt nhìn qua hai người tự nhiên trong tôi có một cái gì như bàng hoàng, như xúc động, tôi chưa kịp nghĩ r a c ớ s ự.

- Thầy còn nhớ tôi không? Năm năm trước, tôi và mẫu thân có đến đây, nhờ Hòa Thượng rừ lòng từ ban bố cho thói phạp và chứng minh lòng thành khẩn nguyện của tôi. Ngày nay, đôi mắt của mẫu thân tôi được c h ả tr ị lành mạnh, trong sáng như xưa, âu đ ồ cũng là nhờ Phật, Trời soi xét. Còn t ố i, năm xưa, Hòa Thượng đã soi ngọn đuốc, chỉ dắt con đường đi dần vào Chân lý từ bí của Đức Như Lai, ... Hôm nay tôi và m ẫ u thân có dịp quay trở về để lễ Phật, lễ Tổ và vãn an Hòa Thượng, Chàng hay Hòa Thượg đi vắng hay sao? Tôi từ từ nhìn lại chiếc võng bờ, cây gậy, bộ đồ trà và những v ậ t thường gắn bó với sự phụ tôi, nhìn lên bức họa vị Đại hiệu Mục Kiên Liên, quay nhìn vị ni c ô - Sau này tôi được biết là ni c ô "THI NGUYỄN" - tôi nghĩ tiếp: "Có p h ả i mắt của bà sáng tỏ lại là một sự tự nhiên. Có phải mắt của bà sáng tỏ lại là do s ự

xem tiếp trang 67

# Chuyện trong phủ của Kinh Vương

## HỒ TRƯỞNG AN

Kinh Vương, chú của vua Triết Tôn nhà Tống vốn không ưa việc triều chính. Với tâm hồn nghệ sĩ, vương cho xây cất một vương phủ nằm về nơi yên tĩnh nhất của đô Lâm An để đi dưỡng tính thân.

Vương phi kém hơn vương một tuổi là một trang hiền đức, vốn là con gái vị Quốc Công họ Vương, từ thuở nhỏ có những ý tưởng xuất gia, lãnh tục. Thuở đó, nhân thấy người thiếp của cha mình sinh nở khó khăn rồi chết vì chúng hậu sản, cô thiên kim tiêu thư họ Vương đã có một vài ý niệm về cái khổ trợ cõi phủ thế nhân sinh này. Lại nữa, có lần Vương tiểu thư xuống khu nhà bếp bắt gặp một con bò bị cột dợi đem xẻ thịt để dọn cỗ mừng lễ sinh nhật cho Quốc Công phủ nhân họ Thái, mẹ ruột của tiểu thư. Con bò nhìn tiểu thư, đôi mắt râu rí tuân lệ dầm dìa. Tiểu thư trong giây phút đó rung động tâm can, chiếc quạt lụa trên tay rớt xuống đất. Nàng liền về phòng, cởi hết trăm thoa, vòng xuyên, nhẫn, vật mình nằm khóc suốt cả ngày. Từ đó, tiểu thư không ngó ngang gì tới gấm vóc, châu ngọc, sơn phần, hương xa, hương lan nữa. Nàng ăn chay, mặc nhà dạm với thứ vải gai dệt mịn khi có đi đâu thì mặc áo cầm sa nhập cảng ở các nước Tây Dương. Tiểu thư thường bảo: "Mặc áo lụa cũng như ăn thịt cá, đều phạm tội sát sinh, vì muốn có lụa thì phải có tơ. Mà muốn có tơ thì phải dùng nước sôi giết con tằm nằm trong kén tơ. Còn đeo trân châu cũng thế. Muốn lấy hạt châu thì phải giết một con sò".

Khi Vương tiểu thư đến tuổi cài trâm, y theo lời hôn ước, được gả về vương phủ. Kinh Vương khôi ngô tuấn tú, mặt vương v à đẹp như ngọc, răng như gương mặt ngời như sao, răng trắng bóng như hạt lựu. Lại thêm, vương giỏi vẽ cầm, kỳ, thi, hoa cùng ba lượt

sáu thao. Đúng là một mẫu người mà b iết bao cô gái guyên quý cùng các hạng công nương mở ước. Vương nhân thấy vợ tuy không thuộc hạng sắc nước hương trời, nhưng thật ôn nhu, đoan trang; dáng dấp thật u nhân, trinh tình; mặt như một bông sen trắng; trên má điểm nốt ruồi son. Vợ chồng kính yêu lẫn nhau. Vương phi lo việc tế gian nội trợ, sắp đặt mọi việc trong vương phủ thật chu đáo. Đối với gia bộc, a hoàn, bà c h i dùng ân đức nhiều hơn dùng uy quyền.

Sau khi sinh cho Kinh Vương hai vị vương tử và hai vị quân chúa, vương phi xin chộ cho phép mình tu tại gia, giữ gìn nghiêm nhất luật cấm sự nữ. Vương buồn lắm, hỏi: "Vợ chồng ta dù tuổi gần bốn mươi, còn đẹp đẻ, tráng kiện. Cơ sao vương phi lại muốn xa lánh tôi? Hay tại vì tôi mới thu nạp hai người thiếp mà vương phi ghen h ờn chàng?" Vương phi êm ái bảo: "Hai người thiếp kia rất tương đắc với thiếp. Họ biết kính trên nhường dưới, vốn người hiểu đạo lý. Vương gia há không biết chỉ n g uyện của thiếp từ khi mới về phủ này hay sao? Thiếp trộm nghĩ nếu thiếp tu Tịnh Độ đợc vãng sinh, thì chàng những cứu đỡ cho c á nhà mà cho cả chúng sinh nữa. Xin v ư ông gia cho thiếp được tròn nguyện".

Số là vào tiết nguyên tiêu năm n g o ái, Kinh Vương đã thu nạp vào vương phủ hai nàng thiếp, một người vốn là con của v i hàn sĩ tên Tô Mỹ Diệu, còn một nàng tên là Hồ Thực Đức vốn là con một viên Tri Huyện chịu ơn vương đã đỡ bạt mình trên đường hoạn lộ. Cả hai đều kiều diễm, giỏi làm thơ nên rất được vương sùng ái. Vốn là con của nhà lễ nghĩa, họ rất kính trọng vương phi sáng sớm nào họ cũng vấn an vương phi như đối với mẹ chồng.

Tô Mỹ Diệu mặt thuôn như trứng ngỗng, trắng như phấn, mịn như nhung, mắt sáng ướt như sóng thu, môi thắm như đóa hồng mai, trong cái phẩm chất kiêu diễm còn ẩn chứa nội tình phóng dật. Vốn xuất thân nơi nghèo khổ nay về vương phủ được ăn cao lương mỹ vị, được mặc gấm lụa chói chan, được ở một nơi nguy nga là Tuyết Cẩm Các cuối góc Quyển Âm Phương Viên phía đông, nên cô ta quý trọng lạc thú của cuộc đời mới, coi như đó là cõi thăng diêu ở chốn trần gian. Hồ Thục Đức thì khác hơn họ Tô. Nàng đẹp hiền thực đoan trang, nhưng bản chất bệnh hoạn yếu đuối nên tinh thần như nhược. Nàng cũng mãi nguyện lấy được một bậc tao nhã, đẹp trai như Kinh Vương, nhưng cũng rất buồn vì sức khoẻ của mình. Sau khi sinh cho vương một cậu quý tử, nàng cứ đau yếu liên miên, rồi chán ngán mọi việc. Vương và vương phi thấy xót nàng lắm, cho tìm thầy, chẩn mạch, bốc thuốc nếp nàng được thuyên giảm vài phần, nhưng bản chất không vì thế mà phục hồi hẳn dẫn vào trạng thái hoàn toàn kháng kiện. Hồ Thục Đức lại cố thêm tài hội hoa, thưởng vẽ hoa lá, chim, bướm làm vui. Nơi Ưng Các, của nàng bày dầy tranh lông khỉ, liên đới, các bức họa phóng bút rất ngoạn mục và văn nhã. Vương thích đến đó dùng trà sau khi đi châu về. Nhưng ở đó, vương cũng tìm sự tĩnh mặc để đi dưỡng tinh thần, sau khi mệt nhọc việc triều chính. Nơi tìm vui của vương vẫn là Tuyết Cẩm Các, có Tô thị ưa tô chức ca múa, bày yến tiệc cùng những trò đục lạc khác.

Wương phi cho các a hoàn của mình vốn khéo thích trai giới qua ở bên hai người thiếp của chồng mình, chỉ giữ con Kim Cương sớm hôm giúp đỡ. Chủ tớ cùng trai giới, cùng mặc bó vai. Vương phi dạy cho Kim Cương cách nghĩa để nó đọc được kinh kệ.

Thế là Phí Thúy, Mã Nào, Thạch Anh thì qua ở với Tô Mỹ Diệu; Còn Pha Lê, San Hồ, Ngọc Lưu thì qua ở với Hồ Thục Đức.

Một sáng mùa Đông, San Hồ qua thăm Kim Cương. Lúc ấy vương phi đang tụng Tứ Bi Thủy Sám Pháp. Kim Cương báo: "Hồ đi nương lại trở bệnh nặng. Vương vừa cho mời Trần Thái Ý ở trong cung đến chẩn mạch. Nhưng Trần tiên sinh đoán không hiểu là bệnh gì. Chắc có lẽ Hồ đi nương bị ma đưa chăng?". Kim Cương hôm đó trình lại từ sự cho vương phi nghe. Vương phi liền khoác áo bông, đạp tuyết đến

Ưng Các. Lại thay, vừa thấy vương phi đi đến, Hồ Thục Đức cảm thấy như mình tằm trong dòng suối nhiệt mầu. Bệnh nặng giảm thiểu đôi chút mà không hiểu tại sao, dù thang ích khí bổ thần chỉ mới bỏ vào siêu và đang sắc trong bếp. Vương phi cầm tay bình nhân bảo: "Đi nương giỏi về hội hoa khi bình phục nhớ về dùm tôi bức A Di Đà Tam Tôn để tôi thờ phụng. Mấy bức tranh bán ở ngoài chợ phía Đông không làm tôi vừa lòng vì màu sắc lờ loet quá". Hồ Thục Đức ngó lờ: "Xin vương phi thương xót mà tụng cho tôi Kinh Phổ Môn và Kinh Dược Sư, họa may tôi bình phục được chăng?".

Sáng hôm sau, Hồ Thục Đức nhờ Pha Lê, Ngọc Lưu dùng nước trầm lau thân thể sạch sẽ cho mình, rồi nàng súc miệng, ngâm trầm thơm, cho xoay giường hướng về Quán Âm Lâu là nơi tu hành của vương phi mà niệm Phật. Trong khi đó, vương phi thả nhang đèn dâng Kinh Phổ Môn và Kinh Dược Sư cho Hồ Thục Đức.

Hồ Thục Đức qua tiết trong xuân năm sau khỏi bệnh hẳn. Nàng ăn chay, tắm gội, miệng ngâm trầm hương, đốt nhang thơm và bắt đầu vẽ bức A Di Đà Tam Tôn. Bức tranh hoàn tất vào tiết đại thứ. Vương phi cho treo tại Quán Âm Lâu. Trong tranh, khuôn mặt của Đức A Di Đà Phật, của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Đức Đại Thế Chí Bồ Tát như mặt người sống. Nét mỉm cười từ ái của Phật thật bất hủ, không thể dùng ngôn ngữ nhân gian diễn tả nổi.

Cũng từ khi bức tranh hoàn tất, Hồ Thục Đức nảy sinh lòng mộ đạo, xin vương phi cho mình cùng trai giới và cùng trì danh niệm Phật. Thấy chủ tu hạnh, Pha Lê, San Hồ và Ngọc Lưu cũng xin mỗi tháng ăn chay vào ngày rằm và vào ngày vía các Phật hay các Bồ Tát.

Trong vương phủ, về phía phụ nữ, pháp môn Tịnh Độ càng lúc càng được hâm mộ. Từ vương phi, trừ Thục Đức và Kim Cương chỉ thành ăn chay trường, còn tất cả đều tu theo kiểu các a hoàn của Hồ Thục Đức, nghĩa là chỉ ăn chay một tháng hai hoặc ba ngày mà thôi.

Tô Mỹ Diệu vốn thấy người ăn khoai, vá c may mà chay. Nhưng nàng chỉ ăn chay vào ngày rằm và vào ngày ba mươi lịch trăng mà thôi, và nàng vẫn thường tô chức yến



tiệc và thường trang điểm, đàn hát để nich ái Kinh Vương.

Mười năm sau, Kinh Vương tử trần. Lúc đó, đức Huy Tôn lên ngôi để cầm vận mệnh quốc gia. Con trưởng nam của Kinh Vương được tập tước của cha, được vua Huy Tôn phong là Vũ Lộ Vương. Dinh cơ trong vương phủ được ngăn làm hai. Phần phía Đông dành cho Vũ Lộ Vương cùng em là Cẩm Hương Quốc Công và gia đình họ trú ngụ. Phần phía Tây ngăn từ phía Quân Phòng Viện dành cho vương phi và các ti thiếp của Kinh Vương. Vương phi, trước khi rút về Tây phủ, liền bảo phe phụ nữ: "Nếu ai muốn tu hành thì theo ta về Tây phủ. Nhưng khi đã vào đó rồi phải giữ gìn hành chuyên cần, tu hành tinh tấn". Hồ Thục Đức liền xin theo hầu vương phi. Tô Mỹ Diệu bắt đặc đi cùng phải đi theo. Trong số đó hoàn chi có Kim Cường và Anh Lạc (cô tớ đã từng theo hầu hạ Vũ Lộ Vương phi). Nhưng hoàn giả trở thành lão bà thì hầu hết theo vương phi vì không muốn rời xa chủ cũ.

Vũ Lộ Vương và Cẩm Hương Quốc Công ngày ấy nào cũng dắt vợ con đến vấn an mẹ. Cả hai đều lo đay đờ Triệu Linh, con trai của Hồ Thục Đức lúc đó được mười ba tuổi. Tô Mỹ Diệu không con trai, chỉ có chút con gái tức là Thọ Khang Quận Chúa, nay theo các con gái của Vũ Lộ Vương và các con gái của Cẩm Hương Quốc Công học tập kim chi, t h o v an, lễ nghĩa.

Kinh Vương thất lộc quá sớm để lại biết bao tiếc thương, sâu khổ cho Tô Mỹ Diệu. Nàng góa chồng vào tuổi ba mươi bốn. Thật ra, sợ đi nàng không ở Đông phủ là vì khộ ủa Vũ Lộ vương phi, vốn có nhiều hiềm khích với nàng trước Kinh Vương còn sinh t i ến. Qua Tây phủ, tức là nàng muốn tránh mặt kẻ cứu địch. Nàng tu miên cưỡng, thường giả dàu để tránh các thời khóa lễ. Nàng sợ n h ấ t phải đư lễ công phu khuya và thường l ế n lút đưa tiền Lâm ma ma để mua các món mẩu về ăn.

Hồ Thục Đức nhỏ nhẹ khuyên can người đồng hội đồng thuyền: "Thư thư là bậc thế minh l ế dậu còn luyện tướng tới cuộc đời đ a u khổ này? Nghiệp quả đã xuôi cho vương gia chúng ta sớm lìa đời. Người quả phụ có khác nào chôn nửa cuộc đời xuống mồ theo chồng. Đã nhập Tây phủ rồi, chị không nên l ầ m chướng ngại nói đây". Tô Mỹ Diệu lập liêm:

"Cám ơn mọi người có lời khuyên. Để r ồ i tôi sửa đổi". Nói thì nói vậy, nhưng lòng trần Tô di nương chưa dứt. Nàng rầu rĩ, nhớ tiếc ngày chồng còn sống, cứ hồi tưởng nghĩ lúc yến tiệc ca xang, nhưng lúc má kẻ vai tựa với chồng. Do đó mà nàng ngã b ề n h. Vương phi biết được, một hôm cho mời Tô Mỹ Diệu đến Quán Âm Lâu, rồi kêu Kim Cường và Anh Lạc ra ngoài, nghiêm giọng bảo người sùng thiếp của chồng mình: "Chàng có thể vì nhà người mà phá trật tự nhà của t a sao?" Tô Mỹ Diệu gục xuống, ôm chân p h u nhân, ăn năn tạ lỗi. Vương phi đem c h i ế c gương tròn đưa cho Tô Mỹ Diệu soi r ồ i bảo "Đi nương soi gương kỹ đi. Khuôn mặt đ i nương đầy những hắc khí, lại sâu héo v ồ vàng. Trong khi đó, mặt mày của mọi người ở Tây phủ đều rạng rỡ. Tại sao vậy? Có phải chàng đi nương không thật lòng tu niệm và còn mơ tới chuyện trần tục của cuộc đời quá khứ đó ư?" Tô Mỹ Diệu nghẹn n g ầ o: "Thiếp xin từ đây giữ giới. Xin vương phi rộng dung cho thiếp phen này".

Từ đó, Tô Mỹ Diệu trở nên tinh tấn tu hành vừa tu theo Tịnh Độ, vừa tu theo T h i ến Tông và thường đọc kinh A Di Đà để c ấ u cho vong linh Kinh Vương được siêu thoát.

Bốn năm trôi qua. Vào một buổi sáng, chớm thu, sau khi đợi mọi người dùng điểm tâm xong, Tô Mỹ Diệu bảo Hồ Thục Đức r ầ n g: "Mười mười à, tôi sẽ đi nội ngày hôm nay. Từ bốn hôm nay, tôi không ăn cơm cháo g ỉ ca, chỉ dùng nước mai thang để thân t h ế được tinh khiết". Hồ Thục Đức nhìn người bạn đồng thuyền của mình, chót nảy s i nh tình cảm phức tạp, nửa xót thương, nửa tôn kính. Nàng hỏi Tô thi: "Em có thể giúp thư thư được gì chăng?" Họ Tô bảo: "Mười mười nhớ mọi người trợ niệm cho tôi". Nói xong Tô Mỹ Diệu đánh răng súc miệng, tắm gội, mặc chiếc áo vải nâu dệt mịn và n h uyên rồi đến Quán Âm Lâu lay vương phi: "Duyên nghiệp giữa chúng ta ở cõi Ta Bà chấm dứt từ đây. Xin vương phi ở lại an Khang, t ự hành tinh tấn. Thiếp hẹn với vương phi ở cõi Cực Lạc Bang". Nàng ngồi kiết g i ầ trước tranh A Di Đà Tam Tôn, có tiếng niệm Phật. Vương phi liền sai Kim Cường triệu tập mọi người đến trợ niệm. Chiều x u ớ ng dần. Ở Tây phủ, đèn đuốc thấp sáng như sao sa. Tiếng niệm Phật vang vang không ngớt. Đến canh một, một mùi hương kỳ lạ lan khắp nhà. Không phải mùi trầm hương, hoặc m ừ i

chiên dần hay hướng dẫu tổ hợp. Mùi hương này thoát ngửi qua tâm thân mọi người trở nên sáng suốt, an lạc la kỳ. Tô Mỹ Diệu an nhiên thì tịch, dẫu nóng rực như lửa, mặt mày tươi nhuận mỗi thoáng diễm một nụ cười giống hết nụ cười của Đức Phật A Di Đà trong tranh A Di Đà Tam Tôn.

Đêm sau, khi quan tài Tô Mỹ Diệu còn quảng tại Thạch Liên Đường trong Tây phủ, thì Hồ Thục Đức cảm thấy quá mệt mỏi, một cơn ác mộng mà nàng chưa từng thấy từ khi tu pháp môn Tịnh Độ. Nàng liền trở về phòng nằm nghỉ rồi ngủ thiếp đi. Trong mơ, nàng thấy Tô Mỹ Diệu mặc quần áo trắng, đeo chuỗi anh lạc, tay cầm đóa sen xanh báo rằng: "Muội muội à, em hãy nói với vương phi rằng nhờ bà mà chi đọt vàng sinh ở Cúc Lạc Thế Giới. Chi đội ổn bà vô cùng".

Khi Hồ Thục Đức tỉnh dậy thì trông bên thành đã diễm canh ba, thắm nghirăng chiêm bao vào lúc canh ba chắc chắn là linh ứng. Sáng hôm sau, trong bữa diễm tâm, Hồ Thục Đức kể lại chuyện chiêm bao cho vương phi nghe. Thật ra, lúc Tô Mỹ Diệu viên tịch, vương phi đã tin chắc nàng được vàng sinh vì có sự xuất hiện của mùi hương lạ. Với tin sâu, nguyện chắc, vương phi thậm hoan hỉ dùm cho sự siêu thoát của người sống thiếp của chồng mình. Tuy nhiên, vương phi mỉm cười bảo: "Cô ấy ứng mộng cho ta thì ta mới tin rằng cô ấy thật sự đã ứng mộng cho đi nương. Còn việc vàng sinh của cô ấy ta không có chút thắc mắc nào vì đó là sự tất nhiên rồi".

Tối đến, sau khi ngồi kiết già niệm Phật, vương phi đi ngủ sớm. Trong chiêm bao, Vương phi thấy Tô Mỹ Diệu hiện về tạ ơn, vẫn áo trắng, cổ đeo chuỗi anh lạc, và tay cầm bông sen xanh. Vừa vương phi hỏi: "Tôi có thể đến Cúc Lạc không?" Tô Mỹ Diệu bảo: "Xin vương phi hãy theo thiếp". Nói xong, nàng đưa vương phi đến một thế giới cực kỳ đẹp sáng, có một cái ao rộng lớn. Quanh ao là thêm cần bâng vàng bạc, lưu ly trog ngoài chói suốt. Dưới đáy ao thuận là cát vàng trải làm đất, ánh sáng pha vào ánh nước trong biêng biếc. Trong ao có 4 thứ sen: sen đỏ nhả ra ánh sáng đỏ tươi như hồng ngọc; sen xanh tỏa ánh sáng xanh lơ như ngọc phi thúy; sen vàng tỏa ánh hoàng ngọc trộn ánh hổ phách và vàng ròng; sen trắng tỏa ánh pha lê trộn ánh băng thanh

cùng trắng bầu. Nhưng trong các thứ sen kia có đóa hàm tiêu, có đóa mã khai, có bông tươi nhuận, có bông héo vô vàng. Vương phi liền hỏi duyên cớ. Tô Mỹ Diệu phân giải: "Khi người tu Tịnh Độ vừa mỗi phút tâm thời trong ao bầu này mọc lên 1 ngó bông. Vì có người siêng năng, tinh tấn, lần có kẻ giải đãi diên trì nên mới có bông tươi, bông héo khác nhau như thế. Nếu tâu hành tinh tấn thì bông càng tươi rang, to lớn và sáng rỡ dần. Còn ai biếng lười thì thất thì bông héo dần. Đó là lẽ cam ứng nhiệm mẫu vậy. Nếu có kẻ nào một mực tu trì lâu ngày chẳng nản, công phu niệm Phật thuần thực, thì đến khi thọ mạng đã mãn, chắc chắn sẽ thác sinh vào trong hoa sen ở ao này". Vương phi chợt thấy trên 1 hoa sen mã khai, có một người ngồi với mã o vàng, chuỗi ngọc ánh sáng rực rỡ, bèn hỏi người thiếp là ai? Tô Mỹ Diệu đáp rằng: "Thưa, đó là ông Dương Kiệt". Vương phi lại chỉ một người khác ngồi trên đóa sen đang độ bán khai liền hỏi: "Có phải là ông Mã Vu đó không?" Tô Mỹ Diệu bảo rằng: "Đúng vậy".

Ông Dương Kiệt và ông Mã Vu vốn là bạn đồng liêu của Kinh Vương, và cũng là bạn đồng tu Tịnh Độ pháp môn với vương phi. Cả hai thường viết thư gửi cho vương phi hầu tiện việc trao đổi kinh nghiệm trong việc tu tập.

Wương phi lại hỏi: "Tôi sẽ hóa sanh tại hoa sen nào?" Tô Mỹ Diệu liền dắt vương phi đi qua vài dặm, đến một dải hoa kìa t bằng hoàng kim, bảo ngọc rực rỡ, chói sáng dị thường, bảo: "Wương phi sẽ thác sinh ở bông sen này. Đó là thượng phẩm thọ hưởng sanh vậy".

Sau khi tỉnh giấc, vương phi rất đẹp dạ vui lòng. Sáng hôm sau, bên phủ Bảo Quốc Công của ông Dương Kiệt, có người nhà đến cho hay rằng: "Bảo Quốc Công bên phủ chạ tôi vừa tạ thế, trong tư thế ngồi kiết già niệm Phật. Khi lão gia vừa tắt hỏi thì hào quang chói lợi khắp nhà".

Từ đó công việc tu tu và khuyến hóa của vương phi càng chủ thiết hơn.

Năm ấy, trời vừa vào tiết chớm xuân. Hoa đào dết tưng cum mây hồng trong Quân Phệ Viên. Hoa mẫu dơn dết gấm trắng, đỏ, và ng

trên mặt đất. Chim hoàng oanh hót véo von trong bóng liễu chấp chùng. Chim sơn c a tấu nhạc du dương trên cánh đồng xanh rón mả non. Ngày sinh nhật của vương phi cũng đến gần. Bà bảo con cháu rằng: "Ta sẽ vắng sinh vào lễ sinh nhật. Các người chớ c ó bày về lễ chúc thọ làm chi".

Sáng hôm đó, vương phi dậy sớm, tắm gội, chải gờ rồi tay cầm lư hương đến Quán Âm Lâu đứng thẳng.

Bên Đông phủ cũng như bên Tây phủ, hàng ngàn hương quyên thuộc chột thấy ó Quán Âm Lâu hào quang tỏa sáng, trên không trung, t h i ên nhạc hòa tấu du dương. Mọi người chạy đến Quán Âm Lâu thì bắt gặp mùi hương lạ tỏa rộng nơi nơi. Vương phi thì tích trong tư thế đứng thẳng, tay chấp lại lễ bái tướng A Di Đà Tam Tôn, mặt hồng hào, tuổi nhuận. Năm đó vương phi đã ngoài lục tuần, nhưng tóc vẫn đen như huyền, vóc mình mảnh d ẽ, mặt không một vết nhăn, nốt ruồi son, vẫn tươi thắm và rực rỡ trên làn da trắng mịn như thoa phấn.

## CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhân dịp xuân Giáp Tý sắp về trên đ ấ t khách, toàn thể Ban Chấp Hành và Hội Viên Hội Sinh Viên Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức thành tâm kính chúc:

- Chủ Tôn Đức Hòa Thượng
- Chủ Thượng Tọa lãnh đạo tinh thần
- Chủ Đại Đức Tăng Ni
- Quý vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo bạn
- cùng toàn thể đồng bào Phật Tử khắp nơi

hưởng một mùa xuân thành bình, và không quên quê hương Tổ Quốc đang lâm than.

BAN CHẤP HÀNH



## DANG NGUYỄN

Chúng sinh trong cõi tạ bà  
 Dài năm tạo nghiệp trăm hà phúc duyên  
 Con nay nguyện tâm lòng thiên  
 Kính dâng Tam Bảo một niềm kính tin  
 Rõ ràng chín phẩm đài sen  
 Liên Hoa cứu hội tưới miền bông lai  
 Ngát thơm tưng cánh lan dài  
 Ngát thơm chuỗi chuỗi vị lai bồ đề  
 Ngó ra neo khổ sông mê  
 Nợ duyên xin trả hết về tiên thân  
 Đường tơ búng ánh quang âm  
 Kết vàng đạo quả sáng ngàn điều hưởng  
 Đạo, thơ đẹp nét giai chương  
 Tuổi vươn đạo hạnh ngát phương ân tình  
 Ném xa rồi những áo hình  
 Là đây những sớm bình minh gió tực.

TUỆ NGÀ

## Rằm tháng Giêng nhớ hội Chùa Hương Tích Tỉnh Hà Đông Phủ Ứng Hòa Việt Nam

MƯỜI

Mơ vàng, rau sắn, hương xuân  
 Nhớ nơi cảnh Phật lòng trần úu tư  
 Hương sơn, phong cảnh chùa mơ  
 Quê xa cách trở ngàn ngọ tâm thân.

NƠI

Nguyên tiêu Xuân tiết  
 Vui ngày xuân bút dệt kết hoa thơ  
 Hội hưởng sơn tuế nguyệt có phai mờ  
 Đệ nhất động, cảnh rừng mơ, hang nhú thạch.  
 XUÂN NHỚ CẢNH THƠ HỒA MẠC KHÁCH  
 LUYỆN TỈNH QUÊ VỌNG CHƠN TÂY THIÊN  
 Dòng suối trong, bên đục, mây con thuyền  
 Quanh núi đưa tới hang tiên, qua giếng nước  
 Nay cách trở, lòng hằng ao ước  
 Về quê xưa, cất bút tạ hương chân  
 Nguyên Tiêu hội Phật ngày xuân.

CHUNG ANH  
 Tây Đức



# Tôi đã gặp...

## PHẠM VĂN CHỨ

Tôi đã gặp bà ta một buổi sáng đi chợ. Bà ấy là người Miền nhưng nói tiếng Việt rất rành, không có pha một chút xiu giọng Miền nào. Nếu tôi không phải quen bà từ lâu nếu ai không đến nhà bà nghe bà nói chuyện với con trai bà bằng tiếng Miền, thì không ai dám bảo bà ấy là người Miền.

Tôi được bà từ đây xin gọi là bà X. Tôi không biết hồi ở Nam Vang, bà là vợ một ông Đại Tá Miền trong Chánh phủ Lon Nol. Sau khi ở Nam Vang thất thủ, bà X. và cô con gái trốn xuống Saigon. Cậu con trai bà X. hiện giờ ở với bà thì đã qua Pháp trước ngày biến cố xảy ra.

Sau bao nhiêu lần dận, bà X. và cô con gái được Hồng Thập Tự Quốc Tế giúp cho qua Pháp. Nhưng ông chồng của bà X. thì mất tích luôn. Có người nói là ông ta bị bọn PolPot hạ sát.

Tôi hỏi thăm bà X. về gia đình, về cậu L. con trai bà và cô M. con gái bà bây giờ ra sao. Bà X. cho tôi biết là L. đã kiếm được việc làm còn cô M. thì đã lấy chồng Pháp. Bằng một giọng trầm buồn bà X. nói:

- Tôi cũng muốn nó lấy người chồng Miền. Thôi thì thời thế đổi thay, mình đành chịu chứ biết sao. Thấy người ta nói thằng chồng nó cũng là người tốt.

Ngừng một lát, bà X. tiếp:

- Thế là mất con, ông ạ...

Tôi hỏi:

- Gì mà mất con... Nó lấy chồng, nhưng vẫn là con mình. Tôi nói thế để an ủi bà X. Tôi cũng biết câu nói đó lúc này chẳng có

Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp,  
Tháng ngày luôn ám ảnh mãi không thôi,  
Và tử đây lòng ta luôn tràn ngập  
Những buồn thương nhớ tiếc giống dân hồi

CHẾ LAN VIÊN

(Diêu tẩn)

nghĩa gì.

Thấy đứng ở ngoài đường lâu không tiện, tôi cáo từ bà X. đi về phía chợ. Vừa đi tôi vừa suy nghĩ:

Bà mẹ người Miền này thâm tâm muốn cho con gái mình lấy chồng người đồng hương cũng có lý do riêng. Bà ấy không biết tiếng Pháp, sau này cháu ngoại về chơi, những đứa trẻ mang hai dòng máu Miền Pháp, dù bà có thương chúng thì cũng chả bằng được nếu chúng là những đứa trẻ Miền. Ấy là chulaké có khi chúng thấy bà đến gần chúng còn sợ và khóc nữa!

Già không mất nước, già bà còn ở Nam Vang bà sung sướng biết bao! Bây giờ về già, cô hai đứa con thì một đứa lấy chồng xa còn cậu con trai thì nghe bà kể, cũng "khô hi vọng gì". Cậu này có ngón sơ trường là gãy đốn mỗi khi có hội hè, vì cậu có chân trong ban nhạc do một người Pháp làm nhạc trưởng. Cái nghệ tài tử của cậu đã thui thủi được cảm tình của những cô đầm chơa i choai. Nhưng cô này thường đến nhà cậu chơi và được cậu mời ăn cơm.

Bà mẹ cậu đã có lần tâm sự với tôi:

- Tôi van vái cho thằng L. con tôi đừng có lấy vợ đầm.

Bà X. hồi còn ở Nam Vang đã một thời oanh liệt. Đưa vào địa vị của chồng trong quân đội, bà X. thường xuất ngoại, buôn hết xoàn kím cường, đồ la. Một cây "áp phe" xanh hơn bà đã dùng tiền lời để xây nhà bán.

Bà X. kể:

- Hồi đó tôi xây nhà bán mà phí tốn không bao nhiêu vì thợ mộc, thợ hồ toàn là lính

dưới quyền chỉ huy của ông nhà tị. T. ở lại bắt họ phải làm thêm một khoang vườn đằng trước nhà cho đẹp, để bán. Ông t h ú nghĩ: nhà mà không có cây cối trông nó trống trơn, coi không ra cái gì. Thêm ít cây kiểng vào, cây nào cũng trồng hoa, người mua họ thích...

Tôi nghĩ: thì ra ở Cao Mên cũng như ở Việt Nam, một số các bà lớn, trong C h ánh phủ đã lợi dụng chức vụ của chồng để làm ăn phe. Nước mắt nhà tan tuy lệ t h u ộ c nhiều lý do khác nhưng việc làm của mấy bà cũng đã góp vào sự đổ vỡ một phần.

Bà X. coi tôi như người nhà nên kể c á chuyện chồng bà. Hồi đó chồng bà, tuy cấp bậc Đại Tá nhưng vì là kỹ sư Công Binh, thuộc ngành chuyên môn, nên rất được nể vì. Ông đã một thời cũng làm mưa làm gió v à lợi dụng thời thế. Bây giờ chắc ông không nghĩ rằng cô ngày gia đình ông ly tán.

Tôi đã gặp hai cô V. và T. Hai cô cùng làm ở một hãng, cùng mượn chung một căn lầu, và cùng ... độc thân.

Đã có lần cô T. nói với tôi:

- Nếu biết thế này cháu ở lại Việt N a m không qua Pháp.

Thấy tôi nhìn cô tỏ vẻ không hiểu, cô T. giải thích:

- Trong hai đứa chúng cháu, một ngày kia nếu một đứa lấy chồng ra ở riêng, đứa ở lại một mình bơ vơ...

Tôi nói:

- Thì cũng lấy chồng luôn...

Cô T. tưởng tôi nói giỡn. Tôi tiếp:

- Để tôi làm mai cho. Nhưng cô phải c h o tôi biết tiêu chuẩn: Cao bao nhiêu, nặng bao nhiêu, bằng cấp, đẹp trai, học giỏi, nhà giàu. Pháp hay Việt?

Cô T. ngắt lời:

- Cháu không cần đẹp trai. "Chồng đẹp là chồng người ta". Cháu chỉ cần người chung thủy, làm ăn đàng hoàng, biết thương vợ... Còn Pháp hay Việt không thành vấn đề.

- Thế thì để tôi giới thiệu một anh bạn Pháp. Anh này gần 40 tuổi mà còn đang kén vợ, học hành, đồ đạc, hiện làm công chức.

Tôi đã gặp anh chàng này và đã dò ý anh ta, nhưng anh ta cho tôi biết là sống độc thân quen rồi.

Tôi không nói cho cô T. biết sự thật để cô nuôi hi vọng. Ở cái tỉnh như này t h a nh niên Việt Nam đếm trên đầu ngón tay. M à

cô T. thì đã hơi lớn tuổi, không hợp với họ. Những người như cô T. tôi đã gặp rất nhiều. Cô một cô thuộc thành phần đại trí thức cũng đang chờ một hoàng tử đến rước đi. Nhưng trở trêu thay: cái manh băng đá giúp cô kiếm việc làm để dành lại là một trở lực cho việc lấy chồng của cô. Cái v ò n liếng chú nghĩa đã khiến cô tư kiêu v à nay thì "trên không với tôi, dưới k h ông thông" cô vẫn phụng không chiếc bóng. Đời cô ngoài hai buổi đi làm về nhà nấu cơm, ăn xong coi tẻ tẻ, đi ngủ để ngày mai lại đi làm. Thật là một cuộc sống phảng lảng, buồn chán vô vị. Ngày nọ kể tiếp ngày kia thời gian trôi qua mau, soi gương đã thấy những nếp nhăn ở hai bên khóe mắt.

Tôi đã gặp một người bạn cùng lứa t u ổi với tôi, từ ngày qua Pháp vẫn thất nghiệp. Hồi ở Việt Nam, ông là giáo sư Pháp văn. Đến Pháp ông không hành nghề cũ được, v ì ông không có bằng Sư Phạm. Vì lớn tuổi, vì mặc cảm ông không thể lao động, cho n ế n bây giờ ông đành ở nhà làm việc nhà thay thế vợ ông đi làm.

Tôi đã gặp một bà người Lào, mùa hè, ngồi ở ghê công viên. Bà ta tuy ở Pháp mà vẫn mặc y phục Lào. Ngày nào, vào quang 3, 4 giờ chiều là bà ta lại ra ngồi ở ghê đó. C ô khi bà ngộ mấy đứa nhỏ chơi, đùa trên bãi cỏ, cô khi ngồi nhìn vào quang không, yên lặng.

Còn đâu thời kỳ sung sướng ở Lào, nhẽ đêm trăng sáng, các cô "Phủ Xảo", và các c ậ u "Phu Bao" tổ chức "bun" nhảy múa t h e o tiếng trống, tiếng "khè".

Còn đâu những buổi sáng nhìn những vị sư mặc áo vàng đi khất thực, theo sau là nhữg chú tiêu cũng mặc áo vàng. Cuộc đời ở Lào thật là giản dị, dân chúng hiền lành chất phác, không bon chen, không cần làm giàu, không ham danh vọng. Quanh năm chỉ cần làm đủ ăn, còn đủ thời giờ thì ca hát nhảy múa. Không khi thật thanh bình.

Bây giờ qua Pháp, bà lao ngồi trâm m ả c trên ghê công viên hàng giờ, thả hồn trở về nơi cố quốc.

Tôi đã gặp ông P., một người đã có tuổi, và có đến nhà ông chơi vài lần. Đời ông P. thật là ba chìm bảy nổi. Năm 1946, ông đã đi ra Búng kháng chiến. Sốt rét rừng hành ông khiến ông xuyết bỏ mạng ở Chiên Khu I. Ông đành trở về thành và làm công chức.

Ông đi làm ban ngày nhưng tối về lại viết báo, lúc đầu viết theo lối tài tử nhưng sau khi Mỹ ào ào đổ quân vào Việt Nam, vật giá leo thang, lương ông không đủ sống nên ông viết thường xuyên.

Trong những buổi mạn đàm, ông thường kể quang đời viết văn của ông:

- Hồi đầu tôi có, gửi một vài bài cho báo Tia Sáng xuất bản ở Hà Nội. Đó là vào năm 1952, khi tôi tốt nghiệp khóa 2 Thủ Đức, để bổ nhiệm làm việc ở Hòa Hưng, phụ trách kho Truyền Tin. Lúc ấy tôi ở trong Nam một mình, gia đình ở ngoài Bắc, buổi tối về nhà trọ, buồn viết chơi. Sau khi gửi bài cho báo Tia Sáng ở Hà Nội, được báo ấy đăng, tôi lại tiếp tục viết. Năm 1957 hay 58 tôi khi ông nhớ rõ, tôi có gửi truyện ngắn cho báo Văn Nghệ Tiền Phong. Như tôi đã nói, mãi đến khi Mỹ qua, đời quá, tôi phải thức đêm viết cho các báo "Quyết Tiến" "Dân Mới" và sau cùng là "Chinh Luận", để kiếm thêm tiền cà phê thuốc lá.

Ở báo "Chinh Luận" tôi viết cho mục "Chuyện phiếm". Trên gác xếp, trong khi mọi người ngủ cả, tôi thức khuya để viết. Muỗi nhiều quá, tôi phải vừa viết vừa lấy tay đập muỗi. Có khi tôi phải co cả hai chân lên ghê cho, muỗi khỏi cắn chân. Tuy cực khổ thế và tiền nhuận bút chắt chiu được bao nhiêu nhưng cũng có phần thưởng tinh thần bù lại.

Khi sắp có giấy đi Pháp, tôi đem đốt hết những bài "Chuyện phiếm". Nhìn những "đứa con tinh thần", kết quả của bao nhiêu đêm thức khuya đang cháy, tôi buồn ngủ tiêc.

Qua Pháp, tôi vào làm cho hãng dệt. Cuộc đời bình thản trôi, ngày nay cũng như ngày hôm qua và không khác gì ngày mai. Tôi sống như cái máy: ăn, ngủ và đi làm.

Ông P. kể đến đây lấy tay đập vào đùi ế u thuộc tư này vẫn chảy hoài. Ông tiếp:

- Có những lúc nhớ Việt Nam, nhớ nhà kính khủng. Năm 1954 chia đôi đất nước, những từ Bắc vào Nam vẫn còn là xứ sở mình. "Chung quanh vẫn nước non nhà". Bây giờ khác hẳn. Tuy mình vẫn ráng thích nghi với hoàn cảnh mà sao đôi khi nhìn một con sông, một khóm cây, một mái nhà lờng lỏi ngọn ngang, nh ở tiêc ...

Tôi đã gặp một số thanh niên sông không lý tưởng, lấy những cuộc vui vật chất làm lẽ sống, lấy hưởng thụ làm mục đích cho đời

mình.

Đêm nay ngồi một mình đối diện ngọn đèn và xấp giấy trắng, tôi ôn lại những hình ảnh tôi đã gặp.

Nhìn ra ngoài cửa sổ tôi thấy bóng tối đang bao trùm trên thành phố. Qua màn sương trắng, mây ngọn đèn điện ánh sáng mờ mờ xa xăm như quê hương đang lùi dần vào quá khứ.

(TROYES, THU 1983)

## GIỮA DÒNG

Giang hai tay ta hỏi thêm lần nữa  
Về đầu dây mấy cõi mịt mù sương  
Ở lại chết - Còn nghề kính Việt ngữ  
No ào cơm - Xa tiếng tụng mẹ hiền.

1- Xâu tràng hạt mẹ dành cho con đó  
Đề lần về thăm lại đất Quê Cha  
Hạt chuỗi nhỏ con mòn tay gặm mỗi  
Vòng chỉ tròn kéo chậm những ngày xa  
Mẹ vẫn đời đời hieu trong màu lú  
Hay đã về bên nội cỏ ngàn hoa  
Trên năm mộ giấc trông bia kẻ tội  
Cổ thụ buồn nức nở khóc đời mưa.

2- Giang hai tay ta hỏi mình lần nữa  
Về đầu dây mấy cõi mịt mù sương  
Giống gió xuôi thuyền nan ra biển cả  
Trời thì cao đầy nước lại vô lượng  
Ta muốn lên cao nhìn không thấy núi  
Ta muốn quay lưng đất biển đầu bờ  
Hoa cỏ xôn xao đời cây trụi lá  
Một mình ta thú thi bóng trang thơ.

KHUU BAN LAM  
Sikiw Thái Lan J1-1983  
(Trong CÂY CỎ CUNG BUON)



# ÔNG GIÀ LƯỢM

## HUYỀN CHÂU

Thuở đó, tôi còn là con nuôi của thầy pháp làng Hương Thanh. Cha mẹ tôi có giao hẹn với thầy là khi tôi mười hai tuổi, thầy phải trả tôi về nhà cha mẹ ruột ở Gành Ráng.

Đêm đó, trăng hạ tuần đã lên cao, toả ánh sáng trong vắt và dịu dàng khắp vườn nhà. Ánh trăng trái kim tuyến trên mặt ao nhà, soi vào căn buồng nhỏ của tôi bên cạnh cây ngọc lan toả hương phảng phất.

Đã hơn một tháng nay, thầy cô tôi bắt tôi phải ngủ riêng trong một căn buồng gồm 1 cái bàn nhỏ, một chiếc rương con để đựng quần áo và sách vở, bút mực. Giường tôi được kê gần một cái lu đựng gạo; trong đó, cô tôi thường giấu chuỗi sù hoặc chuỗi cau; thỉnh thoảng tôi hé nắp lu để được ngửi mùi thơm của trái chín. Nhưng từ khi ngủ riêng, tôi thối thở trần trọc. Từ nhớ cho tới bây giờ, tôi quen ngủ chung với cô tôi; nhưng bắt đầu, rã m tháng giêng vừa qua, cô tôi bảo: "Giờ thì con đã lớn trông cái rồi, phải tập ngủ riêng là vừa". Tôi buồn lắm, nhưng không biết nói sao. Nằm ở buồng riêng, tôi cứ khóc râm rứt, nhớ hơi hướm quen thuộc của cô tôi mà tôi thương yêu còn hơn mẹ ruột. Công ơn của thầy cô tôi đã nuôi dưỡng tôi nào là bú sữa, dứt cơm, bông ả và cả hai không nề cực khổ săn sóc tôi lúc tôi sơ mũi âm đầu, tôi khó mà quên được.

Trời ơi, nằm ngủ riêng, tôi vừa buồn vừa lo sợ ăn trộm, ăn cướp bất thần đến viếng nhà, và viếng tôi trước hết. Ngoài ra, tôi còn sợ ma nữa mới là ghê rợn! Tôi kéo mền trùm cả chân lẫn đầu. Tôi tỉnh quẩn tỉnh quanh. Nếu trộm cướp vào đây, tôi sẽ chỉ chỗ thầy cô tôi giấu tiền bạc, vòng vàng vì đâu sao tôi phải báo toàn tinh mạng tôi trước chỗ bỏ. Người còn thì của hãy còn kia mà. Còn gặp ma quỷ thì sao đây? A, tôi nhớ ra rồi, thầy tôi thường chữa bệnh lồi xóm bằng cách trừ tà êm quỷ. Thầy cô ngôn bắt ấn niệm chú tu yệt với ma tôi thuộc lâu lâu.

Sau nhà, thầy tôi có ngôi mộ lâu đời, người ta đồn rằng người nằm trong mộ đã biến thành con quỷ cái, mình cao hơn hai thước tây, tóc đỏ, mắt xanh như nhuộm chàm. Con quỷ cái đó thường đem mỗi lứa đốt nhà dân cuối xóm, hành binh những ai đi ngang qua mộ nó. Lại nữa ở quê Gành Ráng của tôi (thuộc thị xã Qui Nhơn) thường xảy ra trộm cướp luôn. Tại cửa ướp mình trần, đầu trọc, thoa khắp thân thể bằng dầu nhớt, thoa mặt mày bằng lọ nghệ. Chúng thường kéo từng toán gồm năm bảy người, tay cầm binh khí như rựa đồn cây, dao mã tấu và trước khi xông vào nhà nào, chúng cũng cầm chông vót nhọn chung quanh nhà để ngăn cản lồi xóm đến tiếp viện. Hồi năm ngoái đây, chúng đã cầm đuốc, xách rựa, xà beng xông vào nhà ông Sáu Cầu vốn có nghề cầm đồ cho vay để vét hết tiền của. Làng xã cũng khổ lòng mà bắt được chúng. Lồi xóm cũng không dám đến tiếp viện vì sợ chúng trả thù.

Tôi còn sợ thêm ông bà Lướm vừa bị chết thiêu trong căn chòi tranh gần bên nghĩa địa. Ông bà này tuổi hạc gần tới bảy mươi, không con cháu gì cả. Cả hai sống nghèo nàn, vất vả, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Mỗi ngày, ông Lướm đi nhất nhạnh những lon hộp bằng sắt hoặc bằng thiếc cũ hoặc những tấm kẽm, tấm nhôm mỏng về dứt thành những cái rã lờ tuộm tắt để đem ra chợ bán. Vậy mà ông vẫn có thể đổi gạo, mắm muối để nuôi vợ. Ngặt một nỗi, ông Lướm hay ghen. Khi ông chông gậy xách rã lờ ra chợ, không quên nhốt bà vợ trong nhà. Sân nhà ông được nện đất bằng phẳng; hề' vừa khi về tới nhà, ông lui cui xem có dấu

vết chân nào trên sân không. Nếu gặp được vết chân, ông đánh chửi vợ tôi bởi; bà vợ chỉ cô nước khóc hu hu và năn nỉ chồng đừng tự mình oan. Bởi đó, lũ trẻ lồi xôm mỗi khi thấy ông đều kêu ông là "ông già dích" hay "ông già dề" làm ông nổi xung quơ gậy rượt tụi nó chạy trốn chết.

Có một hôm, khi mặt trời vừa gác núi, sương lam tuôn từ khe núi như khói mỏng, tôi rủ đi gặp ông Lướm. Lúc đó, lũ xôm đã đổ đên. Từ trong quán, tôi xách chiếc giỏ đựng các gói kẹo, bánh, tiêu, ớt, chai dầu lửa, ộp trâu, bước ra, chạm phải mặt ông. Hồn bất phu thế, tôi lùi lại. Khuôn mặt hăm hăm của ông mới đáng ngại làm sao! Tôi hết hồn: "Ông Lướm ơi, tôi không dám trêu ghẹo ông đâu. Tụi nhỏ cứ theo chọc phá ông đó. Tụi nó rần mắc lã m. Đánh chết tụi nó đi ông". Ông làm thình, đưa tay ngoắc tôi lại. Tôi căng hoàng hồn, năn nỉ ông: "Ông ơi, đừng đánh tụi tội nghiệp. Tụi hiền lắm ông à, thương kính trong lòng người già cả. Thấy tụi dạy tụi rằng kính lão đắc thọ. Đừng đánh tụi nghe ông". Ông lộ vẻ hiền từ, bảo: "Cháu đừng sợ. Lại đây, ông có chuyện muốn nói với cháu". Tôi bám gan lại gần ông lòng phập phồng sợ ông xỉ gạt khệnh cho một gậy là về châu Diêm Chúa. Ông nói nhẹ: "Bữa nay, ông buồn bận ế ẩm quá, nên không có tiền mua thức ăn. Nhưng thôi, ông không cần ăn uống gì cả, chỉ cần hoa quả cúng Phật Bà Quan Âm mà thôi. Vậy cháu về nhà hái cho ông 1 ít nhánh bông để ông cúng Phật Bà vì hôm nay là ngày vía". Tôi mừng quá, da da thật t o rồi chạy một mạch về nhà. Lúc đó, thấy cô tôi đi vắng. Tôi xách giỏ xuống bếp, lục l o i tran đựng thức ăn, thấy còn tô mắm chùng với thịt băm, một trái dưa leo, ba cái bánh ịch. Tôi tìm cái giỏ tre, xếp tất cả thực phẩm vào trong đó, rồi vào buồng mò hủ gạo, xúc hai lon gạo để cho ông già đáng thương kia. Trước khi đến nhà ông, tôi còn ra vườn bẻ vài trái ớt chua, bông nở ngải tím, bông hướng dương gọi là để cúng Phật Bà.

Ông Lướm bày trái cây và bông trên bàn thờ. Bà Lướm thì đang trùm chiếu, rên hừ hừ vì đói và lạnh. Khi nhận được thực phẩm của tôi, bà háng hái ngồi dậy, nhúm lửa nấu cơm cho chồng và không quên vét một ít cơm chấy còn dính ở đáy nồi để nấu cháo cho mình. Bà rên rỉ với tôi: "Ông bà thương bữa đói bữa no, cháu à, Chắc kiếp trước, ông bà ăn ở hung ác, giết của hai người hay sao mà kiếp này, cả hai phải trả quả ác nghiệt như vậy? Bà chỉ vài Phật Bà độ cho ông bà kham nhận trả hết quả báo, rồi cho cả hai cùng chết chung một ngày, một giờ, đừng để cho kẻ sống sót khóc thương người chết". Cơm vừa chín, bà luộc thêm rau, bày mâm, nhường mâm chùng cho chồng; còn mình thì ăn cháo với cá lụn vụn kho khô.

Tôi nhìn lên bàn thờ Phật Bà. Bức tranh có một bà áo trắng đẹp như tiên đứng trên tòa sen, bên cạnh rừng trúc. Một đồng tử mập mạp để thương ở trên, mặc yếm, tóc để chòm trước mở ác, đang chấp tay bái bà tiên áo trắng kia. Tôi bảo: "Nè, ông cho cháu bức tranh này, khi nào nó cũ quá, xài không được, nhen ông". Ông Lướm lắc đầu cười. Bà vợ, mặt tủi hơn hơ, nhìn bức tranh có vẻ tự hào làm, rồi bảo: "Đâu có được, cháu. Tranh này là tranh Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Đây là do ông nội của ông cháu đã từng ăn chay năm dất về ra, đã ăn phải như mấy bức tranh thường bán ở trong tiệm Tàu ngoài chợ đầu. Mà cháu là trẻ nít, xin làm chi để rồi quăng bầy bạ ở xó xỉnh nào đó, tội chết đa cháu". Tôi lại nói: "Đức Quan Thế Âm trong tranh này trông thiệt dễ thương quá. Hình như Bà đang nhìn cháu mà cười chúm chím kia kia. Ông Bà cho cháu đi, rồi cháu sẽ tát miêng bắt cả bông kho c h o ông bà ăn, cháu sẽ hái rau cho ông bà luộc, cháu sẽ xúc gạo của thầy cô cháu cho ông bà nấu cơm, cháu sẽ hái bông trái cho ông bà cúng Phật câu phước, cháu sẽ...". Ông L u ớ m vuốt tóc tôi, tư tôn: "Không được đâu, cháu ơi, đời khi nào ông bà qua đời rồi thì cháu mới được tranh này. Lúc đó chắc cháu đã lớn rồi, biết hết chuyện tội phước rồi, cháu sẽ thờ phụng Đức Phật Bà đang hoàng; Phật Bà sẽ độ trì cho cháu".

Từ đó, mỗi ngày, tôi lên bẻ bông trái trong vườn cho ông bà Lướm cúng Phật Bà. Hễ khi có bánh ịch, bánh ịn, kẹo dâu phong, kẹo gừng, tôi không ăn hết và thường để dành cho ông bà một ít cốt lầy lòng ông bà để khi ông bà hấp hối, sẽ trời lại cho tôi thừa hưởng b ứ c tranh kia.

Một đêm đông lạnh lẽo, nhà nhà đều yên giấc, tiếng chó tru dưới ánh trăng từ bên nghĩa



địa vong lai. Bông dậu có tiếng kêu thất thanh: "Lúa! Lúa cháy bà con ơi!". Cả nhà tôi kẻ xách chổi, người xách thùng, xách gàu chạy thẳng đến chỗ phát hỏa. Té ra là căn chòi của ông bà Lướm. Vì ở nơi đồng trống, cỏ giỗ thổi lồng lộng, ngọn lửa bốc cao, khô thêđập tạt nên trong phút chốc, căn chòi no biến thành than tro. Hai ông bà bị nướng như h a i con cá, tay chân cong queo. Bà thì chui đầu vào một xô nhà, còn ông thì rút ở xô khác.

Kể bàn ra thế này, người bàn ra thế nọ về cái chết vợ chồng ông Lướm, không ai biết đầu mà mò ra manh mối. Sáng hôm sau, tôi đến nơi chòi và giữa mớ tro than ngọn ngang, t ô i chợt thấy một mảnh giấy cháy nằm chung quanh. Bức tranh Đức Quan Thế Âm đó, màu sắc đã cũ nhưng còn rõ ràng, nét vẽ cũng còn sắc sảo, mình bạch. Những chỗ cháy hoặc nằm k h ô i chỉ ở rìa ngoài. Tôi nhặt bức tranh đem về, cắt những chỗ hư vì ngọn lửa, bồi lên t ói giấy cứng nên lam nhạt, rồi dán dưới đáy rương cây. Đợi cho bức tranh phẳng phiu, tôi dán vào bên trong nắp rương, dây kỹ. Mỗi ngày tôi hái hoa lải về cúng Đức Bồ Tát.

Lúc còn sống, ông bà Lướm thường kể cho tôi nghe sự tích Bồ Tát Quan Âm có một kiếp nợ đầu thai làm bà Thị Kính. Một đêm, lúc chồng ngủ, bà lấy kéo hớt râu chồng, bị chồng v u oan là toan ám sát ông ta. Bà bỏ nhà, giá' trai đi tu, gặp cô Thị Mầu. Cô này theo ve vãn người tu nữ giá' trai kia hoài; nhưng bị tứ khước nên cô tức giận, thông dâm với anh tở trai cho tới mang bầu, rồi đổ' hồ mình bị Thị Kính du dỗ. Giữa làng nước, bà Thị Kính b ị kềm kẹp khảo tra cho tới lờ' sông lờ' chết. Sau khi đê' xong, Thị Mầu âm con đến chùa, giao cho bà Thị Kính. Bà Thị Kính cô nhân nhục nuôi đứa bé cho tới khôn lớn, không oán than. Khi bà chết, qua bức thư tuyệt mạng của bà để' lại và nhờ cuộc khám thi thể, tăng ni t rợ chùa và dân chúng địa phương mới biết bà là gái giá' trai. Bà được Phật độ thành vị B ồ Tát; đứa con nuôi trở' thành thi gia của bà. Lại nữa, bà còn độ cho cha mẹ lên miền' Cực Lạc. Đó, người bình dân chỉ' biết Đức Quan Thế Âm qua sự tích bà Thị Kính với nỗi d e oan và sự nhân nhục vô biên mà thôi, chớ họ đâu có hiểu rằng Đức Quan Thế Âm có nhiều kiếp là nam nhân, thái tử con vua Vô Tránh Niêm đã từng cúng dường Đức Quan Âm Như Lai, rồi đi tu, đã lên ngôi Pháp Vân Thập Địa Bồ Tát từ vô lượng kiếp nào rồi. Đấng l e Ngài đã thành Phật, nhưng vì nguyện độ chúng sinh nên mãi mãi còn ở' ngôi Bồ Tát. Ông bà Lướm c òn kể cho tôi nghe có kiếp Đức Quan Thế Âm là công chúa Diệu Thiên, vì giốc lòng tu niệm nên bị vua cha hành hạ, đầy xác cho tới trầy vì tróc vẩy, sau mới thành Bồ Tát, trở' lại độ cho cha mẹ và hai chị đồng chung thạnh quả.

Mỗi đêm, trước khi đi ngủ tôi giở' nắp rương, chấp' tay chiêm bái trước tranh Đức Quan Thế Âm, khân vãi: "Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát!".

Đêm nay, tôi sợ trộm cướp, sợ ma. Càng tỉnh quanh tỉnh quân, tôi càng sợ thêm. A, phải rồi, tại sao tôi không niệm Đức Bồ Tát với hạnh nguyện cứu khổ cứu nạn kia? Tôi bắt đ ã a u niệm làm thâm, lòng lắng xuống, an ổn kỳ diệu. Rồi tôi ngủ thiếp đi. Trong chiêm bao tôi thấy mình đi dạo vườn. Một người đàn bà mặc áo dài trắng, bông đùa bé khoảng 4,5 tuổid ỉ về phía tôi. Mặt bà hiền lành, dáng dấp sang trọng, không phai giống như phụ nữ vùng này. Bà mỉm cười thân ái nhìn tôi, bảo tôi bước ra ngõ sau đi về phía bên tả đếm đủ bảy bước dừng lại hái bảy đọt lá cây rồi nói: "Thứ này sau khi được sao khứ' thờ' đê' dành uống". Rồi bà lại bắt tôi trở' về ngõ sau, đi về phía bên hữu đếm chín bước, hái chín thứ l ả rồi nói: "Những thứ này, đê' dành nấu nôi xông, từ' đứng cuối giờ Mùi cho qua giờ Thân thì d ầu có bệnh gì cũng khỏi cả".

Sáng hôm sau, khi mặt trời đã lên khỏi ba sào mà tôi vẫn còn ngủ say. Cô' tôi đánh thức tôi dậy, dịu dàng bảo: "Nè Tủng, sao hôm nay con dậy trê' quá vậy? Suốt cả đêm, con n ằ m chiêm bao thấy những gì mà cứ l ắm thâm luôn? Lại nữa, cả tuần nay, con còn bày d ặt l ầy nhang xông muỗi. Nếu qua thiệt ố' buồng này có nhiều muỗi thì cô' sẽ cho con cái mùng".

Sau khi mọi người trong nhà ăn cháo sáng, thì ở' ngoài ngõ có tiếng chó sủa inh ỏi. Thì ra, mấy người ở' làng An Thái đem bệnh nhân đến cho thầy tôi chữa bệnh vì thầy t ỏ i ch ằng những là thầy pháp chuyện tróc quỷ trừ yêu, mà còn xem mạch hốt thuốc mát tay nữa. Bệnh nhưn bị phù thũng, mắt mũi, chân tay sưng húp, nằm trên chiếc võng lác, có hai ng ẽ. Khiêng



ở hai đầu. Té ra đây là anh Bình, môn sinh cũ của thầy tôi. Anh mệt ngất ngư, tiếng nói khàn khàn trong cổ họng. Hỏi ra, trong suốt sáu tháng nay, anh nằm ở nhà thương tỉnh mà bình không thuyên giảm chút nào. Bác sĩ đều chạy tặc nên người nhà anh mới vòng a n h đến cho thầy tôi điều trị. Ai cũng bảo anh bị tà ma phá khuấy.

Một tuần lễ nặng nề trôi qua. Thầy tôi cố gắng tìm căn nguyên chứng bệnh cùng phương pháp trị liệu nhưng không ra manh mối. Bình như được trị tạm bằng phương pháp ngoại khoa, nhưng thuốc thoa bóp khác nào nước đổ là môn. Sau cùng, thầy tôi bảo cô tôi rằng là chỉ còn cách tìm cho được con chim yến cô chúa, đem về mổ bụng rồi áp vào ngực bệnh nhân để cho nó rút hết hơi độc trong mình bệnh nhân thì hoa may chứng phù thũng mới xẹp xuống. Liên hôm sau, vừa khi gà gáy sáng canh năm, cô tôi thức dậy nấu xôi cho thầy tôi ăn để kịp đi đến đảo San Hô tìm con chim yến cô chúa. Chuông chùa vừa điểm c ô ng phu thì mưa sầm sập kéo về; gió biển thổi ào ào; nhưng thầy tôi vội khoác áo tơi, lên đường. Thầy tôi vốn thương hết mọi môn sinh nên hèn chỉ khi thầy tôi mất đi, môn sinh dất vợ con về chịu tang rất đông.

Buổi sáng trôi qua. Tôi đứng bên cạnh bờ rào, dubi ánh nắng yếu ớt. Mắt tôi vờ vờ nhìn khu vườn trái xanh ròn trước mặt. Sức nhớ tôi còn chiêm bao tuần trước, tôi chạy đi tìm cô tôi: "Cô ơi, cô chuyện này ngộ lắm cô à. Đêm nọ, con chiêm bao, gặp một bà tiên". Cô tôi cười nhẹ: "Bà tiên nào vậy con? Có phải bà tiên trong mấy tấm tranh treo ở phòng khách, không con?". Tôi tức muốn khóc; nhưng bằng mọi giá, tôi phải bịa khéo để cho cô tôi tin. Tôi thuật lại giấc chiêm bao, nhưng thay vì tả người đàn bà mặc áo dài trắng thì tôi tả đúng hình dáng Phật Bà trong bức tranh của ông bà Lương để lại; nào là Phật Bà mặc áo bạch hào, đeo chuỗi ngọc, tay cầm bình có cầm nhánh dương liễu. Tôi còn b i a thêm qua mấy câu chữ Nho mà tôi đã học lóm với ông Tú Nho Học ở đâu xôm: "Phật Bà còn dạy con rằng: Nguyệt quế vọng thiên; hậu vĩnh, tiền nhục, nghĩa là đứng ở thềm quế cung trăng nhìn lên trời; trước xấu, sau tốt. Còn câu thứ hai là khổ mộc phùng xuân; t i l n tôn, hậu tích nghĩa là cây khổ gặp mùa xuân; trước bị mất mát, sau sẽ đắc lợi. Cô c h o phép còn chữa bệnh anh Bình đi cô. Từ bấy lâu nay con thương cúng vái Phật Bà, thế nào cũng linh ứng cho cô coi". Cô tôi ngẩn ngù bảo: "Con đã thấy tranh Phật Bà ở đâu vậy? Nhà mình đâu có thờ Phật và thờ Bồ Tát bao giờ?". Tôi liền vào buồng, giở nấp rương, lấy tranh Bồ Tát đem ra trình cho cô tôi xem. Cô biến sắc rồi nói xuôi: "Nếu Phật B à đã ứng mộng cho con thì cô can con làm gì?".

Tôi chạy đồng một mạch ra vườn; từ ngõ sau, tôi queo về phía tả, gặp cây đu đủ đặc chỉ còn trổ lá, cây đu đủ cái trổ trái tĩ xiu, nhưng qua bảy bước là cây trác bách điệp, tôi hái bảy đọt lá trác bách điệp. Sau đó, tôi trở về ngạch cửa hậu, queo về phía hữu đi chân bước, dừng lại hái chín thứ lá là: lá sá, lá tứ bí, lá nguyệt bạch, lá tĩa tô, l á bưởi, lá đi, lá é, lá rau quế, lá thuốc cứu. Cô tôi rửa siêu sắc thuốc và cho lá xông vào nồi đồng. Khi anh Bình uống chén thuốc có lá trác bách điệp rồi được xông hơi, nằm i m lìm. Cô tôi hết ra lại vào, sắc mặt có vẻ lo lắng lắm. Còn tôi thỉnh thoảng vào thăm anh bệnh nhân đập mền, không nhúc nhích, mắt nhắm kín; tôi, đôi coi mắt trời lan chưa? Rồi giờ Dậu sắp đến, Bên ngoài, màn đêm chầm rãi kéo về. Chim từng đàn bay về núi. Sao m o c lác đác. Gió biển lạnh lạnh thổi về. Nhà nhà trong xóm lân lượt lên đèn. Tôi đứng ở mái hiên, lòng bồn chồn. Tiếng xay bột cút kích của bà hàng xóm như bào buốt gan ruột tôi. Rồi cơn giông sầm sập kéo đến. Trong buồng, ánh đèn dầu chong vàng ủa. Hai cô cháu tôi cùng vào buồng, kêu cao ngọn đèn. Anh Bình dụi mắt, hốt hoảng ngồi dậy, kêu lớn: "Thưa cô, cô, gọi gì con?". Giọng anh bớt khàn, mắt anh bớt sưng đi nhiều, lại có thân sắc. Cô tôi bao qnh chĩa cánh tay trần cho cô xem; cánh tay cũng bớt sưng. Thật là một phép lạ. Cô tôi hỏi: "Bình, con thấy trong mình ra sao?". Anh nhớ nhẹ đáp: "Thưa cô, con k h o' e nhiều rồi. Con muốn ăn cháo". Cô tôi, vừa ra sân, thấp nhang lễ tạ chín phương Trời, mới phương Phật. Còn tôi vào bếp nhúm lửa nấu cháo cho anh ăn.

Câu chuyện đó chỉ có thầy cô tôi và anh Bình biết. Tôi vẫn ung dung sống bên cạnh thầy cô cho tới cuối năm, được thầy cô trả về nhà cha mẹ ruột. Đôi lúc, giữa canh thâu trần

*xem tiếp trang 63*

# Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thùy

(tiếp theo)

Ngài cũng hoan hỷ trở lại. Tối nhà bà dâng cúng một chén dầu trong treo, cúng dưng xong bà la chồng rằng: "Anh thật không biết chí là đạo đức cả, tại sao anh lại cúng dương Ngài thứ dầu cạn, anh phải thành tâm mà sám hối tội lỗi kia với Ngài, hầu mong rằng Ngài sẽ tư bi mà hỷ xả cho khỏi cái tội của miệng anh". Ông hàng dầu này vốn cũng có chút thiện tâm, nghe lời vợ khuyên nhủ anh hối hận trong lòng bèn dõng trước Ngài xin tha tội, Ngài chứng minh cho anh ta. Khi đó hai vợ chồng anh hàng dầu đồng quy xướng thưa với Ngài rằng: "Thưa Ngài, vợ chồng chúng con xin nguyện từ nay trở đi chung thân cúng dương, Ngài muốn dùng chi xin cứ lại đây chúng con dâng".

Từ đó vị Tích Chi Phật hằng ngày đến nhà vợ chồng anh hàng dầu lấy các món ăn dùng và dầu. Trước khi vào Niết Bàn, nhân cảm cái ơn xưa vị Tích Chi Phật hiện ra trước tâm phép thần túc cho vợ chồng anh hàng dầu thấy biết. Ngài bay trên hư không, trong mình phun ra nước dưới minh hóa ra lúa, thân thể khi phân khí hợp hiện biến rất nhiều phép lạ. Vợ chồng anh hàng dầu thấy thế biết rằng Ngài đã đắc đạo vui mừng khôn xiết tự hận mình có lỗi anh ta báo vợ rằng: "Này mình! Em hoan hỷ cúng dương Ngài, thì ắt rằng từ nay tương lai em sẽ được hưởng phúc báo vô lượng như cho tôi chung hưởng và cùng làm vợ chồng như kiếp này nhé". Đáp: "Anh đối với Ngài tệ ác và cúng dương dầu cạn, sau này dầu có sinh nơi nào, dĩ nhiên phải chịu lấy quả báo xấu xí, thì làm sao tôi kết duyên cùng anh được?".

Chồng nói: "Tôi, từ lâu đến nay cũng chịu sự cực khổ làm ăn với em, của là của chung dầu có phải một mình em làm ra được mà nói không cho Tôi chung hưởng và không cho làm vợ chồng. Nghĩa là phúc là phúc chung, dầu phải chỉ một mình em hưởng được. Cô vợ đáp: "Thôi được, anh đừng kể lể chi dài dòng, nếu kiếp sau tôi có phải làm vợ anh đi chẳng nữa, nếu anh xấu xí đến đêm khuya tôi sẽ bỏ anh mà trốn đi!. Anh ta đáp: "Ừ! nếu em bỏ đi anh sẽ đuổi theo cho bằng được. Hai vợ chồng nói xong, rồi hướng lên vị Tích Chi Phật thành tâm sám hối. Khi đó Ngài bảo rằng: "Này, vợ chồng anh hàng dầu kia, do sự cúng dương dầu của hai vợ chồng anh nên ta được khỏi bệnh, người muốn cầu nguyện gì ta cho được toại ý". Hai vợ chồng nghe nói rất hoan hỷ quý thẳng gối chấp tay cung kính mà phát nguyện rằng "Kính xin Tôn Giá xin ban cho vợ chồng con trên trời hoặc nhân gian, sinh chốn nào cũng được tôn sang phúc tuệ đầy đủ cầu xin việc gì cũng được mãn nguyện. Tối đây Phật nhắc lại cho vua Bình Xa biết rằng: "Người hàng dầu thươ đó chính là Chu Ngột, vợ của anh hàng dầu chính là vợ Chu Ngột thời ấy, thươ đó ông hàng dầu mắng vị Tích Chi Phật thân người xấu như Chu Ngột (gốc cây tre cụt), và tay như cái trục lóc cho dầu mất anh không vui có sắc giận tức. Vì thế nên bị quả báo xấu, cúng theo đúng như khi phát lời nói mắng vị Tích Chi Phật không khác, sau biết ăn năn sám hối vui vẻ cúng dầu tốt, cho nên sinh xứ nào cũng được giàu sang, do sự phát tâm cúng dương dầu nên được nhiều sức khỏe ngàn muôn người không địch nổi hơn nữa lại còn được làm Chuyển Luân Thánh Vương hưởng phúc đức bốn cõi, năm món dục đầy đủ thụ dụng. Thiện nghiệp hay ác nghiệp, báo ứng không sai thù vì thế tất cả chúng sinh phải nên giữ đạo làm thiết yếu, cẩn thận nơi thân, khẩu, ý chớ nên dùng nó mà tạo những điều xấu ác, ắt phải bị trả báo trong đời vị lai.

Khi anh D. vừa kết thúc câu chuyện, thì xe đã dừng lại trước cổng chùa GN. Chị V. bắt loa hỏi: "Thế nào câu chuyện anh D. kể có hay không hở các em?". Cả bọn oanh vũ đồng thanh trả lời chị V. "Thật hay và dài vô cùng chị ạ, chúng em thích lắm, à đến chủ nhật anh D. nhớ kể cho tụi em nghe chuyện khác nhé". Chị V. nói tiếp: "Thôi, đến nơi rồi, các em giải tán đi về nhà, tuần sau chúng ta họp mặt các em nhé. Anh chị chúc các em ngủ ngon".



Thị Hương, Thúy lần lượt xuống xe, trời đã về chiều, vài cơn gió nhẹ thổi làm rối tung mái tóc đen huyền của Mộng Thúy. Sánh vai nhau bọn Thị đi về phía cư xá, đến đầu hè m Thu Hương và Mộng Thúy chia tay Thị rẽ về nhà. Còn lại một mình Thị trên đường, chiều nay trời thật mát. Đã hơn sáu giờ chiều, nắng vàng tắt lịm, gió thổi hây hây mát phút chốc Thị đã về đến nhà lúc nào không hay. Vừa bước vào cổng Thị đã gặp mẹ tưới cây, lúc bấy giờ đèn đường vừa bật cháy, nhà Thị thật đông người. Mẹ nhìn Thị âu yếm hỏi: "Thế nào con gái ngoan của mẹ đi chơi có vui không?". Thị đáp lời mẹ: "Vui lắm mẹ ạ". Mẹ tiếp lời Thị, hồi sáng này có cậu năm, dì bảy, dì tám và chị Thục Ly ở dưới Vĩnh Long lên chơi đó con ạ, chị Thục Ly có mang theo rất nhiều quà cho con nào ôi, mận, xoài, cóc nè đủ thứ hết. Nghe mẹ kể Thị thích lắm nuốt nước miếng ừng ực, mẹ bật cười và mắng: "Con tôi hư quá!". Mẹ vừa dứt lời thì dì Tám và chị Thục Ly bước ra, Thị vội vòng tay nói: "Thưa dì con đi chơi mới về". Dì nhìn Thị rồi nói với mẹ: "Đạo này trông con bé Thị nó lớn ra chị Ba nhi, coi mới sắp sửa trở mã rồi đó. Nghe dì nói Thị mặc cơ' then mặt dỏ búng. Nói xong dì cháu mẹ con lục đục kéo vào nhà.

Cơm nước xong, lên giường Thị hồi tưởng lại chuyện đi chơi Trung Thu vừa rồi, bất giác Thị chợt nhớ đến Thanh Thảo khi chia tay ra về nó giỡn đôi bàn tay bé bỏng vẫy chào với đôi mắt đen lay láy dưới vài hạt lệ long lanh. Thị cảm thấy tội nghiệp cho con bé ghê, không biết đến bao giờ Thị gặp lại Thanh Thảo một lần nữa. Mãi suy nghĩ miên man về bé Thanh Thảo và chuyện đi du ngoạn vừa qua Thị chợt mất lúc nào không hay.

Gió lạnh ùa vào theo tiếng mở cửa phòng, chị Liên Hương, đẩy cửa bước vào gọi to: "Thị ơi! dậy đi cưng?". Thị bừng tỉnh giấc với tay mở cánh cửa sổ, nhìn chị cười khúc khích và nói: "Vâng Thị xuống đây, chị đợi em một tý". Nói xong, Thị chui tọt vào buồng tắm mở nước Robinet ào ào, thấm miếng xà bông Cô Ba rửa tay, xong kéo chiếc khăn lông màu hồng nhạt lau mặt. Đầu đó xong xuôi, Thị bước ra nhìn chị cười tươi rói như một nụ hoa xuân thơm tho sạch sẽ vừa mới được tưới nước. Chị Liên Hương đang ngồi ở bàn học tò mò ngắm nghĩa căn phòng nhỏ trang hoàng theo lối sáng kiến của đứa em bạn đi. Bất chợt chị nhìn lên tường ngay chỗ bàn học có hình đôi chim bồ câu bay vút và hàng chữ nguệch ngoạc: "Nếu là chim tôi sẽ là bồ câu trắng...". Chị mỉm cười nhìn Thị mà nói: "Lại mơ mộng ng nữa rồi! Chị mách mẹ cho Thị xem". Thị nhìn chị cầu hòa chị âu yếm nhìn Thị nói khẽ: "Lẹ lên Thị ơi, gần bảy giờ rồi rồi đó. Mau sửa soạn tập sách chị em mình đi kéo t r ề bảy giờ. Ráng ngoạn đi cưng, đến sinh nhật chị lại thưởng quà cho, mẹ giao cô cho c h ị, thật khổ quá". Vừa nói chị vừa làm trò, gương mặt chị nhăn nhó trông thật khổ sở. Thị tức cười ghê. Lẹ lảng xỏ chiếc quần xanh dương với chiếc áo sơ mi trắng tay phún kẹp t ó c và nhanh nhẹn theo chân chị xuống cầu thang.

Phút chốc hai chị em đã xuống đường, lúc bấy giờ mới hơn bảy giờ hai mươi, Thị nhìn chị và nói: "Chưa đến bảy giờ rưỡi mà chị hồi quá làm Thị chưa kịp đánh bình và cột nơ tóc gì hết bảy giờ nó rồi tung không biết đâu Thị bắt đền chị đó". Chị Liên Thanh nhìn Thị cười dịu dàng, chị nói: "Tại Thị hay xài giờ đây thung nên chị phải nói thế, thôi để chị bắt đền cho Thị một cây kẹo đậu phộng, được không cô bé?". Nghe chị nói trúng tim d e n Thị cá mưng cá then vội vã gật đầu. Sau khi mở khóa chiếc xe Mini trắng chị leo lên chờ đợi, Thị nhảy phóc lên ngồi phía sau. Chiếc xe tứ tứ chuyển bánh. Qua khỏi đại lộ C ộ ng Hòa chị rẽ vào đường Nguyễn Trãi, một lúc đã thấy công trường Bác Ái hiện ra. Chị d ư a Thị vào trường, và không quên mua cho Thị cây kẹo đậu phộng như chị đã hứa ban sáng. Thị ung dung xách cặp vào trường, còn chị phóng lên xe về để kịp phụ dọn hàng buổi sáng với mẹ.

Vừa đến trước ngưỡng cửa vào lớp, Thị đã gặp bọn Lan Thảo Ngọc Anh, Thùy Trang, Bảo Thúy đứng trước cửa. Thùy Trang nói: "Thị ơi! Hôm nay Bích Thuyền không đi học, nó bị sốt đây. Ban nãy chị Hoàng Uyên vừa đến xin phép cho nó nghỉ một tuần đó". Nó vừa nói đến d ầ y thì ba hồi chuông reo báo hiệu giờ học bắt đầu cả bọn kéo nhau vào lớp. Tiếng giầy lẹp xẹp ngoài hành lang rồi Thầy Phong xuất hiện. Hôm nay là giờ toán mà lại đầu tuần chắc thế nào cũng làm bài kiểm toán. Thật đúng như Thị đã nghĩ thấy thong thả ngồi xuống ghê



và nói: "Các em đã học thuộc hết những công thức hình học chưa? Hôm nay thầy cho các em làm thử vài bài toán nhé". Nói xong, thầy liền viết mấy bài toán hình học lên bảng cả lớp hít hà đồng khiêu nại rằng khó. Mà thật vậy, Thi cũng đâm cầu với những câu hỏi quanh co của bài toán, nhưng nhờ hôm qua Thi có học sơ nên còn nhớ vài công thức. Mười lăm phút bài kiểm tra trôi qua nhanh chóng, cả lớp thở phào nhẹ nhõm. Trong khi Thầy Phong ngồi chấm bài thì cả lớp được nghỉ giải lao một chút.

Mười lăm phút chấm bài lại trôi qua, đến lúc phát bài trả lại, Thi hồi hộp ghê, chỉ sợ mình bị nhiều lỗi, điểm ít thì mẹ buồn. Đến lượt bài Thi được Thầy trả lại, nhìn vào bài thấy mình được điểm tám Thi mừng lắm, chỉ sợ điểm năm là khổ với mẹ thôi. Hai giờ toán đi qua, lại đến giờ luận văn của thầy Nghi. Trong các môn học Thi thích nhất là môn luận văn giờ thầy Nghi, nó vui làm sao ấy mỗi khi thầy giảng bài thường lồng vào những thí dụ cho đỡ buồn ngủ mà lại vui nên cả lớp ai cũng thích giờ luận.

(Còn tiếp)

### tiếp thu trang 60

trọc, tôi bồi ngùi nhớ lại, ông bà Lưôm cũng cần chời. xưa. Ở đó, khi chiều êm dềm xuống, trong ánh đèn thấp bằng mớ cá, có hai vợ chồng già nua, nghèo khổ, sông lầy lắt, những lúc nào trên bàn thờ cũng có chúng bông trái. Hai vợ chồng tuy già mà thường yêu nhau rất mực, sớm khuya đèn nhang câu nguyện trả xong hết quả báo và ước nguyện cùng chết bên nhau chung một ngày, chung một giờ. Họ đã toại nguyện rồi đó.

Tôi thường đến bên bãi đất trống chỉ còn nền đất chầy xém, rải rác những khúc cây đen xám giữa đám cỏ tranh, để ôn lại những ngày tôi đến đây nghe hai ông bà kể những tiền kiếp của Đức Quan Thế Âm. Ông vừa kể chuyện, vừa đục thiếc, đục kèm để chế biến ra cái rã lò; còn bà thì vừa pho cá, luộc rau, lắng tai nghe chồng kể, thỉnh thoảng chêm mớ t vài chi tiết lý thú. Canh xưa không còn nữa. Lối xóm kể rằng, ban đêm vào giờ Dậu, ở bãi đất trống này có hai ngọn đèn treo lơ lửng; đó là hồn ma của hai ông bà hiện về. Nhưng tôi có thấy gì đâu. Ở đó, khi đêm xuống, gió biển đổ qua, mây núi kéo về. Chỉ có lũ c h ở hoang sục sạo, thỉnh thoảng tru lên ghê rợn. Tôi không tin hai vợ chồng ông Lưôm đáng thương biến thành ma đê nhất lối xóm, dân làng. Mọi người chẳng ai hiểu ông nên khinh thị ông. Còn tôi, tôi quý ông và đã tìm ở vợ chồng ông tâm gương mô đạo hiem có. Tôi tin rằng họ đã đầu thai vào một canh giới tốt đẹp hơn cõi trần ai đây khổ lụy này.

Viết xong vào một chiều cuối thu 83



# VỤ ÁN THỊ LỘ

PHONG HUNG

Người xưa kể rằng,

Tại khu rừng hoang vu (thời Bình Định Vương khởi nghĩa chống quân Minh, 1418-1427) nhờ toán quân Nam quây quân bên ánh lửa chập chớn. Người mài gươm, người dồn thêm gỗ n u ôi ngọn lửa thiêng kháng địch, kẻ túm lại gần nhau trau dồi câu chuyện cho đỡ lạnh lẽo vì áo mỏng ngoài sơn lam chướng khí. Xa xa, cảnh rừng mù mịt, hơi khí độc bốc mù sương. Trong lều, Nguyễn Trãi mlu thân đặc lực của Bình Định Vương trầm ngâm lo lắng vì quân ít thế cô, thế giặc Minh mạnh mẽ tiến như chẻ tre. bận việc quân suốt ngày, Nguyễn Trãi trng cơn mê tỉnh, thấy lãng đấng một người đàn bà dẫn đàn con đến phủ phục dưới chân mình khóc lóc xin đình hoãn việc phá nhà và tha chết cho mẹ con bà. Nguyễn Trãi tỉnh giấc, b ỏ ng người đàn bà tan biến trong sương khuya, gió lạnh thổi lộng trướng mạc, còn lại t i ếng vượn hú xa xăm lẫn tiếng thì thảo của toán quân tuần canh. Hôm sau, toán sĩ tốt tỉnh cờ đập chết một ô rắn họ gặp khi đồn cây dựng trại, mang trình Nguyễn Trãi. Đêm hôm đó, Ng. Trãi nằm đọc sách bên ăng thơ, một tiếng động rơi trên trang sách làm người dật mình. Khởi đèn to hơn, Nguyễn Trãi thấy một giọt máu tươi nhỏ xuống thấm ba trang giấy. Người đoán chắc không phải điềm lành. Giọt máu tươi thấm ba trang giấy ứng điềm vụ án tru di tam tộc sau này.

Sau khi giúp Bình Định Vương bình định giặc Minh, Nguyễn Trãi được phong quan Phục Hầu đứng đầu văn quan. Ông tiếp tục phò tá Lê Thái Tổ việc triều chính, sau được phong Nhập Nội Hành Khiển. Về già Nguyễn Trãi qui ẩn ở Côn Sơn, thuộc huyện Chí Linh, sông ần dật . Đa tài lại đa tình, Nguyễn Trãi chưa thoát khỏi định luật này. Một buổi trưa nắng, v i quan giả đang nghỉ ngơi, chợt nghe tiếng rao bán chiếu gòn lạnh lạnh của một cô gái còn trẻ. Tiếng rao khởi động bản tính nghệ sĩ mê cô dâu, Nguyễn Trãi gọi cô bán chiếu nhan sắc đến, không dân được máu huê tình, cụ trêu ghẹo :

À ở nơi nào bán chiếu gòn ?  
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?  
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi ?  
Đã có chồng chưa? được mấy con ?

Bốn câu thơ là năm câu hỏi, khẩu khí của khai quốc công thần kiêm nhập nội hành khiển Lê triều quen ra lính, từ Tể Tướng đến Thượng Thư triều đình nề vì, tướng không có g ì kênh kiệu đối với "à" bán chiếu nghèo hèn này.

Trả lời bài thơ tán tỉnh quá ư lộ liễu, Nguyễn thị Lộ tên cô bán chiếu lạnh lợi đối đáp Cô trả lời :

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gòn.

Luôn tiện, thay vì trả lời, cô trả đũa bằng câu trả lời bằng thể nghi vấn, câu hỏi o á i oam :

"Có chi ông hỏi hết hay còn ?"

và mới mọc lã lới :

"Xuân xanh nay độ trắng tròn lè".

Rồi tiếp tục dây dưa :

Chồng còn chưa có, có chi con ?

Hoặc chua ngoa ai mà biết được :

Chồng còn chưa có, có chi ? Con !

Tài năng thiên phú chinh phục Nguyễn Trãi. Cụ mang Thị Lộ về làm vợ lẽ, sớm hôm kề cận tương giao, quên hết thế sự bên ngoài.

Năm Nhâm Tuất (1442) Vua Lê Thái Tông (nổi ngôi Lê Thái Tổ) duyệt binh ở huyện Chí Linh tiên đường ghé thăm vị lão thần Nguyễn Trãi ở Côn Sơn. Vua Lê Thái Tông thấy Thị Lộ nhân sắc, mang luôn về triều. Giữa đường, vua băng bắt ngờ tại Hành cung tỉnh Bắc Ninh. Thị Lộ bị bắt giam vào cũi giải về kinh đô, những nàng hiện hình thành xác rắn và bị giết. Triều đình nghi Nguyễn Trãi lập mưu弑 vua, nên ông bị xử tru di tam tộc, ba họ nhà Nguyễn Trãi bị giết.

Thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) xét thấy Nguyễn Trãi vô tội nên truy tặng vị công thần này và cấp đất cho con cháu Nguyễn Trãi để thờ phụng tổ tiên.

Sáu thế kỷ trôi qua, "Vu án Thị Lộ" đã trở thành giai thoại "Rắn báo oán" và bài thơ đối đáp của Nguyễn Trãi được kể nghe vui vui trong giờ sử ký khô khan cho học sinh tiểu học Việt Nam ngày nay. Nguyễn Trãi được vua Lê Thánh Tông truy tặng và phục hồi, xem như vô tội. Người kết tội chưa điều tra xong ai là thủ phạm hay tông phạm về cái chết của Lê Thái Tông. Vu án đã kết thúc đâu, vì Thị Lộ bị giết ngay khi Lê Thái Tông băng, và tòa án chưa kết thúc điều tra.

VỤ ÁN THỊ LỘ, phiên xử đầu tiên gồm có :

- Quan tòa hay chánh án: Hoàng tộc, Hoàng hậu, triều đình, vua Lê Nhân Tông.
- Công tố viên: Hoàng hậu, Hoàng tộc, một số các quan.
- Bị can: Nguyễn Trãi, Thị Lộ và con rắn.
- Nhân chứng: Quan ngự y, Cận thần và Cận vệ Vua lúc còn ở Hành Cung.
- Nạn nhân: Vua Lê Thái Tông.
- Tội trạng: Sát nhân hay thối Vua.
- Luật sư biện hộ Nguyễn Trãi: một số quan thân thiết với Nguyễn Trãi. Thị Lộ không có luật sư biện hộ.
- Tuyên án: Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.  
Thị Lộ bị trảm trước khi phiên tòa bắt đầu xử.

PHIÊN ÁN THỨ HAI :

- Quan tòa: Vua Lê Thánh Tông. Còn tất cả gồm hầu hết thành phần kể trên.
- Tuyên án: Nguyễn Trãi được tha bổng và được bồi thường 100 mẫu ruộng cho con cháu ông. Phiên tòa thứ hai chấm dứt vĩnh viễn.

BỊ CÁO THỨ NHẤT: NGUYỄN TRÃI

Sử chép Nguyễn Trãi con ông Nguyễn Phi Khanh, làm quan cho nhà Hồ (Hậu Trần). Nguyễn Trãi đầu tiên sĩ đời Hồ (1400-1407). Khi nhà Hồ thất trận, ông Nguyễn Phi Khanh bị bắt đưa về Kim Lăng bên Tàu. Nguyễn Trãi theo cha khóc đến ải Nam Quan. Nguyễn Phi Khanh khuyên con về lo báo thù cha, rửa hận cho nước. Nguyễn Trãi nghe lời cha trở về. Khi quân Bình Định Vương Lê Lợi về đánh Lôi Giang, Nguyễn Trãi dâng bài sách Bình Ngô, để Lê Lợi dùng làm tham mưu. Lúc bấy giờ, sau khi Hồ Quý Ly bị bắt giải về Tàu, tiếp theo vua Trưng Quang bị thất bại, nhà Trần xem như mất ngôi, nước ta như rắn mất đầu, lờn người lỵ tán. không ai đủ khả năng lãnh đạo với tư cách minh chúa chống giặc Minh. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi tạo chính nghĩa qua giai thoại "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần" câu này được viết bằng mật ong trên lá cây rồi đem rải khắp nơi, dân chúng đọc được, tin là thiên mệnh, rất nhiều người theo Bình Định Vương. Mười năm gian lao với Bình Định Vương, Nguyễn Trãi góp phần không nhỏ, ông là một loại Khổng Minh tái thế nói không ngoa; thời chiến, Nguyễn Trãi là một chính trị gia, một nhà tuyên truyền, một cố vấn quân

xem tiếp trang 71



# Trang Giáo lý GDPT Bắc Chánh Thiện

## BỐN ĐỀ

### A.- NGUYÊN NHÂN VÀ THỜI KỲ PHÁT GIẢNG BỐN ĐỀ.

Trí Phật là như thật trí, nên thuyết cả u a Ngài hợp chánh lý, không trái sự thật. Đạo Phật là như thật đạo, nên tất cả giáo điển đều kiến tập trên chơn lý. Đây là nguyên nhân phát khởi thuyết Bốn Đề, một sự thật rõ ràng, mọi người đều có thể chứng nghiệm. Đức Phật - người đầu tiên chứng nhập vào thuyết minh chơn lý Bốn Đề - sau khi thành đạo, liền đến vườn Lộc Giả, độ các Ông Kiều Trần Như năm thầy Tỷ Kheo. Sau ba p h e n chuyện pháp luân Bốn Đề (thị chuyển, khuyển chuyển và chứng chuyển) thành kiến mê lầm tan vỡ, trí huệ siêu thoát xuất hiện, và năm vị ấy là người đầu tiên ngộ đạo - nhờ pháp Bốn Đề này, chứng nhập quả vị La Hán.

### B.- ĐỊNH NGHĨA.

Bốn Đề là bốn môn chắc thật, rõ ràng, hiển nhiên, ai cũng có thể tự chứng nghiệm.

### C.- HÀNH TƯỚNG CỦA BỐN ĐỀ.

#### I) KHỔ ĐỀ:

Cuộc đời là đau khổ. Đây là một sự thật rõ ràng. Chúng sanh chưa thoát sự triền phược cuộc đời, đều phải chịu mọi điều thống khổ cay đắng: sống khổ, đau khổ già khổ, chết khổ, ăn á chia lìa cũng khổ, chọ đến năm ấm ép bức đây đây cũng khổ. Nỗi khổ tuy nhiều, nhưng không ngoài ba môn khổ sau:

1/ KHỔ KHỔ: Cái thân đã là một việc khổ, lại còn phải gặp những hoàn cảnh n g a ng trái đắng cay.

2/ HOẠI KHỔ: Tiêu diệt tan rã là khổ; những gì ta ưa cũng phải tan nát tiêu hủy, đây là một điều khổ.

3/ HÀNH KHỔ: Xê dịch biến đổi là khổ. Ta muốn gìn giữ vĩnh viễn những tư hữu, nhưng mọi vật vẫn bị hư hoại rã rời dần dần, đây là một điều khổ.

#### II) TẬP ĐỀ:

Quá khổ của chúng sanh hiện tại không phải vô nhân hay ngẫu nhiên mà có. Các phiền não kiết sử, chính là nguyên nhân tạo nên khổ quả. Ấy là Tập Đề. (Tập là chỉ cho những kiết sử, phiền não của chúng sanh).

#### 1) NGHĨA CHỮ KIẾT SỬ:

KIẾT: cột chặt, không buông tha.

SỬ: điều khiển sai khiên.

Nghĩa là các môn phiền não ràng buộc trong 3 giới phải chịu luân hồi sanh tử. P h i e n n a o tuy nhiều, nhưng không ngoài 10 môn căn bản sau:

#### 2) 5 MÓN ĐỘN SỬ:

a. Tham: luyến ái thân cảnh.

b. Sân: giận dữ nóng nảy.

c. Si: ngu mê vô trí, hoặc nhận xét sai lầm nông nổi.

d. Mạn: ngã mạn, cống cao, chỉ biết năng cao địa vị mình và kềm hãm giá trị người khác.

d. Nghi: nghi kỵ ngờ vực, không c h á n h tín. Độn sử, là những phiền não tánh c h á t nặng nề, đến địa vị A La Hán thì trừ hết.

#### 3) 5 MÓN LỢI SỬ:

a. Thân kiến: chấp đắm sắc thân này là thiết cố, trường tồn.

b. Biên kiến: cố chấp một bên, k h ô n g trung sự thật, như chấp đ o ạn chấp thượng.

c. Tà kiến: kiến giải tà vạy, khô h o p chánh lý.

d. Kiến thủ: bảo thủ chỗ kiến giải của mình, không chịu tin chánh lý.

d. Giới cấm thủ: tin tưởng và thực hành những giới điều sai lầm.

Lợi sử là những sự nhận thức sai lầm. Đến địa vị Tu đà hoàn thì trừ hết.

10 môn kiết sử này là nguyên nhân k h i e n chúng ta luân hồi trong 3 cõi, chịu những sự đau khổ.

Tóm lại, hai môn KHỔ ĐỀ' và TẬP ĐỀ' là nhân quả thế gian.

### III) DIỆT ĐỀ:

Có tội thì có sáng; có đau khổ tất nhiên có Niết Bàn. Diệt đề là tịnh quả Niết Bàn do thật hành tịnh nghiệp Đạo đề.

#### 1) NGHĨA CHỮ NIẾT BÀN:

NIẾT: rơi rụng, không có hay là thoát khỏi  
BÀN: mọc lên lần nữa. Nghĩa là tâm niệm không còn lần nữa, luôn luôn an trú trong cảnh vắng lặng thường còn nhất là đã dứt sạch sanh thân, không còn thọ nhận c h ịu khổ gọi là Niết Bàn. Có 3 đặc điểm như sau

a/ Bất sanh: không mọc lên, không sanh lại, vì sanh nhân đã đoạn.

b/ Tịch diệt: thanh tịnh vắng lặng vì tâm niệm không lay động phan duyên.

c/ Giải thoát: diệt tận phiền não kiết sử, thoát khỏi rừng mê, thân tâm tự t a i, không còn triền phược trong bề khổ.

#### 2) VỊ THỨ TU CHỨNG:

Tùy theo công hạnh tu hành, quả vị Niết Bàn cũng có sai khác. Tiểu thừa chia có 4 vị thứ tu chứng:

a/ Tư đà hoàn: dự lưu hay nghịch lưu. Nghĩa là những vị này, đã rõ chơn lý bốn đề nên đi ngược giòng đời, và đã dự nhập thánh lưu.

b/ Tư đà hàm: nhứt sanh còn một phen thác sanh vào dục giới.

c/ A na hàm: bất lai không trở về dục giới, nhưng sanh nhân vẫn còn.

d/ A la hán: bất sanh. Đây là quả vị cứu kính của tiểu thừa. Địa vị này không còn sanh tử trong ba giới, và an trú vào cảnh Vô dư y Niết Bàn.

### IV) ĐẠO ĐỀ:

Là con đường hướng dẫn kẻ bộ hành đến đích. Đây chỉ những pháp tu hành hướng đến quả vị Niết Bàn chư Phật.

Con đường này là "Tám chánh đạo" là con đường chánh có 8, thứ:

1) Chánh tri kiến: chỗ kiến giải không sự thật.

2) Chánh tư duy: suy nghĩ chơn chánh.

3) Chánh ngữ: lời nói ôn hòa ngay thẳng hợp chánh lý.

4) Chánh nghiệp: hạnh động chân c h ảnh, hoạt động hữu ích.

5) Chánh mạng: sanh hoạt chân chánh.

6) Chánh tinh tấn: Tăng tấn trên đ ứ ờng tu hành.

7) Chánh niệm: nhớ nghĩ việc đã qua, suy tưởng việc sẽ đến, đề phòng ngừa và đoạn trừ những hành động bấtchánh ý tưởng phi pháp.

8) Chánh định: lắng đọng các vọng duyên tâm trí, để trí huệ minh mẫn được xuất hiện (trái với tà định).

Tóm lại, Đạo đề là con người hướng đến đạo quả do đức Phật thuyết minh. Con đường ấy chắc chắn đưa chúng ta thoát khỏi mê lầm đau khổ, chúng quả vị giác ngộ an t i n h (Niết Bàn) nên gọi là Đạo đề. Hai môn Diệt đề và Đạo đề này là nhân quả xuất t h ệ gian.

### D.- PHẬT TỬ ĐỐI VỚI PHÁP BỐN ĐỀ:

Phật tử người con của đấng Giác ngộ, phải học và thật hành theo pháp Bốn Đề. Về pháp Bốn Đề, đức Phật đã diễn tả hai cảnh giới tương phản: Niết Bàn an tịnh, triền phược khổ đau, và hai con đường mâu thuẫn đường mê lầm tội lỗi, và đường hào quang trí giác.

Phật tử phải là người đoạn trừ Tập đề, diệt tận Khổ quả, và thiệt hành Đạo đề để chứng Diệt đề Niết Bàn an tịnh.

(Còn tiếp)



*tiếp theo trang 48*

điều trị thuốc men? hay một phước điền do lòng thành kính của người mẹ và sự hiếu thảo của người con... Vì ni cô lại hỏi một lần nữa về sự phụ tôi, sau cùng tôi cúi đầu đáp nhỏ:

"Sanh già không, tử già không".

Cư Sĩ HUỆ TƯỜNG Hochdahl

# NHỮNG LỜI SÁM HỐI

Lần đầu tiên trong đời sau mấy mươi mùa Xuân của tuổi thơ vô tư, của lúa thanh xuân nao nức, giao thừa năm nay một mình con ngồi ôn lại quá khứ của đời mình, ôn lại những vui buồn đã được thời gian mang theo về dĩ vãng chỉ còn lưu lại những dư vị đắng cay trong cõi lòng và kính nghiệm sống đã làm con già dặn hơn với những suy tư, và bằng con đường tu Phật, con mới thực sự có dịp nhìn kỹ lại chính mình và cuộc đời một cách rõ ràng hơn...

Thưa Cha,

Trước kia, con chỉ biết thả cuộc sống mình chạy dài theo năm tháng như vì vua kiatrig chuyện cô tịch đã quá tham lam kéo nhanh sợi chỉ trong cuộn thời gian để ngày mai không đến... Con đã đợi chờ để lớn lên, để thành nhân, quên hết mọi người chung quanh để đến giờ này, khi bắt đầu ý thức được sự hiện diện của mình trong cuộc đời, bên cạnh khối hương tưởng niệm ông bà, con bồi hồi tưởng đến bóng hình của cha, một người cha gần bên mà thật xa cách đến nỗi suốt mấy mươi năm có sự hiện diện của cha trong cuộc đời, con chưa từng có một cử chỉ hay lời nói biết ơn vì thương đó phần thì cha con ta xa cách với nhau quá mà con cũng chưa biết gì về bổn phận đối với cha mẹ.

Thật vậy, thời thơ ấu của con, cha là hiện thân của khuôn khổ, con chỉ được nhận lãnh những trận đòn hay những lời rầy la mỗi lúc phạm lỗi, vì thế con đã ít dám đến gần cha... Được dịp đi học xa nhà, con như tháo cũi sổ lồng, không còn muốn quay trở lại quê nhà, với người cha nghiêm khắc, cho đến lúc hoàn cảnh xui khiến cha con ta lại đoàn tụ một nhà.

Phải nói trong suốt bao nhiêu năm dài, vì tính nết không hợp, con có cảm tưởng phải chịu đựng cha. Trong tâm rất là bức dọc, nhưng cố giữ bề ngoài không trả lời để gì ừ tròn bổn phận làm con.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi, con vẫn có cuộc sống riêng của mình cả về ý nghĩ lẫn hành động. Con đã coi sự hiện diện của cha là một điều dĩ nhiên, không chối bỏ, nhưng cũng không lưu ý đến làm, chỉ biết lo cho bản thân và gia đình riêng của mình. Cha con ta gần như hai người xa lạ sống cạnh nhau, hành động được coi như hiệu thảo của con lúc bấy giờ là thỉnh thoảng biểu cha một ít tiền để tiêu vặt, hoặc sắm cho cha vài món cần thiết, thế thôi!

Đến lúc cha nhiều tuổi, kiệt sức dần, cuối cùng đã bỏ chúng con để về với ông bà, lúc đó con cũng có đôi chút xúc động, đau buồn, nhưng thời gian đã mang tất cả vào quên lãng, con lại bận bịu với bổn phận của gia đình, có nhớ đến cha chăng, đôi lần vào nhợt dịp lễ.

Có những lúc con đã mơ thấy cha trong những sinh hoạt bình thường của thời xa xưa, tỉnh dậy con có băng khuôn. Nhưng cố lần nọ con mơ thấy cha sống một mình nơi 1 căn chòi hiu quanh giữa đồng, đang cưỡi đất trông rầy, giữa cơn mưa tầm tã, con đã mời cha về chung sống với con bất chấp những dĩ động thối trước vì con thấy tội nghiệp cha phải cô đơn, nước mắt con đã ràn rụa trên gò cho đến lúc bình tỉnh giấc.

Nếu không nhờ con đường tu Phật dạy phải quán sát thế gian, phải soi chính mình, con sẽ không bao giờ nhận ra được lỗi của con đối với cha trong suốt thời gian qua t o



tất dương nào. Ai đã cho con thân người, đã nâng niu ẵm bồng, dứt từng miếng cơm, s ấ m từng quyển vở cho con đi học đ ể sau đ ược lớn lên, đ ược nên người, có đ ược cuộc sống ẵm ngày hôm nay ! Vậy mà những năm trước đ ỏ con cứ giữ mãi trong tâm tư tưởng đ ỏ i nghịch, coi cha như thuộc một th ể h ệ khác, khó cảm thông đ ược. Không muốn nghe l ỏ i khuyên dạy của cha, và đã phải cố gắng làm mới không th ốt ra lời ch ồng đ ối.

Sau này, có nhiều dịp chứng kiến cái sống, cái chết của tuổi già, con thấy thật là bất hạnh và đau khổ, biết bao nhiêu. Rất nhiều kẻ giàu sang, học thức mà đ ối với cha mẹ chẳng ra gì. Thảo nào nhiều bậc làm cha mẹ đã th ốt lên lời chua chát "cha mẹ nuôi 9 m ười con, chín m ười con không nuôi nổi cha mẹ!".

Lúc còn thơ ấu cha mẹ đã nâng niu, ẵm bồng, x ốt xa mỗi lần con bị muỗi đốt, kiến cắn, gi ặt từng tâm ta, không ngại nh ờ uế, có miếng nào ngon thì nh ận miệng cho con, van vài tư' ph ưởng cho con đ ược mau ăn, chóng lớn. Khi con bệnh thì thức đ ểm thức hôm, thầy nào thuốc nào, t ỏn k ểm bao nhiêu cũng không k ể, miễn con đ ược sống còn. Có người đã sụp l ạy bác sĩ xin cứu mạng con, có người đã thấy tím mình nghẹn th ắt theo từng nhịp th ờ y ếu ớt của con. Con bệnh ít mà cha mẹ thì đau nhiều hơn. Dù nghèo túng th ể nào cũng theo khả năng của mình mà lo lắng cho con từng món đồ chơi, từng bộ quần áo, dù nợ n ần từng thiếu c ồng đ ồng n ớ đ ể con phải khổ' s ỏ, đ ối rách. Tâm lòng cha mẹ đ ối với con thật vô bờ bến.

Mãi đ ến lúc thành niên con mới có th ể tư lo cho mình. Mười m ươi năm dài tập t ừ b ứ c ải uôn tư' giọng nói, những tình thương con đã làm cha mẹ quên hết nh ọc nh ần của m i nh. Bao nhiêu cái tốt, cái hay đều muốn đ ồn hết cho con, ba bốn năm h ốt phân, tám gi ặt cha mẹ nào than th ờ một l ời, nhưng khi con trưởng thành, cha mẹ già yếu thì sử s ản s ỏ c, thuốc men đ ối chút là đã bực d ọc, th ờ than, coi như ăn b ảm, như gánh nặng. Có kẻ còn so bì với các chị em khác tại sao bắt mình phải nuôi cha mẹ ! Nhiều bữa cơm cha mẹ đã phải cúi đầu ch ạn hòa nước mắt vì dầu r ẻ xo' xi ềng ! Nhiều người thấy cha mẹ bệnh nặng với nước th ầy t ỏi t ụng kính đ ể cho mau chết, viện l ẽ đau lâu nh ọc xác, mà dầu đi tâm đ ịa ngại s ản s ỏ c của mình. Lời ông bà nói thật không ngoa "Cha mẹ nuôi con biển h ỏ lai láng, con nuôi cha mẹ con tỉnh th ảng tỉnh ngày".

Những lúc thăm mộ cha, nhìn đ ăm c ỏ xanh vô tình phủ đ ầy, nghĩa trang u buồn lắng l ẽ trong chiều l ồng gió, con b ằng khu ảng thăm th ịa ý nghĩa của cuộc đ ối, m ười m ười năm đ ọc ngang, nuôi bao nhiêu chi h ưởng cũng chỉ còn lại năm đất này đ ầy. Con cái th ỉnh th ảng c ỏ nh ớ đ ến cũng chỉ c ụng vài ch ến cơm hay th ập vài nén nhang, vì còn bận vật l ộn với cuộc sống thì gi ờ đ ầu nghĩ đ ến người đã khuất, mà có quay về quá khứ m ồng ch ược lại l ời làm thì cũng quá muộn màng.

Con tự nghĩ, tại sao suốt bao nhiêu năm trước, khi cha còn sống con không thấy ra đ ể đ ều này, đ ể cha đ ỏ t ử thân, mà con cũng đ ỏ ăn hận trong suốt chuỗi ngày còn lại, vì sự xum họp của cha con ta trong một kiếp người cũng chỉ như b ỏ b ọt trôi sông, s ẽ theo cơn l ộc Nhân Quả ngược xuôi sáu n ẻo làm gì còn có hoàn cảnh t ướng t ự diễn lại một lần nữa trong suốt vạn kiếp luân hồi ! Có lẽ cũng vì thế mà nhiều người đã khóc l ỏc, v ất vả lúc cha mẹ qua đ ời dù lúc còn sống họ đ ối với cha mẹ không ra gì. Nước mắt lúc đ ỏ, con nghĩ, hồi hận hơn nhiều tiếc thương ! Vì cũng có thể cũng như con khi trước đ ời ch ờ lúc nào thuận tiện, có hoàn cảnh s ẽ báo hiếu cho cha mẹ. Nhưng than ôi ! th ối gian nào có ngừng lại đ ể cho ai đ ủ ph ưởng tiện, cha mẹ làm sao kéo dài đ ược tuổi thọ đ ể cho con hồi l ời, nghĩ lại đ ể r ỏi nước mắt của con cái làm sao ngăn ch ặn đ ược l ưỡi hái của t ử thân.

Tất cả s ẽ muộn mất, một lần vĩnh biệt là mãi mãi, từ đ ỏ về sau, dù mọi người có đ ỏ đ ỏ giàu sang, thừa th ải, có thể mua tất cả những vật trên đ ời cũng không mua đ ược l ời làm. Không k ể những kẻ lòng dạ sắt đá, phải đ ối đ ến lúc mình bị con cái đ ối xử như th ể mới cảm thông nỗi đau đ ớn của cha mẹ khi xưa !

"Cố nuôi con mới biết lòng cha mẹ", ai sống là cũng phải bước qua cầu này, nhưng nước mắt không bao giờ chảy lên. Làm cha mẹ chỉ biết trả nợ cho con cái, thậm chí, chua chát hơn nữa, trong một câu chuyện đồ nhau mà con nghe được lúc nhớ: trên một chiếc đò sang sông, có 3 thể hệ, Ông, Cha và Con, đồ bị lật giữa dòng, câu hỏi là ai cần được vớt, con nghe trả lời là vớt đứa trẻ vì đồ là tướng lai còn dài! Hoặc trên đò có thêm người đàn bà thì nên vớt vì còn có thể sinh sản thêm ra...! Sự ngược đãi đối với tuổi già trắng trợn như thế đó, những tất cả đều thấy là bình thường, là hợp lý!

Nhờ những điều học biết trong đạo Phật, con mới thấy được công ơn sinh thành, dưỡng dục nặng đong bao. Con càng biết ơn Đức Thích Ca vì dạy cho mọi người sống tròn đạo làm người, trong TƯ AN mà người tu Phật phải đến, ăn đầu tiên không phải là Thầy, là Phật mà là cha mẹ, vì có cha mẹ sinh ra mới có thân người để tu hành, công ơn khai tâm thật cao đẹp vô cùng nhưng Đức Phật cũng không dám sánh bằng ơn tạo ra thân người. Thế mà à có những kẻ vô nghĩa đã oán trách cha mẹ tại sao - tại sao bắt mình ra đời để khổ, họ không biết rằng đó là Nhân Quả của chính họ đã làm cho cha mẹ nào không muốn cho con mình đồ đạc giàu sang, ăn trên ngồi trốc! Cha mẹ còn dám dùng thân mình làm búa chẻ lán tên mũi đạn, chịu tội thế con, che dấu cho con những lỗi lầm, dù con có hôn lão đến ngàn nào cũng chỉ biết nuốt lệ chịu đựng, đâu có cha mẹ nào lại hại con, dù là hùm dữ! Thời Đức Phật tại thế, có Quý Tử Mâu chuyên bắt con nít để ăn thịt, muốn giáo hóa nó, Đức Phật đã cho người bắt con của mẹ đầu đi, mẹ đau đớn, khóc lóc đến tìm Đức Phật để xin cứu, nhân đó Đức Phật chỉ cho mẹ thấy, nếu mẹ biết đau đớn vì mất con, thì cha mẹ những đứa trẻ khác cũng vậy, nhớ đó mẹ hồi tâm, thôi không bắt trẻ con để ăn thịt mà còn hứa bảo vệ cho chúng nữa.

Thưa Cha,

Hôm nay đây, ôn lại mấy mùa Xuân đã trải qua trong cuộc đời, con thêm có sự hiện diện của cha như thủa nào để con được nói lên lời sám hối chân thành để chuộc phần nào lỗi lầm, nhưng con làm sao nữa lại bóng thời gian...

Con nhận thấy bao nhiêu năm qua con sống thật vô ích, thật bất xứng. Không biết mình là ai, những lợi ích quá ích kỷ chỉ biết sống cho mình, để rồi giết mình ăn năn thì còn làm gì được nữa. Lòng hối hận của con đối với cha bằng mâm cao, cỗ đầy ư! -trẻ rồi, bằng lời cầu nguyện ư! -con không tin điều đó, nên con, thấy những người sớm hồi tâm, còn cha mẹ để kịp thời dâng cơm, hầu hạ một vài ngày trước khi quá muộn thật là may mắn biết bao vì thời trẻ trung cha mẹ đã hi sinh hết cho con cái rồi, được an hưởng một đời ngày để đến bù cũng chưa xứng. Dù cha mẹ nuôi con nào có mong được đáp đền, nhưng sức tàn, lực kiệt, vất vả với cuộc sống, với thời gian cũng đã quá mỗi mòn, con cái lại vô tình, bạc bẽo làm đau xót biết bao nhiêu!

Ở thế giới văn minh, vật chất, người ta để tuổi già sống chung với nhau trong Viện Dưỡng Lão để con cháu đồ quây rầy, nhưng đó chính là sự cô lập để bọn trẻ được đồ vương tay vương mắt. Càng văn minh, tiến bộ, tình thương càng bị lãng quên, chỉ còn lại vật chất, hiện tại thôi. Con cũng có nghe nhiều cha mẹ đã bức tức thốt lời: sinh những đứa con như vậy thật là uổng tiêu nghề, củi lư! biết thế cha mẹ nên để chúng vào Cổ Nhi Viện thì đúng với lời cư xử này hơn!

Xuân này là cái Tết đầu tiên con ý thức được bồn phận làm con người. Tất cả đều nhờ ở con dưỡng tu Phật tạo cho con, nếu không con cũng như mọi người thân nhiên bên cái sống, cái chết; vậy mượn cuộc đời từng nỗi vui buồn rồi một mai cũng đi vào lãng quên như tất cả, có làm gì cho thế nhân cũng không ngoài cái danh, cái lợi của bản thân, của gia đình. Cuộc sống là cái một cơn lốc bị hoàn cảnh làm đảo điên, thấy đám cưới thì cho rằng vui, mà không biết sau đó có biết bao nhiêu nỗi khổ kéo dài, thấy đám ma thì cho là buồn, biết đâu có những bậc ông bà cha mẹ bị con ngược đãi, mong thoát kiếp để trả dứt nợ nần vì càng thọ bao nhiêu càng nhục nhã bấy nhiêu!

Hối hận thì đã muộn, con biết làm gì hơn là cố gắng sống tròn bồn phận làm người và đi

cho tron con đường giải thoát may ra cha đở tụi vong linh phần nào mà chính con cũng được lời lạc. Con cũng mong những người làm con đừng phải hối hận trê' tràng như con, mà sớm hối tâm trước khi quá muộn màng, nhất là những người tu Phật lúc nào cũng phải tâm niệm TU' AN. Đó là tất cả những gì con tự hứa sẽ bắt đầu lại từ mùa Xuân này. Nếu cha có linh thiêng xin chấp nhận những lời sám hối của

Đứa con bất hiếu  
LẠC VIÊN

Các Con,  
Một thầy tu đã thu 4 chức sắp trở thành "Cha", đã viết lên lời sám hối này sau khi nghiên cứu đạo Phật. Bố' thầy hay nên cố gắng chép cho các con đọc.

Định mệnh đã khiến cha con ta, tuy không cùng cảnh ngộ như tác giả, nhưng, nếu đ' ư' ở ng chia cách, gặp nhau lại chỉ' là mộng tưởng.

Bố' không có ý nghĩ buồn trách các con, đừng hiểu lầm như vậy, nhưng các con nên đ' ọc, đọc để' thấy thế nào là bốn phận làm cha, làm con và suy gẫm, thấu hiểu ý nghĩa cuộc đời trong mai hậu.

27.05.1983



tiếp thu trang 65

sự chiến lược cơ mưu đại tài, nói theo ngôn ngữ hiện tại.

Khi Lê Lợi lên ngôi vua, hiệu Lê Thái Tổ, sai Nguyễn Trãi viết tờ báo cáo cho thiên hạ thứ dân biết. Tờ "Bình Ngô Đại Cáo", bản văn hùng hồn chẳng những có khả năng võ vê trăm họ, còn làm thần dân Trần triều quay về Lê triều và Trần Cao mất thế đứng. Lê Thái Tổ không giết mưu thần Nguyễn Trãi như các vua khác, phong Nguyễn Trãi "Quan Phục H' ầu " đứng đầu văn quan. Chức nhập nội hành khiến, có quyền vào cung cấm bất cứ lúc nào đ' ể cùng vua nghị sự.

Vì khai quốc công thần Nguyễn Trãi giúp rập Lê Thái Tổ việc triều chính. Tác phẩm "Gia huấn ca" của ông được xem như khuôn vàng thước ngọc trong vấn đề giáo dục gia đ' ì n h thời đó, ngày nay đọc lại vẫn chưa thấy gì làm lạc hậu. Thời bình Nguyễn Trãi là 1 kiến trúc sư hành chính có một không hai. Một mưu thần Nguyễn Trãi may mắn gặp minh quân Lê Lợi mới được cơ hội thi thố tài năng trị nước an dân, mở đầu cho thời cực thịnh củadân tộc qua câu ca dao :

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông  
Con bé, con dốt, con bông, con mang.

Công lao khai quốc và quyền khuynh thiên hạ, thân cận bên vua, Nguyễn Trãi nếu muốn, có thể lập vị cảnh, chuẩn bị soạn ngôi khi Lê Thái Tổ băng hà như gương Trần Thủ Độ soạn ngôi nhà Lý đầu xa, Hồ Quý Ly đoạt ấn nhà Trần còn đó, và gương Trịnh Kiểm chuyên quyền sau này.

(Còn tiếp)



# GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

## Bún cà ry

- A. VẬT LIỆU:** 1 miếng tàu hủ tươi  
500 g chả lụa  
1/2 kg khoai tây hoặc khoai lang bí  
1 bịch dưa khô  
1 hộp cà rốt  
1 cây poireau  
200 g cà rốt  
1 hủ nhỏ cà ry (loại ngon)  
1 bó sả tươi  
200 g mì căn non  
200 g giá  
1 trái chanh, ớt  
1 bịch bún khô  
1 bó rau húng  
1 ít quế, đinh hương, lá thơm
- GIA VỊ :** Đường, muối, bột ngọt, dầu ăn.

**B. CÁCH LÀM:** Tàu hủ bổ dọc làm tư, xắt miếng dày hơn 1 cm chiên vàng. Khoai tây, cà rốt gọt vỏ rửa sạch chiên vàng, xong ướp sơ đường, muối, bột ngọt cho thấm. Bắc chảo lên bếp, để lửa to cho dầu vào, đợi chảo thật nóng rồi đổ quế, đinh hương, lá thơm vào đợi 1 phút, đoạn cho chả lụa xắt miếng chiên vàng. Dưa khô nhồi với nước nóng vắt hơn một chén nước cốt để riêng và hai tô nước dấm. Mì căn non ngắt từng cục bằng ngón tay cái chiên vàng để sẵn. Sả, poireau rửa sạch băm nhuyễn. Cho nước muông súp dầu ăn vào chảo, đợi nóng để sả poireau băm vào khuấy vàng kể đến cà ry, sau cho nước cốt dưa vào thắng sên sệt, đoạn nhắc xuống mức phân nửa trộn chung với phần khoai tây, cà rốt, tàu hủ bên trên. Xong cho tất cả vào nấu chung với nước dấm. Khoai tây, cà rốt vừa chín tới, thì cho mì căn, tàu hủ chiên ban nãy vào gia vị cho vừa ăn và để lửa riu riu. Đến khi gần dọn ra thì cho phần nước cốt dưa cà ry thắng còn lại lên mặt. Sau cùng, chomột

ít dầu vào chảo khác, đợi nóng để cà h ô p vào thắng cho ra nước dầu dỏ (thế hột điều đoạn mức để lên mặt cà ry cho có màu đỏ trông ngon miệng. Bắc nước sôi trụng bún khi chín vớt ra rửa để ráo hoặc bắt con tùy ý. Rau sống, giá, lát, rửa sạch, chanh xắt miếng dầm một chén muối ớt để sẵn. Cho giá, bún vào tô xong chan nước cà ry lên mặt bún. Món này ăn nóng với bún, cơm, hoặc bánh mì cùng với muối, ớt, chanh...

(Kỳ tới : "CANH KHOAI MỠ")



# TRỢ CẤP XÃ HỘI

## NGUYỄN LÊ NGHĨA

Trợ cấp xã hội đối với bà con người Việt tỵ nạn tại Đức không phải là một vấn đề xa lạ. Hầu như người nào cũng đã từng lãnh "tiền ăn", "tiền túi", "tiền mùa đông, mùa hè" v.v... cũng như nhiều trợ cấp khác khi vừa đặt chân đến nước Đức, trong lúc chờ lãnh tiền thất nghiệp, hay trong thời gian chưa có công ăn việc làm. Đã vậy nhiều người vẫn chưa biết rõ hết về quyền lợi của mình, hoặc nhận trợ cấp xã hội 1 cách thụ động, theo chủ trương "cho s a o lấy vậy". Để giúp các bạn đã, đang và sẽ nhận trợ cấp xã hội có một cái nhìn khái quát hơn về quyền lợi và bổn phận của mình, chúng tôi xin trình bày sau đây một số vấn đề cần biết về trợ cấp xã hội.

### TRỢ CẤP XÃ HỘI LÀ GÌ ?

Trợ cấp xã hội (Sozialhilfe) là sự giúp đỡ của chính phủ dành cho những người làm vào hoàn cảnh thiếu thốn không thể tự lo cho mình, hoặc có nhận sự trợ giúp của người khác nhưng không đủ để sinh sống.

### TRỢ CẤP XÃ HỘI GỒM CÓ NHỮNG HÌNH THỨC NÀO ?

Trợ cấp xã hội gồm có 3 hình thức: hưởng dân cố vấn giúp đỡ, tiền mặt và vật dụng. **THÍ DỤ:**

Ty xã hội hỏi thuê nhà giùm cho bạn, chỉ cho bạn làm đơn xin trợ cấp (hưởng dân cố vấn giúp đỡ), phát tiền ăn hàng tháng cho bạn (tiền mặt), cung cấp đồ đạc vật dụng cho bạn để xài trong nhà (vật dụng).

### CÓ MẤY LOẠI TRỢ CẤP XÃ HỘI ?

Có 2 loại trợ cấp xã hội: Trợ cấp để sống và trợ cấp cho những hoàn cảnh đặc biệt.

**TRỢ CẤP ĐỂ SỐNG** (Hilfe zum Lebensunterhalt) là loại trợ cấp dành cho những người

- Không có việc làm để tự nuôi mình và thân nhân.
- Có tiền lương hàng tháng, hoặc các trợ

cấp khác (như tiền thất nghiệp) nhưng không đủ để sống.

- Không nhận được tiền nuôi dưỡng của thân nhân.

- Có tiền để dành, nhưng không vượt mức qui định (chủ gia đình 2.000DM, thân nhân trong nhà mỗi người 400DM).

Trợ cấp để sống bao gồm tiền tiêu chuẩn hàng tháng (Regelsatz für die Hilfe zum Lebensunterhalt), tiền thuê nhà, tiền 10 tuổi. Ngoài ra có thêm những trợ cấp bất thường (einmalige Beihilfe) như trợ cấp để mua áo quần, bàn ghế, màn cửa, trợ cấp để tu bổ nhà cửa, dọn nhà v.v... những trợ cấp trên được xét cấp tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh của người làm đơn. Bạn nên lưu ý là tiền tiêu chuẩn hàng tháng được qui định dùng để mua đồ ăn uống, trả tiền điện nước (kể cả nước nóng), mua sắm đồ đạc linh tinh trong nhà. Tiền thuê nhà và tiền 10 tuổi được trợ cấp riêng (đi nhiên là có giới hạn - Ty xã hội địa phương ấn định mức giới hạn này).

Để biết được tiền tiêu chuẩn hàng tháng của gia đình mình được bao nhiêu xin bạn xem bản kê khai sau đây :

(TIỀN TIÊU CHUẨN HÀNG THÁNG ĐỂ SỐNG)  
ÁP DỤNG KỂ TỪ 1.7.1983

Ngoài số tiền tiêu chuẩn hàng tháng để sống trên những người thuộc thành phần sau đây được hưởng thêm tiền phụ cấp (Mehrbedarf) tối thiểu là 20% của tiền tiêu chuẩn hàng tháng :

- 1/ 65 tuổi trở lên
- 2/ dưới 65 tuổi nhưng bị mất sức lao động xét theo luật bảo hiểm hưu bổng
- 3/ phụ nữ có thai từ tháng thứ 6 trở lên
- 4/ sống một mình nhưng phải nuôi dưỡng 2 hoặc 3 con nhỏ, dưới 16 tuổi
- 5/ sống một mình nhưng phải nuôi dưỡng từ 4 con trở lên

TIỀN TIÊU CHUẨN HÀNG THÁNG ĐỂ SỐNG  
ÁP DỤNG KẾ TỪ 1.7.1983

TIỂU BANG	: Chủ gia : Cho đến :		Bắt đầu	Bắt đầu	Bắt đầu	: Từ 22 : : tuổi trở : : lên : : : : : : DM :
	: đình hay : : sống một : : minh : : DM :	: đúng : : 7 tuổi : : : : : : DM :	: 8 cho : : đến đúng : : 11 tuổi : : : : : : DM :	: 12 cho : : đến đúng : : 15 tuổi : : : : : : DM :	: 16 cho : : đến đúng : : 21 tuổi : : : : : : DM :	
Baden-Württemberg	: 347	: 156	: 226	: 260	: 312	: 278 :
Bayern (tối thiểu)	: 335	: 151	: 218	: 252	: 312	: 268 :
Bremen	: 347	: 156	: 225	: 260	: 312	: 277 :
Hamburg	: 351	: 158	: 228	: 263	: 316	: 251 :
Hessen	: 347	: 156	: 225	: 260	: 312	: 277 :
Niedersachsen	: 345	: 155	: 224	: 259	: 311	: 276 :
Nordrhein-Westfalen	: 345	: 155	: 224	: 259	: 311	: 276 :
Rheinland-Pfalz	:	:	:	:	:	:
(tối thiểu)	: 343	: 154	: 223	: 257	: 309	: 274 :
(tối đa )	: 375	: 156	: 226	: 260	: 312	: 278 :
Saarland	: 343	: 154	: 223	: 257	: 309	: 274 :
Schleswig-Holstein	: 341	: 153	: 222	: 256	: 307	: 273 :
Berlin (West)	: 352	: 158	: 229	: 264	: 317	: 282 :



- 6/ bị bệnh lao đang còn trong thời gian điều trị
- 7/ bị tàn tật (15 tuổi trở lên)
- 8/ bị bệnh hay yếu sức khỏe cần phải ăn uống đặc biệt
- 9/ bị mù hay tàn tật nhưng có đi làm việc
- 10/ có đi làm việc

Chúng tôi xin đưa thí dụ sau để bạn hiểu rõ thêm về cách tính tiền trợ cấp đời sống.

Gia đình anh Tư gồm có 5 người: Anh chị Tư, 2 con Tý (7 tuổi), Tèo (10 tuổi) và Ông Cụ Sán (67 tuổi), ba của Anh Tư - Anh Tư lãnh tiền thất nghiệp mỗi tháng 750DM và tiền con (Kindergeld) 120DM - Chị Tư không đi làm, đang chờ sanh thêm đứa con thứ ba. Gia đình anh Tư sống tại thành phố Hannover (tiểu bang Niedersachsen) và phải trả tiền thuê nhà hàng tháng 900DM, tiền lò sưởi 150DM, tiền điện 70DM (nấu nước và nước nóng). Vì tiền thất nghiệp không đủ cho gia đình sinh sống nên anh Tư phải xin thêm tiền trợ cấp xã hội. Ty xã hội Hannover tính tiền trợ cấp cho gia đình anh Tư như sau:

1- Nhu cầu của gia đình anh Tư	
1.1 Tiền tiêu chuẩn hàng tháng	
Anh Tư (chủ gia đình)	345 DM
Chị Tư	276 DM
Tý (7 tuổi)	155 DM
Tèo (10 tuổi)	224 DM
Bác Sán	276 DM
1.2 Trợ cấp tiền nhà	
Tiền thuê nhà	900 DM
Tiền lò sưởi	150 DM
1.3 Phụ cấp	
Chị Tư (có thai)	55,20
Bác Sán (trên 64 tuổi)	55,20
Tổng cộng ...	DM 2.436,40
2- Tiền thu nhập của gia đình anh Tư	
Tiền thất nghiệp	750 DM
Tiền con	120 DM
Tổng cộng .....	870 DM

Lấy tiền nhu cầu trừ cho tiền thu nhập sẽ ra tiền trợ cấp để sống của gia đình anh Tư (1.566,40DM). Trong trường hợp anh Tư đi làm việc thì số tiền nhu cầu của gia

đình sẽ cao hơn (tùy theo mức lương nhiều hay ít, anh Tư sẽ được tính thêm phụ cấp đi làm tối thiểu là 86,25DM và tối đa là 172,50DM). Ngoài ra tiền lương của Anh Tư chỉ được tính như là tiền thu nhập sau khi đã trừ hết các khoản chi phí như tiền bảo hiểm xã hội (hưu bổng, thất nghiệp, sức khỏe), tiền xe đi làm v.v...

#### TRỢ CẤP CHO NHỮNG HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT (hilfe in besonderen Lebenslage)

Trợ cấp này dùng để giúp đỡ cho những người lâm vào hoàn cảnh đặc biệt như bệnh hoạn già yếu cần người săn sóc, tàn tật v.v... Khác với loại trợ cấp để sống những người nào có tiền thu nhập đủ nuôi sống gia đình mình vẫn có thể làm đơn xin loại trợ cấp này. Trợ cấp cho những hoàn cảnh đặc biệt gồm có những khoản sau:

- 1- Trợ cấp để xây dựng và bảo đảm đời sống (Hilfe zum Aufbau oder zur Sicherung der Lebensgrundlage) thông thường dành cho những người có cơ sở làm ăn riêng nhưng gặp khó khăn về phương tiện.
- 2- Trợ cấp để ngừa bệnh (vorbeugende Gesundheitshilfe). Thí dụ: đi dưỡng bệnh
- 3- Trợ cấp cho những người bệnh (Kranken-hilfe). Thí dụ: tiền thuốc men, chi phí bệnh viện.
- 4- Trợ cấp để kế hoạch hóa gia đình (Hilfe zur Familienplanung).
- 5- Trợ cấp cho những người có thai và những người vừa sanh con (Hilfe für werdende Mütter und Wöcherinnen).
- 6- Trợ cấp cho những người tàn tật (Eingliederungshilfe für Behinderte). Thí dụ: chữa bệnh, học nghề.
- 7- Trợ cấp cho người bị bệnh lao (Tuberkulosenhilfe).
- 8- Trợ cấp cho người mù (Blindenhilfe).
- 9- Trợ cấp cho người cần săn sóc (Hilfe zur Pflege). Thí dụ: người bệnh.
- 10- Trợ cấp để tiếp tục công việc nội trợ trong nhà (Hilfe zur Weiterführung des Haushalts). Thí dụ: mẹ nằm bệnh viện, cha đi làm, con nhỏ ở nhà không ai chăm sóc.
- 11- Trợ cấp để vượt qua những khó khăn xã hội đặc biệt (Hilfe zur Überwindung besonderer sozialer Schwierigkeiten). Thí dụ: nghiện ngập.
- 12- Trợ cấp cho người già (Altenhilfe). Vì khuôn khổ của tờ báo hạn hẹp nên chúng

tôi không thể đi sâu vào chi tiết của từng khoảng trợ cấp trên. Trong trường hợp bạn thấy hoàn cảnh của mình có những khó khăn tương tự với những điểm nêu trên, bạn nên đến Ty xã hội để hỏi, cho dù bạn có công ăn việc làm và lương của bạn đủ nuôi gia đình.

### AI ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI VÀ AI KHÔNG ĐƯỢC ?

Trong khi những người ngoại quốc khác có thể bị trục xuất về nước nếu làm đơn xin trợ cấp xã hội thì bà con người Việt tỵ nạn được chính phủ Đức cho hưởng trợ cấp xã hội, nếu mình và thân nhân gặp hoàn cảnh khó khăn về mặt sinh sống và hội đủ những điều kiện theo luật định như đã nêu trên. Tuy nhiên luật trợ cấp xã hội liên bang quy định không cấp trợ cấp cho những người thuộc diện sau đây mặc dù họ túng thiếu:

1- Không đi làm việc mặc dầu cố việc làm được và có khả năng đi làm. Chẳng hạn Ty Lao Động giới thiệu việc làm cho bạn mà bạn không có đi làm và không nêu lý do chính đáng. Gần đây nhiều Ty Xã Hội địa phương yêu cầu một số người lãnh trợ cấp xã hội đi làm những công tác có tính cách phục vụ cộng đồng như tu bổ công viên, làm việc trong phòng giặt đồ của bệnh viện. Những người này được 1 à 2 h lương 1 giờ từ 1 đến 2 DM cộng với số tiền trợ cấp để sống. Nếu ai từ chối đi làm mà không có lý do chính đáng sẽ bị cúp tiền trợ cấp xã hội. Do đó ý nghĩ: "đi làm mệt, ở nhà lãnh tiền xã hội sướng hơn" có thể đem lại cho bạn nhiều ngạc nhiên không được thoải mái.

2- Tự ý nghỉ việc, tự ý bỏ ngang các khóa học nghệ, tu nghiệp hoặc không chịu đi học nghề mà không có lý do chính đáng.

3- Có tiền lương, trợ cấp của người thân hay của các cơ quan đủ để sinh sống.

4- Có tài sản, lợi tức nhiều.

5- Đang lãnh học bổng Bafög hay trợ cấp của Arbeitsamt theo luật trợ cấp lao động (Arbeitsförderungsgesetz). Có trường hợp ngoại lệ.

### TIỀN XÃ HỘI CÓ PHẢI HOÀN TRẢ LẠI KHÔNG?

Thông thường tiền xã hội không phải hoàn trả lại. Tuy nhiên trong những trường hợp đặc biệt Ty xã hội có thể chỉ cho vay tiền và người hưởng trợ cấp phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp. Thí dụ: Cố ý hay vô ý để mình và thân nhân phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn (đánh bạc chẳng hạn), hoặc có người chỉ túng thiếu trong thời gian ngắn. Những người lãnh trợ cấp xã hội trong thời gian chưa nhận được các loại trợ cấp khác cũng phải hoàn trả lại số tiền đã nhận của Ty xã hội.

### THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI CÓ PHẢI HOÀN TRẢ LẠI TIỀN TRỢ CẤP KHÔNG ?

Theo luật định vợ chồng phải nuôi nhau, cha mẹ phải nuôi con cái và ngược lại. Anh em ruột, chú cháu, ông bà cháu chắt khê phải nuôi nhau. LƯU Ý: Ty xã hội có thể yêu cầu những anh chị sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có hôn thú phải nuôi nhau. Thông thường Ty xã hội ứng trước tiền trợ cấp cho người túng thiếu và sẽ làm thủ tục đòi lại tiền trợ cấp ở những người thân nhân có trách nhiệm và lợi tức cao.

### NGƯỜI NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI CÓ NHỮNG BỒN PHẦN GÌ ?

Ngoài những quyền lợi nêu trên người nhận trợ cấp xã hội có những bốn phần chính sau đây: bốn phần cung cấp tin tức về tiền thu nhập và tài sản, về những người có trách nhiệm phải nuôi mình, về các cơ quan cấp trợ cấp cho mình, bốn phần đi làm việc, bốn phần phải theo sự hướng dẫn của Ty xã hội và Ty y tế trong trường hợp bị bệnh v.v..

### NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý TRONG VẤN ĐỀ XIN TRỢ CẤP XÃ HỘI.

1- Nên đến Ty xã hội ngay khi bạn gặp khó khăn trong vấn đề sinh sống. Ty xã hội hỗ trợ cấp cho những trường hợp khó khăn đã xảy ra trong quá khứ.

2- Không cần phải làm đơn mới nhận được trợ cấp. Bạn có thể trình bày miệng về hoàn cảnh của mình với nhân viên ty xã hội.

3- Khi đến Ty xã hội nên đem theo tất cả các loại giấy tờ có liên hệ tới đời sống của bạn: giấy thông hành, giao kèo thuê nhà biên lai điện, nước, gaz, giấy trợ cấp thất nghiệp, giấy chứng nhận đang lãnh tiền con, bản kê khai tiền lương đang lãnh v.v..

4- Nếu nhận được trợ cấp nên xin Ty xã hội một bản kê khai các loại trợ cấp định kỳ cũng như bất thường để lưu hồ sơ.

# Diễm sách

## VĂN CÔNG TUẦN

Câu chuyện dòng sông của Hermann Hesse.  
Bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng  
Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1982

### RĂNG TỬ NGÂU NHÌ:

Tình cờ vào một buổi lễ Phật tại chùa Viên Giác, mới nghe ông Kỹ sư Ngô Ngọc Diệp đọc thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm. Không những ma vương nghe kinh Lăng Nghiêm phải sợ mà chính người ta nghe cũng phải sợ cái màn học thuộc lòng. Đi lĩnh sợ hãi, làm sợ hãi Lăng Nghiêm là vậy.

Ngẫu nhiên là trước đây có lần Thi sĩ Bùi Giáng có làm một bài thơ ca ngợi Giáo Sư Ngô Trọng Anh (Giáo Sư Ngô Trọng An hiện nguyên là Tổng Trưởng Bộ Công Chánh Việt Nam Cộng Hòa và phụ trách giảng dạy Đông Phương học tại Đại Học Vạn Hạnh) trong khoảng thời gian ông viết cuốn Đường Trở Về là Cư Sĩ Duy Ma Cát. Thi Sĩ đã để tặng là: Tặng ông Ngô Kỹ Sư Cư Sĩ (nói lái). Bây giờ trong giới trẻ ở Tây Đức lại có một ông Ngô Kỹ Sư Cư Sĩ khác. Hạnh ngộ thay hạnh ngộ thay...

### CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG:

Chính là con đường trở về của một kẻ lang bạt lòng đầy nghi ngờ, là tiếng nói im lặng và trầm hùng của một dòng sông, là hình bóng tử bi của Đức Cù Đàm ẩn hiện trong khắp nơi khắp chốn, và đồng thời cũng là cái nhìn về tất cả những gì chúng ta đang có như cha mẹ, con cái, nhà cửa, xe cộ vân vân.

Nhân vật chính - Tất Đạt - là một người rất gần chúng ta và cũng có thể là chính chúng ta. Tất Đạt có thể là giáo sư Ngô Trọng Anh, là ông Cư Sĩ Diệp, là tôi, là bạn, là anh Hùng, Dũng, An... là chị Vân, Kiều, Thủy, Phần, Phương vân vân và vân vân. Bản in tiếng Việt đầu tiên mang tựa đề "Câu chuyện của Dòng Sông". Sau đó dịch giả đổi lại từ lần in thứ hai đến tận bây giờ là Câu Chuyện Dòng Sông (do nhà xuất

bản An Tiêm xb). Có chăng sự khác biệt giữa hai tựa đề. Xin thưa rằng Dòng Sông thì bao giờ cũng vẫn là dòng sông, có thay đổi chăng là cái tiêu ngã của con người thay đổi hay vươn lên. Xin dành câu trả lời cho dịch giả.

Chàng - Tất Đạt, con trai của một vị Bà La Môn. Là một con người thông minh, khỏe mạnh, ngoan đạo. Em âm thầm sao dõi sống của chàng bên người cha hiền triết, người mẹ nhân từ rất hãnh diện vì con, và bên người bạn thân thiết Thiện Hữu. Chàng biết làm lễ tế thần, biết nói về đạo và biết đọc tiếng OM, nghĩa là toàn thiện trong những buổi lễ. Nhưng Tất Đạt vẫn cảm thấy trong lòng mình có một cái gì tan vỡ. Chính Thiện Hữu - bạn chàng - cũng biết điều đó và chờ đợi ở chàng. Mỗi cho đến một hôm có vài vị Sa Môn đến thành phố nơi Tất Đạt đang ở. Tất Đạt thấy chung quanh họ bao phủ một làn khí khê của lòng say mê tận tụy và xả kỷ khê chút tiếc thương. Thế là Tất Đạt bàn với Thiện Hữu và quyết định xin phép chầu đứng.

- Con đây ư, Tất Đạt? Người cha hỏi. Cứ nói lên cho cha nghe những gì con đang nghĩ.

- Thưa cha, nếu cha cho phép, con đến thưa cha rằng con muốn rời nhà ngay mai, để đi theo những người khổ hạnh. Con muốn trở thành một vị Sa Môn. Con tin rằng cha sẽ không ngăn cản.

Người hiền triết Bà La Môn lặng yên rất lâu, lâu đến nỗi những vì sao đã lạc qua song cửa sổ và chuyển hướng. Tất Đạt vẫn đứng lặng yên cho đến sáng hôm sau, cho đến lúc người cha thấy không còn có thể giữ Tất Đạt được nữa.

Tất Đạt và Thiện Hữu lên đường theo học với những vị Sa Môn khổ hạnh ấy. Với một trí thông minh phi thường và lòng cố gắng học, chàng đã học được rất nhiều, đến độ chàng còn nhiếp phục được chính vị Sa Môn trưởng, là Thầy dạy của mình nữa.

Vào lúc đó xuất hiện một người tên là Cù Đàm, đức Như Lai, Đức Phật. Người đã nhiếp phục được nỗi khổ ở đời và đã làm ngưng được con đường sinh tử. Hai người bạn trẻ liền từ giã đoàn Sa Môn khổ hạnh để lên đường tìm Đức Phật tại vườn Lộc Uyển. Ở đây Tất Đạt đã tận mắt thấy được kim thân Đức Phật. Chàng tưởng như môi đỏ tay của Ngài đều chưa đứng trị thức chúng nói lên, thơ ra, tuôn phát ra chân lý. Tuy nhiên trong đầu Tất Đạt vẫn còn



trần đầy nghi vấn. Trong buổi hầu chuyện cuối cùng của Tất Đạt với Đức Phật trước khi chàng tiếp tục lên đường, Đức Phật đã bảo chàng: Người đã khả nghe những lời giảng dạy... ta chỉ khuyên người, một người khao khát hiểu biết hãy tránh xa rừng quan niệm và sự xung đột giữa các danh từ. Quan niệm không có nghĩa gì, chỗ có thể chấp nhận hay bị bắt bớ. Giáo lý mà người đã nghe, tuy vậy không phải là quan niệm của ta, và mục đích của nó không phải là để giải thích vũ trụ cho những người khát khao hiểu biết. Mục đích ấy là giải thoát khỏi khổ đau.

Nhưng rồi chàng thanh niên đầy tham vọng ấy vẫn lên đường. Thiên Hưu, bạn chàng đã ở lại và trở thành một vị tu sĩ.

Chàng vẫn tiếp tục đi và đi mãi. Chàng đi để gặp Kiều Lan, một kỹ nữ xinh đẹp và thành thạo trong nghệ thuật ái ân và cuối cùng chàng đã có một đứa con với nàng, và cũng chính con chàng sau này cũng bỏ chàng ra đi. Chàng đã gặp Vạn Hỷ, người thương gia giàu có và chàng cũng đã trở thành một thương gia nhiều tiền nhiều bạc. Vui đầu trong những thú vui vật chất chàng đã quên tất cả, quên luôn cả chính mình. Cho đến một hôm kia chàng mơ thấy con chim nhỏ của Kiều Lan nuôi trong lồng sơn bông tự nhiên chết. Chàng mới sức nhớ lại và đau đớn như chính giá trị của cuộc đời chàng cũng đã chết đi. Trên tất cả những cuộc gặp gỡ đó, Tất Đạt đã gặp dòng sông và Vệ Sĩ - người lái đò.

"Tôi ôn lại cuộc đời mình và thấy nó cũng là một dòng sông. Tất Đạt người con trai, Tất Đạt người trưởng thành và Tất Đạt ông già, chỉ tách rời nhau bằng những cái bóng, không phải thực tại."

Nhưng tiền kiếp của Tất Đạt không ở trên qua khứ, cái chết và sự trở về Đại Ngã của Tất Đạt không ở trong vị lai. Không có cái gì đã là, không có cái gì sẽ là, mọi sự đều là thực tại và hiện tiền.

Tất Đạt đã trở về với dòng sông, đã đứng lại bên dòng sông. Ở đây không còn biên giới của sự ra đi hay sự đứng lại. Đó chính là sự trở về, là quy y. Con sông ở khắp mọi nơi trong cùng một lúc, ở nguồn cũng như ở cửa sông, ở thác, ở dòng sông, ở Đại vương và ở núi, ở khắp nơi. Bởi vậy Tất Đạt nói: "Tôi không đi đâu cả, tôi chỉ ở trên đường". Từ đó Tất Đạt mới tìm lại ở dòng sông tiếng "OM" toàn thiện.

Phải chăng lúc bấy giờ chàng lại bắt đầu không biết đâu là kết cuộc của câu chuyện. Dòng sông thì vẫn chảy, vẫn nổi, vẫn hát và vẫn ca trong cõi vô cùng. Có nghe được âm thanh của dòng sông hay không là tùy căn cơ của người.

## VỀ TÁC GIẢ VÀ DỊCH GIẢ:

Hermann Hesse, người mà giới phê bình văn học tôn là bậc Thầy, là nhà thơ, là kẻ đi tìm Đạo, là nhà triết học. Ông sinh ngày 02 tháng 7 năm 1877 tại Calw (Württemberg) Tây Đức. Cha là một vị mục sư và có thời gian sống tại Ấn Độ. Tác giả đã theo học nhiều trường từ Trung Học Phổ Thông, đến thần học, rồi học nghề cơ khí. Làm phụ lễ trong nhà thờ, làm báo và cuối cùng ông nhận bằng Tiến Sĩ danh dự tại Đại Học Bern. Ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương trong đó đáng kể nhất là giải Nobel văn chương năm 1946. Tác phẩm của Hesse được dịch ra khắp nơi trên thế giới. Riêng cuốn câu chuyện dòng sông (nguyên bản: Siddhartha) chỉ trong vòng ba năm (73-76) đã tiêu thụ 3 triệu cuốn tại Mỹ.

Chúng tôi không biết rõ số lượng ấn hành cuốn câu chuyện dòng sông tại Việt Nam là bao nhiêu, chỉ nhớ là vào năm 1974 nhà xuất bản An Tiêm đã tái bản lần thứ sáu. Lần tái bản mới nhất tại Hải Ngoại do PH Viện Quốc Tế tái bản tại Hoa Kỳ năm 1982 ở Việt Nam ngoài một số bài thơ của Hesse, được dịch đăng rải rác trong khắp sách báo còn có một vài tác phẩm khác đã được dịch và xuất bản trước 1975 như Sói đồng hoang (Steppenwolf, bản dịch của anh Trần Xuân Kiêm); Đôi bạn chân tình (Narzis und Goldmund), bản dịch của thi sĩ Hoài Khanh) Dịch giả tác phẩm câu chuyện dòng sông là hai vị Sư cô, Sư cô Trí Hải (Phùng Khánh trước 1975 là giám đốc thư viện viện Đại Học Vạn Hạnh và là tác giả một số tác phẩm khác. Sư cô Huệ Minh (Phùng Thắng) là phụ trách trung tâm an sinh viện Đại Học Vạn Hạnh, cơ quan phụ trách công tác xã hội từ thiện và huấn luyện cán bộ cho hệ thống Kỳ Nhi, Viện Phật Giáo. Cả hai vị là chị em và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế.

## DÒNG SÔNG CỦA CÂU CHUYỆN:

Đọc câu chuyện dòng sông, chúng ta thấy Tất Đạt hiện diện ở khắp nơi Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi. Một chàng Tất Đạt thông minh trong

lãnh vực tri thức, một chàng Tất Đạt thành công trong tình yêu và tiền tài. Chàng có tất cả những gì người đời hằng ao ước. Nhưng chính chàng, chàng chỉ thấy mình đang sống một đời sống thật quá giờ rằng chàng đang làm việc chỉ đáng giá một ván bài, rằng chàng cũng đang vui vẻ đây, nhưng sự sống chân thật đang trôi qua và không đóng chạm đến chàng. Chàng đã đánh đổi một phần rực rỡ của tâm hồn chàng bằng những ngày rong chơi trong cuộc đời.

- Và bây giờ anh là gì, Tất Đạt? Thiên Hữu hỏi.

- Tôi không biết. Tôi chỉ đang đi trên đường. Tôi đã là một người giàu, nhưng bây giờ thì không còn nữa, và những gì sẽ xảy ra ngày mai tôi không biết được.

- Anh đã mất hết của cải.

- Tôi mất chúng hay chúng đã mất tôi. Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm, hỏi Thiên Hữu. Đâu là Tất Đạt con người Sa - Môn? Đâu là Tất Đạt người giàu có? Cái gì giá tạm sẽ thay đổi ngay.

Chàng đã trở về lại với dòng sông, lặng lẽ đọc tiếng "OM". Nhưng bây giờ thì tiếng ấy vang lên tuyệt diệu làm sao, ở đó Tất Đạt thấy đủ màu đủ sắc, đủ tất cả thiên đại thiên thế giới. Tiếng "OM" tác giả đưa ra đây như một hình tượng. Nó cũng có thể là một câu Nam Mô A Di Đà Phật, hay một câu Lăng Nghiêm... Hiện hiện trong một sát na đưa ta vượt qua biên giới giữa bóng tối và ánh sáng.

Ở khía cạnh khác dòng sông của câu chuyện là một bài ca bất tận về cuộc đời đầy hứng thú và thi vị mà chính con người đã đánh mất, đã vô tình lạc hướng trên đường trở về.

Cuối cùng cuốn sách câu chuyện dòng sông không phải là một cuốn sách về giáo điều cũng không phải viết về những phù chú mà nó lại là một cuốn tiểu thuyết đặc ý của một nhà văn tên tuổi đã đoạt giải Nobel văn chương.

Xuân về hãy cùng đọc câu chuyện dòng sông để mà:

Trông người lại ngắm đến ta  
Một dày một mỏng át là có nên (Kiều)

Viên Giác Tự - Xuân Giáp Tý.

## tiếp theo trang 76

5- Bạn không nên so sánh địa phương mình với địa phương khác trong vấn đề nhận trợ cấp xã hội. Có loại trợ cấp bạn đã ư ở n g nhiên được hưởng (như trợ cấp để sống), có loại trợ cấp bạn chỉ nhận được tùy theo sự xét đoán của Ty xã hội địa phương (thí dụ trợ cấp bất thường). Chàng hạn có nơi không những phát tiền cho bạn mua áo quần bàn ghế mà còn cấp cho tủ lạnh mới, thậm chí lột nhà... Có nơi khác không những không cho tủ lạnh, thậm chí lột nhà mà chỉ cấp cho bàn ghế cũ, hay dẫn bạn đến kho áo quần của nhà thờ để lựa quần áo cũ, mặc d ã u hoàn cảnh của 2 người (hay 2 gia đ ì n h) tương tự như nhau.

6- Trong trường hợp bạn biết chắc c h ản quyền lợi của mình không được giải quyết thỏa đáng, bạn nên đến Ty xã hội hỏi hoặc viết thư phản đối (widerspruch einlegen) trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đ ư ợ c tin của Ty xã hội về đơn xin trợ cấp của bạn.

7- Nếu bạn không biết phải viết thư phản đối như thế nào, hoặc không biết quyền lợi của mình đã được hoàn toàn giải q u y ết thỏa đáng chưa, thì bạn nên đến các v ă n phòng cố vấn về vấn đề xã hội dành c h o người ngoại quốc (Beratungstelle für Ausländer) hoặc các nhóm tự tương trợ (Selbsthilfegruppe hay Sozialhilfegruppe) để được hướng dẫn. Địa chỉ của các văn phòng c ố vấn bạn có thể hỏi tại các cơ quan l ầ m công tác xã hội tại địa phương như Dia - konisches Werk, Caritas, Arbeiterwohlfahrt ... Bạn cũng có thể quay số 118 để h ỏ i nhân viên bưu điện. Một điều sau cùng bạn cần nên lưu ý là không phải gia đình n ộ. Đức đỡ đầu nào, hay người bạn Đức nào cũng biết rành luật trợ cấp xã hội để cố vấn đ ư ợ c cho bạn.



# Tin tức

● Vào ngày 9, 10 và 11 tháng 12 năm 1983, Đại Đức Chí Bộ Trưởng và một số Quý vị Phật Tử tại Sindelfingen đã đến các nơi Pforzheim, St. Georgen, Spaichingen, Reutlingen và Tübingen để làm lễ cầu an, thuyết pháp và gặp gỡ đồng bào. Trong chuyến đi này đã gặp hái được nhiều thành quả tốt đẹp và đồng bào Phật Tử ở những địa phương xa này cũng có cơ hội để tìm hiểu về giáo lý cũng như đời sống tinh thần tại xứ Đức. Hy vọng cứ mỗi năm một hoặc 2 lần, những địa phương xa chùa, tổ chức được những buổi gặp gỡ như vậy, thật đáng khích lệ vô song.

● Ngày 17 tháng 12 năm 1983 vừa qua, chư Đại Đức Tăng Ni tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã vân tập về chùa Viên Giác để họp và bầu cử thành phần của Chi Bộ chonhiệm kỳ 1983-1985 với thành quả như sau:  
Chi Bộ Trưởng : Đại Đức Thích Như Điện.  
Chi Bộ Phó Nội Vụ: Đại Đức Thích Minh Thân  
Chi Bộ Phó Ngoại vụ: Đại Đức Thích Minh Phú  
Tổng Thư Ký : Thầy Thích Thiện Tâm.  
Phụ tá Tổng Thư Ký: Ni cô Thích Nữ Minh Loan  
Thư quỹ : Ni cô Thích nữ Diệu Ân.  
Ủy viên văn hóa: Ni cô Thích Nữ Diệu Hạnh  
Ủy viên nghi lễ: Ni cô Thích nữ Diệu Chương  
Cuộc họp đã chấm dứt cùng ngày trong tình huynh đệ, Trưởng Tử Như Lai.

● Ngày 18 tháng 12 năm 1983 tại chùa Viên Giác có buổi thuyết pháp đặc biệt, chư Thượng Toạ Thích Hộ Giác-Nguyên Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - đến từ Hoa Kỳ. Nhiều đồng bào Phật Tử tại Kiel, Hamburg, Hildesheim, Uelzen, Hannover và vùng phụ cận đã tề tựu về chùa để nghe Thượng Toạ giảng pháp. Mặc dầu thời tiết ngày hôm ấy rất xấu; nhưng cũng đã có hơn 70 Phật Tử về tham dự. Trong câu chuyện đạo, mọi người đều lắng lòng mình để nghe những lời vàng ngọc của Thượng Toạ; không có một tiếng động nào được dấy lên trong chánh điện, mà chỉ nghe những pháp âm chập chùng khi xuống khi lên, khi giải thoát, lúc nhiệm màu của Thượng Toạ. Một vị Giảng sư có lối giảng đầy hấp lực người nghe như thế, quả thật Việt Nam chúng ta chỉ có một

không hai. Có nhiều vị Phật Tử không đi nghe pháp được hôm đó rất lấy làm tiếc; nhưng tại chùa có thâu băng về buổi giảng hôm đó của Thượng Toạ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa.

● Vào ngày 3, 4 và 5 tháng 1 năm 1984 Quý vị Tăng Sĩ người Mỹ thuộc Vạn Phật Thành đã đến chùa Viên Giác thăm viếng đồng bào Phật Tử và thuyết pháp tại đây. Một số quý vị Phật Tử Đức và Việt Nam đã vân tập về chùa Viên Giác vào tối thứ ba ngày 3 để nghe quý vị này thuyết pháp. Đề tài hôm đó là "Pháp môn Tịnh Độ". Quý vị này giảng bằng tiếng Anh, đã được Đại Đức Thích Như Điện dịch ra tiếng Việt và tiếng Đức cho đồng bào Phật Tử Đức cũng như Việt nghe.

Đêm thứ 2, quý vị này giảng về kinh nghiệm tu hành bằng tiếng Quang Thoại, đã được Phật Tử Châu Đức Phú dịch ra tiếng Việt. Vì là ngày thường nên ít có Phật Tử về tham dự; nhưng quý vị nào đã tham dự được những buổi giảng trên đều lấy làm hoan hỷ như xưa nay chưa từng gặp người Mỹ Châu nào đã hoạt động Phật sự được như thế. Quả thật "phép Phật nhiệm màu".

● Vào ngày 10 tháng 1 năm 1984 tức là ngày mồng tám tháng 12 âm lịch - ngày vía Đức Phật Thích Ca Thành Đạo; một giới đàn Bồ Tát đã được tổ chức tại chùa Viên Giác, dưới sự chứng minh và truyền giới của Đại Đức trụ trì. Giới tử chỉ có 2 vị. Đó là PT. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp - Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức và Đạo Hữu Diệu Niễn Huỳnh Thị Dâu, tổng sự công quả tại chùa.

Mặc dầu giới tử ít nhưng giới đàn rất trang nghiêm và thanh tịnh. Các giới tử lập lại lời phát nguyện và thọ 10 giới trong, 48 giới khinh (nhẹ) của một vị Bồ Tát tại gia - là hy sinh cuộc đời của mình để phụng sự cho Phật Pháp và đồng loại. Đây là giới đàn Bồ Tát đầu tiên được tổ chức tại chùa Viên Giác. Hy vọng trong tương lai sẽ có nhiều vị Phật Tử tại gia phát tâm Bồ Tát như trên, để ngôi nhà Phật Pháp tại xứ Đức này ngày càng phát triển nhiều hơn nữa.

● Theo thông lệ 3 tháng một lần tại Nordde - eich trung tâm tâm cử của đồng bào thuộc tiểu bang Niedersachsen tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ để đồng bào Phật Tử có



cơ hội tụng kinh, lễ Phật và nghe thuyết giảng về giáo lý. Vì thế nên Đại Đức Th. Như Điển đã cùng với một số Phật Tử tại Hannover và vùng phụ cận đã lên Norddeich vào ngày 14 tháng 1 năm 1984 vừa qua để chứng minh và tham dự buổi lễ cầu an cho đồng bào.

Buổi lễ đã quy tụ hơn 80 người tham dự.

- Một địa phương nằm về cực Tây Nam nước Đức. Đó là Freiburg - vào ngày 22 tháng giêng vừa qua - qua sự giúp đỡ của Caritas địa phương - đã tổ chức một buổi lễ Phật rất trang nghiêm và thành kính. Đồng bào ở đây rất mong muốn về chùa thường xuyên, nhưng vì phương tiện di chuyển quá tốn kém và ít có cơ hội - nên có lễ mỗi năm tổ chức lễ Phật một hoặc hai lần tại địa phương thì tiện hơn. Đó là một lỗi đề nghị và đã được nhiều Phật Tử ủng hộ.

- Ngày 2, 3, 4 và 5 tháng 2 năm 1984, tức mừng một, mừng hai, mừng ba và mùa bốn Tết Giáp Tý có khoảng 650 đồng bào Phật Tử khắp nơi trên nước Đức xin thăm và cầu nguyện. Đặc biệt phần văn nghệ giúp vui của một số anh em Phật Tử thiện chí vào lúc 15 giờ chiều ngày 4 tháng 2 đã thu hút được nhiều khán thính giả - và những hưởng vị quê hương nhân ngày Tết đã đưa mọi người về lại với dĩ vãng trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc khi còn ở quê nhà.

- "Đi lễ cả năm không bằng ngày rằm tháng Giêng". Đó là cổ lệ của người Phật Tử Việt Nam chúng ta; nhưng rằm tháng giêng năm nay cũng nhằm vào ngày trong tuần, nên chùa Viên Giác đã cử hành lễ cầu an và giải hạn cho Phật Tử vào ngày 12 tháng 2 năm 84 vừa qua. Đã có nhiều Phật Tử về tham dự.

#### CHƯƠNG TRÌNH GIỮA THÁNG 2, THÁNG 3 VÀ THÁNG 4 NĂM 1984

- ★ Bắt đầu từ 14 tháng 2 đến 6 tháng 3 năm 84 Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác sẽ vắng mặt, đi Canada - Montréal và Hoa Kỳ - Chicago để giúp đỡ những công việc Phật sự tại Niệm Phật Đường Quan Âm và chùa Quang Minh. Công việc Phật sự tại chùa Viên Giác vẫn tiến hành đều. Quý vị Phật Tử có những vấn đề về hành chánh, xin c

liên lạc về chùa. Ở đây sẽ có người lo cho quý vị. Về vấn đề nghi lễ - xin liên lạc về Niệm Phật Đường Khánh Hòa như những lần trước.

- ★ Ngày 17 tháng 3 năm 1984 vào lúc 15 giờ chiều tại chùa Phật Giáo Đức Hamburg sẽ cử hành buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào. Vậy xin mời Quý Phật Tử và Quý Đạo Hữu về tham dự đồng đủ.

- ★ Ngày 24 tháng 3 năm 1984 tại chùa Viên Giác sẽ họp Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Tây Đức để kiểm điểm những thành quả hoạt động trong thời gian qua và hoạch định chương trình làm việc trong thời gian tới. Giấy mời sẽ gửi đến quý vị trong Ban Chấp Hành vào thường tuần tháng 3 năm 84 sắp đến.

- ★ Ngày 14 tháng 4 năm 1984 sẽ có lễ Phật cho đồng bào Phật Tử vùng Stuttgart do Trung Tâm Độc Lập tổ chức định kỳ mỗi năm 2 lần. Vậy xin thông báo đến đồng bào để có thời giờ đi tham dự buổi lễ trên.

- ★ Ngày 28 tháng 4 năm 1984 vào lúc 15 giờ chiều tại trung tâm tam cư Norddeich sẽ có buổi lễ Phật định kỳ. Xin thông báo đến đồng bào tại trại cũng như quanh vùng về tham dự đồng đủ. Công đức thật vô lượng vô biên.

- ★ Xin nhắc thêm về ngày lễ Phật Đản tại Hannover năm nay sẽ được tổ chức vào ngày 25, 26 và 27 tháng 5 năm 1984 - sẽ có một tuồng cải lương thật đặc sắc do Hương Lan Chỉ Tâm và những nghệ sĩ lừng danh từ Paris sang trình diễn. Vậy xin thông báo trước đến đồng bào để chuẩn bị ngày giờ về chùa lễ Phật và thưởng thức chương trình văn nghệ đặc biệt nói trên.

#### THÔNG CÁO

Theo giồng kể Tô' truyện của Ngài Minh Hải phái Thiền Lâm Tế tại Việt Nam bắt đầu bằng bài kệ:

Mệnh thiết pháp toàn chương  
 Ân chơn như thị đồng  
 Chúc Thánh thọ thiên cứu  
 Kỳ quốc tôn địa trường  
 Đắc chánh luật vi tuyên  
 Tô' đạo hạnh giải thông  
 Giác hoa bồ đề thọ  
 Sung mãn nhưn thiên trung.

Theo đó - vì Bôn Sư có pháp danh đ' ứ n g đầu chữ Ân cho xuống đ' tư' là Chơn. Vì Bôn Sư có pháp danh bắt đầu chữ Chơn cho xuống đ' Tư' là Như và cứ thế tiếp tục mãi cho đến chữ tận cùng của giống kê. Nhưng nhân thấy chữ Thị hơi khó cho pháp danh và nhiều người lầm tưởng là phái nữ. Nên bắt đầu từ người đệ tử thứ 101 của chùa Viên Giác sẽ được cho bằng Thiện, thay vì bằng Thị cho dễ hơn. Những vị nào đã quy y với chùa Viên Giác từ trước đến nay mang pháp danh khởi đầu bằng chữ Thị tức là những người trong số từ 1 đến 100. Những vị khác sau 100 đều bắt đầu bằng chữ Thiện.

● Xin nhắc lại một số thủ tục làm thẻ thư viện để mượn sách như sau:

- Người mượn sách phải có thẻ thư viện. Khi muốn có thẻ thư viện xin ghi rõ ngày tháng, năm sinh tại đâu, tên họ và địa chỉ hiện tại, xin gửi về chùa kèm theo lệ phí báo trị sách vở trong một năm là 20DM.

- Tiền gửi sách đi và trả sách về do người mượn sách đài thọ.

- Những sách vở gửi trả lại chùa bị hư - lẫn đầu cánh cáo không cho mượn sách trong vòng 3 tháng - lần sau phải đền bù xứng đáng. Vì tất cả những sách này đều do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức đài thọ không phải là tài sản riêng của chùa; nên mong quý vị giữ gìn cẩn thận cho.

- Mỗi lần mượn tối đa 3 cuốn, trong vòng 3 tuần lễ - nếu đọc chưa xong có thể gia hạn bằng điện thoại hoặc biên thơ; nếu sách không có người ghi tên mượn. Nếu trễ hơn 3 tuần, không có thông báo, sẽ có thư đến đòi lại sách.

- Quý vị mượn sách nên ghi rõ số hiệu và tên sách được mượn. Mỗi lần nên ghi 5 hoặc 6 cuốn, vì sơ có loại sách người khác đã mượn rồi, chưa hoàn trả lại chùa.

- Có nhiều vị gửi trả lại sách cho chùa vì bao không kỹ (có nhiều vị bao bằng giấy báo hoặc giấy mỏng) nên bưu điện làm hư rất nhiều. Vậy mong quý vị nên thận trọng trong việc gửi trả lại sách cho chùa. Đó là cách bảo tồn hay nhất để nhiều người khác còn đọc được.

- Quý vị nào muốn có thư mục đầy đủ, xin biên thơ về chùa và ghi rõ những sách của thư viện chùa có - không phải những sách không có trong thư mục - khi mượn sách.

● Quý vị nào muốn nhận được báo Viên Giác chỉ cần ghi tên và địa chỉ gửi thẳng về chùa, chúng tôi sẽ gửi đến quý vị. Nếu quý vị nào muốn tặng báo Viên Giác cho bạn bè cũng chỉ cần ghi tên họ và địa chỉ của người nhận, chúng tôi sẽ gửi đến. Việc ủng hộ để tờ báo sống còn và để nó đều đặn với quý vị hai tháng một lần là tùy tâm, không có tính cách bắt buộc.

Năm 1984, mỗi lần xuất bản gồm 2.200 số, và mỗi số trung bình từ 70 đến 80 trang.

Quý vị nào thay đổi địa chỉ, xin thông báo cho chùa biết trước, để tránh việc gửi báo đi rồi bị trả về, làm hao tốn tiền tem. Mong Quý vị thông cảm cho.

Có nhiều gia đình nhận được 2 tờ báo một lần với 2 tên khác nhau. Vì thế chúng tôi xin lưu ý quý vị - nếu quý vị có gửi thư về chùa, xin để tên một người nào nhất định trong gia đình, mới mong tránh khỏi sự trùng hợp như trên.

Báo Viên Giác là tờ báo Đạo đi vào cuộc đời, không có tính cách thương mại. Tuy nhiên những vị nào đã đóng góp bài vở cho Viên Giác cũng như đã được Viên Giác trích đăng nhưng chưa liên lạc được, muốn nhận được tiền trợ bút, xin liên lạc với chùa, chúng tôi sẽ gửi tính tài đến Quý vị để quý vị có đủ phương tiện phát huy tài nghệ của mình trong vấn đề bảo tồn và làm rạng danh văn hóa nước nhà n ó i Hải Ngoại. Kính mong quý vị hoan hỷ và miễn chấp cho.

● Thương Tọa Thích Bảo Lạc và Đại Đức Th. Như Điện đã biên soạn một quyển sách với tựa đề là "Cuộc Đời của người Tăng Sĩ" rất công phu. Sách in bằng 2 thứ tiếng, Việt và Đức. Bìa in 6 màu lông lầy. Sách dày 346 trang với nhiều hình ảnh sống động. Bản dịch tiếng Đức của Phật Tử Ng. Ngọc Tuấn và PT Nguyễn Thị Thu Cúc. Những họa bản bên trong do Họa Sĩ Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đông trình bày. Sách do Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức tài trợ. Quý vị nào muốn có sách trên, xin liên lạc về chùa Viên Giác, gửi kèm theo tiền tem và việc ủng hộ xin tùy hỷ. Quý vị Phật Tử Việt Nam muốn giới thiệu cho người Đức hiểu được về Phật Giáo, nên có quyển sách này.

## tin cần biết

- Trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được một văn thỏ của Bộ Ngoại Giao Cộng - Hòa Liên Bang Đức liên quan về việc đoàn tụ gia đình của đồng bào Việt Nam. Chúng tôi xin trích dịch lại để đồng bào rõ.  
"Vĩ lý do nhân đạo, chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức trong hiện tại chỉ nhận đón xin đoàn tụ gia đình - con cái vị thành niên đối với cha mẹ. Hoặc ngược lại. Hoặc vợ đoàn tụ với chồng, chồng đoàn tụ với vợ. Ngoài những ưu tiên trên, Bộ rất khó c ứ u xét". Đó là nội dung rút gọn của văn t h ở trên. Vậy xin quý vị, nào nằm trong trường hợp trên thì xin gởi đơn về Bộ Ngoại Giao Auswärtiges Amt Postfach 1148, 5300 Bonn 1. Những lý do khác - làm đơn xin đoàn tụ cho người thân trong gia đình như ông bà nôi, ngoại, anh chị em trên tuổi trưởng thành hầu như đều bị từ chối; vì số người tỵ nạn càng ngày càng gia tăng tại xứ Đức.
- Nhà xuất bản Buchendorfer tại Buchendorf, có gởi biếu thư viện chùa Viên Giác quyển "DAS SCHWEIN HAT KEIN VATERLAND" và 2 quyển "BRUDER EICHE - SCHWESTER BAMBUS" của Dr. Nguyễn Tiến Hữu. Sách dày 200 trang. Bìa in 6 màu, trình bày rất trang nhã. Khổ 21,50 x 16cm. Giá bán 14DM. Quý vị nào muốn có sách xin liên lạc về: Buchendorfer Verlag, Park. Straße 20 1/2 8035 Buchendorf. Tel. 089/850 6140.
- Mới đây chùa Viên Giác cũng có nhận được quyển "VON REICH DER SINNE" (Speisen aus VN für Kopf und Bauch) cũng của Dr. Nguyễn T. Hữu. Thư viện chùa Viên Giác xin thành thật cảm ơn Tác Giả, nhà xuất bản và xin trang trọng giới thiệu đến quý độc giả khắp nơi.
- Nhà xuất bản QUẾ HƯƠNG tại 15 Rochdale Ave Toronto, Canada M6E 1W9, Ph. (416) 653 2094 - đã xuất bản nhiều sách Việt Ngữ cho học sinh và những sách khảo cứu về văn h ọc rất có giá trị. Quý vị nào cần có những sách này. Xin liên lạc về địa chỉ trên.
- Ngoài ra chùa Viên Giác cũng đã nhận được rất nhiều kinh, sách, báo, tạp chí, Bản tin.. của các chùa, các Hội Đoàn v.v... khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi xin thành thật tri ân Quý liệt vị và mong rằng sẽ nhận được thường xuyên những sách vở và báo chí của quý cơ quan và đoàn thể đã và sẽ xuất bản để tạp thêm tình liên hữu nhiều hơn.

## Nhắn tin

Trần Chí Lý hiện ở tại Martin Luther Str. 8/7, 7830 Emmendingen. Tel. 07641/47644- Tây Đức, muốn biết tin HỮA KIM LÝ trước là lính biệt kích đóng ở Tô Châu, Hà Tiên sau chuyển sang Biệt Động Quân, rồi về miền Trung, Chạ tên Hứa Văn Phát, mẹ Lâm - Thị Tâm nhà ở Kiên Lương, quận Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang. Nay ở đâu, xin liên lạc về địa chỉ trên.

Tìm bạn là TỐT trước đi xe Phong Phát, chạy đường Chợ Lớn - Hậu Nghĩa đã vượt biên năm 1979, nghe tin đã đến Đức. Nay ở đâu. Xin liên lạc về: Mai Bach Huê Brücklerstr. 7. 4060 Viersen 11. Tel. 02162/505 91.







600 : KHOA HỌC KỸ THUẬT

F668.07 Dương, Đỗ Thiện. Điện toán đại cương. Sài Gòn, Đúc Tâm, 1972. (266 tr.)
F668.07 Mạc, Nguyễn Văn. Thúc tập viết chương trình bằng ngôn ngữ Fortran. Sài Gòn, Khoa Học Đại Học Đương, 1977. (132 tr.)

700 : NGHỆ THUẬT

F720 Hâu, Dương Công. Điện ảnh tam thế điện ảnh. Sài Gòn, Văn Hiến, ? . (360 tr.)
731.1 Da - t Da - t Da - t
732 Lê Hoa (84). Nghệ thuật làm phim ở Trung Hoa. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (292 tr.)
732 Tra - n Tra - n
F785.923 Duy, Phạm và Phạm Thiên Thứ. 10 bài báo ca. Sài Gòn, Văn Học Sử, 1971. (48 tr.)
785.923 Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Nhạc vàng Việt Nam. Tây Đức, SGAL, ? . (84 tr.)
785.923 Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Những ca khúc mới thời vang bóng, tuyển tập 20 năm tân nhạc 1930-1950. Tây Đức, SGAL, ? . (98 tr.)
785.923 Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Trình diễn yêu đương. Tây Đức, SGAL, ? . (103 tr.)
785.923 Sài Gòn Ấn Loát - sưu tập. Tinh ca hai mươi. Tây Đức, SGAL, ? . (85 tr.)
785.924 Thi - n Thi - n
F785.924 Việt Dũng và Lê Bảo Thủy. Tuyển tập Kinh Tế Nam. Hoa Kỳ, Nhà Nhạc, 1981. (43 tr.)

800 : VĂN CHỮNG

815.921 Báo Văn. Giải thoát cầu đời. Canada, Quê Hương, 1983. (95 tr.)
815.921 Chí, Chu Ngọc. Sản Trạng Trình tức tiếng Sấm Bạch Vân (chuyển từ Trình Quốc Công trạng Nguyễn Nguyễn Đình Kiên). Hà Nội, Hồng Long, 1953. (54 tr.)
815.921 Diê Diê Diê
815.921 Thất Bạch - sưu tập. Thơ Hồ Xuân Hương. Hoa Kỳ, Nhân Văn, 1983. (73 tr.)
815.921 Tra - h Tra - h
F815.921 Vô - g Vô - g

đời sản

chất màu

nhũ áo

âm nhạc

thi ca Việt Nam

895.913 Quỳnh Dao. Ít quá tình hoa (hoa tình trái yêu). Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (509 tr.)
895.913 Quỳnh Dao. Liêu Quốc Nhĩ dịch. Hải Âu Phi Xứ. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (341 tr.)
895.921 Ngân, Lê Kim và Nguyễn Hướng Giang. Sơn Tinh Thủy Tinh. Canada, Lạc Việt, 1979. (24 tr.)
895.922 đối cổ kỳ quan (truyện đời nay). ? . ? . ? . (91 tr.)
895.923 Bình Nguyễn Lộc. Sơ lược. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (307 tr.)
895.923 Duyên Anh. Áo tiểu thư. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (221 tr.)
895.923 Duyên Anh. Sơn Lữ. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (208 tr.)
895.923 Duyên Anh. Cây leo hạnh phúc. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? (477 tr.)
895.923 Duyên Anh. Con suối ở miền Đông. Hoa Kỳ, Việt Nam, ? . (237 tr.)
895.923 Duyên Anh. Thăng Cơn. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (180 tr.)
895.923 Khải Hùng. Trống Mài. ? . Văn Nghệ, ? . (239 tr.)
895.923 Lan Phương (84). Cảnh hoa trước gió. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? (408 tr.)
895.923 Minh Đức Hoài Trinh. Bên ni bên tê. Hoa Kỳ, Nguyễn Quang, ? . (304 tr.)
895.923 Tiêu, Trần. Cao trầu. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (309 tr.)
895.923 TẾ, Ngô TẾ. Lữ chứng. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (463 tr.)
895.923 TẾ, Ngô TẾ. Tết đêm. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (188 tr.)
895.927 Hoa Tiên - sưu tập. Tuyển tập truyện ngắn tiền chiến. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (396 tr.)
895.927 Mai Thảo & nk. Tuyển truyện Sáng Tạo. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (139 tr.)
895.927 Nhật Linh và Khải Hùng. Anh phải sống. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (146 tr.)
895.927 Nghi, Phan. Vượt Trường Sơn. ? . ? . 1981. (321 tr.)
895.927 Phi Văn. Ông quê phỏng sự. Pháp, Sudestaste, 1981. (197 tr.)
895.927 Quân, Đặng Phùng và Nguyễn Văn Sâm. Miền Thương Uyển xưa. Hoa Kỳ, Bách Việt, 1983. (198 tr.)
895.927 Sống Mới - sưu tập. Mối tình thầy giáo. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (\_\_\_ tr.: loại sách nhĩ đồng tuổi thơ tập 3.)
895.927 Sống Mới - sưu tập. Người mẹ Việt Nam. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (\_\_\_ tr.: loại sách nhĩ đồng tuổi thơ tập 1.)
895.927 Sống Mới - sưu tập. Những ngày thơ ấu. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (\_\_\_ tr.: loại sách nhĩ đồng tuổi thơ tập 2.)

tiểu thuyết Tr. Nam hiện đại

tiểu thuyết Việt Nam hiện đại

truyện ngắn Việt Nam

815.923 Hàn Mặc Tử. Thơ Hàn Mặc Tử. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (84 tr.)
815.923 Hùng, Đinh. Đường văn tình cũ. Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? . (110 tr.)
815.923 Thủ, Phạm Thiên. Ông Hoa Vàng. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (100 tr.)
816.92 KHÔI, Phan. Tục ngữ, phong dao và địa vị của nó trong văn học. Hà Nội, Báo Tao Đàn, 1939. (161 tr.)
816.92 PHO, Nguyễn Văn & nk. Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Hà Nội, Văn Hóa, 1962. (342 tr.)
816.92 Viện Văn Học Ủy Ban KHVVN. Ca dao Việt Nam trước cách mạng. Hà Nội, Văn Học, 1963. (286 tr.)
816.92 Vĩnh, Nguyễn Văn - sưu tập. Trẻ con hát, trẻ con chơi. Hà Nội, Trẻ Dân Văn Uyên, 1936. (26 tr.)
860.592 Bồ Nam. Truyện Ba Giai Tú Xuất. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (231 tr.)
F875.92 Sơn, Nguyễn Văn. Văn học Nam hà (văn học nữ đồng trong). Sài Gòn, Lữ Thương, 1974. (xviii, 630 tr.)
875.92 Tân, Văn Sơn. Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam. Hà Nội, ? , 1958. (538 tr.)
875.92 Thiên, Nguyễn Hữu. Thơ mới với thơ cũ (trích trong Nam Phong Tạp Chí số 193 tháng 7/1924). ? . ? . ? .
875.922 Khám, Nguyễn Khắc. Văn học định Ngạc. ? . tatab, 1961 (190 tr.)
875.921 Phượng, Nguyễn Tường. Nguyễn Giác Thành. Phượng Thành Xuân Sắc. ? . ? . ? . (6 tr.)
875.922 Một trận bão về Từ Do Văn Hóa - sưu tập. Trần hoa đùa nở trên đất Bắc. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? . (318 tr.)
875.922 Tú, Trường. Tinh sử một năm văn học 1930-1940. Hà Nội, Tạp Chí Mùa Gặt Mới, 1941. (24 tr.)
894.1 Barone, Mike. Ngọc Thổ Lang dịch. Một mình một súng tôi chiến Mexico. Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981. (338 tr.)
895.911 Sơn, Ngô Thừa. Phan Quân dịch. Tây du ký bình khảo. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (1032 tr.)
895.911 Châm, Trường Minh. Phi Long điện nghĩa. ? . ? . ? . (672 tr.; 3 cuốn : C1, C2, C3.)
895.911 Kim Dung. Hân Giang Nhạn dịch. Lệnh Nguyệt Báo Báo. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (1167 tr. gồm 6 c.: C1, C2, C3, C4, C5, C6.)
895.911 Kim Dung. Trường Lan dịch. Long Hồ Phong Vân. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (1535 tr.; gồm 8 c.: C1-C7, C4, C5, C6, C7, C8.)
895.911 Kim Dung. Lão Sơn Nhân dịch. Phũ Lũc Chân Kinh. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . (1493 tr.; gồm 4 c.: C1, C2, C3, C4.)
895.911 Kim Dung. Lão Sơn Nhân dịch. Phũ Lũc Chân Kinh. Hoa Kỳ, Sống Mới, ? . (1493 tr.; gồm C1, C2, C3, C4.)
895.911 Kim Dung. Trần Phong dịch. Tục Thái A Kiêm. Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? . Gồm 2 c.: C1 (453 tr.); C2 (348 tr.)
895.911 Kim Dung. Hân Giang Nhạn dịch. Tiểu Ngạc Giang Hồ. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (2686 tr.; gồm 7 c.: C1, C2, C3, C4, C5, C6, C6.)
895.911 Kim Dung. Hân Giang Nhạn dịch. Thiên Long Bát Bộ. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (791 tr.; gồm 2 c.: C1, C2.)

văn học dân gian

truyện cổ dân gian học

truyện dịch

tiểu thuyết Trung Quốc cổ đại

2 bộ

900 : LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ

895.921 Phùng Nam. Những Ông Tể Công Nhà Việt Nam. ? . ? . (36 tr.)
895.922 Kiên Đạt và Phan Bội Cầu. Phan Bội Châu. Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981. (124 tr.)
895.922 Lê, Nguyễn Hiến. Einstein, đời sống và tư tưởng. Hoa Kỳ, Trầm Việt, ? . (135 tr.)
895.911 ? ? ? . Mộng Bình Sơn dịch. Hân Sở tranh hùng. Hoa Kỳ, Ziteleks, 1980. (500 tr.)
895.911 ? ? ? . Liêu Quốc Nhĩ dịch. Thâm cung bí sử. Trung Quốc Hậu Phi Liệt Truyện. Hoa Kỳ, Xuân Thu, 1981. (237 tr.)
895.92 Siêu, Lê Văn. Việt Nam văn minh sử cương. Hoa Kỳ, Sống Mới, 1983. (163 tr.)
895.922 Phượng, Hà Mai. Việt Nam không Pháp sử. Hoa Kỳ, Mai Tiên, 1979. (159 tr.)
895.922 Trường, Tạ Chí - sưu tập. Những bức thư chữ Nôm của Nguyễn Anh. ? . ? . ? . (9 tr.)
895.923 Hồng, Nghiêm Xuân. Lịch trình diểm tiến của phong trào Quốc Gia Việt Nam. Hoa Kỳ, Ngày Về, ? . (287 tr.)
895.923 Hùng, Lê Tú. Những bị một cuộc cách mạng 1.11.63. Hoa Kỳ, Đại Nam, ? . (137 tr.)
895.99 Quân, Võ Văn. Israel và con người Do Thái. Hoa Kỳ, Trầm Việt, 1982. (185 tr.)

2 c.

cần cấp...

THƯ VIỆN TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ BÀN QUYỀN TÁC QUYỀN CỦA TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ HAY NHÀ XUẤT BẢN NHỮNG SÁCH BÁO ĐANG LƯU HÀNH.

# Phuong danh quĩ Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

## Bất thường, Tết Giáp Tý

(... tính đến ngày 31 tháng 1 năm 1984)

PT Huỳnh Minh Toàn(M'gladbach)35DM.GĐ ĐH.  
Đàm Quang Yên(Berlin)100DM.GĐĐH Tăng Bảo  
(Berlin)hồi hướng hướng linh ĐH Tăng Bảo  
300DM.ĐH Lưu Nhơn Nghĩa(Wildbach)20DM. ĐH  
Nguyễn Thị Thu Phong(München)160DM.GĐ ĐH.  
Đình Thị Hợi(Aachen)hồi hướng hướng linh  
Hà Văn Đình HL. Hà Ngọc Loan 200DM.ĐH H ò  
Ngọc Tuấn(Montréal-Canada)50US.GĐĐH Huỳnh  
Lệ Minh(Neuss)hồi hướng hướng linh Huỳnh  
Huê 100DM.Thị Vân Hồ Thị Kiều(Kiel)100DM.  
ĐH Nguyễn Thị Đẹp(Neumünster)50DM.ĐHNguễn  
Thị Tốt(TX,USA)60US.ĐH Cao Thị Sâm(Spai-  
chingen)50DM.ĐH Somphoucphiaphakdy(Gammet-  
tingen)100DM.GĐPT Đố Phước Lễ(Sindelfin-  
gen)20DM.ĐH Đố Chánh Dân(")100DM.ĐH Trương  
Văn Xuân 20DM.ĐH Phú Kim Anh 50DM.ĐH A u  
Thị Ba(Gießen)40DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Br.)  
hồi hướng hướng linh Lưu Trọng Phú 100DM.  
PT Nguyễn Văn Đông(Essen)50DM.PT Thanh -  
Nguyễn 10DM.ân danh 10DM.PT Nguyễn v ấ n  
Minh(Braunschweig)20DM.PT Nguyễn Hữu D ư  
(Enkhuisen-Hòa Lan)30DM.PT Huy Thục K i m  
(Troissingen)10DM.ĐH Tôn Nữ Chung Anh(Kar-  
lsruhe)10DM.ĐH Quảng Quế(Colorado,USA)20U.  
ĐH Phạm Thị Nhiều(Tegelen-Hòa Lan)hồi hướng  
hướng linh ĐH Lưu Đức Thái 100DM.PT Tô Vĩnh  
Hòa(Upgant-Schott)100DM.ĐH Huỳnh Thị Tâm  
(Visé-Bi)200FRB.ĐH Hứa Xa(Wittmund)20DM .  
GĐĐH Chuyên Đàm(Stade)hồi hướng hướng linh  
ĐH Châu Hào 500DM.GĐĐH Cao Tây Truyền(Har-  
en)40DM.ĐH Huệ Đông(Lausanne-Suisse)50FRS.  
PT Nguyễn Văn Đông(Freiburg)50DM.ĐHNguễn  
Thị Lợi(WA-USA)50US.ĐH Bùi Xuân Thao(Bad-  
en Baden)60DM.PT Võ Thị Hoàng Mai(Hamburg  
20DM.PT Trần Đình Thắng(Dannenberg)10DM.ân  
tổng kinh.ĐH Nguyễn Thị Tuyết(Dorsten)34M.  
PT Lê Quang Tân+PT Trần Thị Viên 20DM. PT  
Vương Thiểu Vi 20DM.ĐH Trần Xiêu Chi(Stade)  
10DM.PT Vương Tư Kiên 20DM.ĐH La N a m  
Tướng(Hamburg)20DM.PT Phạm Thị Mỹ D u n g  
(Paris)200FRF.PT Tướng Thị Lãnh(Wiesbaden  
13DM.ĐH Hà Ngọc Anh(Kaltenkirche)34DM. ĐH  
Châu Thị Thiệp(Paderborn)10DM.ĐH Trịnh Thị  
Hồng(Hardheim)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giang -  
(SF-USA)40DM.ĐH Kim Anh(Köln)35DM.ĐH Huệ  
Lộc(Marseille-Pháp)hồi hướng chư hướng  
linh ĐH Lê Văn Chấn,ĐH Huệ Đức,ĐH Diệu -  
Liên,ĐH Huệ Quý 300FRF.PT Nguyễn Thanh

Dung(Lttlingen)50DM.PT Văn Ngọc Lê(M gia  
dbach)100DM.PT Nguyễn Ngọc Lan(Elsfeleth  
hồi hướng hướng linh thân phụ Nguyễn Văn  
Nhâm 50DM.ĐH Ngô Văn Sang(Stadthagen)20M  
ĐH Trần Thị Năm(Troissingen)100DM.GĐĐH .  
Trình Trọng Hiếu(Emden)50DM.PT Tôn NữThị  
Xuyên(Hannover)hồi hướng hướng linh thân  
phụ Tôn Thất Dư 50DM.GĐĐH Tăng Bảo(Ber-  
lin)hồi hướng hướng linh ĐH Tăng Bảo 200  
DM.GĐĐH Trần Như Sơn(Hannover)100DM. PT.  
Trình Thủy Hương(Wolfhagen)20DM.GĐĐH họ  
Lý(Leverkusen)50DM.ĐH Lâm Thị Mùi(Berlin  
50DM.ĐH Trần Hoa Kiều(Burscheid)50DM. PT  
Nguyễn Văn Bội(Trappenkamp)10DM.ĐH Trần-  
Thị Hiền(Clausthal-Zell)20DM.PT Đặng Ngọc  
Hải(Speyer/RH)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giang  
(Laufen)50DM.ĐH Diệp Thị Lục(Laufen)50DM.  
PT Trần Nguyễn Anh(Bomlitz)50DM.PT Huỳnh  
Thế Mỹ(Trappenkamp)20DM.ĐH Phan Văn G ố  
(Geislingen)20DM.ĐH Lâm Văn Thu(")20DM .  
PT Võ Ngọc Khải(Neuss)10DM.ĐH Nguyễn Khoa  
Thị Thỏa(Eberbach)50DM.PT Trần Quan(Berlin)  
20DM.GĐĐH Nguyễn Ái(Bochum)hồi hướng  
hướng linh PT Trình Ngọc Yến 100DM.ĐHCam  
Ngô(Berlin)50DM.ĐH Lê Thu Chung(Konz -  
Köten)100DM.PT Nguyễn Ngọc Đông(Hamburg  
70DM.PT Nguyễn Thị Bé(Köln)30DM.ĐH Trần  
Văn Nam(Pforheim)100DM.ĐH Hà Văn Tư(Aach-  
en)100DM.Fam.Karl+Gái(Lüdenscheid)100DM.  
GĐĐH Lê Đức(Weingarten)50DM.ĐH Phạm Ngọc  
Anh(Berlin)30DM.ĐH Nguyễn Thanh Tuy(Reck-  
linghausen)40DM.PT Nguyễn Thành Long( G-  
Marienhütte)20DM.ĐH Huỳnh Thị Seng(Geil-  
enkirchen)20DM.PT Đặng Duy Phạm(Lindenber-  
g)50DM.PT Lâm Bung Hoàng(")10DM.PT Thái  
Muội(Merzig)10DM.GĐĐH Trần(Braunschweig)  
40DM.ĐH Nguyễn Thị Anh(Berlin)30DM.ĐạoH.  
Kiên Chung Lý(Saarbrücken)15DM.ĐH Đ ầ m  
Chuyên(Stade)50DM.ĐH Đố Hữu Ái(Oberhau-  
sen)20DM.PT Hoàng Thị Thủy(Fürth-Unter-  
farrubach)50DM.PT Lê Sanh(Spaichingen)20.  
ĐH Dương Xuân Lang(Darmstadt)30DM.PTPhạm  
Thị Kim Ngân(weiler)10DM.ĐH Đàm QuangYên  
(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Khắc Mai(Köln)50M  
ĐH Võ Thị Lý(Erlangen)20DM.ĐH Nguyễn Chí  
Sáng(Spaichingen)30DM.ĐH Lưu Thị Hương  
(")20DM.ĐH Tân Phong(Ibbenbüren)40DM ĐH  
Lê Văn Kẹt(Köln)20DM.ĐH Trương TướngPhát  
(Hürth Mitte) 50DM.PT Trương Xuân A(Pfor-  
zheim)40DM.PT Nguyễn Thị Hương(Köln)50DM



GĐĐH Nguyễn Trung Ngôn(Berlin)100DM. ĐH Lâm Văn Nam(Mannheim)20DM.PT Huỳnh Lương (M'gladbach)20DM.ĐH Trần Tú Nguyệt(Heim- enkirch)20DM.ĐH Đinh Ngọc(Berlin)20DM . ĐH Huỳnh Mỹ(Hamburg)70DM.ĐH Diệu Thiên (Bad Iburg)100DM.PT Lý Vĩnh Sanh(")20DM PT Lý Thành(")10DM.PT Bích Trâm Vogllan- de(Ko-Rübenach)170DM.ĐH Trang Văn H u y (Aalen)50DM.ĐH Tăng Bích Phân(LingenEms 30DM.ĐH La Hai(Lausanne-Suisse)30FRS.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Visé-Bi)500FRB.ĐH Võ Thị Hiện(Krabbendyle-Hòa Lan)50 Gulden. ĐH Lê Đức Khải(Tastrup-Đan Mạch)100Kr. PT Trần Hữu Dung(Bad Iburg)50DM.ĐH T r ầ n Thị Hiệp(Montréal-Canada)50 Can.GĐ ĐH . Dương Ngọc Minh(Wittmund)55DM.ĐH Dương Văn Quang(Grenzach)60DM.ĐH Đặng VănĐinh (Freiburg)50DM.ĐH Huỳnh Thị Hoàng(")50M PT Lê Vĩnh Hòa(Oslo-Na Uy)100DM.PT T ô Khải Đức(Schweinfurt)50DM.PT Lâm Văn Ba (Heimenkirch)20DM.PT Phan Thị Ngô 50DM. ĐH Hồ Văn Nguyên(Paris-Pháp)100FRF. v à 100FRF in kinh sách.ĐH Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt)50DM.PT Phan Kim Văn(Nord- enham)20DM.GĐĐH Nguyễn Đức Khang(Hambu- rg)50DM.ĐH Nguyễn Xuân Quang(Aahus-Đan- Mạch)500Kr.PT Nguyễn Châu(")100Kr. P T Nguyễn Lương Thành(")100Kr..ĐH Phạm Thị Bưởi(Düsseldorf)30DM.PT Trần Hùng Minh (Berlin)10DM.ĐH Lê Quốc Thu+ĐH Lê B ứ u Ngọc(Liège-Bi)500FRB. 10DM.ĐH Trương Triệu Bắc(Abstadt)50DM.ĐH Diệp Thị Sơn (Aalen)30DM.ĐH Quang Quế(Colorado-USA ) 20US. PT Trang Văn Bảy(Wittmund)50DM.ĐH Nguyễn Văn Ngọc(")45DM.PT Lâm Thủy Nga (Lawik-Na Uy)150DM.ĐH Nguyễn Lưu(Paris- Pháp)100FRF.ĐH Thái Quốc Minh(Dorsten ) 40DM.ĐH Phạm Thị Thìn+ĐH Phạm Thị L a n (Weil/Rhein)40DM.ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tas- trup-Đan Mạch)150Kr. 50Kr.giúp đồng bào tỵ nạn.PT Huỳnh Thị Mai Trâm 50DM.ĐH Vũ Mạnh Mùi(Leverkusen)50DM.PT Vương KimHuê (Rheineck-Thuy Sĩ)50DM.PT Vương Quan Sen(Dorsten)50DM.PT Nguyễn Văn Nhan(Sch- ayk - Hòa Lan)25 Gul.ĐH An Trạch Q u ế (Berlin)50DM.ĐH Đào Huy Bình(")20DM. ĐH Tân Tông Khun(Aalen) 50DM và 1 tượngĐức Quan Âm nhỏ.PT Đố Hưng(Dirlewang)20DM . ĐH Tô Tú Ai(Tastrup-Đan Mạch)300Kr. GĐ PT tại Stange-Na Uy)300FRF.ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)20DM.ĐH Huỳnh Kửu Thanh Sơn(Ravensburg)20DM.ĐH Nguyễn Trí+ĐH . Nguyễn Tử(Usingen)50DM.ĐH Đố Trinh(Aal- en)50DM.PT Phạm Văn Xương(Neuenstein)20 DM.ĐH Tâm Đức(Paris)100FRF.ĐH Trương Mỹ Dung(Geilenkirchen)10DM.ĐH Nguyễn V ă n

Kiêu(Pháp)100FRF.PT Huỳnh Hiếu Thảo(Mün- chen)20DM.ĐH Diệu Huệ(Uelzen)20DM.ĐHPham Văn Ken(Neuenstein)30DM.ĐH Nguyễn T h ị Liên(Köln)20DM.PT Trần Hải Hòa(Spaichin- gen)20DM.ĐH Lâm Bửu Trân(")10DM.ĐHTrương Xiêu Ngọc(")10DM.ĐH Trương Thị Mới(")10M PT Võ Văn Hùng(")10DM.PT Phùng Chánh(" ) 10DM.ĐH Vương Múi(")5DM và một số PhậtTứ khắc 15DM.PT Trang Văn Bảy(Wittmund) hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Vương ThịQuách pháp danh Tất Thắng 400DM.ĐH Cao Thị Chí (Berlin)10DM.PT Lê Văn Long(M'gladbach ) 50DM.ĐH Phạm Thị Nhiều(")40DM.ĐH Lâm Cẩm Long(Braunschwiég)20DM.ĐH Trương Văn Lạc (Seevetal)40DM.ĐH Trần Thị Mẹo(Köln)50DM ĐH Lưu Nguyệt+ĐH Huỳnh Mạch(Oslo-Na Uy ) 100DM.PT Vũ Thị Lan Thanh(")100DM.ĐHĐiêu Niên(Hannover)200DM.ĐH Trần Thục H i ề n (Braunschweig)50DM.ĐH Nguyễn Văn Minh - (Köln)10DM.ĐH Huỳnh Mộc Lâm(Bad Pymont) 50DM.ĐH Hoàng Quang Hân(Münster)10DM. PT Thái Văn Quyên(Pháp) 20FRF.ĐH Trần Hồ - (Thuy điên)200Kr.ĐH Mai Hồng Nhung(Erlan- gen)10DM.ĐH Tiêu Thị Thi(Erlangen)30DM . GĐĐH Trương Văn Tô MD-USA)50US.ĐH NgọcAn. (TX-USA)30US.ĐH Vilaysane Sin(Köln)50DM. ĐH Lê Văn Hiền(Düsseldorf)100DM.PTTrương Thị Mai(M'gladbach)30DM.ĐH Văn Thị Bảy (Baden-Baden)50DM.ĐH Trương Thị Hải(Stut- tgart)20DM.ĐH Nguyễn Thị Thiết(Fulda)20M ĐH Trinh Hi(Saarbrücken)20DM.ĐH Trần Đức Phát(G'Marienhütte)20DM.ĐH Nguyễn B ả n (Freiburg)50DM.ĐH Huỳnh Thị Hoàng(Spai - chingen)30DM.PT Nguyễn Văn Quan(Hanau)10 DM.GĐĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)300 DM.ĐH Đố Thuận Phát(")50DM.ĐH Nguyễn Thị Hưởng(Braunschweig) 200DM.ĐH La Cửu 20DM ĐH Huỳnh Thị Tư(Celle)10DM.GĐĐH Lâm Vĩnh Phước 20DM.ĐH Lâm Văn Tôt(Hannover)80DM. PT Dương Tuấn Kiệt(Hamburg)30DM.ĐH M a i Hoàn Thiện(Köln)50DM.ĐH Lưu Huệ Muội(wit- tmund)60DM.ĐH Nguyễn Thị Thanh(Paris)100 FRF.ĐH Phan Thị Nho(M'gladbach) 10DM.ĐH. Phạm Doãn Đường(Mannheim)50DM.ĐH HuệĐông (Lausanne-Suisse)20FRF

## Định kỳ

ĐH Lâm Văn Tôt(Hannover)120DM/1-6/84. PT Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)40DM/1-2/84.ĐH Lâm Thành(Lingen/Ems)45DM/10-12/84.PT Lý Diệu Anh(Vechta)75DM/12-2/84.ĐH O ThịHải (Hären)100DM/1-5/84.ĐH Diệu Niên(Hannov- er)240DM/1-12/84.PT Mã Sang Hy 20DM. P T Lai Khánh Vân(Aachen)40DM/3-4/84.PTNguyễn Văn Xiêu(Barntrup)300DM/83/84.

## Cúng dường xây Chùa

Hội Phật Giáo Việt Nam tại New South Wales và Thượng Toa Thích Bảo Lạc(Úc)400đ  
ĐH Đinh Thị Hối(Aachen)300DM.PT Giang Lăng Mai(Nürnberg) 50DM.PT Nguyễn Văn Lợi(Pforzheim)200DM.PT Lưu Nhơn Nghĩa(Wilbach)20DM.ĐH Hồ Diệu Minh(Pforzheim)500DM.ĐH Thái Sơn(")1.000,00DM.ĐH Trương Xuân A+ĐH Trần Quốc Lang(")1.000,00DM.ĐH Đoàn Văn Thời(")1.000,00DM.PT Mã Sáng Hy(")200DM.GĐĐH Dương Bằng Sơn+ĐH Trần Thị Huỳnh Mai(")1.000,00DM.ĐH Đặng Thị Lai(")500,00DM.ĐH Nguyễn Văn Minh(")500,00DM.ĐH Trần Đình Liên+ĐH Văn Tô Quyền "500DM.Một kiểu Bảo Thiên Chúa ảnh danh cúng dường xây chùa Viên Giác 100DM.ĐH Trần Quang Lan(")50DM.PT Chang A Sáng (")50DM.PT Lâm Triu Minh(")30DM.PT Mã Sáng Hy20PT Ngô Văn Phước(")20DM.PT Nguyễn Bá Duy(")10DM.PT Trang Thị Nga(")25DM.PT Đặng Thị Lai(")25DM.ĐH Đoàn Văn Thời(")50DM.PT Nguyễn Văn Mỹ(")100DM.ĐH Trần Ngọc Hòa+ĐH Thái Thị Sắt(")50DM.PT Thái Sơn(")100DM.ĐH Trương Thị Thanh Xuyên Pháp danh Tâm Hải(Bruxelle-Bi)1.000,00FRF.ĐH Vũ Thị Ngọc Hoat(Muri-Suisse)200FRF.PT Huỳnh Thị Thu Thảo(Freiburg)100DM.ĐH Minh Tôn+ĐH Thanh Hòa(Hildesheim)500DM.ĐH Nguyễn Văn Lương(Düsseldorf)200DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Essen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Trường(Düsseldorf) 50DM.ĐH Trương Thị Hai(Stuttgart)20DM.ĐH Tạ Thị Xuân(Düsseldorf)50DM.GĐĐH Somphoucpaphakdy (Gammertingen)1.000,00DM.PT Trần Hùng Minh(Berlin)20DM.PT Vũ Quang Tú(Seelze)100DM.PT Nguyễn Thị Hiền(")50DM.PT Đỗ Trọng Hoàng(Vaihingen) 10DM.PT Trần Hùng Minh(Berlin)30DM.PT Tôn Nữ Thị Xuyên (Hannover)50DM.GĐPT Trần Nhữ Sơn(Hannover)100DM.PT Võ Ngọc Khái(Neuss)10DM.ĐH Lê Văn Ket(Köln)50DM.ĐH Kha Quốc Lương (Thụy Sĩ)100FRS.PT Huỳnh Mỹ(Hamburg)200DM.ĐH Trần Hồng Nhung(Bad Iburg)100DM.ĐH Ngô Mỹ Châu(")100DM.ĐH Ngô Thoại Bình 50DM.ĐH Châu Kiệt Ngọc(")20DM.ĐH Diệu Thiên(")200DM.ĐH Phạm Công Ngõn(Stuttgart)100DM.PT Bạch Trung Thu(")10DM. PT Đỗ Thị Thanh Vân(Stuttgart)50DM.ĐH Phạm Công Ngõn(Freiburg)100DM.ĐH Phạm Nguyễn Tuyên(")100DM.PT Hoàng Thị Ngân(")20DM.ĐH Lâm Văn Tiêng+ĐH Lâm Tấn Khôi(")100DM.ĐH Huỳnh Văn Dân(")50DM.PT Nguyễn Văn Long(")100DM.ĐH Nguyễn Bản(")200DM.ĐH Đặng Văn Đình(")200DM.ĐH Đặng Văn Ty200

ĐH Nguyễn Trọng Thành(Freiburg)500,00DM.PT Trương Thị Sen(")50DM.ĐH Dương Văn Quang(")200DM.PT Võ Ngọc Hùng(")50DM.ĐH Trần Chí Lý+ĐH Hứa Kim Lan(")200DM.ĐàoH. Trương Thị Hiệp(")30DM.PT Phạm Văn Hoàn (")30DM.GĐĐH Trần Duyệt Thái(Rottenburg)200DM.ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch)500Krone.ĐH Diệp Mạo Phương(Pforzheim)100DM.ĐH Thái Chí Huy(")100DM.ĐH VongHob Huy(")100DM.PT Mach Bình(")20DM.ĐH Huỳnh Thiên Lang(")20DM.ĐH Dù Tường(")50DM.ĐH Mã Đức Cường(")20DM.ĐH Diệu Niên(Hannover)1.000,00DM.ĐH Lê Thị Huệ Mỹ(Braunschweig)100DM.ĐH Tô Tỷ(Upgant-Schott) - 1.000,00DM.PT Tô Vĩnh Hòa(")6.000,00DM. và còn nhiều Phật Tử khác sẽ được đăng tải trong báo Viên Giác kỳ tới.

## Hội thiện

GĐPT Nguyễn Văn Lợi(Pforzheim)1.000,00DM.GĐPT Hoàng Đình Thuận(")500DM.GĐPT Trần Văn Sáu(Uelzen)1.000,00DM.GĐĐH Trần Văn Sang(")500DM.

## Báo Viên Giác

ĐH Manorothe Thanasak(Saarbrücken)20DM.ĐH Phạm Kiu(Ausburg)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tô T (Austin-TX-USA)20US.Mrs.David Veith(Tich-Lan)20US.ĐH Âu Thị Thu Ba(Gießen)10DM.ĐH Johnny Vũ Việt Hoa(Florida-Hoa Kỳ)100FRF.PT Huy Thúc Kim(Trossingen)20DM.PT Hà Phước Thảo(Weiler) 50DM.PT Lưu Ngọc Minh (Hamburg)30DM.ĐH Tạ Thị Xuân(Düsseldorf)20DM.ĐH Ô Thị Hai(Haren)50DM.PT Vương Thủy Lệ(Köln)23DM.ĐH Tâm Anh L.Trần(Brossard - Canada) 50 Can.ĐH Diệu Thuật(Milpitas-CA-USA)20US.PT Trần Hữu Phúc(Stuttgart)38DM.ĐH Lê Thanh Tùng(Dorsten)20DM.ĐH Trần Phog Lưu(Saarburg)50DM.PT Châu Mỹ Oanh(Frankfurt)34DM.ĐH Võ Hữu Tri(Münsterstadt)50DM. Dr. U. Schleaf(Oberried)50DM.PT Đặng Duy Phạm(Lindenberg)20DM.ĐH Nguyễn Thị Hồng (Köln)32DM.ĐH Tăng Bích Phân(Lingen)20DM.ĐH Nguyễn Văn Tra(Trossingen)13DM.ĐH Hồ Văn Nguyễn(Paris)100FRF.ĐH Đào Hữu Yên 10DM.ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch)100Kr.ĐH Trần Bá Kiệt(Erkrath)50DM.ĐH Tô Tú Ái (Tastrup-Đan Mạch)200Kr.ĐH Trần Tăng(Trossingen)35DM.PT Đoàn Thị Thu Hạnh(Br.)30M.ĐH Diệu Hộ(AI.USA) 10US.Mọi sự ủng hộ cúng dường, quý vị có thể gửi về chùa Viên Giác một trong 2 số Konto sau: 865 74 70 hoặc 865 0228.BLZ 250 700 70, Deutsche Bank, Han-

# Chương trình hành lễ Chùa Viên giác 1984



## Tháng 2 năm 1984:

- Ngày mùng 1, mùng 2, mùng 3 và mùng 4 Giáp Tý (tức ngày 2, 3, 4 và 5 tháng 2 năm 1984) tại chùa Viên Giác cử hành Tết Nguyên Đán, mừng xuân Di Lạc.

- Ngày 12 tháng 2 năm 1984 tại chùa cử hành lễ cầu an, giải hạn rằm tháng giêng cho Phật Tử.

Chủ nhật 19.2 : Lễ cầu an, thuyết pháp, thọ trai.

## Tháng 3 năm 1984:

Chủ nhật 4.3 : Lễ cầu siêu, thuyết pháp, thọ trai

Thứ bảy 17.3 : Lễ Phật cho đồng bào Phật Tử tại Hamburg

Chủ nhật 17.3 : Lễ Tịnh Độ, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 4 năm 1984:

Chủ nhật 1.4 : Lễ Sám Hối, thuyết pháp, thọ trai

Thứ bảy 14.4 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Stuttgart

Chủ nhật 15.4 : Lễ cầu an, thuyết pháp, thọ trai

Thứ bảy 28.4 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Norddeich

## Tháng 5 năm 1984:

Thứ bảy 5.5 : Lễ Phật Đản tại Đan Mạch

Chủ nhật 6.5 : Lễ cầu siêu, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 20.5 : Lễ Tịnh Độ, thuyết pháp, thọ trai

Ngày 25, 26, 27.5 : Lễ Phật Đản 2528 năm tại Hannover Tây Đức

Sau lễ Phật Đản tại Tây Đức là lễ An Cư Kiết Hạ cho đến 12 tháng 8 năm 84 (3 tháng)

## Tháng 6 năm 1984:

Chủ nhật 3.6 : Lễ sám hối, thuyết pháp, thọ trai

Thứ bảy 9.6 : Lễ Phật Đản tại Lyon - Pháp

Chủ nhật 17.6 : Lễ Phật Đản chùa Khánh Anh - Paris

Chủ nhật 17.6 : Lễ cầu an, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 7 năm 1984:

Chủ nhật 1.7 : Lễ cầu siêu, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 15.7 : Lễ Tịnh Độ, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 8 năm 1984:

Chủ nhật 5.8 : Lễ Sám Hối, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 12.8 : Lễ mãn hạ Tự Tử

Ngày 17, 18 và 19 tháng 8 là LỄ VU LAN BỒN

## Tháng 9 năm 1984:

Chủ nhật 2.9 : Lễ cầu an, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 19.9 : Lễ Cầu Siêu, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 10 năm 1984:

Chủ nhật 7.10 : Lễ Tịnh Độ, thuyết pháp, thọ trai

Thứ bảy 13.10 : Lễ Phật cho đồng bào vùng Stuttgart

Ngày 19, 20, 21 tháng 10: NGÀY PHẬT GIAO VIỆT NAM TẠI KLINGE CỦA ĐỒNG BÀO PHẬT TỬ TẠI TIỂU BANG BADEN WÜRTTEMBERG

Chủ nhật 21.10: Lễ Sám Hối, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 11 năm 1984:

Chủ nhật 4.11 : Lễ cầu an, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 8.11 : Lễ cầu siêu, thuyết pháp, thọ trai

## Tháng 12 năm 1984:

Chủ nhật 2.12 : Lễ Tịnh Độ, thuyết pháp, thọ trai

Chủ nhật 16.12: Lễ Sám Hối, thuyết pháp, thọ trai

Ngoài ra mỗi tối 14 và 30 (hoặc 29 tháng thiếu) tại chùa vào lúc 8:30 tối đều có cử hành lễ Sám Hối và những ngày vía Phật trong năm chùa cũng đều có cử hành. Bộ lịch chương trình tổng quát năm 1984. Chương trình chi tiết chúng tôi sẽ gửi đến Quý vị sau.



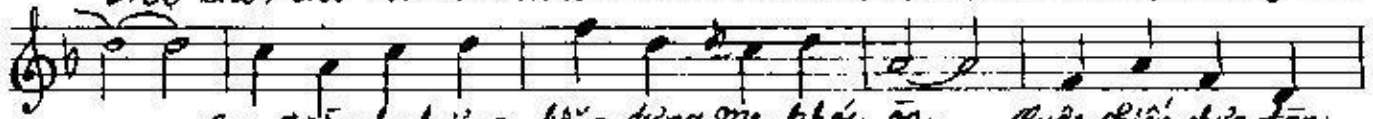
Thậm (Slow)  
Dm 8

# LỜI MẸ

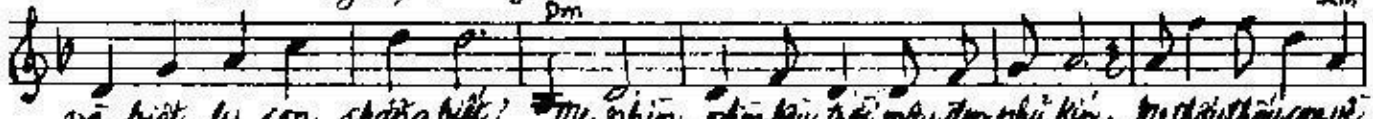
Lời thơ và nhạc Hoàng Giang Sơn



Mẹ chờ, chờ mỗi sớm ngày tàn cuộc chiến. Mẹ đợi, đợi con về mang chiến thắng về ta.  
Mẹ chờ, chờ mỗi sớm chiều hôm trước ánh. Mẹ đợi, đợi con về dấu phôi bom gần ta!



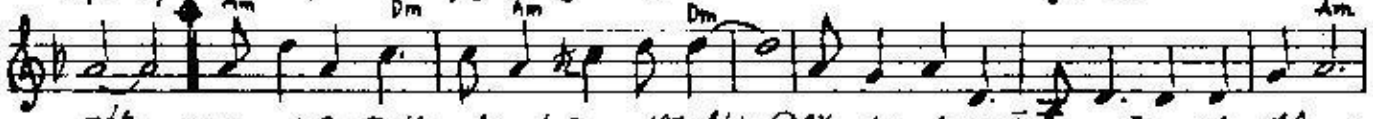
Con đường ly tưởng bằng dùng mẹ khóc òa. Quốc chiến chưa tàn  
Con đường tam dung bị hỏi nước non nhà. Mẹ mất con rồi



và biết lý con chẳng biết? Mẹ nhìn, nhìn bầu trời mây đen phủ kín. Mẹ thấy thấy con về  
và mẹ xa con vĩnh viễn! Mẹ nhìn, nhìn chân trời đêm cũng quỉ biển mặt thấy thấy bóng người



Trong gió mòng chim báo. Thì những giờ ô màu đỏ chót mắt thà. Non đên tối hiện đống hoang dã đỏ  
lộp lộp vấp thuyền con. Lòng gập gềnh tể, ngàn tể hồ cầm hờ. Dừa thoát ngục tù, đên chính danh là



xót  
tổ. Đứng núi Trường Sơn chim trời nay thời hát. Bỗng dùng mẹ chờ, mẹ chờ ngọt lịm thêm u.



Con hỏi con sao chưa xod hết hân thù? Non nước tang thương con một mũi liềm đỏ!



Lòng nước Cửu Long, chan lị sâu đau khô? Mẹ tiễn con đi trong núi nớ sau thường?



Diệp khúc lý hương với khúc hát đoàn trường. Mẹ vẫy tay chào với niềm tin chiến thắng.



Con hỏi con hãy nhớ ngày cay đắng, Con gồng lưng con tù tội hơn cầm. Trở về trước hiềm chán



đang dấn bước êm thắm. Vì Co Quốc, vì Độc Lập, vì Co Do tiến tới!



Mẹ vẫn mong và vẫn đợi ngày mới. Mẹ vẫn chờ, chờ khúc hát khải hoàn ca.



Đôi đêm đên bao phủ núi sông nhà. Đên chim lià tổ, trở về, về đất Mẹ...